



TRUYỆN CỔ NHẬT BẢN



TRUYỆN CỔ
NHẬT BẢN

Nguyên tác tiếng Pháp : CONTES JAPONAIS
Biên soạn : *GERTRUDE FRITSCH*
Nhà Xuất Bản : *GRÚND - PARIS*
Minh Họa : *JAROSLAV ŠERÝCH*
Biên Dịch : *VĂN HÒA*

Truyện cổ
NHẬT BẢN

NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Chuyện con lừng⁽¹⁾ và con cáo thách đồ nhau

Ngày xưa tại một hòn đảo xa xôi ở vùng Sadô (Sado) có một con lừng tên là ĐấngXaBuRô (Densabouro). Trong số những con thú sống ở đảo này, nó là một con vật được đánh giá cao, vì không những nó linh lợi oai nghiêm, mà còn rất khôn ngoan nữa. Thậm chí nó còn có tài biến hóa thành những thức gì mà nó thích, và nội trong lĩnh vực này thôi nó đã là kẻ vô địch rồi. ĐấngXaBuRô sống hạnh phúc trên đảo. Nó sống thoải mái với các thú mà không một ai trên vùng Xadô có được. Nhưng với thời gian, sống mãi cảnh này cũng đâm buồn, rồi một hôm nó tự nhủ: “Mình nổi tiếng rồi, không ai trên đảo này so với mình được cả, nhưng có thể vài nơi trên vương quốc này có kẻ còn tài giỏi hơn ta về một vài phương diện nào đó. Mình còn trẻ nên không được quên rằng cần phải học tập thêm nhiều nữa”.

Thế là nó quyết định đi chu du khắp nơi. Mà cho dù trên đời này không có gì mới mẻ để học hỏi thêm, thì ít ra nó cũng khám phá ra được cách sinh sống của nhiều người ở khắp nơi ra sao. Quyết định thế, cho nên chẳng bao lâu sau, người ta thấy chú lừng thân yêu đi ngao du khắp nước. Dĩ nhiên là nó nghe được nhiều chuyện hay ho lý thú, nhưng chuyện tìm được một bậc thầy mà mọi người nói đến thì nó vẫn chưa tìm ra.

(1) Con lừng: động vật có vú, đi trên gan bàn chân (như gấu), (dài 0 70 cm, nặng 20 Kg), ở hang, thường thấy trên các rừng Châu Âu

Một hôm, khi đi qua một khu rừng tối tăm và trong lúc đang phân vân không biết phải đi đường nào, thì bỗng nó gặp một con cáo. Cáo chào nó một cách lễ phép, kẻ này chào qua, kẻ kia chào lại, rồi sau đó, cáo hỏi chú lửng đi đâu, làm gì.

- Tôi là lửng ĐấngXaBuRô ở đảo XaĐô, tôi đi chẳng có mục đích gì rõ rệt, đi khắp nước Nhật để trau dồi thêm kiến thức thôi.

- Ô, thì ra chính anh là ông ĐấngXaBuRô, là lửng danh tiếng ở đảo XaĐô – Cáo hồ hởi reo lên. – Tôi đã nghe người ta nói đến anh rất nhiều.

Cáo nghiêng mình thật thấp hơn nữa.

Lửng rất há dạ, nó lại hỏi cáo đi đâu và làm gì.

- Tôi là cáo HăngXuBuRô ở tỉnh Oha (Eha), mục đích đi của tôi cũng như anh vậy thôi. Tại quê mình, tôi không tìm ra được người nào xứng đáng để học hỏi thêm, vì vậy mà tôi ra đi mong gặp được những bậc cao minh đồng chủng, hầu học tập thêm những điều mới lạ. Thật may mắn, lại tình cờ gặp được anh ở đây, quả là chuyện kỳ ngộ.

- Ô, ông HăngXuBuRô (Hansabouro) ở tỉnh Oha, lửng đáp, rồi cũng nghiêng mình thật thấp. – Ông nổi tiếng không những trong số bà con thân thích họ hàng của mình thôi, mà dân lửng chúng tôi cũng thường nhắc nhở đến tên ông một cách trân trọng. Trên bước đường ngao du, tôi thường nghe nhắc đến tên ông, cho nên bây giờ tôi cảm thấy rất sung sướng được quen biết ông.

Lửng và cáo chúc tụng nhau rất lịch sự một hồi, rồi trao đổi nhau nhiều vấn đề quan trọng, và cuối cùng thỏa thuận trở tài cho nhau xem. Có thể, cả hai mới được tận mắt chứng kiến tài năng của nhau, và xác nhận ai là bậc thầy vĩ đại được. Họ thỏa thuận với nhau rằng kẻ nào biến hóa ra cái gì mà kẻ kia không nhận ra, sẽ là người thắng cuộc. Chính kẻ đó là bậc thầy vĩ đại của toàn quốc.

- Anh có thấy cái chùa đằng xa ấy không? - Cáo hỏi lửng. - Chúng ta hãy đến đó nhé. Trên đường đến đó, chúng ta trở tài biến hóa để xem ai làm trội nhất.

Nhất trí xong, hai con vật chia tay. Cáo liền chạy đi, và một lát sau nó biến mất. Lửng xách bị chậm rãi đi sau. Một lát nó ra khỏi rừng, đi theo một con đường chạy qua ruộng lúa dẫn đến một ngôi làng. Nó chăm chú nhìn quanh, nhưng không thấy gì khả nghi.

- Chắc cáo đi thẳng đến chùa rồi. Ở đây luôn luôn có khách thập phương, hẳn dễ dàng lẫn tránh.

Bỗng nhiên lửng thấy bên vệ đường có bức tượng gỗ tạc thánh ĐìXô (Djiso). Ông thánh được tạc với tư thế ngồi thiền, hai chân chéo nhau, hai bàn tay để trên đầu gối, đầu cạo trọc, mắt nhắm từ nhìn ra cảnh vật phía trước. Lửng tự nhủ:



“ Chắc bức tượng này phải do một bậc thầy mới tạc được như thế. Lâu lắm rồi mình mới thấy một tác phẩm điêu khắc tinh vi, không có một vết gợn lẩn tẩn. Mình nên lấy ra một vắt cơm để cúng, xin thánh phù hộ cho mình đi đường được yên ổn”.

Lững mớ bị lấy ra một vắt cơm để dưới chân bức tượng thánh. Rồi nó kính cẩn nghiêng mình trước tượng, miệng lẩm bầm cầu nguyện. Nhưng nó kinh ngạc biết bao khi ngẩng đầu lên thì vắt cơm đã biến mất.

Nó kinh ngạc tự nhủ: “Lạ nhỉ. Thánh hưởng đồ cúng khi nào mà nhanh thế nhỉ? Chắc có lẽ gió đã thổi đồ cúng bay đi rồi”.

Nhưng tìm mãi vẫn không thấy, nó ngồi dưới đất khắp nơi quanh đấy, vắt cơm vẫn mất tiêu.

“ Có lẽ vắt cơm đã lẩn ở dưới cái hang nào rồi: nếu muốn thánh gia hộ cho, thì mình phải cúng thêm một vắt cơm nữa mới được”.

Nó lấy trong bị ra một vắt cơm nữa, để trên bệ ngay dưới chân thánh, rồi lại thành khẩn cầu nguyện, khi vừa ngẩng đầu lên, nó lại thấy vắt cơm thứ hai cũng biến mất.

“Kỳ lạ thật!”. Lững tự nhủ và vì muốn biết cho ra thực hư ra sao, đã là bậc thầy cao minh thì phải thế thôi – nó bèn lấy ra vắt thứ ba. Nhưng lần này nó chú ý đến vắt cơm.

Nó để vắt cơm trước mặt bức tượng, cúi đầu cầu nguyện. Nhưng nó chỉ giả vờ vậy thôi; nó giả vờ làm như kẻ đang chú tâm vào việc cầu nguyện nhưng mắt vẫn liếc vào bức tượng. Rồi thỉnh thoảng nó ngẩng đầu lên, đúng lúc bức tượng đang ăn vắt cơm. Con lững tấp vào tay tượng thánh, đồng thời, bức tượng biến thành con cáo.

- Ông hóa khéo đấy, thưa ông cáo, -con lững nói, và khâm phục. – Tôi đã mất ba vắt cơm, nhưng cuối cùng vì ham ăn mà ông đã bẻ đĩa.

Theo vụ này thì không thể phân được ai thắng ai thua. Mặc dù mới đầu thì con lững đã bị con cáo lừa được. Và lững đã mất mấy

vắt cơm mới nhận ra trò lừa bịp, thậm chí phải nhờ cáo ham ăn
lững mới khám phá ra được.

Sau đó, cáo nói:

- Ông ĐãngXaBuRô này, chuyện cái tượng chỉ là trò chơi trẻ
con đối với tôi. Tôi sẽ biểu diễn cho anh thấy một trò biến hóa khó
hơn thế này nhiều. Anh có thấy cái làng trước mặt chúng ta không.
Rồi nhé, bây giờ anh hãy chú ý đi, chúng ta sẽ thấy!

Nói xong, cáo biến mất. Lững đi về phía làng, và xa xa, nó thấy
có cái gì đang xảy ra, vì tất cả dân chúng đang vội vã đi về phía ấy.

- Chuyện gì thế nhỉ? Những người này đi đâu thế? Ta phải đến
xem mới được.

Lững theo dân làng, nhưng để khỏi bị người ta chú ý, nó hóa
thành một nhà sư đang đi.

Tất cả dân làng đều tụ tập dọc theo con đường dẫn đến chùa;
đúng là có chuyện gì quan trọng rồi đấy! Một đoàn đám cưới đang
đi! Cô dâu ngồi trên chiếc kiệu lộng lẫy phủ màn đỏ. Cha mẹ hai
bên đi theo mặc Kimônô bằng lụa móng màu đen đẹp rực rỡ, gia
huy thêu thật đẹp trên tay áo và ngực. Cả một đoàn gia nhân đi
theo sau kiệu, họ mang những tô đựng đồ cúng.

Mọi người đều có vẻ hớn hơ vui mừng, vì đã từ lâu trong làng
không có một cái đám cưới nào đẹp lộng lẫy như thế. Chắc có lẽ
đây là đám cưới của con nhà giàu, rất giàu đấy!

Ông ĐãngXaBuRô của chúng ta biến dạng thành nhà sư đang
chen lấn vào đám đông hiếu kỳ để xem. Bỗng có một chú tiểu kéo
tay áo nhà sư rồi kính cẩn nói:

- Chắc thầy mới từ xa đến đây, vì tôi chưa bao giờ thấy thầy ở
trong ngôi chùa này. Thầy có muốn vào chùa nghỉ ngơi một chút
không?

Chú tiểu dẫn vị sư giả mạo vào chùa.

Lúc đó, đám cưới cũng vừa đến trước chùa. Cô dâu bước xuống kiệu, và khi nàng bước qua cửa chùa, một vắt cơm dùng làm đồ cúng lán trước chân nàng. Cô dâu bèn nhanh nhẹn cúi xuống để lượm vắt cơm, và ngay khi nàng sắp sửa ngoạm lấy vắt cơm, thì vắt cơm vừa thớ hỏn hển vừa nói:

- Chính tôi đã thắng cuộc rồi nhé!

Ngay lúc đó cả đám cưới lẫn ông thầy tu đều biến mất: chỉ còn lại con cáo và con lửng đứng trước ngưỡng cửa chùa; cả hai vội chạy trốn ngay tức khắc, vì sợ dân trong làng biết chúng đã tạo ra cảnh đám cưới này, họ sẽ giết ngay. Khi đến tận bìa rừng cả hai mới dám dừng lại, mệt đến hựt hơi.

Sau khi đã nghỉ ngơi cho lại sức sau một đoạn đường phải chạy nhanh, con lửng nói:

- Nay ông HăngXaBuRô ơi, cái đám cưới này cũng không tệ lắm, nhưng ông đã không lượm được sức mình! Ông chỉ là con vật nhỏ nhoi thôi, mà lại muốn biến thành một cái đám cưới lớn với nhiều người như thế, nên ông đã mắc phải sai lầm trầm trọng. Chắc ông không chú ý đến số áo quần của những người gánh kiệu đi phía sau, áo quần của họ để thòi ra một khúc đuôi cáo. Chính vì thế mà ông đã lộ tẩy. Ngày mai, đến phiên tôi sẽ biểu diễn pháp thuật cho ông xem. Tôi chọn nơi thi thố tài năng là ngôi chùa nằm giữa hai cái làng xa nhất, vì dân chúng của các làng lân cận đây đều biết chúng ta rồi, họ không để cho chúng ta yên thân đâu. Ngày mai hãy đến con đường dẫn đến ngôi chùa làng đã được chỉ định ấy, ông sẽ thấy tôi làm một đám rước nhà vua, một đám rước chưa bao giờ ông thấy được, hãy chú ý nhìn nhé; tôi cam đoan là ông sẽ không nhận ra tôi đâu!

HăngXaBuRô thật khó mà tin nổi con lửng này. Làm một đám rước nhà vua! Biến thành một đám người nho nhỏ, thì còn được, nhưng biến thành một đám rước nhà vua ư? Con lửng không biết một đám rước như thế này phải tạo ra biết bao nhiêu người không?

Được rồi, đồng ý là lưng có to xác hơn cáo một chút đấy. Nhưng biến thành một đám rước nhà vua được ư? Không được đâu, đây là một việc làm quá sức!

Con lưng khinh khỉnh đưa tay làm dấu bác bỏ hết những nhận định ấy, nói:

- Ngày mai ông cứ đến nơi qui định rồi sẽ thấy!

Suốt cả buổi chiều con cáo cứ suy nghĩ mãi chuyện này. Mặc dù không tin nổi con lưng, nhưng nó vẫn lo sợ. Cuối cùng nó tự nhủ: “Một đám rước nhà vua sẽ rất dài và con lưng không thể đến từ xa được trong tình trạng biến hóa. Cho nên nó sẽ đến đây và hóa phép tại chỗ. Nếu đến đúng giờ, thế nào mình cũng biết được nó hóa ra cái gì”.

Đêm đó cáo ngủ ít, vì sợ ngày mai sẽ dậy trưa. Khi mặt trời mọc, cáo đã ở trên con đường dẫn đến ngôi chùa, nằm giữa hai làng xa nhất. Nó nấp trong một bụi rậm và căng mắt nhìn quanh để thấy con lưng tới. Nhưng mặt trời lên cao đã lâu, chim chóc ca hát, thỉnh thoảng những bác nông dân mang giỏ trên lưng đi qua, nhưng nó vẫn không thấy con lưng đâu hết. Trưa đến, mặt trời nóng rực, chim chóc thôi hót đã lâu, và tất cả thú vật đều đi tìm chỗ im mát để ẩn náu, bỗng thỉnh thoảng có tiếng chân ngựa từ xa vang lại. Rồi từ đằng xa, cáo thấy một đám rước xuất hiện, uy nghi, đến gần chỗ nó đang ẩn núp.

“Con lưng đấy phải không?” – Con cáo tự hỏi, ngần ngừ vì khó tin. “Nó dám đi trên một đoạn đường dài dưới mặt trời nóng ư? Mà lại đi trong tình trạng biến hóa thành một đám rước khó khăn như thế này ư?”

Cáo liền biến thành một nông dân để có thể quan sát cảnh tượng được dễ dàng. Đúng là một đám rước tuyệt đẹp và hùng tráng. Nhiều gia nhân đi trước để dọn đường, rồi sau đó là bốn con ngựa giống rất đẹp, trên lưng là bốn võ sĩ uy nghiêm, vũ khí trang bị đầy người, mặt mày nghiêm trang bất động.

Cáo nghĩ bụng: “Chắc đây là một ông vua và đoàn tùy tùng thật. Một cảnh tượng hùng tráng tuyệt đẹp như thế này làm sao mà con lũng biến hóa cho được!”

Cảnh tượng đã gây cho cáo một ấn tượng thật sâu sắc đến nỗi nó cúi rạp người như thế nó là một nông dân thực sự đứng bên đường tránh chỗ cho nhà vua đi quá. Nó đứng yên như trời trồng để nhìn đoàn diễu hành đi đến gần.

Liền sau đó, chiếc kiệu sơn mài đi qua, nhà vua đang ngồi dựa trên chiếc kiệu êm ái. Những người gánh kiệu đi một cách thận trọng để khỏi làm cho nhà vua giao động. Đi theo sau kiệu lại có bốn võ sĩ, khí giới đầy đủ, theo sau họ là đoàn tùy tùng đi theo hàng ngũ chỉnh tề, sát vào nhau. Toàn là quan võ oai phong lẫm liệt, mỗi người đều đeo hai kiếm. Nói tóm lại, đây là đám rước rất oai phong, đầy ấn tượng, đến nỗi chú cáo không dám thờ. Đầu cúi xuống thật thấp, chú đợi cho người võ sĩ cuối cùng đi qua.

Bỗng đám rước biến mất. Trước mặt cáo là ĐấngXaBuRô, hấn cười ngạo nói với cáo:

- Ông cáo à, ông có thể phũ bụi được rồi! Tại sao ông lại quá kính cẩn như thế trước mặt con lũng bình thường như tôi thế?

Con cáo bàng hoàng, tức giận vì bị con lũng lường gạt được. Thế nhưng con lũng đã nói trước cho nó là sẽ biến hóa ra cái gì rồi kia mà. Thật nhục nhã!

Quá giận dữ, cáo thách lũng:

- Nay ông ĐấngXaBuRô, rồi ông sẽ thấy. Tôi sẽ chứng tỏ là không thua sút gì ông đâu. Nếu ngày mai ông đến cùng chỗ này, ông sẽ thấy một đám rước vua đẹp hơn thế này nữa. Ông sẽ nhớ cả đời về pháp thuật của HấngXaBuRô này!

Ngày hôm sau, con lũng dậy thật sớm, nó đi đến chỗ đã qui định, leo lên cây để đợi đám rước. Nó tin rằng con cáo sẽ cố gắng hết mình để làm cho được một đám rước nhà vua nho nhỏ, nhưng

thế nào cũng sai sót. Có lẽ sẽ dễ dàng tìm thấy chỗ sơ hở này của cáo cho nên nó bình tĩnh chờ đợi. Đến khi nó nghe có tiếng chân ngựa vang lên từ xa vọng lại. Nhưng tuy từ xa, nó đã cảm thấy đám rước này không phải nhỏ. Trước đám rước là gia nhân đi dọn đường, rồi đến những võ sĩ oai phong lẫm liệt, gồm cả thầy mười sáu người, tất cả cưỡi những con ngựa giống thật đẹp và đi theo từng cặp. Họ mang chiếc kiệu sơn vàng, màn bằng lụa thêu; trong kiệu nhà vua ngồi dựa vào những chiếc nệm mềm thật êm ái. Đằng sau kiệu là mười sáu võ sĩ nữa, họ cưỡi những con ngựa con thật đẹp, theo sau là một đoàn võ sĩ, mỗi người đều mang hai thanh gươm báu.

“ Đây là tác phẩm của con cáo ư? Mình phải xem xét cho kỹ mới được.” – Con lửng tự nhủ, và trước khi đoàn người đến ngang tầm của mình, lửng liền biến hóa thành một võ sĩ và đến đứng một bên vệ đường, thái độ rất kính cẩn. Nó đứng cúi đầu xuống, nhưng vẫn để mắt quan sát trò pháp thuật này. Khi đoàn tùy tùng của nhà vua đến trước mắt, nó cười rồi chạy theo sau chiếc kiệu của nhà vua. Đến kiệu, nó vén màn lụa phủ kín kiệu ra rồi nói:

- Thưa ông cáo, công việc như thế này quả đã vượt quá sức của ông rồi, cho dù đám rước của ông không tệ đi nữa, thì người võ sĩ sau cùng của ông đã thòi cái đuôi dưới áo choàng của hắn ta rồi.

Cái gì xảy ra lạ thế này! Nhà vua giận tím mặt, và tất cả võ sĩ đều tuốt gươm nhẩy vào nó. Nếu chú lửng không nhanh nhẹn biến lại thành lửng để dễ bề chui dưới chân họ trốn thoát, thì chắc nó đã bị các võ sĩ giết chết rồi.

Vì cáo tin chắc mình không thể làm được một đám rước như thế, nên cáo ta bèn biến cái mũi kiếm thò ra dưới áo choàng của người võ sĩ trông giống như cái đuôi. Vì đám cưỡi này quả là đám rước nhà vua thật. Hôm qua, trong khi cáo chờ lửng quá lâu, nó đã nghe các nông dân nói chuyện với nhau rằng ngày hôm sau sẽ có một buổi lễ lớn ở chùa làng, và nhà vua sẽ đến tham dự buổi lễ này. Cáo tức giận vì đã thất bại, nó muốn trả thù con lửng, cho nên đã giăng ra một cái bẫy để lừa chú lửng thơ ngây.

Khi lửng chạy vào đến rừng rồi, nó mới hét lên cho hả giận, vì vừa trở thành nạn nhân của một trò lừa bịp đáng phi nhỏ như thế này. May thay là chú cáo đã trốn biệt đâu mất, chứ nếu hai con mà gặp lại nhau, thì chắc là chúng sẽ không còn có được cái hòa khí thanh hữu như ban đầu.

Mấy ngày sau, khi các vết thương trên người lửng đã lành lặn rồi, nó bèn quay về đảo XaĐô, vì con cáo đã làm cho lửng hoàn toàn mất hết hứng thú đi ngao du. Như để trừng trị mưu chước ác độc của HăngXaBuRô, lửng trục xuất hết cáo ra khỏi đảo. Và đấy là lý do tại sao mà bạn không tìm ra được con cáo nào trên đảo XaĐô, ngay cả khi bạn dùng kính lúp để tìm đi nữa.

Những cuộn kinh linh ứng

Này xưa, một nông dân nghèo có đến sáu người con. Mảnh ruộng nhỏ nhoi của gia đình, mà sau này sẽ về tay người con cả TaRô(TaRô), thật khó mà nuôi nổi cả một gia đình đông đúc. Cha mẹ bèn quyết định cho đứa con thứ hai đi tu, cậu ta là DiRô (Djiro), mười tuổi. Dù cậu ta không thích đi nữa, thì gia đình cũng bớt đi một miếng ăn. Họ biết nhà sư trụ trì tại một ngôi chùa nhỏ nằm ở ngoài ngôi làng bên cạnh, nhà sư này bằng lòng nhận DiRô vào tu học với mình.

Ngôi chùa nhỏ, nghèo nhất trong vùng, và nhà sư khá kính ở đây sống không được sung túc gì lắm. Thế nhưng ông muốn giúp bố mẹ của DiRô, mặt khác, ông ta cũng đã già rồi, ông cần có người giúp đỡ việc lật vật trong chùa, đó là chưa kể ông phải nghĩ đến việc tìm người thay ông để trụ trì ngôi chùa này.

Thế là một hôm, chú bé DiRô cạo đầu, mặc áo chùng đen, vào chùa làm môn sinh.

Ngôi nhà nhỏ xây bằng gỗ nằm tách ra khỏi làng một chút, gần cái hồ ở bìa rừng, muốn đến chùa, phải đi trên một con đường băng qua ruộng lúa chạy theo các đường đê trong ruộng. Ngôi chùa xưa cũ, mưa gió thường xuyên đã làm bạc màu các bức vách và gần như xóa hết hàng chữ trên cổng. DiRô rất thích cảnh chùa, nhưng hấp dẫn chú ta nhất là cánh rừng. Hễ rảnh việc được giây phút nào là chú chạy vào rừng, hái hoa thơm hay nằm lăn trên cỏ, nhàn nhã đưa mắt nhìn trời qua đám cành cây rậm lá.

Vị sư khá kính là người rất mầu mịch, ông không bắt DiRô phải làm việc nhiều. Công việc của chú là đi lượm củi, xách nước, lau quét chùa, lau bụi bậm các tượng gỗ trong thánh thất và lau kính điện trong thư phòng, rồi thỉnh thoảng giúp việc dưới bếp. Việc nghiêm trọng nhất là học tập. Không những DiRô thấy việc tập đọc tập viết là khô khan mà việc học nhớ kinh điển cũng thật khó hiểu, mặc dù chú đã có thiện tâm, là điều rất khó cho chú, mà chú lại còn không thích việc học hành. Khi nhà sư giảng kinh hay muốn chú học thuộc kinh, thì chú không chịu nghe, nhưng khi ngồi học một mình, chú lại thích chạy vào rừng.

Nhà sư đã khuyên giải, la mắng, nhưng chẳng ăn thua gì. Cứ cầm cuốn kinh lên tay là DiRô lại nhìn cây cối ở bên ngoài, cây cối như gọi chú ra, chú cảm thấy cây cối như tỏa mùi thơm quyến rũ, chú lắng nghe chim chóc ca hát. Thế là đi đời việc học, chỉ đợi lúc thuận tiện là chú chuồn ra ngoài ngay.



Cả một mùa hè trôi qua như thế, nhà sư mất hết kiên nhẫn. Nhiều lần DiRô để quyển kinh trên cỏ, rồi thay vì học, chú chạy vào rừng.

Nhà sư chán nản thấy rằng không bao giờ DiRô thuộc nổi một câu kinh, cho nên nhân ngày đại lễ “cầu phúc” sắp đến, ông gọi chú bé lại và nói:

- Này con, ta rất buồn phải nói cho con rõ điều này: chắc con sẽ không trở thành nhà sư tốt được đâu. Vì một nhà sư mà không biết lễ nghĩa và không thuộc kinh điển thì không ra gì hết, không giúp gì được cho người đời hết, mà chỉ là gánh nặng cho đạo hữu thôi. Nên ta định trả con về lại cho cha mẹ con, mặc dù làm thế ta rất đau lòng. Vậy con hãy trở về với gia đình đi, kéo mất thì giờ.

Quyết định của nhà sư như sét đánh ngang tai DiRô, chú ta chảy nước mắt. Nếu không có việc học chán ngấy này, thì chắc chú rất muốn trở thành tu sĩ.

Nhà sư thấy chú bé bị xúc động mạnh cũng thương tình. Ông bèn lấy trong cái rương sơn mài ra bốn cuộn giấy, đưa cho DiRô và nói:

- Ta không biết làm gì được cho con, nhưng để con hiểu là ta không giận, ta cho con bốn cuộn giấy này. Trên mỗi cuộn có vẽ hình ngôi chùa này và một đoạn kinh. Đây là lời Phật dạy, những cuộn kinh sẽ giúp con khi lo buồn thất vọng. Hãy giữ những cuộn kinh này, và bây giờ thì con hãy đi đi.

DiRô không dám cãi lời nhà sư. Chú lấy bốn cuộn kinh bỏ vào dưới áo choàng, cúi người cảm ơn nhà sư, rồi nước mắt đầm đề, chú bước ra cửa, lấy đôi dép rơm đi về.

Lòng quá giao động, DiRô nghĩ: “Cha mẹ sẽ nói gì khi thỉnh linh thấy mình quay về như thế này nhỉ?” – nghĩ thế, nước mắt chú lại tuôn ra như mưa.

Nhưng, vừa đi được vài bước, nghe tiếng lá cây xào xạc, ngửi thấy mùi thơm ngào ngạt của hoa rừng, chú lại quên hết sầu muộn trong lòng. Rồi, thay vì đi về nhà, chú chạy vào rừng thân yêu. Vì bây giờ chú có vô số thì giờ để chơi, được mặc sức vào sâu trong rừng, đến những nơi mà trước đây chú chưa bao giờ để chân tới.

DiRô đuổi bướm thơm, rồi nấp sau bụi cây để nhìn một con thằn lằn nằm phơi nắng trên tảng đá, chú lắng tai nghe tiếng chim hót trên cành. Khi cảm thấy đã đến lúc phải tìm đường ra khỏi rừng, vì chú nghĩ chắc trời sắp trưa, thì bỗng nhiên trời tối sầm một cách thật lạ lùng, như thể sắp có giông bão vậy. Tất cả mọi âm thanh quanh chú đột nhiên im lặng hết, sự thay đổi đột ngột này làm cho chú run sợ.

Chú nhìn quanh và khó khăn lắm mới nhận ra được một khoảng trống trong rừng. Chú tự nhủ:

Chắc trời đã tối rồi? Ôi, ước gì ta gặp được người nào ở đằng kia

Bỗng chú thấy ở bên kia khoảng trống có một bà già nhỏ nhắn, bà ta đang khập khiễng đi về phía chú. Chắc là bà đã già lắm rồi vì lưng bà khòm quá thấp. Trên đầu, bà đội cái mũ vải rộng, cái váy vá chằng vá đụp, quanh lưng thắt sợi dây lưng nhỏ xíu.

Bà già nhìn chú, toét miệng cười, hai hàm răng sún hết, bà nói:

- Gặp được cháu ở đây thật may cho ta quá! Trông cái đầu trọc và cái áo chùng đen cháu mặc, ta biết ngay cháu là một chú tiểu. Trước sau gì rồi cháu cũng thành nhà sư. Ta thì già rồi, chân cẳng yếu, chắc không đi nổi ra tận chùa của nhà sư khả kính ở ngoài làng được. Hôm nay là ngày giỗ đầu của chồng ta, ta muốn nhờ nhà sư khả kính tụng kinh cầu nguyện cho vong linh ông ấy được siêu thoát. Nhưng bây giờ gặp được cháu ở đây, ta nhờ cháu đến tụng kinh cầu nguyện cho vong linh của ông ấy trước bàn thờ tại nhà ta. Chắc cháu không từ chối lời yêu cầu của một bà già khốn khổ như ta chứ.



DiRô phân vân không biết xử sự ra sao. Chú rất sung sướng thoát khỏi cảnh một mình trơ trọi trong rừng âm u tối tăm như thế này. Nhưng còn việc tụng kinh cầu nguyện thì sao? Chú có nên thưa thật là mình không biết tụng kinh cầu nguyện không? Không thể nói cho bà già hay là chú không biết tụng kinh. Vì nếu có thú thật thì chắc bà ta sẽ nghĩ là chú thoái thác thôi. Cho nên chú bằng lòng chấp nhận đi theo bà qua khoảng trống trong rừng, đến một cái chòi nhỏ, mà lạ lùng thay là mới trước đây, chú không thấy gì cả. Cái chòi rất nhỏ đến nỗi hai người đi vào là đã thấy chật rồi. Chú thấy trong một góc nhà, có tấm ván đóng vào vách dùng làm bàn thờ, và trong góc kia là bếp lửa của chủ nhà. DiRô quỳ xuống trước bàn thờ, chú nhớ lại tất cả những gì chú còn nhớ trong các buổi lễ cầu nguyện trước đây ở chùa. Chú tụng kinh cầu nguyện cho vong hồn của người chết, rồi khố khăn lẩm chú mới tụng kinh được, chữ được chữ mất. Chú toát mồ hôi hột và mặt mày đỏ gay, nhưng bà già thì lại lắng tai nghe rất chăm chú. Trông bà có vẻ rất hài lòng về buổi cầu nguyện này.

Khi DiRô tụng kinh cầu nguyện xong, bà già cúi đầu, nói:

- Cậu thật tốt. Tôi thành thật cảm ơn cậu. Chắc ông chồng của tôi rất mãn nguyện vì cảm thấy không bị quên lãng. Nhưng bây giờ thì trời đã tối mà đường về làng thì xa, cậu sẽ dễ bị lạc lấm. Hãy ngủ lại đêm ở đây đi. Tôi chẳng có gì để mời cậu ngoài cháo lúa mạch, nhưng tôi nghĩ cậu sẽ thích cho mà xem.

DiRô quá đói cho nên chú ăn cháo lúa mạch thấy ngon thật. Ăn xong bà già dọn chỗ ngủ trên nền nhà- chỗ ngủ vừa đủ cho hai người- DiRô vừa nằm xuống là ngủ liền. Nhưng chú ngủ không ngon giấc, có lẽ vì chú ăn cháo quá nhiều, cũng có lẽ vì cái chòi thiếu không khí, cho nên dù cố gắng, nhưng chú cứ trăn qua trở lại hoài, thức lại ngủ, ngủ rồi lại thức, cho đến khi bỗng thình lình chú hoàn toàn tỉnh giấc. Chú quay người, bàn tay chạm phải chân một con thú. Rõ ràng là chú chạm phải đám lông và những cái

vuốt. Nhờ ánh sáng lờ mờ của bếp lửa chiều ra, chú thấy rõ cái chân, đúng là cái chân của bà già

DiRô sợ đến nổi tê liệt cả người, vì chú nghĩ chắc bà già không phải là người, mà có lẽ là một con cáo hay một con lửng đã tìm cách kéo chú vào hang để ăn thịt. Chú nghĩ phải tìm cách trốn thoát cho nhanh thôi. Chú cẩn thận, từ từ ngồi dậy. Nhưng khi chú định bước qua người bà già, bỗng bà thức dậy hỏi chú:

- Nay cháu, cháu đi đâu trong đêm tối thế này?

- Thưa bà, cháu cần ra ngoài, -DiRô đáp, giọng rất tỉnh táo

- Ngoài trời tối tăm. Cháu dễ bị lạc hay rơi xuống vực sâu, mà quanh nhà thì có rất nhiều vực. Để ta cột cháu vào sợi dây cho cháu khỏi lạc.

- Bà già cột một sợi dây vào người DiRô rồi để chú ra ngoài. Khi DiRô vừa ra ngoài khoảng trống, bà già liền kéo sợi dây và nói lớn:

- Cháu đừng ở lâu nhé!

- Dạ, dạ, cháu sẽ vào ngay, -DiRô đáp, vừa lo sợ nghĩ đến cách đề đối phó với tình huống này. Bỗng chú nhớ đến những cuộn kinh mà nhà sư đã cho. Có lẽ những cuộn kinh này có thể giúp chú thoát khỏi cảnh nguy hiểm trước mắt.

-Trong lúc đó bà già lại kéo sợi dây và gọi chú.

- Cháu vào đây, thưa bà, -DiRô đáp, vừa lần mở sợi dây ra và buộc sợi dây vào một cuộn kinh, rồi ba chân bốn cẳng chạy.

- Chú chạy chưa xa thì bà già lại kéo sợi dây và gọi tiếp. Huyền diệu làm sao, cuộn kinh có sức nặng trì lại, như thế chính DiRô đang bị buộc vào sợi dây, và bắt chước giọng chú trả lời: “Cháu vào đây, thưa bà!” -DiRô mừng thầm, chú chạy tiếp

Cứ mỗi lần bà già giật sợi dây thì lại nghe DiRô đáp: “Cháu vào đây, thưa bà!”, nghe mãi một hồi lâu mà vẫn không thấy chú bé vào, bà già nổi giận. Bà bèn ngồi dậy ra xem thử chú bé làm gì ở ngoài mà lâu thế.

Khi thấy chú bé đã biến mất, bà già tức giận dẫm nát cuộn giấy, rồi đánh hơi dưới đất để xem chú đi hướng nào. Tìm được phương hướng rồi, bà ta liền đuổi theo chú bé, bà ta chạy rất nhanh như luồng gió thổi mạnh qua rừng.

Trong đêm tối, DiRô chạy chưa được bao xa thì bỗng chú nghe phía sau có tiếng thở và tiếng gầm gừ thật ghê rợn. Chú quay lại, và hoảng hồn gần muốn xỉu. Phía sau chú, không phải là bà già đi khập khiễng, mà là mục quỷ dạ xoa (YaMamba), mục quỷ ác độc khét tiếng trong rừng. Lỗ mũi với hai cái hốc to khủng khiếp, hai con mắt đầy gân máu nẩy lửa long sòng sọc như hai ngọn đèn, còn cái mõm thì rất ghê gớm, cái lưỡi dài thê ra ngoài, đỏ rực dài đến tận thắt lưng, mái tóc xám bay phất phơ trong gió như cái bờm ngựa. Hai cánh tay xương xẩu dài thông, móng vuốt trông rất ghê tởm, còn hai bàn chân đầy lông lá, như DiRô đã thấy ở trong lều, nện xuống đất thành thịch. DiRô chạy một bước thì quỷ dạ xoa đã nhảy hai bước khổng lồ, cho nên chẳng mấy chốc mà quỷ đến gần chú bé, nó vươn hai bàn tay đầy vuốt nhọn ra. DiRô quá sợ, bèn lấy cuộn kinh thứ hai và ném xuống dưới chân dạ xoa.

Lập tức một con sông hiện ra giữa DiRô và Dạ xoa, dòng sông nổi sóng cuộn cuộn ngăn đôi họ ra. DiRô thở phào, thừa cơ hội này, vội vàng chạy ra khỏi rừng, và trời cũng bắt đầu sáng, chú tiếp tục chạy vào con đường bằng qua ruộng lúa.

Khi Dạ xoa thấy mình bị dòng sông dậy sóng ngăn lại bên này, bên kia bờ DiRô đang cố sức chạy, mục ta bèn hét lên một cách giận dữ và giậm chân xuống đất thành thịch. Nhưng rồi mục ta bình tĩnh lại ngay, mục xắn cao hai tay áo, cúi người xuống thò mõm uống nước sông. Nước chảy ừng ực vào bụng mục ta và mực nước sông cạn dần. Một lát sau, DiRô quay nhìn lui, chú thấy nước sông cạn đến một nửa; rồi một lát sau, chú nhìn lại đã thấy dòng sông bây giờ chỉ còn là một rãnh nước, và sau đó, nước trong rãnh cũng biến mất vào trong bụng Dạ xoa.

Mụ ta lại đuổi tiếp, nhưng đã chạy chậm hơn, vì người mụ ướt mềm lại phải đưa hai tay ôm lấy cái bụng đầy nước mà chạy. Rồi Dạ soa chạy nhanh dần lên vì nước trào ra khỏi mõm mụ ào ào. Nhưng cho dù mụ có chạy chậm hơn trước, so với DiRô, mụ ta cũng chạy nhanh hơn chú nhiều, và chú chạy càng lúc càng chậm hơn.

Chú chạy rẽ qua rẽ lại trên ruộng lúa, để Dạ xoa phải dừng một chút khi rẽ theo, vì cái bụng của mụ đầy nước nên cho quay qua trở về để đổi hướng hơi khó khăn. Nhưng chiến thuật này cũng không mang lại kết quả tốt cho DiRô, vì cuối cùng chú cũng nghe tiếng thở hổn hển và tiếng gầm gừ của quỷ Dạ xoa gần sau lưng. Lập tức chú lấy cuộn kinh thứ ba và ném ra sau lưng mình. Lập tức, ngay chỗ ấy hiện ra một cái hố lửa. Lửa nhảy nhót, bập bùng, dâng cao lên, chặn mụ quỷ Dạ xoa lại.

DiRô thở phào nhẹ nhõm, cố chạy nhanh hơn, vì chú đã thấy xa xa thấp thoáng những mái nhà của ngôi làng rồi. Chú ráng sức mà chạy, nhưng khi lên đến đỉnh một ngọn đồi, chú nghe phía sau có tiếng khả nghi quá. Chú bèn quay lại nhìn và thấy một đám hơi nước như mây trút xuống hố lửa rồi lửa tắt dần. Mụ Dạ xoa đứng gần bên lò lửa, ép mạnh tay vào bụng. Tức thì từ hai hốc mũi phun ra hai vòi nước, và từ miệng phun ra một thác nước nữa, nước làm lửa tắt dần dần cho đến hết.

DiRô không chờ xem lửa tắt hết, chú chạy nhanh xuống đồi. Thế nhưng, chẳng mấy chốc con quỷ Dạ xoa lại đến kịp phía sau chú, nó toát mồ hôi và đen thui vì khói. Mụ dương móng vuốt ra, chưa kịp thộp lấy chú thì chú vội lấy ra cuộn kinh cuối cùng và ném ra phía sau.

Cuộn kinh vừa chạm đất, tức thì một luồng sáng màu bạc lóe lên, rồi trước mặt mụ hiện ra một núi gươm, lưỡi gươm nào cũng sáng loáng.

“Chương ngại như thế này thì đổ ai vượt qua, ngay cả quỷ Dạ xoa cũng chịu thôi”, DiRô tự nói với mình, nhưng để đảm bảo hơn,

chú vẫn không chậm bước, và sau đó chú thấy không xa trước mặt là ngôi chùa nhỏ màu xám nằm bên hồ, hiện ra lơ mờ trong làn sương sớm. Chạy được nửa đoạn đường từ chỗ có núi gươm đến chùa, thì bỗng chú lại nghe phía sau có tiếng kêu lách kích rất rùng rợn, hòa theo tiếng kêu ấy là tiếng gầm gừ, la hét. Mụ dạ xoa quyết ăn tươi nuốt sống chú bé cho được, nên mụ không ngại tấn công luôn cả ngọn núi gươm. Mụ nắm những thanh gươm, bẻ gãy, nhỏ lên vút đi như nhổ cỏ. Nhiều lần mụ đứt tay rách thịt, nhưng cuối cùng mụ cũng dọn được một con đường bằng qua núi.

Trong khi đó, DiRô đã đến được bên ngôi chùa mà chú đã từ già hôm qua. Ngôi chùa đang im lìm say ngủ, chú đâm thình thịch vào cửa chùa nơi có vị sư già đang ở. Nhưng vị sư già hình như đang ngủ say, vì chẳng có động tĩnh gì hết. Trái lại, chú nghe xa xa phía sau có tiếng thở hồng hộc và tiếng gầm gừ của con quỷ dạ xoa.

DiRô cố sức đâm mạnh vào cửa chùa và la lớn.

- Thầy ơi, thầy khả kính ơi.

Cuối cùng chú nghe bên trong có tiếng động dậy rồi có tiếng ngái ngủ hỏi vọng ra.

- Cái gì thế?

- Thầy khả kính ơi, thầy, thầy cho con vào với! – DiRô kêu cứu, vừa quay mắt nhìn lui. Trong làn sương mai đang tan dần, quỷ Dạ xoa đang dữ dần đến gần, áo quần xơ xác, tóc tai cháy xém, nhưng cặp mắt đỏ như lửa vẫn rùng rợn và cái lưỡi khổng lồ thềm thườn vẫn đỏ rực trông rất gớm ghiếc.

Chú nghe nhà sư bên trong ngáp rồi trả lời:

- Con đấy hả, DiRô? Con muốn gì? Không phải hôm qua ta đã cho con về nhà rồi kia mà? Con biết rõ là không thể trở thành sư được kia mà.

- Con van thầy, xin thầy tha thứ, mở cửa cho con vào gấp, quỷ

dạ xoa đuổi theo đến gần con rồi. – DiRô đáp to, chú quá sợ, sắp mất hết cả tinh thần.

- Ân nói gì mà ngốc thế! Quỷ dạ xoa xuất hiện ở vùng phụ cận khi nào? Hãy ngoan mà về nhà đi, ta không cần con đâu!

- Thưa thầy, thưa thầy khải kính! Quỷ đã đến gần rồi, mau lên, cho con vào với! – DiRô van nài, chú đứng đón người vào cửa vì cặp mắt đỏ như lửa của dạ xoa đã sáng rực trên bờ hồ rồi, các móng vuốt sắc nhọn trên chân nó va vào đá sỏi trong sân chùa nghe lách kích thật rùng rợn.

Lời cầu xin khẩn thiết của chú bé đã làm cho nhà sư đổi ý, và ngay khi con quỷ sắp sửa vỗ lấy DiRô, thì nhà sư đẩy chốt cửa mở ra. DiRô nhào vào qua ngưỡng cửa, cái lưới dài của quỷ dạ xoa thè theo chú, con quỷ quyết không để cho bất cứ con mồi nào thoát khỏi tay nó. Nhưng nhà sư đã đóng sập cửa lại. Một tiếng thét vang lên thất thanh trong không trung, và quỷ dạ xoa biến mất.

Tất cả đều như trước. Mặt trời từ từ lên cao, ánh nắng chiếu tràn ngập căn phòng, nhà sư khải kính vuốt ve đầu DiRô, ông nói với chú rằng ông muốn thử thách DiRô thêm lần nữa. Và không bao giờ ông ân hận vì quyết định này. Kể từ hôm ấy, DiRô trở nên cần mẫn, không ai có thể dẫn chú vào rừng được, ngay cả hương thơm ngào ngạt nhất của rừng cũng không lôi cuốn được chú.

Ba triệu, ba trăm ba mươi ba ngàn, ba trăm ba mươi ba quả sồi

N gày xưa trong ngôi làng nọ, một người cha có ba đứa con. Người con cả và người con thứ rất siêng năng cần mẫn, luôn tay luôn chân, không bao giờ nghỉ ngơi một phút. Cho nên dân làng rất khen ngợi hai người. Họ tuyên bố rằng, rồi đây hai cậu sẽ trở thành những nông dân gương mẫu, giàu có. Trái lại, người em thứ ba là DinRôKu thì rất khác. Khác không phải anh nhác nhỡm hay tính tình xấu, mà khác ở chỗ là anh rất thích nghe những chuyện hấp dẫn, và vì thế anh để hết tâm trí vào việc nghe kể chuyện, đến nỗi quên cả công việc phải làm. Tai hại nhất là khi có một nhóm kể chuyện rong xuất hiện ở trong làng. Thế là anh moi hết đồng xu cuối cùng trong nhà để mua một chỗ ngồi nghe, và khi thiếu tiền, anh bán ngay những thứ gì có trong tay. Cha anh cảm đoán mấy cũng vô ích; DinRôKu thường trốn khỏi nhà, chạy ra bờ sông cạn nước, nơi những nghệ sĩ cắm lều để diễn.

Khi đã có chỗ ngồi xem rồi, anh chú ý theo dõi tất cả những gì diễn ra trên sân khấu, chăm chú đến độ quên cả thở. Khi về nhà, anh cứ trầm trồ khen mãi, dù cha có khiển trách và các anh chế nhạo, anh vẫn bình tĩnh đáp:

- Giá mà cha và các anh biết được câu chuyện họ vừa kể hấp dẫn biết bao nhiêu! Để con kể lại cho cả nhà nghe. Nhưng tiếc thay là con không thể kể lại hay như người kể trên sân khấu được. – Nói xong, anh bình tĩnh cười, bất cần đến việc mọi người đã tức giận anh như thế nào.

Người cha thường tự hỏi: “Không biết tương lai cái thằng DinRôKu này rồi sẽ ra sao. Nó hảo tâm đấy, có cái gì cũng cho, chỉ để nghe một câu chuyện hay, thậm chí có thể cho luôn cả cái áo cuối cùng”.

Năm tháng trôi qua, người cha già đi, một hôm ông gọi cả ba con lại rồi nói:

- Các con thân yêu, bây giờ các con khôn lớn rồi, đã đến tuổi phải nhìn xem thiên hạ cho biết, trước khi ổn định để thân tự lập thân. Hãy suy nghĩ xem, các con muốn đi đâu và tìm cho mình con đường mà mình cho là tốt nhất. Cha không có nhiều, nhưng ta sẽ chia đồng đều cho các con số tiền dành dụm được lâu nay, để các con có vốn bắt đầu sự nghiệp ở đời. Ta chúc các con gặp được nhiều may mắn trên đường tham quan thế sự, và trở về nhà với ta được bình an hạnh phúc.

Nói xong, ông chia cho ba người con mỗi người ba Ê quy (đồng tiền xưa bằng bạc), rồi để cho họ ra đi. Ba anh em sửa soạn hành lý, mang giày chắt chắt rồi lên đường. Họ vui vẻ ra đi dưới bầu trời đẹp cho đến một ngã tư đường. Đến đây, người anh cả nói:

- Này các em, vì trước sau gì chúng ta cũng phải chia tay nhau, vậy tại sao chúng ta không chia tay ở đây. Bắt đầu từ đây, mỗi người sẽ đi một ngã, như cha chúng ta đã khuyên.

Hai người em không phản đối. Họ chúc nhau may mắn, cúi chào nhau, rồi người anh đi về phía trái, người em thứ đi về phải, còn người em thứ ba đi thẳng tới trước. Anh vui sướng hát hò, nghĩ đến những giây phút hào hứng sắp đến khi được tiếp xúc với người đời, và nhất là được nghe những câu chuyện hay ho hấp dẫn.

Đường đi càng lúc càng khó khăn, mặt trời lặn dần, rồi cuối cùng biến mất. DinRôKu đi vào một khu rừng khi mặt trời đã lặn, và muốn đến ngôi làng gần nhất, anh phải leo lên một ngọn núi cao.

Vì thiếu kinh nghiệm, nên anh tự nhủ:

- Ngủ trong rừng thì có sao đâu mà sợ. Mình tìm đám cỏ nào dưới gốc cây làm giường để ngủ qua đêm.

Anh nằm xuống cỏ, lấy lá khô đắp lên người cho khỏi lạnh. Vừa nằm xuống là anh ngủ liền, ngủ một giấc thật say cho đến khi ánh nắng mặt trời chiếu qua tàn lá rọi xuống người, anh mới thức dậy.

Chưa mơ hết mắt, anh đã nghe có tiếng người bên cạnh nói với anh.

- Ngủ đã rồi phải không? Dậy ăn sáng rồi lên đường.

DinRôKu ngồi dậy, thấy hai người ăn mày đang ngồi dưới chân anh, gần bên đồng lửa.



Người vừa nói với DinRôKu lại cất giọng tiếp:

- Hôm qua, khi chúng tôi vào trong rừng này thì trời đã tối. Khi đang tìm một chỗ để ngủ đêm, thì bỗng chúng tôi thấy anh nằm ngủ ở đây. Anh nằm trên cỏ thật vô tư, chứng tỏ anh rất thiếu kinh nghiệm về rừng, vì anh ngủ một mình giữa nơi trống trải như thế này mà không sợ thú hoang xé xác. Cho nên chúng tôi phải ở lại đây để canh chừng cho anh. Anh ngủ say như chết, không hay biết gì đến việc chúng tôi đã nhóm lửa ở đây nữa.

Người ăn mỳ thứ hai nói tiếp:

- Đúng đấy, chúng tôi lại nói với nhau chắc anh chàng này đói meo sau một đêm lạnh lẽo trong rừng như thế này, cho nên chúng tôi nấu ít cơm. Vậy đến ăn với chúng tôi đi. Anh thế là gặp may đấy, may mà gặp chúng tôi chứ nếu gặp thú dữ thì chắc anh đã mất mạng rồi. – Nói xong, anh ta đưa cho DinRôKu một nắm cơm.

DinRôKu hết lời cảm ơn hai người ăn mỳ. Rồi anh nói tiếp:

- Các anh thật là tốt. Các anh này, cha tôi đã cho tôi ba Êquy để lên đường. Cho nên chúng ta chia ra ba, mỗi người một Êquy. Ý kiến như thế được chứ. – Anh vui vẻ nói, vừa mở túi lấy một cái khăn gói cẩn thận ba đồng bạc. Hai người ăn mỳ nhìn nhau ngạc nhiên, rồi khi thấy người thanh niên không đùa, họ đều rất vui mừng.

Người ăn mỳ thứ nhất nói:

- Anh thật là tốt bụng. Món quà của anh sẽ mang đến cho chúng tôi hạnh phúc. Nhưng chúng tôi nhận quà của anh, thì anh cũng phải nhận quà của chúng tôi. Món quà của chúng tôi tặng anh không đáng gì đâu, nhưng sẽ có ngày anh dùng đến nó.

Người ăn mỳ thứ nhất đưa cho anh một cây kim, còn người ăn mỳ thứ hai đưa cho anh một sợi chỉ. Người ăn mỳ thứ nhất nói:

- Anh đừng tưởng đây là cây kim bình thường. Anh có thể khâu vá bất cứ cái gì anh muốn.

Người ăn mày thứ hai nói:

- Sợi chỉ này không phải chỉ bình thường. Anh có thể khâu vá lâu bao nhiêu cũng được, sẽ không bao giờ hết.

Anh đi theo con đường băng qua nhiều đồi núi cheo leo, qua nhiều vực sâu, và một hôm, khi đến một thung lũng hẹp, anh gặp một ông già nhỏ con, lưng còng. Ông già đội cái khăn dệt bằng sợi vàng, khoác chiếc áo thêu những đóa hoa đủ màu thật lớn, và chân mang giày bện bằng sợi gai. Điều lạ lùng nhất là khuôn mặt của ông già không hợp với cái lưng còng và bộ râu bạc dài của mình, vì mặt ông hồng hào láng lẩy.

Ông già mang trên lưng cái túi xách lớn đã sờn mòn, và đi đứng nhanh nhẹn khác xa những người cùng lứa tuổi với ông. Vừa thấy DinRôKu bước đi một cách thanh thản, ông già bèn dừng lại để chờ anh. Khi anh đã đi ngang hàng rồi, ông già nhìn anh soi mói và dè dàng nói:

- Ngày cậu, tôi có cảm giác cậu thích nghe những chuyện hấp dẫn hơn bất cứ cái gì.

-Ồ đúng thế đấy, thưa ông, tôi thích nghe chuyện hấp dẫn hơn bất cứ cái gì, -DinRôKu đáp, lòng mừng khắp khởi vì nghĩ chắc mình sắp được nghe chuyện hay.

- Nếu thế thì chắc anh cũng biết kể chuyện hay và kể rất hấp dẫn rồi! -Ông già nói tiếp.

DinRôKu liền trở nên buồn bã, vì anh không thể kể được. Anh đáp:

- Ông lầm rồi, ông ơi, tôi không biết kể. Tôi đã nghe nhiều chuyện hấp dẫn, nhưng khi muốn kể thì tôi lại không kể được.

Ông già lắc đầu tỏ vẻ tiếc rẻ và nói:

- Thật đáng tiếc, vì phía sau rừng này, có một vương quốc, vị vua của vương quốc này rất thích nghe chuyện lạ lùng hấp dẫn.



Ngoài ra ông ta hứa sẽ gả con gái cho ai kể cho ông ta nghe chuyện kỳ lạ khó tin nhất. Nhưng, anh đừng buồn, tôi có ý kiến với anh như thế này. Tôi đi bán chuyện, anh có muốn mua không?

- Sẵn sàng, thưa ông, nhưng giá bao nhiêu một chuyện?

- Thật rủi cho anh là những chuyện có giá rẻ tôi đã bán hết. Chỉ còn một chuyện trong túi này thôi. Giá rất rẻ. Chỉ một đồng Êquy, nhưng đây là chuyện hay nhất.

DinRôKu vui mừng, anh nói:

- May quá. Tôi còn một đồng Êquy của cha cho đấy. – Nhưng rồi anh tỏ vẻ ngần ngại một lát mới nói tiếp: -Nếu tiêu hết, tôi không còn tiền bạc gì nữa. Mà ông này, ông có tin là chuyện này sẽ mang lại may mắn cho tôi không?

Ông già cam đoan chuyện này sẽ mang lại may mắn cho anh. Ông khuyên anh đừng lo, vì một câu chuyện giá trị đến một đồng Êquy, thì chắc chắn là không thể làm người ta thất vọng. Thế là việc mua bán kết thúc.

DinRôKu đưa cho ông già đồng bạc cuối cùng. Ông này đưa túi xách lên để kể bên tai DinRôKu, rồi ép nhẹ vào túi xách. Tức thì có tiếng nho nhỏ phát ra, câu chuyện nằm ở đáy túi xách truyền sang lỗ tai anh.

Xong xuôi ông già xếp túi lại, hỏi anh:

- Sao, câu chuyện anh vừa ý chứ?

DinRôKu gật gù với vẻ ngạc nhiên rồi đáp:

- Quả là một câu chuyện kỳ lạ?

Anh cúi đầu kính cẩn chào ông già rồi đi nhanh ra phố, về phía lâu đài của nhà vua. Anh vấp chân mãi trên đường, chân căng bị u nhiều chỗ vì anh không chú ý khi đi, tai cứ lắng nghe câu chuyện trong đầu. Cuối cùng, anh đến lâu đài.

Khi DinRôKu gõ cửa, lính gác hỏi:

- Ai đấy?

- Tôi là DinRôKu, tôi biết câu chuyện hay nhất nước Nhật. Tôi muốn kể cho nhà vua nghe.

DinRôKu được dẫn vào yết kiến nhà vua.

Nhà vua mở đầu chào khách lạ bằng lời lẽ như sau:

- Ta đã được báo cho hay là người biết một câu chuyện kỳ lạ. Vậy người hãy kể mau cho ta nghe để xem thử có đúng không, hay người chỉ là đồ lão khoét. Người biết phần thưởng dành cho việc này rồi đấy. Nhưng, nếu người làm ta bực mình, thì ta sẽ lấy đầu người liền. Thôi, kể đi:

Nghe thế, DinRôKu thấy sợ, nhưng trễ quá rồi, anh không thể chạy trốn được nữa, bèn kể câu chuyện đã mua của ông già.

- Ngày xưa, rất xưa, có một cây sồi. Cây sồi hết sức lớn, bây giờ không làm sao tìm ra được một cây sồi như thế. Cành lá của nó trải rộng từ tỉnh ÊsìGô (Etchigô) cho đến đảo SaĐô, còn thân của nó có vòng tròn dài ba trăm ba mươi ba ngàn thước, ba tấc, ba phân.

Nhà vua ngạc nhiên, nhận xét:

- Quả là một cây sồi kỳ lạ.

DinRôKu không để mất hứng, anh kể tiếp:

- Nhưng cây sồi không những chỉ lớn thôi đâu, mà nó còn cao kinh khủng nữa, cao đến ba trăm ba mươi ba thước.

Nhà vua lại ngắt ngang lời anh:

- Sao người biết được chiều cao của cây sồi? Người có đo nó hay sao?

- Thần không đo, nhưng đợt cao đã mất hút sang thế giới lân cận. Và ở đây đã có một ông già quá hiếu kỳ về cây này. Cái cây đã kích thích tính tò mò của ông ta, thế là một hôm, ông ta leo lên một cành cây và trèo xuống. Phải mất mấy năm trời ông ta mới đến chỗ phần nhánh. Ông già tụt xuống đến đó vào mùa thu.

Vì di chuyển trên cây như thế, nên ông đã làm những trái sồi rớt xuống đất. Trái thì rớt xuống nhà XăngCôĐi (Senkodji) nằm trong tỉnh phía Bắc; trái thứ hai rớt xuống miền núi lửa danh tiếng của chúng ta, ngọn Phú Sĩ (Fouji); trái thứ ba rớt vào hồ Biva (BiWa) nằm ở phía Nam...

- Được, được, ta biết rồi; rồi sao nữa?

- Sau đó, -DinRôKu kể tiếp- một trái sồi khác rơi trúng vào cái chuông nhỏ của một khách hành hương ở đảo SiKôKu (ShiKoKou), ngày ngày đi từ chùa này đến chùa khác. Cái chuông phát ra tiếng kêu khiến cho đạo hữu này khiếp hãi. Trái thứ năm...

Nhà vua lại ngắt ngang câu chuyện:

- Có cả thấy bao nhiêu trái sồi tất cả?

- Ô, nhiều lắm- DinRôKu đáp, anh vẫn không mất bình tĩnh – có đúng ba triệu, ba trăm ba mươi ba ngàn, ba trăm ba mươi ba trái sồi. Và mỗi trái đều có sự tích riêng của nó.

Nhà vua thấy khá nghi, lại hỏi:

- Làm sao người đếm được một lượng trái sồi lớn như thế?

Nghe hỏi, DinRôKu dừng lại, bối rối trong lòng. Anh có thể kể mạch lạc sự tích mỗi trái sồi, nhưng trong số những chuyện cái túi đã rỉ tai cho anh nghe, không có chuyện nào nói đến việc làm sao đếm được số trái sồi này. Anh đang hình dung ra cảnh đao phủ lôi mình lên máy chém, thì bỗng may mắn sao, anh nhớ đến món quà của hai người ăn mày đã tặng. Anh liền đáp:

- Ô dễ lắm, tâu bệ hạ. Thần đã lấy kim châm qua từng trái và xâu lại thành chuỗi, xâu trái nào đếm trái ấy.

Thế là quá rồi, ngay cả đối với nhà vua mà cũng dám nói láo. Ngài tức giận, la lên:

- Làm gì có chuyện tào lao như thế! Trên đời này làm gì có sợi chỉ dài để xâu hết hơn cả một triệu quả sồi!

DinRôKu liền lấy cây kim và sợi chỉ ra, anh đưa cho nhà vua thấy rồi nói :

- Tâu bệ hạ, đây là cây kim và sợi chỉ. Nếu bệ hạ không tin, tôi sẽ đếm hết số hoa trong vườn cho bệ hạ xem.

Nói xong, anh ném cây kim và sợi chỉ qua cửa sổ lên đọt cây anh đào đang nở hoa. Ngay lúc ấy, người ta nghe trong vườn vang lên tiếng thét thất thanh, và liền đó có tiếng cái gì nặng nề rơi đánh phịch xuống đất. Tất cả cử tọa trong phòng đều hoảng hồn, vội vã chạy đến cửa sổ để nhìn xem chuyện gì đã xảy ra.

Dưới gốc cây anh đào đang nở hoa, một tên cướp đang trút hơi thở cuối cùng.

Cây kim do DinRôKu ném ra đâm xuyên qua tim của hắn, khiến hắn rơi xuống đất. Đây là tên cướp rất ác ôn, từ nhiều năm nay hắn gieo kinh hoàng khắp nơi trên vương quốc, và ngay cả nhà vua cũng sống trong cảnh phập phồng lo sợ. Mặc dù triều đình đã hết sức truy tìm, nhưng vẫn không bắt được, ngày hôm nay, hắn đã lén vào được trong cung với ý đồ ám sát nhà vua cùng gia đình ngài. Nhưng, cây kim của chàng thanh niên đã kết liễu đời hắn, chấm dứt những hành động tội lỗi của hắn.

Để tỏ lòng biết ơn, nhà vua gả con gái cho DinRôKu, thế là nhờ lòng từ tâm và nhờ tính mê chuyện hay, hấp dẫn, mà chàng trai út trong ba anh em đã gặp được may mắn.

Vị thần của dân nghèo

N gày xưa tại vùng ven thành phố ÔXaKa (Osaka) có một người sống bằng nghề lượm đồ phế thải, anh ta tên là GôHây (Gohei), ở trong một túp lều rách nát. Về mùa đông, giá lạnh như cắt luôn qua các khe hở vào nhà, còn đồ đạc duy nhất mà chủ nhân ngôi nhà này có, chỉ là những dùm giẻ rách. Cả đời anh không làm nổi lấy một việc đáng giá. Cái gì anh ta cũng thất bại hết, có lẽ vì anh quá chậm chạp và quá sợ sệt, và cũng có lẽ anh ta không tin vào sức mình, mà luôn luôn tự ti mặc cảm. Thậm chí anh ta không có được một người vợ – nhưng thử hỏi có ai bằng lòng lấy một người chồng quá nghèo, lại kém may mắn như thế ?

Lại một lần nữa năm hết tết đến, GôHây không có gì hết, thậm chí một dùm giẻ rách cũng không, chứ đừng nói đến chuyện có thức ăn, có củi để đốt lửa. Gió lạnh luôn qua các khe hở và tuyết bắt đầu rơi. Lần này, Tết nguyên đán chắc chẳng có gì vui hết. Đừng nói đến chuyện tiệc tùng, ngay lửa để sưởi ấm anh cũng không có mà còn phải nhịn đói để đón xuân.

Thế rồi anh nghĩ đến chuyện tháo ván đóng vách nhà ra để đốt lửa cho ấm. Hình ảnh ngọn lửa ấm áp làm cho anh hăng hái lên một chút, anh bèn bắt tay vào việc liền. Việc tháo ván ộp ra chẳng khó khăn gì, vì nhà cửa của anh chỉ đóng sơ sài, không chắc chắn. Anh tháo tấm thứ nhất ra, và khi vừa tháo tấm thứ hai thì bỗng anh dừng lại. Trong lỗ hổng nơi tấm ván thứ nhất vừa được tháo ra, xuất hiện một ông già đầu tóc màu xám, ông già nhỏ con, từ trong chỗ ẩn bước ra. Ông ta chỉ đứng ngang hông của GôHây thôi. Râu

tóc của ông già màu xám phủ xuống khuôn mặt nhợt nhạt. Ông ta mặc áo quần rách rưới cũng màu xám, chân đi giày bện bằng sợi gai đã cũ kỹ, và trên vai, ông đeo một cái túi xách nhỏ màu xám.

GôHây há hốc mồm kinh ngạc. Nhưng ông già nói bằng một giọng bình tĩnh :

- Cũng lạ là anh không nhận ra tôi. Tôi đã ở sau vách ván này từ lâu, và cứ nghĩ anh là bạn của mình. Và cho dù anh không chú ý đến, thì tôi vẫn là thần của dân nghèo, và tôi cảm thấy được thoải mái khi ở tại đây. Độ gần đây, anh gặp cảnh quá khốn cùng, ngay cả cho tôi nữa, vì bây giờ anh đã phá hỏng chỗ ở của tôi, nên tôi phải đi tìm chỗ khác. Một năm mới lại bắt đầu, thời điểm thật thuận lợi. Mong rằng anh không giận khi tôi phải từ giã anh và tôi nghĩ chắc anh bằng lòng uống với tôi một cốc để chia tay.

GôHây bối rối im lặng một hồi, rồi rời lệ đáp :

- Thưa thần, xin thần tha lỗi, tôi rất ân hận vì đã vô phép với ngài, tôi không thể uống với ngài được, vì hiện tôi không có một giọt rượu nào và cũng chẳng có gì mời ngài được cả.

Nói xong, vì quá buồn khổ, anh ta òa khóc.

Thần nghiêng đầu thương xót, rồi ngài lục tìm trong cái túi xách nhỏ. Thần nói :

- Tôi không ngờ anh lại qua nghèo đến độ không có một giọt rượu để uống vào đầu năm mới.

Thần lấy trong túi xách một sợi dây có khâu một số xu bằng đồng và đưa cho GôHây

- Nay, anh cầm tiền ra phố mua một chai rượu, một bao gạo nhỏ và một ít than củi !

GôHây đi một lát quay về liền, số tiền vừa đủ. Anh có mua một con cá. Anh để hết lên bàn. Sau khi ăn xong, họ rót rượu uống, nhắc lại chuyện cũ trong những năm đã qua. Từ lâu, anh mới có được một buổi chiều cuối năm thoải mái như thế này.

Uống hết chai rượu, thần của dân nghèo nói :

- Bản chất anh là người tốt, dễ thương. Nói chuyện với anh rất thoải mái. Vì thế tôi quyết định giúp anh một việc. Tôi thấy anh không có phương án nào khả dĩ giải quyết được cái nghèo của mình. Vì vậy tôi sẽ giúp để anh có được cuộc sống khấm khá hơn trong tương lai. Bây giờ hãy nghe kỹ lời tôi dặn đây. Đúng nửa đêm, vào giây phút giao thừa, anh hãy đứng trước cửa của bốn vua trời. Khi tiếng chuông đầu tiên gióng lên báo hiệu năm mới sẽ đến, sẽ có ba người kỵ sĩ đi qua trước cửa. Người thứ nhất mặc toàn màu vàng, người thứ hai toàn màu trắng và người thứ ba toàn màu đen. Ba người đều nghiêm trang, nhưng anh đừng sợ. Hãy can đảm đến gần người thứ nhất, nắm dây cương ngựa của ông ta và giữ lại thật chặt. Nếu không nắm được dây cương của người thứ nhất, thì anh hãy cố nắm dây cương của một trong hai người kia, nhớ là đừng thả ra. Rồi anh sẽ thấy chuyện lạ xảy ra sau đó. Anh sẽ không ân hận vì làm như thế đâu, và cho đến tận đời mình, anh sẽ khỏi lâm vào cảnh nghèo khó nữa.



Nói xong, thần của dân nghèo chào anh rồi biến mất rất nhanh, đến nỗi anh không kịp cảm ơn tiếng nào. GòHây lập tức lên đường đi đến chùa Bốn vua trời cho kịp trước giờ giao thừa, chùa nằm ở trung tâm thành phố. Trời bắt đầu đổ tuyết và khi anh đến trước chùa thì tất cả đều trắng xóa một màu. Trắng ra khỏi mây, chiếu sáng khoảng trống trước mặt chùa nơi GòHây đang đứng, anh run lấy bầy vì lạnh và bị kích thích. Anh giậm hai chân lên mặt đất cho ấm người và rất nôn nóng chờ đợi phút giao thừa đến.

Cuối cùng, tiếng chuông đầu tiên gióng lên, báo năm mới đã đến. Ngay lúc ấy, anh nghe từ xa có tiếng vó ngựa, rồi trong ánh sáng mờ mờ của đêm tối, anh thấy hiện ra ba người kỵ sĩ. Người thứ nhất cỡi con ngựa vàng, ông ta mặc áo dài màu vàng, đội mũ vàng, và ở thắt lưng lủng lẳng cây kiếm dài nằm trong vỏ cũng màu vàng. Người thứ hai cỡi con ngựa trắng thật đẹp, áo quần ông ta dưới ánh trăng trông còn trắng hơn cả tuyết mới rơi nữa. Trái lại, người thứ ba thật khó mà nhận ra vào ban đêm, vì ông ta cỡi con ngựa đen và mặc áo quần toàn đen, thậm chí râu cũng đen.

Ba người cỡi ngựa có mặt mày rất dễ sợ, đến nỗi GòHây run cầm cập, không làm sao cất nổi tay chân. Đến khi anh bắt đầu hoàn hồn lại được, thì người cỡi ngựa màu vàng đã đi quá anh, và người áo trắng bắt đầu đến gần anh. Lập tức GòHây thu hết can đảm. Anh không dám nhìn người cỡi ngựa mà chỉ nhìn chăm chú vào con ngựa. Anh đưa hai tay để nắm dây cương, nhưng con ngựa thở phì phò và hung hăng hí lên thật dữ tợn, khiến cho GòHây sợ khiếp, thả dây cương ra. Thế là người kỵ sĩ áo trắng đi qua. GòHây thở dài, vì lại một lần nữa, anh đã thất bại trong dịp may đến trong tầm tay. Nhưng anh bình tĩnh trở lại, chặn đường con ngựa đen, đưa tay níu lấy dây cương. Con ngựa chồm lên, vùng ra khỏi tay anh và biến mất trong đêm tối.

GòHây gần chảy nước mắt. Bây giờ anh phải sống kiếp nghèo cho đến mãn đời, ngoài ra, anh lại còn làm cho ông thần tốt bụng phải thất vọng vì ông đã muốn giúp anh. Nhưng thành linh anh lại

nghe từ xa có tiếng vó ngựa vọng lại, rồi thấy một người cưỡi ngựa thứ tư đến gần, anh đã tính toán lắm rồi ư? Hay có lẽ này giờ anh nằm mơ và bây giờ các kỵ sĩ mới thực sự đến? Anh lấy hết can đảm bước ra giữa đường, nắm chặt lấy dây cương ngựa. Lần này thì con ngựa không chống cự, và khi GòHây ngược mắt nhìn lên thì anh thấy con ngựa có màu xám và người cỡi ngựa không ai khác hơn là ông thần của dân nghèo.

Một lát sau vị thần của dân nghèo mới nói:

-GòHây, GòHây ơi, thật khó khăn với anh. Tôi đã dặn anh là phải nắm cho được dây cương của một trong ba con ngựa. Đây là những vị thần tiền bạc. Thần thứ nhất là thần tiền vàng, thần thứ hai là thần tiền bạc, và thần thứ ba là thần tiền đồng. Nếu anh nắm được thần thứ nhất, anh sẽ có vàng để sống mãi kiếp trong cảnh giàu có. Còn hai thần kia nếu níu được thì cũng không đến nỗi tệ. Nhưng lại một lần nữa, anh đã quá lo sợ để rồi chỉ nắm được tôi, thần nghèo mà thôi, tuy nhiên, tôi đã quyết định phải chia tay anh, cho nên, tôi sẽ cố gắng giúp anh thêm một lần nữa. Vậy anh hãy nghe cho kỹ: Hôm nay, vào lúc nửa đêm, tất cả bốn chúng tôi lại trở về trên đường này, anh hãy thử dịp may một lần nữa, nhưng lần này phải hết sức chú ý đấy. Tôi sẽ không giúp anh thêm được nữa đâu. Thôi, bây giờ hãy thả tôi ra!

GòHây làm theo lời thần, và chỉ trong giây lát, ngựa và người đều biến mất.

Mặc dù lòng quá buồn vì bị thần trách cứ, nhưng GòHây vẫn chưa mất hết hy vọng. Cả ngày, anh mãi miết nghĩ đến buổi tối sắp đến, anh quyết tâm phải níu cho được dây cương con ngựa vàng và có gì xảy ra đi nữa anh cũng không thối, thậm chí có nguy đến tính mạng cũng không.

Tối đến, anh lại tới trước mặt chùa Bốn vua trời. Tuyết đã tan, mặt đất lầy lội cả bùn. Nhưng trời không nóng lắm, và vì GòHây quá nôn nóng để đến chùa trước mười hai giờ đêm quá lâu, nên khi

mặt trăng hiện ra khỏi mây và khi chuông điểm mười hai giờ khuya gióng lên, thì trời đã băng giá lại. Ngay khi ấy, những kỵ sĩ bắt đầu xuất hiện. GôHây dang hai chân ra, chặn con ngựa vàng lại, thu hết can đảm, anh nhào vào con ngựa. Nhưng con ngựa tránh khỏi, rồi nó nhảy lên, vượt qua khỏi GôHây.

GôHây không nản, anh tự nhủ:

-Nếu ta bắt không được con ngựa vàng, ta phải bắt cho được con ngựa bạc!

Anh nhảy vào chụp giây cương con ngựa trắng. Nhưng con ngựa trắng phi nhanh lên, dây cương lại tuột ra khỏi tay của GôHây và người kỵ sĩ màu trắng bạc cũng biến mất trong đêm tối. Nước mắt lưng tròng. GôHây cảm thấy mọi hy vọng đều tiêu tan. Nhưng vẫn còn người cỡi ngựa đen đấy, vị thần của tiền đồng. Thế là GôHây nhảy vào con ngựa đen, đem hết sức bình sinh đeo bám vào dây cương, anh nhấm mất lại, và mặt dù con ngựa vùng vằng rất mạnh, nhưng anh vẫn không chịu thả ra. Cuối cùng, con ngựa giảm sức chống đối dần rồi đứng yên. Khi GôHây mở mắt ra, người cỡi ngựa mặc áo đen đã biến đâu mất, thay vào chỗ dây cương ngựa, anh đang nắm chặt một bao tiền đồng lớn trong tay. Ngay khi ấy thì con ngựa xám đi qua. Vị thần của dân nghèo ra dấu chào thân ái với GôHây, rồi đi theo ba vị thần trước.

GôHây sung sướng về nhà. Mặc dù anh sẽ không giàu sụ, nhưng anh đã có tiền đồng. Từ từ, anh sửa lại ngôi nhà, không quá nghèo nữa, anh tìm cưới một người vợ, và sống hạnh phúc cho đến hết đời.

Thiên đường của mèo

Ngày xưa ngày xưa, trong một làng nọ, có một người dân hà con nhà quý tộc, tính tình rất kiêu căng và độc ác. Mẹ ta tuy giàu có nhưng tâm địa vẫn luôn ray rứt vì ghen tỵ. Mẹ ghen tỵ với người khác không chỉ về tiền bạc của cải, mà còn cả về sắc đẹp và tuổi trẻ nữa. Thậm chí khi thấy mọi người xung quanh vui vẻ, thân thiện với nhau, thì mẹ ta cũng đã tức tối giận dữ rồi. Mẹ chỉ cần thấy trên khuôn mặt một người nghèo nào đấy nở nụ cười trên môi thôi, là mẹ đã dậm chân dậm cẳng, tức tối la lên:



- Nhìn con quỉ nghèo hèn kia kìa, nó nghèo như thế đấy mà mọi người lại thích nó! Còn tôi thì sao? Tôi quỉ phái hơn nó, giàu có hơn nó, thế mà tôi lại khổ sở như thế này! Tại sao lại như thế chứ?

Con mụ xấu tính nói liên miên một hồi, rồi tính đến chuyện làm sao dành lấy niềm vui của con người nghèo khổ kia.

Trong số tôi tớ của mụ nhà giàu này có cô gái tên là Dukikô (Youkiko). Cha mẹ cô chết đã lâu, cho nên cô lớn lên trong nhà của mụ nha giàu, bị đòn roi và nghe chửi mắng suốt ngày. Mặc dù phải chịu đựng nhiều cảnh đau khổ, nhưng cô vẫn giữ được tấm lòng thanh cao, vẫn giữ được tư cách, vẫn bình tĩnh và dễ thương. Sinh vật duy nhất trong nhà mà cô gái thương mến là con mèo đen nhỏ, con mèo cũng rất thương mến cô. Tối nào con mèo cũng ngủ trong giường cô gái, còn ban ngày thì nó luôn luôn quán quít bên cô, thương cà lưng vào hai chân cô. Những lúc đó, cô gái thường ẵm con mèo lên, vuốt ve bộ lông mịn màng của nó để quên đi bao nỗi phiền muộn trong lòng. Cô cảm thấy bớt cô độc hơn, vì ít ra trên cõi đời này cũng có một sinh vật thương yêu cô.

Mụ chủ biết rõ tình bạn giữa cô gái và con mèo nhỏ, nên khi nào thấy cô gái và con mèo cặp kè nhau, là mụ giao cho Dukiko thật nhiều việc để làm.

-Vì mày rảnh thì giờ để chơi với mèo thì mày cũng có thể làm việc này việc kia cho người đã nuôi mày chứ! Mụ chủ thường nói như thế, và Dukikô chỉ còn biết ngậm đắng nuốt cay lo đi làm việc mà thôi.

Số phận của con mèo cũng không hơn gì, mụ chủ đánh nó, nhổ râu, hay bứt lông của nó, rồi vừa cười vừa nói:

-Đấy, mày thấy mọi người đều nuông chiều mày chưa? Có lẽ tao vuốt ve mày không dịu dàng bằng con Dukikô phải không?

Cô gái giúp việc bây giờ chỉ còn cách lén vuốt ve con mèo mà thôi, nhưng cô vẫn tiếp tục chia sẻ thức ăn với nó. Bữa ăn nào còn lại vài miếng cá ngon, cô gái luôn luôn mang đến cho con mèo. Chỉ

có những giây phút hiếm hoi được ở cạnh con mèo nhỏ mới làm cho cô thấy vui sướng. Khi nào cô được trút bầu tâm sự với con mèo và kể cho nó nghe về những hành động ác độc của mẹ chủ đã gây ra cho mình, cô mới thấy nhẹ nhõm được phần nào, mặc dù cô chỉ tâm sự với mèo một cách lén lút và luôn luôn sợ bị phát hiện.

Nhưng một hôm, Dukikô tìm mãi vẫn không thấy con mèo ở đâu. Mặc dù cô thường viện cớ này cớ nọ để chạy ra sân hòng trông thấy cô bạn mèo trong chốc lát, nhưng vẫn không thấy nó đâu hết.

- Chắc nó đi chơi đâu đó, tối nó sẽ về – Dukikô tự an ủi mình. Nhưng tối đến cũng không hơn gì ban ngày, con mèo vẫn không đến giường cô như mọi khi. Dukikô trần trọc không ngủ cho đến sáng. Mỗi khi nghe có tiếng sột soạt là cô lại vùng dậy, vì hy vọng đấy là tiếng con mèo cào cửa.

Buổi sáng cô thức dậy, người xanh xao, hai mắt đỏ hoe vì khóc, rồi ban ngày cứ làm việc xong là cô lại khóc. Cô bé Dukikô khóc vì đã mất người bạn duy nhất, không biết chuyện gì sẽ xảy đến cho nó.

Người duy nhất sung sướng khi thấy con mèo mất tích là mẹ chủ kiêu căng. Nỗi khổ tâm của người tớ gái làm cho mẹ chủ hả dạ, thực ra thì trong thâm tâm, mẹ chủ không muốn con mèo phải biến mất như thế. Mỗi lần nhìn khuôn mặt rầu rĩ của cô tớ gái, mẹ nói một cách trơ tráo:

- Đấy, mày thấy chưa, phần thưởng cho mày đấy. Mày lo săn sóc cho con mèo đáng ra nó phải biết ơn, thì nó lại bỏ đi không thèm nói với mày một tiếng. Thế mà tao đã tin rằng thế nào nó cũng báo cho mày biết trước, thì ra nó lại chỉ nghĩ đến việc trốn đi. Trên thế gian này, tất cả mọi sinh vật đều xấu hết, người cũng như thú.

Vì bản chất bất nghĩa, cho nên mẹ cố gieo thêm sâu khổ cho cô gái. Nhưng Dukikô vẫn luôn luôn nhớ đến con mèo nhỏ. Dĩ nhiên là cô không cãi lại chủ, nhưng cô không tin một lời nào của người chủ ác độc này cả, và cô nghĩ bụng:

“ Chắc con mèo của mình đã gặp chuyện gì buồn khổ rồi, mà mình thì không đến giúp nó được vì không biết nó ở đâu”.

Cả ngày lẫn đêm, lúc nào cô cũng lo lắng cho số phận của người bạn bé nhỏ.

Sau một thời gian, bỗng một hôm có một nhà tướng số đi qua làng, ông ta rất tài tình, không những có thể đoán được chuyện xảy ra trong tương lai, mà còn giải đáp được những vấn đề khó khăn liên quan đến cả hiện tại nữa.

Ông ta được nhiều nhà mời vào để đoán chuyện tương lai và giải quyết những khó khăn hiện tại, và dĩ nhiên là mục chủ kiêu căng cũng mời ông đến. Mục ta hỏi ông nhiều chuyện mãi cho đến tận khuya - tất nhiên là hỏi càng nhiều thì trả tiền càng nhiều, vì dù có là nhà thuyết giáo đi nữa thì họ cũng chỉ sống nhờ tiền khách cho thôi.

Cô bé Dukikô rất muốn hỏi nhà thông thái để biết con mèo ra sao rồi. Nhưng mục chủ ác độc chắc là không cho phép cô hỏi. Cho nên, cô chỉ dám đứng nép bên cửa hy vọng có thể nói chuyện được với nhà tướng số khi ông này từ phòng mục chủ đi ra. Cô rất sợ mục chủ thấy cô ở chỗ này, thế nào mục cũng mắng là cô nhác việc, nhưng lòng ham muốn biết được số phận của con mèo ra sao quá mãnh liệt, lớn hơn cả lòng sợ sệt mục chủ nhà nữa.

Dukikô phải đợi thật lâu mới thấy ông thầy tướng số từ trong nhà bước ra. Khi ông ta đến cửa, Dukikô liền đứng dậy, nghiêng mình thật thấp và nói nỗi đau khổ của mình cho ông ta nghe. Rồi cô van xin:

-Thưa ngài thông thái, ngài là người biết hết mọi chuyện trên đời này, chắc có lẽ ngài cũng biết số phận của cô mèo đen – bạn thân của tôi ra sao?

Nhà thông thái suy nghĩ một lát rồi đáp:

-Con mèo của cô có lẽ đang ở trên núi mèo trong dãy núi Inaba

ở đảo Kiusu (Kiouchou). Nếu quả thật cô muốn gặp nó thì cứ đến đấy, và cô không lường trước được chuyện gì sẽ xảy ra đâu.

Khi biết được trên đời này còn có chỗ để được gặp lại con mèo thân yêu, Dukikô không ngần ngại một chút nào. Không một nguy hiểm nào, không một chướng ngại nào có thể ngăn cản cô đi đến đấy hết. Cô van xin mẹ chủ mãi cho đến khi mẹ chấp nhận cho cô nghỉ vài hôm. Tuy đã bằng lòng, nhưng mẹ lại nói:

-Tao chấp nhận, nhưng khi về, mày phải làm việc bù, cứ một ngày nghỉ là mày phải làm hai ngày không lương.

Mẹ cho phép vì lòng dạ mẹ đen tối, ác độc, vì mẹ nghĩ đến nguy hiểm đang chờ đón cô bé, nghĩ đến những gian lao khổ sở cô bé sẽ gặp trên đường mà tất cả chỉ vì một con mèo.

Dukikô chuẩn bị hành trang. Cái túi xách chỉ đựng các thứ cần thiết, và vài cái bánh rán khô cô lấy trong bếp. Rồi cô khởi sự một chuyến đi dài, khó khăn. Vào những đêm trường lạnh lẽo, cô ngủ ngay trong bụi cây bên vệ đường vì sợ lạc, còn ngủ trong nhà thì cô không có tiền. Rồi khi trời mới sáng đủ để đi, cô đã vội vã lên đường. Đôi dép bằng sợi gai chẳng mấy chốc đã bị mòn, đá nhọn đâm vào chân cô rướm máu.

Cuối cùng cô cũng tới đảo Kiusu. Đến ngôi làng đầu tiên thì trời đã tối, cô bèn hỏi đường để lên núi Inaba. Những người nông dân nói:

-Dãy Inaba nằm ở bên kia sông, nhưng cô đừng nghĩ đến chuyện đi đến đấy, nguy hiểm lắm. Chỉ có những thợ săn can đảm nhất mới dám qua sông, và nếu đã qua rồi thì không bao giờ họ đi xa bờ và nghỉ lại đêm ở đấy. Núi ấy là vương quốc của mèo, nơi không bao giờ có người đặt chân đến.

Dukikô lễ phép cảm ơn những người nông dân đã có lòng tốt khuyên cô và cô từ chối lời đề nghị vào nhà họ nghỉ qua đêm với thái độ rất lễ phép.

Thấy mọi người cứ ra sức khuyên không nên đi, cô bèn cương quyết đáp:

-Tôi sẽ biết cách đề phòng, tôi đã đi hết một nửa thế giới với mục đích duy nhất là vào cho được vương quốc mèo kia mà.

Mọi người thấy cô cương quyết như thế, nên họ đành để cho cô đi. Họ nói:

-Chúng tôi chỉ báo trước cho cô biết mọi nguy hiểm sẽ xảy ra thôi, còn nếu cô không muốn nghe thì đấy là quyền của cô.

Ra khỏi làng, Dukikô theo hướng đến bờ sông, rồi cô tìm một chỗ nước cạn để lội qua. Bên kia sông, một cánh rừng rậm trải dài theo sườn núi. Dukikô thu hết can đảm đi vào khu rừng âm u. Cô can đảm bước đi, luôn luôn nhìn ra phía sau, nhưng tất cả đều yên lặng, không một cành cây giao động. Con đường bỗng trở thành dốc cao, vì đã đi nhiều ngày nên Dukikô cảm thấy mệt. Cô tính đến chuyện đêm nay phải ngủ giữa rừng thì bỗng nhiên cây mở lối ra, một khoảng trống xuất hiện trước mặt cô và trên khoảng trống có những mái nhà lấp lánh.

-Chắc là có những người giàu sinh sống ở đây rồi. Tất cả trông sạch sẽ và nhà cửa xây cất đẹp quá.

Cô đến gần hàng rào, cất tiếng gọi. Một lát sau, một cô gái mảnh khảnh trong nhà bước ra, nghiêng nhẹ người chào Dukikô rồi hỏi cô muốn gì.

-Tôi là đây tớ Dukikô – cô gái đáp – Tôi chỉ có một người bạn duy nhất, một con mèo đen, nhưng nó bỗng biến mất. Tôi khóc thật nhiều, rồi một hôm, có một nhà thuyết pháp khuyên tôi nên đến dãy núi Inaba nằm trong đảo Kiusu mà tìm. Tôi đã đi nhiều ngày, hôm nay mới đến được đảo. Nhưng tôi quá yếu không thể đi tiếp được nữa. Cô làm ơn cho tôi ngủ nhờ đêm nay để sáng mai leo lên núi mèo được không? Tôi sẽ không làm rộn trong nhà đâu.

Cô gái lắng nghe, mỉm cười dễ thương, rồi nghiêng người chào và đáp:

- Vậy cô đến đây để nộp mạng sao?

Nghe vậy, Dukiko hoảng sợ, cô muốn chạy trốn. Nhưng từ ngòi nhà bên cạnh một bà già nhỏ thó lưng gù bước ra, cất tiếng la mắng cô gái rồi đuổi cô ta vào.

- Xin cô tha lỗi cho, có lẽ nó đã ăn nói bất kính với cô. - Bà già nói với Dukikô, vừa nghiêng người thật thấp để chào cô. - Nó không biết cách xử sự cho khéo léo. Tất cả những lời dạy bảo của tôi thật vô ích. Có lẽ nó đã nói chuyện tầm bậy tầm bạ rồi, vì tôi thấy mặt cô xanh mét. Xin cô đừng giận, nó không biết cách tiếp khách. Nào, cô gái, hãy cho tôi biết điều gì đã dẫn cô tới đây?

Lời lẽ dễ thương của bà già làm Dukikô yên tâm, cô lấy lại bình tĩnh và kể hết chuyện của mình cho bà nghe.

Bà già lắng nghe, rồi mỉm cười với Dukikô, bà nói:

- Vậy mời cô vào, nghỉ lại nhà chúng tôi để lấy lại sức. Cô đừng sợ gì hết, cô đã đi một chặng đường dài để mà ... - những tiếng sau cùng Dukikô không nghe gì hết, bà già tiếp tục nói lẩm bẩm một mình, nhưng vẫn không ngớt cười. Vừa cúi chào nhiều lần, bà ta dẫn cô gái vào nhà và chuẩn bị nước tắm cho cô

Tắm xong, bà đưa Dukikô vào một căn phòng sạch sẽ mát mẻ, rồi lại cười tươi cho cô an tâm. Sau đó bà ta nói đi lấy thức ăn cho cô và đi ra.

Dukikô ngồi xuống chiếu, quan sát căn phòng, vừa tắm xong cô cảm thấy khỏe khoắn cả người. Một lát sau cô tự nhủ :

“ Ngòi nhà kỳ lạ thật! Có nhiều phòng quá, nhiều góc và nhiều góc ngách, mà tất cả lại sạch sẽ, ngăn nắp. Chắc chủ nhà nuôi nhiều tôi tớ lắm. Và chắc mọi người đều ở đây hết. Nhưng họ đâu rồi? Mình chẳng thấy ai hết. Và lại quá yên tĩnh nữa!”

Quả là một sự yên lặng đáng lo. Bồng Dukikô có cảm giác như nghe có tiếng người nói ở phòng bên cạnh. Cô thấy hiếu kỳ, bèn lặng lẽ đứng dậy, đến hé cửa ra một tí. Trong phòng bên cạnh, cả hai cô gái rất đẹp đang nằm trên chiếu. Tóc họ búi cao thật cầu kỳ, kẹp tóc toàn bằng ngà voi chạm trổ rất đẹp. Mặt mày họ đều trắng trẻo, da láng lẩy, lông mày xinh xắn, mắt đen. Họ mặc kimono thật tuyệt, may bằng lụa dày, dưới lớp áo hằn lên thân hình uyển chuyển duyên dáng của tuổi thanh xuân. Hai người nói chuyện nhỏ nhỏ với nhau, giọng rất dịu dàng đến nỗi cô có cảm tưởng như nghe tiếng mèo gừ gừ.

Dukikô đóng cửa rồi lại mở hé lần thứ hai : cô vẫn thấy hai thiếu nữ xinh đẹp ngồi đấy. Họ đang quỳ trước tấm gương và trang điểm, Dukikô nhẹ nhàng đóng cửa và quay lại ngồi vào chỗ cũ. Không khí im lặng nặng nề quá. Ước gì có người mà nói chuyện cho vui nhĩ. Một lát sau, cô lại đứng lên, đến dán tai vào cánh cửa hồi nãy, hy vọng sẽ nghe được hai cô gái nói với nhau những gì.

Cô phải gắng hết sức mới nghe được chuyện hai cô gái nói gì, nhưng khi nghe được, cô rung mình run sợ. Một cô gái nói :

- Cậu biết không, cô gái mới đến muốn tìm thăm một người bạn, con mèo mà cô ấy rất thương mến. Tốt hơn là ta không nên ăn thịt cô ta.

Dukikô run cầm cập, hoảng sợ. Cô ngồi xuống chiếu suy tính cách phải đối phó. Thế rồi cánh cửa bật mở, đủ chỗ cho một cô gái đi vào, cô gái thật duyên dáng, mặc chiếc kimono bằng lụa dày màu nâu thêu hoa cúc trắng, điểm thêm chiếc thắt lưng to bằng gấm. Cô gái đi vào nhẹ nhàng không có một tiếng động, và khi Dukikô cố thu hết can đảm để ngẩng đầu lên nhìn thẳng vào mắt cô gái, bỗng cô nhận ra người bạn, con mèo đen, vóc dáng là vóc dáng một thiếu nữ, ngoại trừ cái đầu là mèo.

Nàng mèo mỉm cười dễ thương rồi nói với cô:

- Chào chị Dukikô thân yêu, em rất vui sướng được chị đến thăm. Em không biết nói sao để cảm ơn lòng tốt của chị, cảm ơn tình yêu của chị đối với em trong thời gian em ở nhà của chủ kiều ngạo. Tình thương của chị quả là niềm an ủi duy nhất cho em. Và cảm ơn lòng tốt của chị đã đến đây thăm em. – Mèo dừng lại một chút, cười với cô rồi mới nói tiếp – Em đã già đi, phần thì đói khát, phần thì bệnh hoạn. Cho nên, em không đủ sức để làm việc lâu hơn được nữa. Chị Dukikô thân yêu, chắc chị đã nhận thấy chị đang ở trong lâu đài của mèo. Lâu đài này qui tụ tất cả những con mèo đã bị người đời xưa đuổi hay là những con mèo già, bệnh hoạn. Bất kỳ con mèo nào đến lâu đài này cũng đều được hưởng một cuộc sống hạnh phúc: đây thực sự là thiên đường của mèo, nơi mà tất cả chúng tôi được thoát khỏi cảnh khốn khổ do người đời gây nên. Còn đối với người thì nơi này không có chỗ để cho họ dung thân. Mèo ở khắp nước Nhật đều qui tụ về đây, và nếu chúng thấy chị ở đây, thế nào chị cũng gặp chuyện nguy hiểm. Chị hãy nghỉ ngơi đi, rồi quay về với loài người. Bây giờ chỉ có mấy người bạn của em, chắc họ không làm hại chị đâu. Nhưng đến lúc những con mèo khác đi săn về, và với số mèo đông đúc đó thì chắc em sẽ không bảo vệ chị được đâu. Em sẽ mang thức ăn đến cho chị, ăn xong chị phải đi khỏi đây cho nhanh thôi.

Mèo cười với Dukikô rồi bỏ đi. Một lát sau nó mang đến cho cô một cái bàn nhỏ, quỳ xuống, phục vụ bữa ăn cho cô bạn cũ. Dukikô rất sung sướng vì đã từ lâu cô không được ăn uống gì cả. Cô kể cho mèo nghe chuyện đã xảy ra trong làng và chuyện nhà thuyết pháp tài ba đã chỉ đường cho cô tới thiên đường của mèo này. Hai người cười nói vui vẻ như bạn bè lâu ngày gặp nhau. Hai má của Dukikô lại hồng hào vì vui mừng và được ăn ngon, cô cảm thấy bao nỗi mệt nhọc trong người đều tiêu tan hết. Nhưng rồi chuyện gì cũng đều phải kết thúc. Nàng mèo đem khay đi rồi trở lại với cái bao nhỏ trên tay. Nó nói với Dukikô:

- Chị giữ cái bao này xem như một vật kỷ niệm của em, nó sẽ che chở cho chị trên đường đi. Nếu gặp những con mèo hoang, chị chỉ cần đưa cái bao này ra trước rồi lắc mạnh, thế là chúng sẽ không dám làm gì chị đâu. Chị đừng sợ.

- Em mèo thân yêu, chị rất cảm ơn em, cảm ơn những điều em đã giúp chị. Bây giờ biết em đã ổn định rồi, không thiếu thốn gì nữa, chị mới yên tâm để sống vui vẻ. Chị chào em!

Dukikô chào mèo rồi ra về. Mèo tiễn cô ra tận hàng rào, đứng nhìn mãi cho đến khi cô đã khuất dạng trong rừng.

Dukikô vừa đi vào rừng được vài bước đã thấy bọn mèo hoang nhào đến cô. Nhìn quanh cô đều thấy những cặp mắt xanh long lanh sáng, tiếng kêu dữ dằn không biểu lộ dấu hiệu thân thiện nào cả. Cô vội mở túi xách lấy cái bao, đưa ra trước mặt và lắc thật mạnh. Những cặp mắt xanh liền rút lui, bọn mèo tránh đường cho cô đi, miệng kêu meo meo dữ tợn. Thế là Dukikô xuống núi, tay vẫn nắm khư khư cái bao mà đi, đến đâu, bọn mèo cũng đều rút lui hết. Cuối cùng cô đến được bờ sông, tìm chỗ nước cạn để lội qua. Lúc này mèo không thể theo cô được nữa nên cô cất bao vào túi xách và lên đường về nhà. Cô vội đi nhanh chân vì cứ một ngày nghỉ, cô phải làm hai ngày không lương cho mụ chủ kiêu căng.

Mụ chủ quá đổi kinh ngạc khi thấy cô trở về.

- Thế không ai ăn thịt mày dọc đường sao? Còn con mèo chỉ tình của mày đã nói gì?

Dukikô bèn kể cho mụ chủ kiêu căng nghe chuyện đã xảy ra, cô miêu tả cảnh tòa lâu đài sạch sẽ và ngăn nắp, nói đến những cô gái đẹp và nhất là nói đến người bạn thân của mình. Sau cùng, cô lấy ra cái bao mèo đen cho, mở bao ngay trước mặt mụ chủ kiêu ngạo. Cả hai hết sức ngạc nhiên khi Dukikô lấy từ trong bao ra tấm hình một con chó lớn nhe răng nhọn hoắt trông rất đáng sợ, con chó ôm trong hai chân mười đồng tiền vàng thật.

Dukikô quá đổi vui mừng. Nhiều tiền quá, cô không còn là cô gái mồ côi nghèo nàn phải chịu đựng tính khí thất thường và ác độc của mẹ chủ kiêu căng nữa. Lập tức, cô mua lại tự do và ra phố mở một tiệm bán bánh bột gạo và các thứ bánh ngọt khác. Rồi cô sống sung sướng hạnh phúc, luôn luôn nghĩ đến cô bạn mèo đen.

Trong khi Dukikô hưởng một cuộc sống mới hạnh phúc thì lòng tham của mẹ chủ kiêu ngạo kia vẫn không suy giảm. Mẹ ta tự nhủ:

- Một đứa tớ gái nghèo khổ mà còn có được một món tiền kếp xù khi đến thăm con mèo, thì bà chủ như ta mà lại không được nhiều hơn thế chẳng? Chắc chắn mình phải có nhiều hơn thế. Ý nghĩ ấy cứ dày vò mẹ cho đến một hôm mẹ tự nói với mình: - Ta không nên để cho món tiền ấy tuột khỏi tay.

Mẹ bèn thuê người gánh kiệu, gói gém hành trang, chất đầy mấy rương vật dụng và áo quần rồi không nói cho ai trong nhà, hay trong làng biết mẹ đi đâu, làm gì. Mẹ lên đường đi đến dãy núi Inaba nằm trong đảo Kiusu.

Mẹ đi rất nhanh, vì không như Dukikô đi bộ, mà trái lại, mẹ ngồi trên kiệu và luôn mồm thúc dục người gánh kiệu đi nhanh. Cuối cùng, mẹ đến được ngôi làng đầu tiên của đảo Kiusu và vội vàng hỏi đường để vào núi mèo. Những người nông dân nhiệt tình đáp:

- Núi mèo ở bên kia sông, nhưng vùng ấy nguy hiểm lắm, ngay cả những người thợ săn can đảm nhất của chúng tôi cũng không dám đi xa khỏi bờ sông. Tốt hơn là bà nên quay về đi, đừng đến đó.

Mẹ chủ kiêu ngạo nghe họ nói thế chỉ cười rồi ra lệnh cho gọi đến một người chèo đò để đưa mẹ ta qua sông.

- Chèo mau lên nhé – Mẹ ta nói với người chèo đò, rồi quay ra nói với những nông dân đứng gần đấy: – Tôi không có thì giờ để nán lại lâu hơn trong ngôi làng khốn khổ này.

- Mỗi người tìm hạnh phúc theo cách của mình, – những người nông dân bảo nhau như thế. – Chúng ta đã khuyến cáo bà

ta rồi. Nếu có bề gì thì cũng không phải chúng ta bị phanh thây xé xác, mà là bà ta. – Và họ cứ để mặc cho mụ chủ tự cao tự đại ra đi.

Qua đến bờ bên kia, mụ ta liền để cho những người gánh kiệu quay về làng, mụ ra lệnh:

- Tôi đi một mình được rồi. Các người đợi tôi ở làng .

Và mụ tự nói một mình: “Các người khỏi cần biết ta sẽ có được bao nhiêu tiền bạc!”

Mụ leo lên núi thật nhanh, vì mụ đã biết đường đi khi nghe Dukikô miêu tả rồi. Nhưng chẳng bao lâu sau, mụ thở hồng hộc, quá mệt vì ít khi đi bộ như thế này. Mụ lau mồ hôi nhỏ giọt trên trán, và sung sướng khi thấy mái đỏ của tòa lâu đài hiện ra trước mắt trong khoảng rừng trống.

- Chắc đây là lâu đài của mèo rồi. – mụ ta nói – chả có gì đặc biệt. Chỉ có đồ tôi tớ mới cho như thế này là tuyệt vời thôi.

Mụ đến gần hàng rào và gọi lớn:

- Có ai ở trong nhà không? Mở cửa cho tôi vào với!

Một thiếu nữ đẹp từ trong tòa nhà lớn nhất bước ra, nghiêng người chào sát đất, rồi bằng giọng dịu dàng êm ái như nhung, cô ta hỏi:

- Bẩm bà, bà muốn gì?

- Tôi muốn vào thăm con mèo trước đây từng ở tại nhà tôi, và một hôm vì bất bình nó đã chạy trốn. Chắc các người đủ hiểu tôi đã không ngại đường xa cách trở hạ cố đến đây thăm nó, tôi, người chủ cũ của nó, đi tìm để thăm nó. Bây giờ tôi mệt quá rồi, muốn nghỉ ngơi một chút tại nhà các người. – Giọng mụ ta thật cao ngạo.

Cô gái đẹp định trả lời vô phép như mọi khi gặp hoàn cảnh như thế này, nhưng ngay khi ấy, từ tòa nhà phụ bước ra một bà già lưng thật cong, bà ta bước nhanh đến và đuổi cô gái đi.

- Mời phu nhân vào nhà. Chắc bà đi đường xa mệt mỏi và muốn nghỉ ngơi một chút. – Bà ta cúi chào nhiều lần rồi mở cổng, mời bà chủ kiêu ngạo vào nhà.

“ Ít ra thì bà già này cũng cư xử đúng phép, mời một người quý phái như mình vào nhà hẳn hoi”. – Mụ đàn bà kiêu ngạo nhủ thầm, vừa đi theo bà già vào nhà.

Bà già liền ra lệnh chuẩn bị nước tắm, rồi sau đó dẫn mụ ta vào một căn phòng thật đẹp có trải chiếu dày dặn dùng làm giường ngủ rất êm ái.

- Tôi đói rồi, – mụ ta kiêu ngạo nói, giọng ra lệnh.

- Có ngay, có ngay, xin bà vui lòng đợi cho một chút, – bà già đáp. Và quả vậy, một lát sau, một cô gái giúp việc mang đến cái khay với thức ăn rất ngon lành. Mụ chủ kiêu ngạo liền ăn ngấu nghiến vì quá đói, và cũng vì không quen đi bộ nhiều nên mụ ta quá mệt. Ăn xong là mụ lăn đùng ra ngủ. – Có bao giờ mụ ta đi bộ nhiều như hôm nay đâu.

Nhưng đến nửa đêm, mụ bỗng thức dậy vì có tiếng cào rất lạ lùng, mụ bèn ngồi dậy, nhìn quanh để xem tiếng cào kỳ lạ ấy xuất phát từ đâu. Qua khe hở của cánh cửa, mụ thấy có tia sáng. Mụ ta đứng lên, ra mở cửa. Mụ thấy ở trong phòng bên cạnh có hai con mèo vẫn đang nằm trên chiếu dày, những cặp mắt sáng quắc trông rất dữ tợn.

Mụ chủ vội vàng đóng cửa lại, rồi rón rén đi về phía cánh cửa thông với phòng thứ hai bên cạnh. Mụ ta mở cửa, và lại thấy hai con mèo khác, hai con mèo có lông lốm đốm.

Mụ chủ kiêu ngạo sợ quá. Mụ nghĩ:

“ Dukikô nói với mình là chỉ có những nàng thiếu nữ xinh đẹp nằm ngủ trong các phòng này thôi kia mà? Thế mà bây giờ mình lại chỉ thấy những con mèo khổng lồ kinh khủng như thế này!”

Ngay lúc ấy, cánh cửa mở ra và con mèo đen của mụ đi vào.



Mụ chủ kiêu ngạo quá giận dữ, xẵng giọng nói:

- Bây giờ mày mới vác mạng tới à? Tao không ưa chỗ này chút nào hết. Đưa cho tao cái túi nhỏ đựng tiền vàng, rồi dắt tao ra khỏi đây mau!

Nghe mụ ta nói những lời như thế, mèo đen thấy mụ chủ nhà cũ chẳng thay đổi tính tình chút nào hết. Nó nhìn trừng trừng vào mặt mụ chủ, ánh mắt dữ tợn, rồi kêu meo meo thật lớn. Chỉ trong nháy mắt, những con mèo khổng lồ xuất hiện quanh mụ, rồi chúng xé xác mụ chủ kiêu ngạo ra.

Anh hãy lấy tôi đi!

N gày xưa ngày xưa, xưa lắm, trong một làng hẻo lánh nọ, có ba anh em trai cùng sống chung một nhà. Họ cùng nhau cày cấy mảnh ruộng cha mẹ để lại, hoa màu làm ra không nuôi sống đủ ba thanh niên lực lưỡng, cho nên họ phải đan thêm giỏ lác, giỏ rơm để đem ra chợ bán. Nhưng dù có làm việc cật lực và sống đạm bạc mấy đi nữa, họ cũng không còn lại trong nhà đồng nào để chi dùng khi có việc. Thường cứ khi trong nhà không còn đồng xu nào, thì lại thiếu muối hay cái ấm nấu nước không xài được. Nhưng tệ hại nhất là lúc năm hết tết đến, vì đây là lúc phải trả thuế.

Một hôm, người anh cả, Xaburo(Sabouro), quyết định ra đi, anh ta nói với hai em:

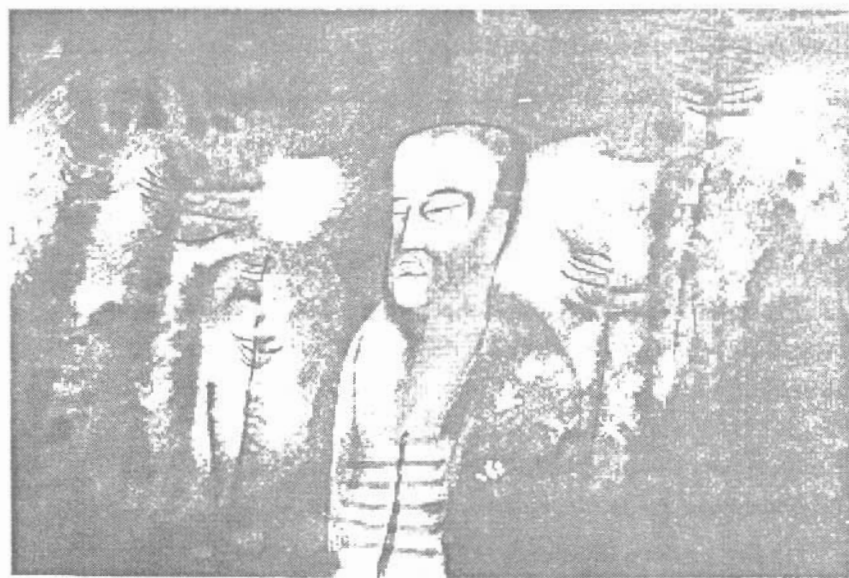
- Không thể sống tiếp tục như thế này được. Anh phải đi đến nơi khác để kiếm việc làm. Hai chú hãy thu xếp công việc với nhau, và khi nào có đủ tiền để trả thuế, anh sẽ về .

Hai người em đồng ý để cho Xaburo đi xa làm thuê kiếm tiền. Anh đến một thành phố gần đấy, một thương gia nhận anh vào làm công việc đánh xe bò. Suốt sáu tháng trời, Xaburô dẫn xe bò đi chở trà, muối và các thứ hàng khác, đi từ chợ này sang chợ khác. Người thương gia rất hài lòng về anh và muốn thuê anh làm việc lâu dài.

Nhưng Xaburô lễ phép từ chối lời đề nghị của người thương gia, anh nói :

- Tôi rất sung sướng được ông tin nhiệm, nhưng tôi phải về thôi. Năm mới sắp đến rồi, các em tôi đang đợi tôi đem tiền về để trả thuế.

Người thương gia đành phải trả lương cho anh. Xaburo bước sô tiến đồng vào trong miếng vải, lên đường về quê nhà. Anh đi nhanh, nhưng trời đã tối, mà muốn về đến làng, anh phải đi qua một cánh rừng sâu nữa. Mặc dù có phân sợ, nhưng Xaburô phải đi vì biết các em đang đợi, mai là ngày cuối năm rồi. Cứ nghĩ đến cảnh khi anh về ra giữa bàn, hai em sẽ trở mặt ra mà nhìn! Mà dù cho các em không đợi đi nữa, thì anh cũng phải đi tiếp thôi, vì xung quanh không có một cái nhà nào để có thể ghé vào xin ngủ qua đêm cả. Chỉ còn cách duy nhất là phải quên sợ mà băng qua rừng thôi. Anh cố đi nhanh, không nhìn qua phải, không nhìn qua trái, mà chỉ nhắm thẳng mảnh trời nhỏ hẹp nổi bật trên con đường nằm lọt giữa hai hàng cây. Rừng yên lặng, và từ từ Xaburô lấy lại can đảm.



- Mình đi được hơn nửa đường rồi, bây giờ còn gì có thể xảy ra nữa mà sợ. Tất cả quanh mình đều im lặng hết, mình không có lý do gì mà phải sợ, - anh nhủ thầm. Nhưng bỗng nhiên, trước mặt anh có một điểm sáng bay chậm chờn trên mặt đường.

- Cái gì vậy kia? - Anh cảm thấy sợ. Nhưng anh cố lấy lại can đảm. - Ta đừng tin vào chuyện ma quỷ chứ. Tưởng tượng quá đậm ra sợ ma đấy thôi.

Thế nhưng, anh đi chậm lại và nhìn chăm chú con đường chạy dài trước mắt và nhìn những đốm sáng nho nhỏ nhảy múa trên con đường.

Những đốm sáng le lói quay vòng tròn phía trên con đường nằm giữa hai hàng cây, rồi chúng xích dần vào nhau, từ từ, lặng lẽ. lát sau, Xaburô nghe như có tiếng kêu vo vo nho nhỏ phát ra từ những đốm sáng, rồi càng lúc tiếng kêu càng to ra thành tiếng rì rào kỳ lạ.

Xaburô sợ tái mặt, anh dừng lại, nghe rõ tiếng nói xuất phát từ vòng tròn sáng lấp lánh, nháy nhót:

- Nếu anh cần tôi, thì anh hãy lấy tôi đi; nếu anh không cần thì rút đi! Nếu anh cần thì hãy lấy tôi đi; nếu không cần, thì hãy rút đi! Và ánh sáng càng lúc nhích lại càng gần anh.

- Người muốn ta làm gì cho người! Hãy thả ta ra, nghe chưa? - Xaburô sợ quá la lên rồi đâm đầu chạy rất nhanh.

Cuối cùng anh chạy được về đến nhà, hụt hơi, tóc tai dựng đứng lên. Và như thể con ma đang đuổi bén gót phía sau, anh chạy tuôn vào nhà, không kịp tháo dép và nằm lăn ra chiếu, mặt phờ người.

Hai người em đang ngồi ăn cơm tối, trước cái bàn nhỏ thấy vậy vội hỏi:

- Cái gì xảy ra đến nỗi anh phải đâm đầu vào nhà như thế, thậm chí không chào hỏi ai hết. Mà nhìn kìa, anh làm bẩn cả chiếu rồi kìa.

Xaburô vội tháo dép ra rồi cẩn thận đóng cửa lại. Một lát sau, anh bình tĩnh trở lại và nói với các em :

- Nay các chú, các chú không thể tưởng tượng ra được cảnh nguy hiểm mà tôi vừa thoát được như thế nào đâu. Khi đi được nửa đường trong rừng, bọn ma le đã tấn công tôi. Tôi chỉ có một mình và trong rừng không có chỗ nào để trốn cho được. Chúng nhảy nhót quanh tôi, không ngớt la lên rằng :

“Hãy lấy tôi! Hãy lấy tôi đi!” – Tôi mà chạy thoát được cũng nhờ cặp giò chạy nhanh này thôi.

- Bọn ma không nói gì khác với anh nữa à? – Hátсурô hỏi, là người em út nhưng anh ta có sức vóc mạnh khỏe và nổi tiếng can đảm nhất làng .

- Tôi không nghe chúng nói gì nữa. Tôi quá sung sướng vì không bị chúng bắt lại! – Xaburô đáp.

Người em thứ hai là Rôkurô nghe nói, có vẻ trầm tư, một lát sau anh lên tiếng:

- Chắc đây là bọn ma kỳ lạ rồi. Đáng ra anh phải giữ lấy chúng mới được; có lẽ làm thế chúng mới hết tác oai tác quái trong rừng. Chắc anh đã quá sợ bị chúng bắt lại. Có phải anh nói chỗ chúng hiện ra nằm giữa đường từ đây đến phố phái không? Được rồi, để em đi đến đấy xem sao!

Người em thứ ba đi. Trời đã hoàn toàn tối, trong bóng đêm, khó khăn lắm anh mới nhận ra được đường đi, khi được chừng nửa đường, bỗng anh thấy có vật gì sáng lóng lánh trong bầu trời đêm ở giữa rừng. Rôkurô dừng lại, nhưng mặc dù đã hết sức cố gắng căng mắt để nhìn vào bóng đêm, anh vẫn không thấy gì khác hơn những vòng sáng le lói mà thôi. Anh tiến đến gần, rõ ràng anh nghe có tiếng rì rào, rồi khi đến gần thêm ít bước nữa, anh nghe giọng nói phát ra rất rõ :

- Nếu anh cần tôi, hãy lấy tôi đi; nếu anh không cần tôi, thì rút

đi! Nếu anh cần tôi, hãy lấy tôi đi; nếu anh không cần tôi, thì rút đi! – Ánh sáng cứ đến gần dần, chúng nhảy nhót quanh anh.

Bống Rôkurô thấy sợ. Anh có cảm tưởng những vùng ánh sáng kia sẽ nhảy chồm vào mình. Anh quay người và vắt giò lên cổ mà chạy.

Hátxirô thấy mặt anh trai tái mét, liền nói :

- Cả hai anh đều nhát gan quá. Các anh run sợ khi nghe giọng nói, nhưng ánh sáng không chạm đến người các anh mà. Bây giờ để em đi xem bọn ma này ra sao!

Anh vào phòng tìm lấy một sợi dây rồi nói:

- Để xem khi em cột ánh sáng trong dây này, chúng có còn nói được “hãy lấy tôi đi” nữa không

Đêm càng về khuya càng tối dày đặc. Nhưng Hátxirô đã quá quen đi lại trên đường này vào những đêm tối trời mà không hề sợ lạc. Khi đi được khoảng nửa đường từ nhà ra phố, anh thấy những ánh sáng le lói quay cuồng nhảy nhót quanh mình. Vì không sợ, nên anh cứ tiến tới cho đến khi lọt vào giữa đám ánh sáng ấy. Anh nghe quanh mình tiếng kêu vo vo vang lên câu :

- Nếu anh muốn tôi, hãy lấy tôi đi; nếu anh không muốn tôi, thì hãy rút đi!

Cả rừng đều vang lên tiếng rì rầm kì lạ :

- Nếu anh muốn tôi ...

- Dĩ nhiên là ta muốn ngươi! - Hátxirô la lên rồi cúi người nói tiếp? - Hớp, nhảy lên lưng ta xem nào, để ta xem ngươi là ai!

Lập tức ánh sáng biến mất và tiếng rì rào cũng im luôn. Nhưng Hátxirô cảm thấy khối nặng đè lên lưng mình. Là một thanh niên khỏe mạnh, thế mà khi con ma nhảy lên lưng mình, anh gần muốn khụy xuống đất.

Anh cố thu hết sức lực để đứng lên rồi la lớn :

-Ma ơi, người lắm rồi! Ta khỏe lắm mà. Không dễ gì mà độ sức với ta đâu.

Anh tháo sợi dây quấn quanh người ra, ném lên vật lạ nằm trên lưng mình và buộc quanh thật chặt. Rồi anh quay lại, cẩn thận bước đi về làng, vừa đi vừa thở hổn hển. Trời đêm tối thui tối mờ , nhưng con ma trên lưng anh đã phát ra ánh sáng đủ để thấy đường đi như ban ngày vậy.

Mỗi bước đi, khối nặng trên lưng anh lại càng trĩu xuống thêm, nếu anh không đem hết sức lực ra mà vác đi, thì khó mà về được nhà. Thế mà anh là chàng trai khỏe mạnh nhất trong vùng đấy! Cuối cùng anh cũng về đến được sân nhà, anh thở phào nhẹ nhõm, và muốn tổng khứ gánh nặng trên lưng đi. Nhưng, dù đã nghiêng qua nghiêng lại để hất xuống, nhưng gánh nặng kỳ lạ này như đã hàn dính cứng trên lưng anh.

Hátxirô giận dữ la lên:

- Đâu có chuyện chúng ta thỏa thuận với nhau như thế này. Quả thật là ta muốn có người, nhưng không phải công mãi người trên lưng như thế này. Bộ người nghĩ ta sẽ công người mãi hay sao.

Anh chạy vào nhà bếp, đưa lưng đập mạnh vào vách. Có tiếng cười trong trẻo vang ra, nhưng khối nặng vẫn không rơi xuống.

- “Cười người hôm trước hôm sau người cười” đấy nhé! – Hátxirô nói lớn rồi anh đi thụt lùi trong phòng. Anh lấy đà, tông cái khối nặng trên lưng vào chiếc cột chống đỡ trần nhà, anh tông mạnh đến nỗi mất thăng bằng và bổ nhào xuống đất. Nhưng bỗng anh nghe có tiếng kêu leng keng vui tai vang lên, rồi anh thấy những đồng tiền vàng lăn lông lốc khắp phòng. Tiền vàng nhiều quá đến nỗi lăn ra cá ra ngoài sân, và sau này rất lâu, các anh em họ vẫn còn tìm thấy những đồng tiền vàng nằm lọt trong các khe cửa ván lát nhà. Hai người anh vọc vàng trong tay mà chơi và hết sức khen ngợi sự can đảm của người em út.

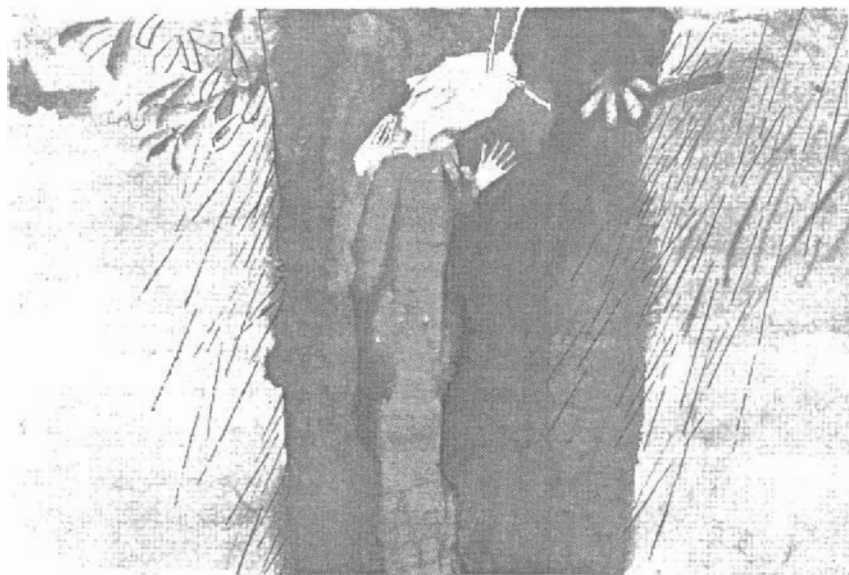
Cả mấy anh em vui vẻ reo lên:

- Ha ha, con ma tuyệt vời biết bao. Ma đây là vàng muốn đến sống với người.

Từ hôm ấy, không bao giờ họ thấy cảnh nghèo nữa, và họ sống hạnh phúc sung sướng cho đến mãi đời.

Cây để trả ơn

Ngày xưa, trong một làng đánh cá, có một người dân bà góa sống với cô con gái duy nhất. Hai mẹ con mới đến làng này cách đây mấy năm thôi. Khi người chồng chưa mất thì cả gia đình sống hạnh phúc trong cảnh sung túc, người chồng nguyên là một thương gia ở trên phố. Nhưng ai ngờ được hạnh phúc ở đời mong manh ra sao...



Một hôm, người thương gia lâm bệnh, rồi sau một thời gian ông ta qua đời và được chôn cất rất trọng thể. Người vợ góa sống với cô con gái duy nhất. Có lẽ bà ta không lưu tâm đến công việc kinh doanh, cũng có lẽ bà không may mắn, và có thể vì lẽ gì đó mà khách hàng càng thưa thớt dần, rồi nợ nần càng ngày càng chồng chất, cho đến một ngày người vợ góa không còn cách nào khác ngoài việc bán những gì còn lại trong nhà để trả nợ, rồi rời thành phố về quê sinh sống. Ở đây, bà luôn tỏ ra mầu mịch, dành hết tâm huyết để thương yêu con, để cô khỏi cảm thấy tủi phận. Cô gái có tấm lòng vàng, rất thương người. Cô rất đáng yêu, dịu dàng với mọi người. Nhìn nàng, ai cũng thương mến hết. Bà góa phụ rất vui mừng có được một cô con gái như thế, cứ nhìn cảnh nàng lo lắng chăm sóc mẹ, đỡ dần việc nhà là bà quên hết mọi buồn khổ trong lòng. Nhưng bà góa phụ đã già rồi, tiền bạc lại càng ngày càng eo hẹp, cô Hanakô bèn quyết định kiếm việc làm để giúp mẹ. Vì dễ thương, dịu dàng, nên chẳng mấy chốc mà cô tìm được một việc làm tốt ở thành phố lân cận. Dù đường đi từ nhà đến nơi làm việc mất hết một giờ, nhưng Hanakô không muốn để mẹ phải ở nhà một mình, sáng nào nàng cũng ra đi từ sáng sớm và đến khi trời tối mới về nhà. Mỗi lần như thế, cô mang về trong túi xách một nửa phần ăn cô nhận được.

Đường đi rất khó khăn, nhất là vào mùa đông hay những khi trời nổi bão táp về mùa thu, nhưng Hanakô cũng không ngại gì. Nàng nhẩy nhót vui tươi, tinh thần hưng phấn trước cảnh vật thiên nhiên tươi đẹp ở trong rừng. Hanakô thuộc lòng từng tổ chim, nhớ từng đóa hoa mới nở trong rừng. Nhưng nàng đặc biệt quan tâm nhất đến cây dễ khổng lồ, cây có tán lá tỏa rộng, nằm ở giữa đường từ thành phố về làng. Thân cây vươn cao cho nên đi từ xa Hanakô đã thấy nó rồi và nàng chào cây từ xa, vì nhờ cây dễ này mà nàng biết mình đã đi được nửa đường. Nhưng chẳng bao lâu sau, nàng càng gần bó với cây hơn, nàng có thói quen dừng lại bên cây bất kể thời gian, dù trời rơi tuyết hay là nắng ráo – để kể

cho cây nghe những gì nàng đã thấy trong ngày, những chuyện mới xảy ra trong thành phố, những chuyện mà cây không thể thấy được cho dù cây cao lớn hơn nàng, hay kể cho cây nghe về chuyện của mẹ nàng, chuyện hai cái chân của mẹ đã đi đứng khó khăn lắm rồi và chuyện nàng rất mong mẹ được sống vui trên cõi đời này. Và vừa nói chuyện, nàng vuốt ve lớp vỏ cây già nua sần sùi nứt nẻ, rồi lượm hết lá khô, cành cây khô đã bị gió thổi mang đến ùn lên rễ cây.

Suốt ba năm trời, nàng Hanakô ngày nào cũng chuyện trò với cây, và với thời gian, nàng đã thực sự quên rằng cây hoàn toàn khác với cô. Cây đã trở thành người bạn duy nhất để cô tâm sự, ký thác nỗi đau khổ cũng như chia sẻ niềm vui trong lòng mình.

Một buổi tối, như mọi khi, nàng về nhà có mang theo phần ăn cho mẹ. Hôm ấy, do bận công việc phải về muộn, cho nên nàng vội đi nhanh chân để mẹ nàng ăn cho đúng giờ và khỏi lo lắng. Từ xa, nàng đã tìm cái cây để xác định điểm giữa của đoạn đường, dù lần này nàng không có thì giờ để nói chuyện với cây. Nhưng nàng cũng có thể dừng lại một lát để vuốt ve cây, lòng nàng vui mừng vì sắp gặp được bạn thân, đến nỗi không nhận thấy mây đen đã kéo ùn ùn khắp cả bầu trời. Khi những giọt nước mưa đầu tiên rơi xuống, thì nàng cũng vừa kịp đến bên gốc cây để núp dưới tàn lá dày rậm rạp. Mưa rơi ào ào trên lá, Hanakô đứng nép sát vào thân cây, lắng nghe nước chảy ầm ầm như thác đổ.

Bỗng nàng có cảm giác như nghe có tiếng người nói xen lẫn với tiếng mưa rơi ầm ầm, tiếng nói văng vẳng bên tai nàng:

- Hanakô thân mến ơi, đã đến lúc chúng ta sắp chia tay nhau rồi. Ba hôm nữa, thợ mộc của nhà vua sẽ đến hạ tôi xuống. Người ta muốn lấy thân tôi để làm một chiếc thuyền. Trong vòng ba tháng, chiếc thuyền phải hạ thủy và người ta sẽ tổ chức một buổi lễ ăn mừng. Nhà vua sẽ đích thân đến tham dự. Trong giờ phút già từ này, tôi muốn cảm ơn cô, cảm ơn tình bạn của cô,

cám ơn tấm lòng ân cần của cô. Tấm lòng vàng của cô đã làm cho tôi xúc động vô cùng. Nhưng điều làm cho tôi cảm phục hơn nữa là tấm lòng tận tụy của cô đối với mẹ già, cô đã chăm sóc mẹ của mình rất chí tình. Cô thật xứng đáng để có một số phận tốt đẹp hơn, và vì khả năng tôi có thể giúp cô đạt được số phận tốt đẹp ấy, cho nên xin hãy lắng nghe tôi nói cho kỹ nhé: khi người quản lý ra lệnh hạ thủy chiếc thuyền, thì không có một sức mạnh nào trên đời có thể làm cho thuyền di chuyển được. Cuối cùng, nhà vua sẽ hứa khen tặng hậu hĩnh cho ai đẩy được chiếc thuyền xuống nước. Nhưng cũng chẳng có ai lay chuyển được, chỉ khi nào cô đến gần tôi và nói nhỏ: “Tôi đây, Hanakô đây, tôi đã đến với bạn đây” thì khi ấy chiếc thuyền mới nhẹ nhàng trượt xuống nước thôi. Xin giã biệt Hanakô thân yêu, mong cô mãi mãi dễ thương và tốt bụng.

Cây vừa nói xong thì mưa ngừng rơi và bầu trời trong sáng trở lại. Quá đỗi ngạc nhiên, Hanakô nhủ thầm: “Chắc mình nằm mơ rồi. Cây làm sao biết nói, cho dù cây này là bạn thân của mình”. Rồi nàng âu yếm vuốt ve thân cây, lấy cái túi xách và vôi vàng chạy về nhà.

Tối hôm sau, nàng lại dừng bên cây.

- Bạn biết không, – nàng vừa thở hổn hển vừa nói với cây – hôm qua mình đã mơ thấy ác mộng. Mình mơ thấy người ta sắp hạ bạn xuống. Mình tin chắc sẽ không bao giờ xảy ra chuyện đó. Nếu có chuyện đó thì mình sẽ lấy ai để chuyện trò?

Nhưng vào ngày thứ ba, khi Hanakô trở về nhà, nàng cố nhìn để tìm bạn từ xa, nhưng vòm cao rậm của cây đã biến mất. Nàng run sợ, vội đi nhanh, nhưng những điều cây báo trước cho nàng hay đã xảy đến. Ở chỗ thân cây kiêu hãnh vươn lên, thợ mộc đang chặt đứt những cành cuối cùng trên thân cây khổng lồ đã bị hạ xuống. Hanakô buồn bã, vuốt ve vỏ cây lần cuối, rồi chầm chậm chạy về nhà.

Tối hôm đó, trong nhà vắng tiếng ca hát vui tươi, Hanakô lặng lẽ giúp mẹ ăn cơm, lòng không ngớt nghĩ đến cây dẻ khốn khổ. Từ nay con đường qua rừng sẽ buồn biết bao vì không còn có bạn hiền nữa!

Tất cả những gì cây nói trước, bây giờ đều đã xảy ra. Giờ đây ở mép làng, ngay trên bờ sông đầy thợ thuyền, họ cưa thân cây ra, bào cho láng, tiện cộc, rồi đóng một chiếc thuyền lớn.

Ba tháng trôi qua, cạnh bờ nước hiện ra một chiếc thuyền xinh đẹp, thơm mùi gỗ, nằm lấp lánh dưới ánh mặt trời.

Rồi ngày hạ thủy chiếc thuyền đến, người ta tổ chức một buổi lễ tung bưng: dân chúng tụ lại đông đúc để xem cảnh hạ thủy chiếc thuyền. Người nào người nấy đều mặc áo quần đẹp nhất. Người buôn kẻ bán kéo đến, vô số quà bánh bày bán khắp nơi, nào là các thứ bánh bột gạo, bánh rán, cá tươi và các thức ăn ngon lành khác. Lại còn có cả nghệ sĩ sân khấu đến diễn trò trên bãi sông cạnh để giúp vui cho buổi lễ. Người ta chỉ còn đợi nhà vua nữa mà thôi, và ngài cùng đoàn tùy tùng hùng hậu đã đến sau cùng. Tất cả mọi người đều tuôn ra bờ sông, thiên hạ chen chúc nhau thôi thì đến cả một hạt lúa cũng không có đường lọt qua cho được.

Nhưng việc hạ thủy chiếc thuyền xảy ra như thế nào? Tất cả thợ thuyền ra sức đẩy chiếc thuyền, kéo đẩy, người lôi, dây kéo căng ra kêu răng rắc, thế mà chiếc thuyền vẫn trơ như đá, vững như đồng. Làm ra một chiếc thuyền đẹp đẽ như thế này mà không hạ thủy được, thì thứ hởi dùng nó vào việc gì đã chứ? Người quản lý tái mét vì lo sợ. Nhục nhã làm sao, có cả nhà vua chứng kiến nữa; mặc dù ông ta đã hết sức hò hét, la mắng, khuyến khích thợ thuyền ra sức đẩy, nhưng nó vẫn nằm ỳ ra đấy. Chiếc thuyền vẫn không nhúc nhích một tí nào. Khách đến xem cũng xuống đẩy giúp một tay, nhưng vẫn vô ích.

Cuối cùng nhà vua phải tuyên bố rằng ngài sẽ khen thưởng hậu hĩ những ai phá được bùa phép, trừ yếm nơi chiếc thuyền, để nó



chịu xuống nước. Khắp nước những người nổi tiếng có tài trừ tà ma, quí quái đều đáp ứng lời hiệu triệu của nhà vua, nhưng cũng chịu. Thậm chí cả các nhà sư thông thái và các bậc cao tay ấn cũng đành bó tay. Người nào cũng ra sức thử tài, nhưng không ai thành công hết. Chiếc thuyền vẫn nằm ì trên bãi, tỏa mùi gỗ thơm tho và lấp lánh dưới ánh mặt trời, không ai có thể làm cho nó trượt xuống nước được.

Hanakô đứng trong đám dân làng, nàng nhìn cảnh xảy ra, suy nghĩ để xem thử có nên nghe lời khuyên của cây đề không. Nhưng đã có nhiều người trở tài thử sức rồi kia mà. Nếu nàng muốn thử sức, thì thế nào cũng bị người ta nhạo báng mà thôi. Mà biết đâu nhỉ, biết đâu câu chuyện cây đề nói với nàng vào cái ngày xa xưa ấy lại là chuyện thực chứ không phải mộng mị gì hết? Vả lại khi nhớ đến lời cây nói với nàng hôm ấy, nàng thấy những lời cây nói đều đã xảy ra đúng với sự thật, cho nên nàng thu hết can đảm, bước ra khoảng trống trước mũi chiếc thuyền, cúi người chào thật thấp rồi nói lớn:

- Nếu quí ngài cho phép, tôi sẽ cố thử làm vô hiệu hóa bùa phép đã ám vào chiếc thuyền này.

Những điều nàng lo sợ đã xảy đến, mọi người đều ồ lên nhạo báng nàng. Nhất là những người đã trở tài để tìm vận may, những người có sức vóc và những thầy tu quý quyết. Một cô gái yếu đuối như thế kia mà lại định chơi trội hơn những người tài ba khác ư? Họ la lên:

- Hãy về nhà đi, cô bé ơi, đừng nghĩ đến chuyện vá trời lấp biển. Cô chỉ làm trở ngại công việc của người ta mà thôi.

Nhưng những người lân gia với nàng có mặt hôm ấy lại lên tiếng ủng hộ nàng:

- Cô Hanakô đấy, cứ để cho cô ấy thử sức đi. Cô ấy tốt và dễ thương lắm, cô ấy không làm chuyện gì bậy bạ đâu. Biết đâu cô ta có thể làm cho chiếc thuyền hạ thủy được.

Cuối cùng, người quản lý ra dấu cho cô trở tài, vì ông ta không muốn bỏ qua một cơ hội nào hết.

Hanakô bối rối, hồi hộp, bước đến gần chiếc thuyền rồi nói nhỏ:

- Tôi đây, Hanakô đây!

Vì quá xúc động, nàng nói quá nhỏ nên lời nàng không thể nghe hiểu được. Tất cả quan khách đều chăm chú nhìn nàng để xem công việc tiến hành ra sao. Hanakô đứng yên một chút để lấy lại bình tĩnh, rồi nàng nhích vào gần hơn, vuốt ve mạn thuyền và nói:

- Tôi là Hanakô đây, tôi đến với bạn đây!

Nàng vừa thốt xong những lời ấy, lập tức chiếc thuyền một mình từ từ di chuyển, nhẹ nhàng trượt xuống nước.

Thế là mọi người reo lên vui sướng. Tất cả đều khâm phục Hanakô, nhà vua cho gọi nàng đến để hỏi nàng muốn được khen thưởng gì.

Hanakô liền kể cho nhà vua nghe tình bạn thắm thiết giữa nàng và cây dẻ và cũng kể cho ngài biết cây đã muốn giúp nàng và mẹ nàng. Nhà vua rất hài lòng người con gái dễ thương, mẫu mực này, ngài thưởng cho nàng rất nhiều tiền bạc, và kể từ hôm ấy, nàng sống hạnh phúc, êm ấm bên cạnh mẹ già.

2ui dạ xoa

N gày xưa, trong một ngôi làng nằm cheo leo trên núi cao, có một thanh niên thừa hưởng gia sản của cha mẹ để lại gồm ngôi nhà nhỏ và một con ngựa đẹp. Anh sinh sống bằng cách thỉnh thoảng dẫn ngựa xuống phố nằm trên bờ biển, rồi mua những thứ dân làng cần thiết để đem lên bán cho họ, thường là muối, trà, thỉnh thoảng có cá cá biển béo ngậy.

Một hôm, anh xuống phố trở về, mang theo cá thu, cá ngừ và một bao muối. Suốt buổi sáng, anh phải nắm dây cương dẫn ngựa đi cho đến trưa, con đường lên núi gồ ghề khó khăn, cho nên cả người lẫn ngựa đều mệt mỏi, cần phải nghỉ ngơi. May thay, họ tìm được một khoáng rừng trống có cỏ tươi và dòng suối nước trong veo. Chàng thanh niên tháo hàng xuống để dưới một gốc cây có bóng mát và cho ngựa ăn cỏ. Rồi anh đi lượm ít cành khô, nhóm lửa, nấu cháo cá ngừ ăn để lấy lại sức, vì còn phải đi cả một quãng đường dài.

- Mình sẽ nướng thêm hai con cá thu và uống nước suối trong cho đã. Rồi mình sẽ lấy lại sức để tiếp tục lên đường và chẳng mấy chốc sẽ về đến nhà thôi.

Nồi cháo bắt đầu sôi, tỏa mùi thơm hấp dẫn khắp rừng, bỗng anh thấy một thanh niên. Chàng trai trẻ vạm vỡ từ trên núi đi xuống, anh chưa bao giờ thấy cậu ta cả.

Chàng trai trẻ đến gần, ngửi mùi cháo cá thơm tho, mắt anh lên vẻ thèm thuồng, chứng tỏ cậu đã đói meo. Cậu ta lên tiếng xin anh:

- Ôi, thưa ông, xin ông cho tôi ăn cháo với. Từ sáng đến giờ tôi chưa ăn uống gì hết, tôi đói quá rồi!

Giọng cậu ta nghe rất thảm, hai mắt hau háu nhìn nồi cháo. Chàng thanh niên nói với cậu trai trẻ:

- Chú ngồi xuống đi, tôi biết cảnh đói khát ra sao rồi. Nồi cháo này đủ cho cả hai người ăn, và tôi sẽ cho chú em thêm một miếng cá nướng nữa.

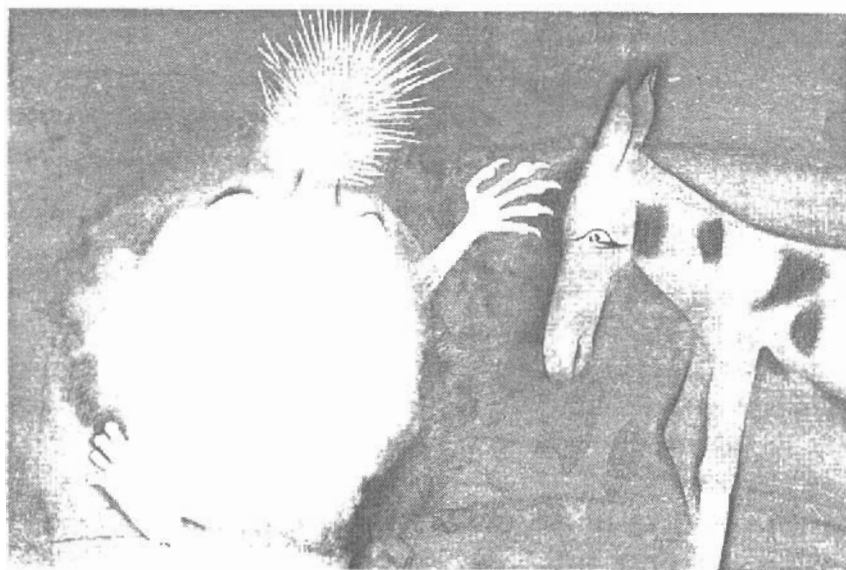
Anh múc một tô cháo nóng hổi đưa cho cậu trai. Rồi anh múc cho mình một tô và cặm cùi ăn đến nỗi không ngẩng đầu lên một lần. Cháo thật ngon và cá nướng lại tỏa ra mùi thơm rất hấp dẫn. Nhưng khi đứng lên để lấy cá thì bỗng anh thấy cậu trai xa lạ đang bỏ vào miệng miếng cá nướng cuối cùng.

Anh định nói với cậu ta rằng: “Cậu tham ăn quá!”; nhưng nhìn cặp mắt cậu ta có vẻ đói khát quá, nên anh im lặng và chỉ lấy tay làm dấu ra vẻ thất vọng mà thôi. Anh nói lẩm bẩm trong miệng: “Tội nghiệp cho cậu, không ăn gì lâu rồi nên cậu không chịu nổi. Nhưng chẳng sao, cháo ngon và nhiều, khi về đến làng ta sẽ nướng thêm vài con để ăn, lo gì!”.

Anh đứng lên để đi lấy ngựa chuẩn bị về, nhưng con ngựa đã vào trong rừng. Anh phải vào rừng bắt ngựa dẫn ra khoảng đất trống, đến nơi anh để hàng hóa hỏi nầy để chất hàng lên lưng ngựa. Nhưng kinh khủng làm sao, hàng hóa đều mất hết. Anh bèn quay nhìn khắp khoảng đất trống để xem có kẻ nào đã cuỗm hàng của mình không, bỗng tóc tai anh dựng lên vì khiếp hãi. Ở chỗ cậu trai vạm vỡ ngồi hỏi nầy, anh thấy một con quỷ dạ xoa gớm ghiếc. Cặp mắt nó long lên như hai hòn than đỏ, trên cái đầu ghê tởm của nó, tóc lởm chồm dựng đứng như kim bạc. Còn cái mõm thì quá khiếp, cái lưỡi đỏ dài xuống tận đất, đang nuốt món hàng còn lại của anh, nghĩa là nó nuốt bao muối vào họng. Còn cá thì không còn dấu vết gì hết.

Nhắc thấy chàng thanh niên, Dạ xoa nuốt nhanh bao muối rồi nhảy vào con mồi mới. Quá kệt, anh nhảy ra sau lưng ngựa để nấp. Dạ xoa liền vỗ ngay con ngựa rồi xé xác ra cho vào họng từng miếng thật lớn. Thấy Dạ xoa đang bận ăn con ngựa, anh bèn nhảy ra khỏi chỗ nấp, biến vào rừng rồi leo lên núi. Anh lấy hết sức chạy thật nhanh. Vì đã cố hết sức nên càng lúc anh càng thấy mệt, thường vấp lên ngã xuống nhiều lần, thế mà anh vẫn nghe xa xa vọng lại tiếng gầm gừ rất khủng khiếp.

“Quý dạ xoa đang đuổi theo ta rồi”, anh nhủ thầm, và nghĩ đến chuyện đó, tim anh như muốn ngừng đập. Anh cảm thấy khó mà chạy cho nhanh được, và chắc Dạ xoa chẳng mấy chốc nữa sẽ đuổi kịp thôi. Anh liền nhìn xem có chỗ nào an toàn để trốn không. Bỗng anh thấy trước mặt có một cái hồ và trên bờ hồ có một cây lớn cành lá rậm rạp. Anh liền vội vã leo lên cây. Thật đúng lúc vì quý dạ xoa cũng vừa tới. Nó thở hổn hển thật mạnh đến nỗi hơi thở của nó làm cho cây cối xung quanh phải rạp xuống hết, như bị một cơn gió rất mạnh thổi vào vậy.



Dạ xoa thấy hồ nước, nó nhủ thầm : “Gặp hồ nước thật đúng lúc. Muối làm cho ta khát quá trời”. Nó quỳ xuống bên bờ hồ, cúi mình xuống nước. Nhưng cái gì thế kia? Nó thấy bóng chàng thanh niên phản chiếu trên mặt hồ.

Dạ xoa hớn hở trong lòng, nó reo lên:

- A, cuối cùng thì tao cũng tìm ra mây rồi, con ơi! Thì ra mây trốn ở đây!

Nó đưa vuốt nhọn chụp vào nước để bắt cái bóng. Chưa bao giờ anh thấy một con thú khổng lồ ngu đến như thế này. Anh không làm sao nín cười được trước cảnh tượng quá sức tức cười như thế.

- A tốt, thì ra mây trên ấy – Dạ xoa nói, vẻ ngạc nhiên – nhưng cũng như nhau cả thôi, mây không thoát được đâu. Này, hãy nói nhanh lên, làm sao tao có thể với tới được mây?

Mặc dù chàng thanh niên quá sợ, nhưng bây giờ anh biết con quỷ này còn ngu hơn cả tính ham ăn của nó nhiều. Cho nên có thể anh tìm cách để lừa nó được.

Anh bèn vội vàng trả lời nó:

- Mây phải đội một tảng đá lớn, rất lớn trên đầu, rồi trèo lên cành cây khô kia kia, nếu không làm thế, mây sẽ không bao giờ lên được đây đâu.

- A ha! – Dạ xoa gầm gừ rồi nó đi tìm một tảng đá thật lớn. Nó tìm ra được một tảng đá hợp ý nó.

- Với viên đá này ta mới trèo được dễ dàng, – nó tự nhủ rồi để viên đá lên đầu và thận trọng leo lên cành cây khô mà anh đã chỉ cho nó. Tất nhiên là cành cây phải gãy dưới sức nặng của nó. Dạ xoa rơi tòm vào giữa hồ. Nước bắn lên thật cao, chàng thanh niên thừa cơ hội này, tụt nhanh xuống khỏi cây và chạy trốn.

Trong lúc đó trời đã tối, nỗi sợ hãi đã làm cho anh kiệt sức đến độ không đứng thẳng lên được nữa. Cho nên anh thấy vui sướng biết bao khi chợt thấy từ xa có ánh đèn.

- Chắc đây là nhà ở của người nào rồi. Có người ở bên cạnh, chắc không xảy ra chuyện gì nguy hiểm đâu. - Anh vui sướng như thắm rồi theo hướng có ánh sáng mà đi tới.

Một lát sau, anh đến trước một ngôi nhà nhỏ, anh gọi nhưng chẳng có ai trả lời. Thấy cửa mở, anh bèn bước vào. Căn nhà trống trải, chỉ có ngọn lửa nhảy múa trong lò. Thế này thì chắc chủ nhân không đi đâu xa, anh ngồi xuống bên lò lửa để đợi chủ nhà về. Anh ngồi như thế thật lâu, hai mắt riu lại. Bỗng anh nghe có tiếng chân nện thịch thịch trước nhà, rồi có tiếng thở hồng hộc quen quen và giọng cầu nhàu của Dạ xoa:

- Ta lại về nhà được rồi, phải hong người cho khô ráo mới được. Thăng ấy đã thoát được rồi, nhưng ít ra là ta cũng đã ăn và đỡ đói rồi. Cháo không tệ, còn cá thì quá tuyệt vời. Đó là không kể con ngựa! Thịt ngựa ngon làm sao! Chắc là ngựa còn tơ! Chỉ có điều bao muối tệ quá, đáng ra ta không nên ăn, cứ để tại chỗ cho rồi!

Anh liền tỉnh dậy ngay, cố tìm một chỗ nấp. Đêm đã khuya rồi, khó chạy trốn cho được, vì Dạ xoa đã ở trước nhà rồi. Túng quá, anh đành leo lên rầm nhà trên lò sưởi, nằm dán người vào chiếc xà gỗ để cho Dạ xoa khỏi thấy. Tình thế thật nguy nan, vì con quỷ vào nhà liền đi thẳng tới lò sưởi để hong người cho khô, sau khi miễn cưỡng phải tắm dưới hồ. Nó ướt mềm, run cầm cập vì lạnh. Nó ngồi một bên lò sưởi, đưa móng vuốt hơ trên ngọn lửa.

Một lát sau, nó lại tiếp tục nói một mình:

- Dù sao ta cũng tiếc thăng ấy. Đáng ra ta đã được ăn trắng miệng nó rồi chứ. Bây giờ nghĩ đến chuyện này, ta lại thấy đói. Giá mà còn có cái gì để ăn nhỉ?

Nói xong, nó lại đảo cặp mắt đỏ au nhìn khắp tứ phía.

- A, ta nghĩ ra rồi. Ta đi nấu bánh bột gạo để ăn. - Nó vừa rên rỉ vừa đứng lên, đi đến cái chạn để đồ ăn rồi quay lại, trên tay nắm tạp dề đựng nhiều bánh bột gạo. Nó để bánh trên tấm sắt lớn

để nướng cho vàng một bên, rồi trở sang phía khác, trở qua trở lại cho bánh vàng hết mới lấy bánh đã nướng để trên mép lò.

Lửa trong lò tỏa ra hơi ấm rất dễ chịu. Dạ xoa trở bánh càng lúc càng chậm dần. Đầu nó gục xuống ngực, rồi lại ngẩng lên rồi lại gục xuống, càng lúc đầu nó gục xuống càng nhiều, rồi cuối cùng nó không ngẩng lên nữa, nó ngủ khi, ngáy vang như sấm.

Mùi bánh thơm phảng phất lên tận trần nhà, kích thích chàng thanh niên khiến bụng anh cồn cào. Anh muốn được ăn bánh, nhưng làm sao lấy được? Anh nhìn quanh, thấy cái sào dài nằm trên xà gỗ gần đấy.

- Cái này dùng được đây, - anh nhủ thầm rồi thận trọng đưa tay ra. Dạ xoa vẫn ngáy, không nhúc nhích. Anh lấy cái sào rồi đâm đầu nhọn vào một miếng bánh nằm trên mép lò. Miếng bánh xa Dạ xoa nhất. Anh từ từ kéo miếng bánh lên. A, ngon quá! Nhưng một miếng không làm dịu được cơn đói. Anh cố thọc miếng nữa rồi miếng nữa - và chẳng mấy chốc, miếng bánh cuối cùng hết sạch.

Dạ xoa ngủ thêm một lát nữa rồi thức dậy. Nó nhìn quanh, vé bực bội, rồi càu nhàu:

- Mình định làm cái gì nhỉ? A, nhớ rồi. Mình muốn đi lấy bánh bột gạo trong cái chạn đựng đồ ăn.

Nó đứng dậy, đi lấy thêm cả một đồng bánh nữa đem đến lò. Nó cẩn thận nướng cái này rồi cái khác, và để trên mép lò. Mùi thơm của bánh và hơi ấm của lửa lại làm cho Dạ xoa buồn ngủ, nó lăn ra ngủ và ngáy như sấm. Chàng thanh niên thấy những cái bánh vàng, không cưỡng lại được, anh lấy cái gậy có đầu nhọn thọc cái này rồi đến cái khác. Anh thọc bánh quá chắc chắn đến nỗi không để ý gì đến Dạ xoa nữa. Con quỷ ngáy như sấm, ngáy cho đến khi anh thọc hết cái bánh cuối cùng.

Một lát sau, nó thức dậy rồi lại lẩm bẩm tự hỏi:

- Mình định làm gì nhỉ? A, nhớ rồi, mình định đi lấy bánh bột gạo trong tủ đựng thức ăn đem ra nướng.

Nó đứng dậy, nhưng đi được nửa chừng, nó bèn dừng lại, quay lui về ngạc nhiên.

- Mà mình nướng bánh rồi kia mà, mùi thơm đang còn phảng phất trong phòng đấy thôi!

Nó tìm khắp lò, nhưng không thấy một cái bánh nào hết. Trong lúc đó, người thanh niên nằm trên rầm nhà toát mồ hôi hột vì lo sợ. Thế nhưng, Dạ xoa lại vui mừng reo lên:

- Chắc là thần hạnh phúc PhuKuRôKuĐiU ăn rồi, thần rất thích bánh bột gạo. Miễn sao thần ăn thấy khoái khẩu là được. Có vậy thần mới mang đến cho ta hạnh phúc. Nếu muốn thì ta vẫn có thể nướng thêm để ăn cơ mà.

Nó dợm người định đến tủ để đồ ăn lấy bánh thì bỗng nó đổi ý.

- Ta mệt quá rồi. Thôi không làm gì nữa. Đi ngủ là tốt nhất.

Rồi nó có ý định hỏi thần PhuKuRôKuĐiU nó nên ngủ ở đâu, ngủ trong chảo hay là ngủ trên rầm gỗ để có mộng đẹp, vì nó nghĩ chắc thần hạnh phúc đang ở trong phòng.

Nó ra đứng ở giữa phòng rồi la lớn:

- Hỡi thần PhuKuRôKuĐiU, tôi ao ước có được một giấc mộng đẹp, vậy tôi nên ngủ ở đâu, ngủ trên rầm hay ngủ trong chảo?

- Ngủ trong chảo! – Chàng thanh niên bắt chước giọng nói trả lời một cách chắc nịch.

- Tốt, tôi sẽ ngủ trong chảo vậy. – Dạ xoa nằm vào cái chảo lớn, trở mình tìm một thế nằm cho êm, rồi vừa ngáp vừa lấy nắp chảo đậy lại.

Chàng thanh niên đợi cho đến khi con quỷ ngáy như sấm trong chảo, anh mới tụt xuống khỏi rầm nhà, rồi đi ra cửa. Khi Dạ xoa thức dậy, chắc anh đã cao chạy xa bay đến đâu rồi.

Nhưng khi mới đi được vài bước, bỗng anh dừng lại và tự nhủ:

- Mình không thể chạy trốn con quỷ như thế này được, không thể để cho nó tiếp tục tác oai tác quái nữa!

Anh ra ngoài, mò mẫm trong đêm tối tìm một viên đá thật nặng, mang vào nhà và đặt lên trên cái nắp chảo.

Khi đặt viên đá lên nắp chảo, anh đã đánh thức quỷ dạ xoa dậy. Nó trở mình trong chảo, ngái ngủ, càu nhàu:

- Con gà trống ngu ngốc thật, tại sao trời đang còn tối mà mày đã gáy!

Chàng thanh niên đợi cho con quỷ ngủ say lại, anh mới đi lấy củi chất dưới chảo rồi đốt lửa lên.

Tiếng kêu của cái bật lửa lại đánh thức con Dạ xoa dậy. Nó nổi giận, càu nhàu:

- Này con gà trống khốn nạn, mày không để cho tao yên hay sao? Có lẽ mày định gáy cả đêm à? - Càu nhàu xong, nó trở người và ngủ tiếp.

Bên ngoài, trời đã bình minh, căn phòng bắt đầu sáng dần, ánh lửa phụ thêm với ánh sáng của cảnh bình minh lại càng làm cho căn phòng sáng tỏ thêm. Lửa càng lúc càng cháy mạnh, bùng cao.

Lửa nổ tí tách làm cho Dạ xoa tỉnh dậy lần nữa, nó la lên:

- Con vật khốn nạn, mày không ngừng gáy cho tao yên được hả, tao sẽ ăn thịt mày đấy!

- Mày không ăn ai được nữa đâu! – Chàng thanh niên nói, lòng vui mừng rồi anh chất thêm củi vào lửa, cho đến khi Dạ xoa chết hẳn mới thôi.

Khi lửa đã tắt, chàng thanh niên định ra về thì bỗng anh nhớ lại con ngựa khốn khổ, anh buồn rầu nói:

- Mình đã thắng quỷ dạ xoa và thoát chết. Con quỷ ghê tởm

không còn làm hại ai được nữa. Nhưng mình không còn ngựa nữa. Mình biết làm gì nhỉ. Lấy gì làm kế sinh nhai đây, vì mình không thể ra phố chợ hàng về bán cho dân làng được nữa và số cá đem về cho họ, Dạ xoa đã nuốt hết rồi, ăn làm sao, nói làm sao đây?

Anh buồn bã bước ra khỏi nhà, nhưng mới ra ngoài, anh bỗng dừng lại. Bây giờ là ban ngày rồi, anh thấy quanh nhà đầy cả xương, không những xương thú vật thôi mà còn rất nhiều sọ người.

- Thật khốn khổ! Tất cả đều là nạn nhân của Dạ xoa, tí nữa thì mình cũng đã thành nạn nhân của nó rồi. Họ không có được một nắm mỏ!

Anh trở vào nhà, tìm một cái xẻng, ra đào một cái hố. Khi cái hố sâu đến thất lưng, lưỡi xẻng của anh va vào một thùng đầy tiền vàng. Anh mừng rỡ reo lên:

- Đền bù thiệt hại những thứ Dạ xoa lấy của mình như thế này, kể cũng quá rộng rãi đấy!

Rồi anh chôn hết xương người vào hố, vác thùng tiền vàng lên vai, rồi hí hửng về nhà.



Mèo cái và nhà sư

Ngày xưa, có một nhà sư hành ngoại, ông đi khắp nơi từ mùa xuân cho tới mùa đông, khi thì hái cỏ thuốc trong rừng, khi thì cầu nguyện ở các đám tang, và khi thì đi bắt mạch khám bệnh, mà việc chữa bệnh của ông rất thành công. Mỗi khi bệnh nhân lành bệnh, họ đều mời ông ở lại, nhưng ông không bao giờ lợi dụng lòng tốt của họ lâu. Sau một vài ngày, ông lại gói ghém hành lý rồi ra đi. Cuộc sống như thế này dĩ nhiên là rất gian khổ vào mùa đông, những khi gặp thời tiết khắc nghiệt ông lại tìm một tu viện để vào sống cho qua đợt thời tiết xấu. Đến khi mặt trời vừa chiếu ấm lại một chút, là nhà sư lại ra đi, trên người chỉ có chiếc áo chùng đen, đôi dép rách và cái túi xách cũ rách trên lưng. Nhưng vì nhà sư không bao giờ ở lâu một chỗ cho nên người ta dễ dàng quên ông, không ai thực sự nhớ ông, cho đến khi ông đã lớn tuổi, ông thật khó bề tự lo đầy đủ những nhu cầu cần thiết cho mình. Chỗ ngủ thì tồi tàn thua sút những người khác; cái ăn thì thất thường, không giờ giấc nhất định. Thế nhưng, không vì thế mà ông nản chí. Ông vui sướng khi được nhìn ngắm núi cao, chiêm ngưỡng những thác nước trong trẻo, được lắng nghe tiếng chim hót, được thấy thú vật tung tăng chạy nhảy, bỏ hết sự thăng trầm để ngắm mây bay trên trời.

Một hôm, khi đến thành phố PhuKuSiMa (Fukujima), ông đang đứng giữa chợ, phân vân không biết có thể xin ai vui lòng cho ông trú qua đêm, thì bỗng có một người đứng tuổi nói với ông:

- Có lẽ ông từ xa đến, vì tôi chưa bao giờ thấy ông.

- Đây là lần đầu tiên tôi đến thành phố này, tôi đang phân vân không biết sẽ qua đêm ở đâu. Ông có thể làm ơn cho tôi biết ý kiến được không?

- Ô, trong thành phố của chúng tôi chẳng có gì làm cho ông phải sợ hết. Nhưng vì đây là lần đầu tiên đến đây, chắc ông chưa biết gì về chuyện đã xảy ra trong thành phố. Ông chánh án đang gặp phải một chuyện rất đau đớn. Cô con gái duy nhất của ông ấy bị bệnh nặng, không ai có thể cứu chữa được. Ông ta mời đến rất nhiều vị lương y – ngay cả các vị ở kinh kỳ – nhưng không ai chữa cho cô ấy thuyên giảm được chút nào hết. Quan tòa cũng đã mời đến nhiều vị sư danh tiếng để xem bệnh cho con, nhưng vẫn không có kết quả gì. Cô gái cứ nằm mãi, không nói năng một lời, không ăn uống, càng ngày càng yếu. Quan tòa đã nhờ xóm giềng mời đến cho ông ta tất cả những người khách lạ có mặt trong thành phố. Ông ta nghĩ có thể trong số khách lạ này sẽ có người nào đó biết về y thuật hay là giúp ý kiến tốt cho gia đình. Tôi thấy ông là một nhà sư khả kính, chắc ông biết được các loại bệnh của con người. Vậy ông có muốn đến đây để xem thử vận may ra sao không?

Nhà sư lắng nghe câu chuyện, ông hứa sẽ đến thăm cô con gái quan chánh án, nhưng ông không thể hứa trước kết quả ra sao.

Nhà sư bèn hỏi địa chỉ nhà ông chánh án, người đàn ông đáp:

- Ngài cứ đi thẳng. Nhà của ông ấy nằm cuối cùng bên phải con đường chính của thành phố.

Nhà sư theo sự chỉ dẫn đi đến con đường chính của thành phố. Khi đến gần ngôi nhà của quan tòa, bỗng có một con mèo cái lông lốm đốm từ trong một lỗ hổng của hàng rào đi ra, nó chặn đường nhà sư lại và kêu lên:

- Nhà sư đáng kính ơi, xin ngài đợi một chút, tôi có chuyện này cần phải nói cho ngài biết.

Nhà sư dừng lại, ngạc nhiên nhìn con mèo.

- Meo, tôi nghĩ ngài là người tốt, có lòng thương người. Tôi không biết giải quyết ra sao chuyện đã làm tôi đau khổ, cho nên tôi phải xin nhờ ngài cho ý kiến giúp đỡ. Nếu ngài hứa giúp, tôi sẽ cho ngài biết những chuyện quan trọng. Tôi sống trong nhà này đã lâu rồi, và tôi biết lý do gì khiến ngài đến chỗ ông quan tòa. Việc ngài chữa lành bệnh cho cô gái đều hoàn toàn phụ thuộc vào tôi.

Nhà sư vuốt ve con mèo, hứa sẽ giúp nó tùy theo khả năng của mình.

Mèo cái liền nói tiếp:

- Bệnh của cô gái con ông quan tòa không phải là bệnh thông thường. Chính tôi là kẻ đã gây bệnh cho cô ấy, để trừng phạt tội ác mà gia đình này đã gây ra cho tôi. Tôi sống trong nhà này đã mười hai năm rồi, và mỗi năm, ông quan tòa đều đem nước chết hai con của tôi. Mà tôi thì rất muốn có nhiều con và nuôi chúng khôn lớn đàng hoàng. Tôi lại sắp có con nữa, cho nên tôi đã quyết định báo thù. Nếu ngài thu xếp làm sao mà bảy con của tôi sắp ra đời



sốt, và nếu ngài đem tôi ra khỏi đây được, thì con gái quan tòa sẽ lành bệnh. Còn không, cô ta sẽ chết.

Cặp mắt xanh của mèo cái chòng chọc nhìn nhà sư.

Nhà sư có vẻ hơi ngạc nhiên, nhưng rồi ông rất thông cảm nỗi đau khổ của mèo cái, ông hứa sẽ giúp đỡ nó. Đến gần nhà quan tòa, ông gọi lớn:

- Có ai trong nhà không? Tôi đến thăm bệnh nhân đây.

Tôi tứ đổ xô ra, cả nhà đang buồn rầu và người mẹ xanh xao vì đau khổ cũng chạy ra theo. Lập tức họ dẫn nhà sư vào phòng cô gái đang lâm bệnh

Cô gái nằm dài trên giường. Mặt cô xanh lét, khiến cho mái tóc đen xòa trên khăn trải giường trắng càng nổi bật hẳn lên. Cô gái nằm bất động, buồn bã, không muốn nhìn đến khách đang đi vào nữa.

Cha mẹ cô van xin nhà sư:

- Cháu mắc bệnh đã lâu rồi. Không có thầy thuốc nào định bệnh được cho cháu. Bây giờ xin ngài giúp đỡ. Xin ngài cứu sống đứa con duy nhất của chúng tôi

Nhà sư nghiêng đầu, lấy tròng hạt ra rồi tụng niệm:

- BÔ-RÔNG, BÔ-RÔNG, MIÔ-KÔ TĂNG SIKI-U-TAI SA-HÔ XÔ-BI-NĂNG SÔ-TÂY KU XĂNG...

Giọng nhà sư dịu dàng, lời kinh vang khắp phòng. Người cha và người mẹ chăm chú nhìn vào mắt con gái. Bỗng trên khuôn mặt nhợt nhạt hiện ra nụ cười e thẹn. Khi nhà sư tụng niệm tiếp, bệnh nhân bắt đầu nhúc nhích rồi ngồi dậy và bằng một giọng yếu ớt, nhưng rõ ràng cô gái nói:

- Ôi, con đói bụng!

Niềm vui của cha mẹ cô thật vô bờ. Họ ôm hôn cô con gái, sai người nhà đem thức ăn thức uống đến, nước mát lưng tròng, hai

người hết lời cảm ơn nhà sư. Họ mời ông vào ở căn phòng đẹp nhất và mời ăn những thức ăn ngon lành nhất. Họ sẵn sàng trả công cho nhà sư bất cứ thứ gì ông đòi hỏi, vì ông đã cứu sống đứa con gái duy nhất, nguồn hạnh phúc của đời họ.

Sau một hồi nghe họ nài nỉ yêu cầu, nhà sư đáp:

- Hai ông bà hãy cho tôi con mèo đốm. Tôi không đòi hỏi những thứ gì khác nữa.

Ông quan tòa rất ngạc nhiên khi thấy nhà sư đòi hỏi công lao quá khiêm nhường, nhưng nhà sư một mực không đòi hỏi gì nữa hết, cho nên ông ta bỏ thêm vào túi xách cho nhà sư vắt cơm và bánh bột gạo. Nhà sư lấy con mèo cái bỏ vào túi xách, mang lên vai, sẵn sàng ra đi. Trước khi từ giã hai vợ chồng quan tòa, nhà sư khuyên:

- Nếu hai ông bà muốn tránh khỏi trường hợp như thế này xảy ra trong tương lai, thì hai ông bà đừng đim nước chết những con mèo con của mình nữa.

Từ lúc ấy, con mèo cái theo nhà sư đi khắp nơi. Nhà sư và con mèo cái không phải lúc nào cũng gặp những ngày đẹp trời, nhưng nhà sư chia sẻ những gì ông có với con mèo, và khi những con mèo con ra đời, ông tìm được một căn nhà cũ bỏ hoang gần ngôi làng. Ông vào ở đấy với con mèo cái và giúp nó nuôi nấng lũ mèo con. Trong vùng này có nhiều tu viện nổi tiếng và có rất nhiều tu sĩ tiếng tăm, nhưng chỉ có những nhà sư nào nghèo hơn nhà sư của chúng ta mới đến thăm ông. Mùa đông đến gần, nhà sư ít khi kiếm được thức ăn cho ông và con mèo cái. Ngoài ra không phải chỉ có vấn đề ăn uống cho đỡ đói thôi đâu, mà còn vấn đề kiếm củi sưởi ấm nữa.

Nhà sư suy nghĩ rất lâu, rồi một hôm. Ông nói với mèo:

- Nay mèo thân, chắc mày biết rõ chúng ta khổ sở như thế nào rồi. Mùa đông sắp đến, mà vùng này mùa đông lại rất khắc nghiệt.

Ta đã suy nghĩ từ lâu để tìm một lối thoát cho hoàn cảnh của chúng ta, nhưng vẫn không tìm ra. Vậy người phải chia tay với ta thôi, vì ở với ta, người chỉ gặp cảnh đói khát khổ cực mà thôi. Người hãy tìm một người chủ giàu có rồi đưa các con đến ở. Quanh đây có nhiều ngôi chùa giàu có, chắc người sẽ tìm ra một nhà sư tốt bụng chăm lo cho. Còn phần mình, chắc ta cũng tìm cách đến trú ngụ ở một ngôi chùa giàu có.

Mèo cái cong lưng lên, kêu gừ gừ nho nhỏ rồi nhìn bảy con đang chơi trong cái giỏ, vẻ hân hoan sung sướng.

- Meo! - Mèo đáp nho nhỏ. - Ngài đừng bận tâm lo lắng cho chúng tôi, và ngài cũng đừng lo cho mình, ngài đã cứu sống bảy con của tôi khỏi bị chết đuối, lại còn làm thỏa mãn được lòng ao ước tha thiết nhất của tôi. Ngài đã thật tình chia sẻ từng miếng ăn nhỏ nhất với tôi, cho nên ngài thường không có gì trong bụng hết. Đã từ lâu tôi có ý định tìm cách để đền đáp ơn nghĩa cho ngài, vì lòng tốt của ngài, nhưng chưa biết làm sao. Cuối cùng, tôi đã tìm ra được một cách. Xin ngài nghe tôi nói đây. Vào hôm dạ vũ của mèo, trong buổi dạ vũ này, tất cả mèo trong vùng đều được mời đến dự, tôi nghe nói rằng trong vài hôm nữa, bà nội của người thương gia bán nước xốt đậu, người giàu nhất vùng này, sẽ chết. Đây là một dịp tốt để tôi giúp ngài. Người thương gia giàu có sẽ mời đến tất cả những nhà sư danh tiếng để họ làm lễ an táng cho bà nội ông ta được trọng thể. Sau khi các nhà sư đã cầu nguyện xong, họ sẽ nâng cái hòm lên để mang đi, lúc đó tôi sẽ đưa cái hòm lên cao trên không và giữ cái hòm đứng yên như thế mà không để cho ai thấy tôi hết. Không có một sức lực nào trên đời này có thể di chuyển được cái hòm, không kéo xuống thấp, không đẩy tới trước, mà cũng không đẩy lui được. Những nhà sư, kể cả những nhà sư danh tiếng cũng không làm gì được. Tình trạng này chỉ giải quyết được khi ngài bắt đầu cầu nguyện. Nhưng trong lời cầu nguyện, ngài hãy ám chỉ đôi điều về mèo. Xem như tôi đã chính thức cảm ơn ngài trước mặt các tu sĩ và tôi sẽ hạ cái hòm xuống. Vì những

lời cầu kinh đều khó hiểu, nên chẳng ai hiểu chuyện gì đã xảy ra. Nếu ngài là người duy nhất làm cho quan tài hạ xuống bệ được, ngài sẽ nổi tiếng khắp nước, ngài sẽ khỏi cần phải đi khát thực để kiếm sống. Ngài không còn trẻ nữa, và việc đi lang thang đây đó không tốt nữa đâu.

Nhà sư lắc đầu, vẻ nghi ngại, vì ngài không tin vào chuyện phép của mèo cái. Nhưng ông không muốn phá tan niềm hy vọng của nó, ông không chống đối ý kiến gì của mèo, và ngược lại, ông còn hứa sẽ làm đúng theo nó.

Quả đúng như vậy, năm ngày sau, bà nội của người thương gia giàu có bán xốt đậu chết. Lễ an táng sẽ tổ chức rất long trọng, vì ông là người cháu nội hiếu đễ, lại thêm ông ta là thương gia giàu có nhất trong vùng. Người ta không làm sao đếm cho xuể số tu sĩ và đạo hữu trong giáo hội đến dự tang lễ. Quan tài chạm trổ rất tinh vi, để trên cái bệ, từ tối cho đến sáng, người ta nghe không ngớt tiếng tụng kinh và tiếng lẩn trẩn hạt phát ra lóc cóc trong bàn thờ. Lễ tang đến hồi kết thúc, các tu sĩ chuẩn bị nâng linh cữu lên để mang đi, thì bỗng nhiên quan tài tự nâng lên trên không và nằm lơ lửng giữa khoảng không, như thể được một sức mạnh vô hình nào chống đỡ vậy. Những tu sĩ cố kéo cái hòm xuống, nhưng cái hòm vẫn nằm trơ trên không, người ta buộc phải kết luận đã có phép thuật phù thủy nhúng tay vào việc này

Người thương gia và gia đình rất sợ hãi. Có phải gia đình chưa mời những người xứng đáng để lo việc tang ma cho bà nội ông không?

Phải chăng họ đã phạm lỗi lầm gì? Chỉ có cầu nguyện mới phá tan được phép thuật như thế này thôi. Gia đình hứa sẽ đền đáp ơn nghĩa cho nhà sư nào làm cho quan tài hạ xuống và kết thúc tang lễ như họ đã dự kiến ban đầu.

Các nhà sư lại cầu nguyện, những viên gỗ của tràng hạt lại va nhau kêu lách cách càng nhanh đến độ tóe lửa, nhưng chắc việc cầu

nguyện của họ chưa thích hợp, vì linh cữu vẫn nằm ì trên không. Các nhà sư bèn lần lượt từng người cố cầu nguyện bí mật. Người nào cũng cho là lời cầu nguyện của mình mới có hiệu quả. Cuối cùng cả nhà vang lên tiếng cãi cọ nhau triền miên, và các nhà sư đã đi đến chỗ dùng tay để tranh chấp nhau. Nhưng cảnh náo động này đương nhiên không thể làm cho linh cữu về lại chỗ cũ trên bệ được.

Dân làng tựu đến, họ nhạo báng các tu sĩ:

- Đúng rồi, chắc chắn chuyện này đâu phải dễ như chuyện ăn cơm gạo thơm và lén ních cá béo cho đầy bụng bụng! Các ngài tài giỏi lắm mà! Bây giờ hãy trở tài pháp thuật ra đi, để làm cho cái hòm hạ xuống xem nào.

Đám người lại kháo nhau:

- Nhìn mấy ông thầy tu kia! Họ đánh lộn nhau để xem ai có thuật phù thủy cao cường, nhưng chẳng ai có khả năng làm cho cái hòm về lại chỗ cũ.

Thế nhưng, các nhà sư vẫn cố sức để trở tài. Rõ ràng là họ không muốn thú nhận là mình thất bại, nhưng dù họ đã cầu nguyện hết sức mà quan tài vẫn nằm yên trên không.

Cuối cùng, người thương gia hết kiên nhẫn, ông nói:

- Thật xấu hổ! Đám tang bà nội đáng kính của tôi hỏng bét rồi, bà nội của một thương gia giàu có nhất trong vùng này. Có bao giờ quý vị chứng kiến một cảnh tượng như thế này không?

Ông ta bèn cho gia nhân đi khắp các vùng chung quanh để tìm những nhà sư giỏi và hứa sẽ thưởng những gì họ muốn, nếu làm cho quan tài hạ xuống bệ cũ là được.

Tất cả tu sĩ khắp nơi đều đến thử vận may, người này rồi đến người khác tụng kinh cầu nguyện, nhưng vẫn không thành công.

- Bọn bay đã mời hết thầy tu chưa? – người thương gia giàu có hỏi gia nhân.

- Dạ hết, thưa ông chủ, không sót một ai! –Họ đáp.

- Chả lẽ không một vị sư nào có thể giúp được chúng ta sao? – người thương gia lẩm bẩm nói, lòng quá thất vọng. – Các người cố nhớ xem có để sót một ai chưa mời không?

Cuối cùng một gia nhân sau khi cố moi óc để nhớ, đã lên tiếng đáp:

- Quả thật chúng tôi đã quên mất một vị. Có một vị ở không xa đây, ông ta ở trong một ngôi chùa cũ hoang phế, đã hư hỏng hết một nửa, với một con mèo cái và lũ mèo con. Nhưng chắc ông ta không làm được gì đâu, vì mặc dù đã lớn tuổi, nhưng ông không có tiếng tăm gì hết, và lại sống rất khổ cực. Nếu các vị sư danh tiếng nhất mà đã bó tay không giúp được gì thì chắc ông thầy tu này cũng không giải quyết được chuyện này đâu.

- Hãy đi mời ông ta đến đây mau lên. Không được bỏ sót bất cứ một ai có khả năng. – Người thương gia ra lệnh, lập tức gia nhân chạy đến ngôi chùa cũ để mời nhà sư già ở đây.

Khi nhà sư đến, người thương gia nói:

- Chắc ngài đã biết chuyện xảy ra trong nhà tôi rồi. Xin ngài tha lỗi cho bọn gia nhân của tôi đã không nghĩ đến ngài sớm hơn, nhưng vì ngài chưa được nổi tiếng trong vùng này. Bây giờ tôi tha thiết xin ngài làm cho linh cứu hạ xuống, để chúng tôi kết thúc tang lễ được đàng hoàng như đã dự kiến. Ngài là niềm hy vọng cuối cùng của tôi, vì cho mãi đến bây giờ, không ai thành công được, mặc dù các nhà sư danh tiếng nhất đã thử tài pháp thuật của họ rồi. Nếu ngài làm cho cái hòm hạ xuống chỗ cũ, tôi sẽ hậu thưởng cho ngài rất hậu hĩ, và tôi sẽ xây cất cho ngài một ngôi chùa mới.

Nhà sư cúi người chào mà không nói một lời, rồi đi vào trong phòng có quan tài đang nằm lơ lửng trên không như được những sức mạnh vô hình nào chống đỡ vậy.

Các nhà sư chen lấn xung quanh, họ nhạo báng ông già mặc áo quần rách rưới.

- Xem lão già khốn khổ kia, hấn muốn thực hiện công việc mà chúng ta đã bỏ tay. Thật ngạc nhiên là hấn lại cả gan nhận làm việc này!

Còn dân làng thì đưa tay chỉ ông, nói với nhau:

- Xem ông thầy kia kìa. Ông thầy tu ở ngôi chùa cũ bỏ hoang đấy. Ông ta làm gì được ngoài việc ăn cơm vắt nhĩ?

- Này các ông, ông ta có vẻ không được ăn cơm vắt đầy đủ. Nhìn ông ta gầy gò quá, còn áo quần thì cũ mèm, rách rưới. Biết đâu ông thầy tu nghèo này lại có thể giỏi hơn những ông thầy tu ăn no mặc đẹp kia cũng nên.

Nhà sư không để ý những lời họ nói, ông cảm bằng như lời nói của họ không có liên quan gì đến mình. Ông đến gần quan tài nằm lơ lửng trên không, rồi cầu nguyện:

- BÔ-RÔNG, BÔ RÔNG, MIÔ KÔ TĂNG SI ... - Chiếc quan tài vẫn không nhúc nhích - KIU TAI XAHÔ MÈO CÁI... - Ngay lúc ấy, chiếc quan tài từ từ hạ xuống bệ.

Tất cả đều thở phào nhẹ nhõm, và người thương gia giàu có, vẫn còn hoang mang, ra lệnh nâng hòm lên để tiếp tục lễ an táng. Ông ta sợ phép phù thủy sẽ ám lại.

Nhưng chiếc quan tài đã trở lại là một chiếc quan tài bình thường. Các nhà sư lại tiếp tục công việc của mình, bà con thân quyến và khách khứa đưa tiễn linh cữu đi một hàng dài, và người quá cố được chôn cất đàng hoàng xứng đáng, đúng như đám ma của gia đình một thương nhân giàu nhất vùng.

Sau khi đám tang xong, người thương gia mời nhà sư già đến, hỏi ông muốn xây cất chùa ở đâu. Nhưng nhà sư không muốn xây chùa mới. Ông chỉ muốn tu sửa lại cái chùa cũ bỏ hoang, tàn phế mà thôi. Nguyện vọng của ông được thực hiện liền. Người thương

gia cho gọi thợ đến: thợ mộc, thợ chạm, thợ sơn, và nhiều thợ khác nữa đến làm. Chẳng bao lâu sau, ngôi chùa cũ nhường chỗ cho một ngôi chùa bằng gỗ chạm trổ tinh vi, cột sơn mài đỏ, và trong chùa có nhiều tượng Phật, tượng Thánh chạm trổ thật đẹp.

Ngôi chùa mới đã thu hút được nhiều thầy tu các chùa nhỏ xa xôi, họ tụ tập đến, và sau một thời gian, ngôi chùa hình thành một tu viện lớn. Vị sư già trở thành thượng tọa cai quản tu viện, ngài nổi tiếng khắp nơi nhờ tài thực hiện tang lễ của người thương gia thành công, và ngôi chùa trở thành địa điểm lui tới cho nhiều khách hành hương, có nhiều thương gia và thợ thuyền đi theo. Cho nên, chỉ một thời gian ngắn, cả một thành phố mọc lên quanh ngôi chùa. Thành ra, kế hoạch của con mèo cái không chỉ giúp cho nhà sư thôi, mà còn giúp cho nhiều người trong thành phố có được nhà ở và công ăn việc làm.

Nhà sư đã sống hạnh phúc với con mèo cái, chỉ khi đến mùa xuân, ngài mới rời tu viện một thời gian để ngao du thưởng ngoạn cảnh vật thiên nhiên, vui thú cảnh núi rừng xanh tươi và nghe chim chóc ca hát. Nhưng rồi ngài lại vội vã quay về, vì ngài đã già rồi, chân cứng yếu đuối, chứ không như hồi còn thanh xuân. Việc phiêu lãng khắp nơi quả đã trở nên nhọc nhằn cho một người già.

Những lúc tham dự các buổi lễ tang, ngài thường khuyên tang chủ trang hoàng linh cữu bằng một cái đầu rồng. Ngài thường lắm bầm một mình thật nhỏ để không ai nghe được lời mình!

- Đề phòng trường hợp con mèo cái có thiện ý muốn giúp ai, để dè dặt làm trở ngại tang lễ!

Có trung gian giới cũng chẳng lợi quái gì

Vào thời thật xa xưa, khi ấy thế giới có diện mạo khác xa với bây giờ. Cỏ thì mọc cao đến tận trời, còn cây thì chỉ ngang đến đầu gối thôi. Thời ấy rắn chưa có mắt, nhưng ngược lại, nó có giọng hát nam trung thật tuyệt vời. Ngoài ra, nó không hãnh diện tự mãn vì có giọng hát hay, mà chỉ chăm lo luyện tập từ sáng đến tối. Không có kẻ nào hát hay hơn nó được. Vì quá buồn bã, nên nó hát để ca ngợi ánh sáng mặt trời, ca ngợi những hạt sương long lanh, ca ngợi vẻ đẹp muôn màu của hoa và những vì sao mà khi đêm đến đã thấp sáng lồng đèn trong bầu trời xanh thẳm, nói tóm lại là nó hát ca ngợi những gì mà nó không bao giờ nhìn thấy bằng mắt được. Nó quả là một ca sĩ độc nhất vô nhị. Khán thính giả nghe nó hát đều than thở:

- Nếu không có những điệu hát gọi cảm của rắn, thì chắc chúng ta không biết được thế giới này đẹp thế nào. –Duy chỉ có con rắn là không biết mà thôi. Nó chỉ hình dung ra thế giới, và có lẽ đấy là lý do mà theo trí tưởng tượng của rắn, thế giới này thật quá đẹp, không lời nào tả hết được. Cho nên, nó đã dùng giọng ca nam trung để bộc lộ nỗi niềm đau khổ của mình cho rừng núi, cho toàn thế giới nghe.

Cũng vào thời đó, ở trên sườn đồi không xa bao nhiêu, có một con giun đất mang một tật bẩm sinh khác cũng rất đau đớn. Giun ra đời có cặp mắt to u buồn nhưng lại câm. Cho nên nó thấy được ánh sáng mặt trời và thấy được bướm muôn màu bay lượn, nhưng lại không có khả năng biểu lộ niềm vui của mình với kẻ khác. Nó chỉ nhìn thế giới với cặp mắt to lồ lộ, nhưng các thú vật khác không thèm hay biết gì đến sự huệ diện của nó. Ra đời không có khả năng ca hát để bày tỏ nỗi khổ của mình như rắn, nên không ai biết được nỗi niềm đau khổ to lớn của giun đất.

Một hôm vào mùa xuân, một con dế phiêu lưu đến ở trong rừng. Nó nghe tiếng ca não ruột của con rắn, và vì nó nhỏ xác, cho nên nó thấy được nỗi buồn mệnh mang hiện ra trên cặp mắt to u buồn của con giun đất. Bỗng nó nảy ra một sáng kiến. Nó đợi cho con rắn bò ra khỏi hang và hát xong đoạn đầu của bài ca, mới nói với rắn:

- Thưa ông rắn, ông hát hay quá. Chắc ông sung sướng được trở lại với thế giới sau giấc ngủ đông dài.



- Bộ ông tưởng thế là số phận của tôi được thay đổi ư; không đâu, tôi luôn luôn sống trong cảnh đêm đen dài triền miên vô tận. Tôi không thấy được cảnh mùa xuân đẹp đẽ, không thấy được cánh cây cối nở hoa. Tôi không thấy cái gì hết. – Rắn buồn rầu than thở.

Để mền thích thú khi nghe rắn nói thế và đáp:

- Này, ông rắn, tôi đã suy nghĩ đến cảnh ngộ hẩm hiu của ông. Một kẻ có tâm hồn nhạy cảm như tôi, hẳn phải thông cảm sâu sắc nỗi đau đớn của ông khi nghe tiếng hát. Tôi rất muốn giúp ông, nên có ý kiến đề nghị với ông như thế này. Nhưng xin nói trước cho ông hay là giải pháp tôi đề nghị chắc cũng không dễ. Nếu ông chịu chấp nhận một sự hy sinh lớn, từ bỏ giọng ca tuyệt vời của mình đi, thì tôi có thể dàn xếp để ông có mắt mà nhìn xem cảnh đẹp thiên nhiên trên cõi đời này.

- Ông nói nghe thật kỳ lạ, ông để mền à, - rắn đáp, vẻ nghi ngại, - tôi sẽ cho tất cả những gì mình có, để đổi lấy cặp mắt. Nhưng chuyện này rất khó, vì trên đời này, chẳng có ai chịu hy sinh cặp mắt của mình đâu, vì mắt là thứ tuyệt vời nhất trên thế gian này.

- Mỗi người đều có nỗi buồn khổ riêng của mình, và họ cho số phận của mình là tệ nhất trên đời. Mới đây, nhân khi đi dạo chơi, tôi đã gặp con giun đất, nhìn nỗi buồn mênh mang hiện ra trên mắt nó, đôi mắt biểu cảm, tôi liền nhủ thầm, chắc con giun đất sẽ bằng lòng trao đổi mắt cho ông. Giải pháp này giúp cho cả hai được việc. Ông thì có mắt để nhìn, còn giun thì có thể nói được.

Rắn nghi ngại, lắc đầu nhẹ nhẹ, đáp:

- Tôi không biết có ai lại chịu đổi mắt để lấy giọng hát không? Mắt quý nhất trên đời này. Riêng tôi, tôi sẽ sung sướng khi có mắt để nhìn đời, còn giọng thì có thiếu chẳng nữa cũng được.

Để mèn lại nhắc lại lần nữa, là ở đời mỗi người đều có nỗi khổ riêng của mình, khó có thể biết được nỗi khổ nào lớn hơn nỗi khổ nào, rồi nó đề nghị với rấn sẵn lòng làm trung gian dàn xếp để giun chịu đổi mắt cho rấn.

Để mèn vừa đề nghị xong là rấn chấp nhận liền, để mèn chạy nhanh đến tìm con giun.

Gặp con vật bò sát buồn bã, để đề nghị liền:

- Thưa ông giun, thấy nỗi buồn không tả được trên mắt ông, trái tim đa cảm của tôi xúc động vô cùng. Tôi đã thao thức nhiều đêm để suy nghĩ cách giúp đỡ ông. Vậy xin hãy nghe tôi nói đây, tôi có ý kiến như thế này: ông có sẵn sàng cho cặp mắt của mình đi để đổi lấy tiếng nói mà kể cho mọi người nghe nỗi khổ tâm của mình và để nói chuyện với mọi người không? Theo tôi thì dù sao ông cũng đã trông thấy thế giới này rồi.

Nghe để mèn nói một cách lạ lùng như thế, giun run cầm cập cả người, cặp mắt buồn càng giương to hơn nữa. Để mèn lại nói tiếp:

- Chắc ông thường nghe tiếng hát buồn bã của con rấn ở trong khoáng rừng trống rồi. Tôi có thể tưởng tượng ra được tâm trạng của ông, tâm trạng ao ước được thổ lộ tình cảm trong lòng ra ngoài, được tâm sự với những thú vật khác về nỗi khổ của mình. Vậy ông có muốn hát hay như rấn không?

Giun cảm thấy phấn chấn trong lòng, nó gật đầu tỏ ý chấp nhận. Để mèn bèn nói tiếp:

- Đây, ông biết chuyện này không khó đâu. Nếu ông sẵn sàng trao đổi đôi mắt của mình để lấy giọng nói của rấn, thì tôi nghĩ cả hai đều được hạnh phúc, nghĩa là nếu rấn chịu đổi.

Để nói lên sự đồng ý của mình, giun nhấp nháy lông mi thật nhanh, khiến cho để mèn phải bàng hoàng. Để nói tiếp:

- Rõ ràng là thuyết phục cho được kẻ có giọng hát hay chịu hy sinh đổi cho kẻ khác là một chuyện không phải dễ, nhưng nếu ông

cho phép tôi đóng vai trò trung gian. Tôi sẽ cố hết sức để làm cho được điều ông ao ước nhất.

Khi con giun gật đầu ra vẻ bằng lòng, chú đế mèn hớn hở trong lòng, thoa hai chân vào nhau, rồi nói:

- Vậy là chúng ta thỏa thuận nhau rồi!

Mắt con giun sáng lên vì vui mừng. Đế mèn dợm chân bước đi, bỗng nó quay lại một lần nữa để nói:

- Vì tôi đã đóng vai trung gian cho một công việc khá khó khăn, cho nên tôi muốn có một phần thưởng nho nhỏ.

Con giun dùng mắt để trả lời cho đế biết giun bằng lòng, đế nói tiếp:

- Ông biết là tôi rất thích hát giọng của rấn, chỉ một lần thôi là đủ rồi. Khi đôi đôi mắt của ông để lấy giọng hát của rấn, tôi không muốn ông trả công gì hết, mà chỉ muốn ông cho tôi mượn giọng hát của rấn một lát, một lát thôi là được rồi. Khi nào muốn dùng giọng hát, ông chỉ cần nói với tôi một tiếng là tôi trả cho ông ngay.

Nhìn đôi mắt của giun không có dấu hiệu gì phản đối, đế mèn liền chạy nhanh đến gặp rấn, và chỉ một lát sau, hai con vật bất hạnh đổi chác vật quý cho nhau. Rấn nhận cặp mắt to u buồn của giun, và giun nhận giọng hát của rấn

Vì đã thỏa thuận với nhau rồi, con giun cho đế mèn mượn giọng ca của rấn một lát. Đợi đã từ lâu, bây giờ đợi một chút nữa cũng không sao. Có lẽ muốn hát thử bài hát người ta cho nó mượn ngay lập tức. Bài hát của rấn thì rất dài và đế phải nuốt nhanh cho hết. Trong việc hấp tấp nuốt nhanh bài hát, nó đã để mất một ít giọng trầm, nhưng bài hát vẫn còn rất hay. Suốt mấy ngày liền con đế hát toàn giọng cao, và chẳng mấy chốc mà nó nổi tiếng là ca sĩ ưu tú.

Thời gian càng trôi qua, đế lại càng không muốn trao trả giọng hát. Cho nên, thỉnh thoảng nó lại chạy đến gặp con giun đất để nói với giun một giọng điệu rất trắng trợn:

- Ông giun đất à, tôi xin giữ giọng ca một thời gian nữa nhé? Ông không phản đối phải không? Cám ơn nhiều.

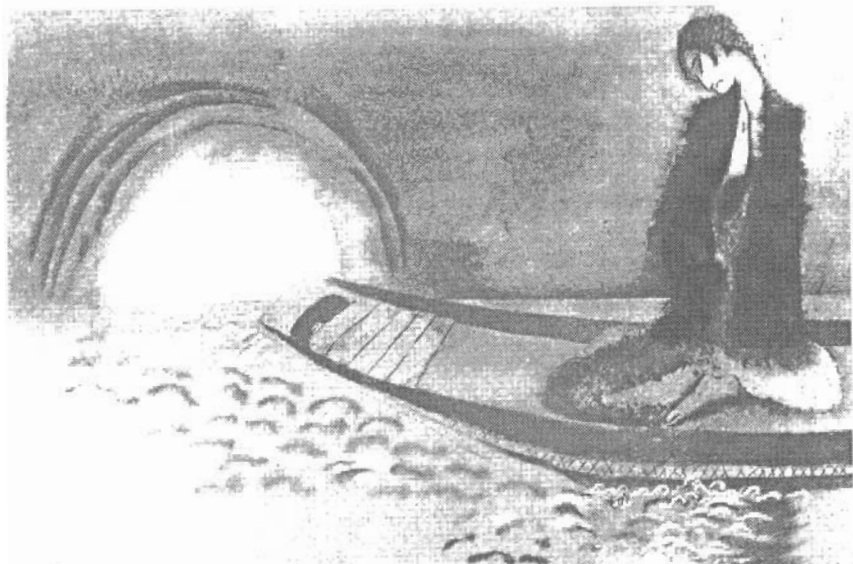
Nói xong nó biến liền.

Con giun đất không có giọng nên không nói được: “trả giọng hát cho tôi”. Nó cũng không có mắt để nhìn khiển trách đế. Vì mắt nó đã đưa cho rắn rồi.

Từ hôm ấy, giun đất đến với ánh sáng khi nghe con đế hát để theo đuổi giọng hát. Nhưng làm thế nào cũng chẳng được việc gì, vì nó không nói được với đế lời nào, còn con đế thì tảng lờ như không thấy con giun đất. Cho nên, con giun đào đất từ đầu mùa hè cho đến khi bão táp nổi lên vào mùa thu, nó theo đuổi tiếng hát của đế, rồi nó đợi trong các đầm hào để hy vọng cuối cùng con đế sẽ trả lại giọng hát hay cho nó.

Chàng đánh cá URaSiMa

Ngày xưa có một chàng đánh cá tên là URaSiMa (Ourachima), cùng ở với cha mẹ trong một ngôi làng nhỏ. Căn nhà của họ nằm ở cách xa làng một chút, khuất dưới vách đá cao chồm ra mặt biển. Gần đấy, trải dài một cánh rừng thông. Khi thời tiết tốt, URaSiMa đi biển đánh cá từ lúc rạng đông để rồi trở về sớm hay muộn tùy theo số cá đánh được. Thậm chí có lúc đến tối anh mới về, và những lúc này, cha mẹ anh đều ngồi ngoài bãi, đưa mắt nhìn ra chân trời xa để ngóng chiếc thuyền đánh cá nhỏ bé, lòng phân vân không biết số cá đánh được có đủ để mai đem ra chợ bán không.



Một hôm – vào buổi sáng mùa xuân đẹp đẽ, bầu trời không một gợn mây và gió nhẹ ấm áp thổi qua rừng thông – URaSiMa đi biển từ sáng sớm, hy vọng đánh được nhiều cá để về sớm hơn mọi khi, và có thì giờ để tán gẫu một lát với bạn bè trong làng vì đã từ lâu anh chưa có dịp để vui chơi cùng họ. Nhưng hy vọng này đã không được thực hiện. Anh quăng lưới nhiều lần, và lần nào lưới cũng trống trơn. Quá trưa đã lâu mà anh không đánh được con cá nào. Anh định quăng lưới một lần chót để thử vận may, nếu lưới vẫn trống trơn, anh sẽ về, vì chắc hôm nay vận rủi đã theo anh rồi.

Nhưng lần này hình như vận may mỉm cười với anh. Khi kéo lưới lên, anh thấy lưới nặng. Anh cố sức lôi lên, và cuối cùng vật đánh được trong lưới hiện ra trên mặt nước. Đây là một con cá Vền, loại cá anh chưa bao giờ thấy. Không những khác với những loại cá anh thường gặp trước đây, mà nó lại còn rất đẹp, đẹp đến nỗi URaSiMa phải bàng hoàng kinh ngạc. Cá long lanh ánh bạc, khi ánh mặt trời chiếu vào, vảy cá lóe lên đủ màu sắc của chiếc cầu vồng. Nhưng đẹp nhất là cặp mắt, nhìn URaSiMa với vẻ buồn rầu khiến anh không có lòng dạ nào để giết chết cả. Vả lại, đem một con cá đẹp như thế này ra bán ngoài chợ, anh thấy tiếc vô cùng. Cho nên, URaSiMa hết sức cẩn thận lấy cá ra khỏi lưới, rồi thả lại xuống biển. Như một luồng sáng, con cá rẽ sóng lội đi, quay lại lần nữa để nhìn URaSiMa với ánh mắt cảm ơn, rồi biến mất dưới nước sâu.

URaSiMa lên thuyền quay về bờ, đầu óc nghĩ ngợi mông lung, không làm sao quên được ánh mắt cầu khẩn của con cá Vền khi nó nhìn anh. Anh quyết định không nói cho ai biết về chuyện đã bắt được con cá kỳ lạ này. Vì dù nói cách nào đi nữa thì họ cũng không tin, và ngoài ra, họ lại còn chế nhạo anh nữa, vì anh đã thả một con cá kỳ lạ như thế. Cha mẹ anh đang ngồi đợi trên bãi biển, thấy con buồn bã và kín đáo, cho nên họ khuyên giải anh, nói với anh rằng ngày mai chắc anh sẽ gặp may hơn.

Hôm sau thời tiết còn đẹp hơn nữa, và URaSiMa chèo thuyền ra khơi từ lúc bình minh. Anh vừa chèo thuyền vừa đưa mắt nhìn bờ bể nơi có vách đá cao thẳng đứng, về căn nhà của mình. Anh nhìn mãi cho đến khi không còn trông thấy chúng nữa. Ra đến giữa vịnh, anh thả neo rồi chuẩn bị quăng lưới, bỗng anh nghe như có ai gọi tên mình:

- URaSiMa, URaSiMa ơi!

Anh ngạc nhiên, nhìn quanh, vì ai lại gọi tên anh ở đây, ở giữa biển khơi như thế này. Bỗng anh thấy một con rùa thật lớn đang lội nhanh về phía thuyền của anh. Có phải con rùa gọi anh không?

Quả đúng vậy, khi con rùa bơi đến gần thuyền anh, nó ngẩng đầu lên khỏi mặt nước và nói bằng tiếng người:

- URaSiMa, đại vương của hải dương phái tôi lên tìm anh. Hôm qua, anh đã tha mạng cho ái nữ duy nhất của đại vương, cho nên ngài mời anh xuống thủy cung chơi, nơi mà không bao giờ có người nào trên dương thế để chân đến được. Anh hãy ngồi lên lưng tôi, tôi sẽ mang anh đến đó. URaSiMa hết sức ngạc nhiên, đến nỗi anh bàng hoàng một hồi mới nhớ lại được những lời con rùa vừa nói. Nhưng anh phân vân không biết có nên tin con rùa này được không.

Thấy anh lưỡng lự, con rùa nói tiếp:

- Anh đừng sợ. Bộ mai rùa của tôi đủ lớn để anh có thể ngồi yên ổn. Anh đừng sợ nước biển, nước sẽ rẽ ra hai bên trước mặt chúng ta để cho anh khỏi ướt. Thôi mau lên, đại vương và công chúa đang đợi anh đấy.

Nghĩ đến chuyện mình là người đầu tiên đến thăm thủy cung, anh thấy chuyến đi quả thật hấp dẫn, ngoài ra lại còn chính đại vương của hải dương đích thân mời anh nữa chứ. Anh không lưỡng lự lâu thêm nữa, rời khỏi thuyền, bước lên lưng rùa – anh không ngờ cái mai rùa lại lớn như thế này và ngồi trên có vẻ bảo đảm quá.

Con rùa lội đi, nước rẽ ra hai bên tạo thành một con đường nhỏ. Họ đi liên tục không ngừng, con rùa kể cho anh nghe:

- Anh cần biết là cứ một năm một lần, công chúa của chúng tôi lại được dạo chơi ngoài cung điện. Ngày ấy, nàng hóa ra hình con cá Vền bạc, và chúng tôi lội trước cửa của cung điện, vì tôi là người bảo hộ cho công chúa. Ngày hôm qua cũng thế, nhưng lần này công chúa lại có ý định đi xa hơn, thay vì chỉ lội quanh cung thành như thường lệ thôi. Tôi đã cố thuyết phục nhưng vô ích. Tôi chưa kịp ngăn cấm thì nàng đã lội nhanh đi, thoáng một cái là không còn thấy bóng dáng nàng đâu nữa. Tôi vô cùng lo sợ. Vì công chúa còn thiếu nhiều kinh nghiệm và không biết gì về những mối nguy hiểm đang rình rập mình khắp nơi. Rõ ràng là nàng đã hốt hoảng trở về, và may là nàng được một người có lòng tốt như anh bắt, nếu không, chắc nàng đã gặp nguy rồi. Lần sau, chắc nàng sẽ biết vâng lời.

Trong lúc đó, họ đến một khu vườn trồng thủy hoa và trong số các xoáy nước trước mặt, bỗng hiện ra cánh cửa thủy cung, lâu đài của đại vương dưới biển.

Tòa lâu đài đẹp làm sao! Cửa cung điện làm bằng san hô đỏ đẹp nhất, mái nhà lợp toàn xà cừ tinh khiết nhất, còn cột trong cung điện đều được khảm ngọc, ngọc lớn và rất trắng. Từ tòa lâu đài, tỏa ra một thứ ánh sáng màu xanh kỳ lạ, URaSiMa không làm sao hiểu nổi.

Anh quay người lại; phía sau họ, nước bị ngăn lại bên ngoài lâu đài, cá đủ màu sắc bơi lội tung tăng. Trên cổng vào lâu đài, cảnh tượng thật linh hoạt: cá lớn, cá bé, bạch tuộc, sao biển, mực, cua và tôm hùm vào ra tấp nập, nhưng điều lạ lùng nhất là khi bước qua ngưỡng cửa lâu đài, họ đều biến dạng hết. Ai vào cũng đều biến thành người, và tất cả đều mang trên áo quần mình hình ảnh của sinh vật biển hiện tại của họ, hình ảnh có người vẽ, có người thêu. Còn những ai đi ra thì mất hình người và trở lại cá, sao biển...

Khi con rùa và URaSiMa đi đến cửa, tất cả mọi người đều kính cẩn tránh lối cho họ vào. Con rùa cũng biến dạng, bỗng nhiên URaSiMa thấy đứng bên cạnh mình là một bà quản gia tươi cười, chiếc áo dài của bà thêu toàn hình rùa.

- Chúng ta đã đến rồi, - con rùa nói, hay đúng hơn là bà quản gia... -Hôm nay, quang cảnh có vẻ tấp nập hơn mọi khi, vì có tin là chúng tôi mời một vị khách ở xứ người đến chơi, và nhà vua và công chúa mở đại tiệc chiêu đãi. Nhanh lên, đừng để chủ nhà đáng kính đợi chúng ta.

Họ đi qua sân cung điện, ở đây đã có nhiều khách đến dự, họ đứng từng tùm với nhau, tất cả đều cúi thấp người chào anh. Rồi họ vào chánh điện. Tòa nhà này cũng đẹp không thua sút gì tòa nhà phía trước. Ngoài ra lại còn được trang hoàng những viên đá kỳ lạ, URaSiMa không nhận ra được đấy là loại đá gì, vì nó có khả năng làm phân tán luồng ánh sáng xanh rực rỡ đã chiếu khắp nơi quanh lâu đài. Ở cửa vào chánh điện, đứng năm nữ quan mặc kimono thêu hình cá vền bạc. Họ bao quanh anh và con rùa, rồi dẫn cả hai qua một hành lang dài để vào đại sảnh. Công chúa và các thiếu nữ thân tín đang đợi họ ở đấy. Con gái đại vương dưới biển là người duy nhất mặc chiếc áo dài bằng lụa trắng mà không thêu hình ảnh gì hết; nhưng mỗi cử động của nàng, những nếp xếp của chiếc áo dài sáng long lanh như bọt bể nước. Công chúa vui vẻ chào URaSiMa, cảm ơn anh đã cứu mạng nàng, nước mắt lưng tròng. Rồi nàng dẫn anh đi qua căn phòng để đến ra mắt đại vương. Nhà vua của đại dương rất uy nghi, không một ai được phép nhìn thẳng vào mặt ngài, cho nên trong bữa tiệc ngài phải ngồi khuất sau tấm màn bằng ngọc thật dày. Từ sau bức màn phát ra tiếng nói của đại vương, ngài cảm ơn URaSiMa đã cứu sống công chúa, giọng nói người rất trầm khiến cho người ta nghĩ đến tiếng sóng biển ì ầm xa xa. Khi đại vương đã cảm ơn anh xong, ngài ra lệnh bắt đầu đại lễ.

Tiếng kèn đồng bắt đầu vang lên, ở bốn bức tường của gian phòng, cửa mở ra, người hầu mang đến cho mỗi khách một cái bàn nhỏ khảm xà cừ, trên bàn để một cái khay đựng những món ăn hảo hạng. Công chúa dẫn URaSiMa đến chỗ ngồi danh dự, rồi các quan trong triều cũng như tất cả khách khứa đều vào chỗ, tùy theo thứ bậc tạo thành những hàng dài dọc theo hai bức tường. Và trong lúc mọi người đang say sưa ăn món rong biển và hải sâm, thì công chúa nói chuyện với anh, kể cho anh nghe thói quen của những vị khách và cuộc sống dưới thủy cung.

- Như anh thấy đấy, tất cả cư dân của đại dương đều gặp nhau tại nhà chúng tôi và cùng nhau trò chuyện thân thiện, cá mập nói chuyện với cá tuyết và sao biển, bạch tuộc nói chuyện với cá trích, mà thường khi ở ngoài chúng là kẻ thù không đội trời chung. Ở trong hoàng cung, tất cả đều là bạn bè – luật lệ của vương quốc chúng tôi là như thế. Tôi hy vọng anh cảm thấy vui sướng khi ở tại nhà chúng tôi. – Công chúa nói với anh như thế sau khi đã kể chuyện xong.

Sau khi ăn xong, nhạc công đến ngồi vào góc phòng chơi nhạc khiêu vũ trên võ sò rất hài hòa. Theo lời mời của công chúa, khách lần lượt bước ra nghiêng người trước cử tọa, rồi nhảy điệu vũ thích hợp với mình. Rùa thì nhảy điệu đùng đưa như ru con, cá chình thì cong người và vặn vẹo thân hình mảnh mai, cua nhảy điệu đi thụt lùi. Nhưng những vị khách được hoan hô nhiệt liệt nhất là cá chuồn, chúng nhảy rất kỳ lạ, khi nhạc trỗi cao thì chúng bay người lên không, phất mạnh hai tay áo kimono thật dài, điệu bộ thật duyên dáng.

Phải mất một thời gian thật lâu họ mới nhảy xong, và khi kết thúc điệu vũ riêng biệt của mỗi loài, tất cả lại sắp thành một hàng dài, cùng nhảy tập thể. Không để cho khách say sưa khiêu vũ trông thấy, công chúa dẫn anh ra khỏi phòng đi thăm cung điện. Họ đi dọc theo những hành lang dài, mở cửa phòng này xem, rồi

mở cửa phòng khác. Phòng nào cũng có nét đẹp độc đáo riêng và tất cả đều nhìn ra cảnh đẹp đa dạng của đại dương. Mỗi khi vào phòng nào, công chúa lại giảng giải cho anh nghe vùng biển họ đang nhìn có đặc điểm gì, sinh vật sống quanh vùng đó ra sao.

Mãi miết đi từ phòng này qua phòng khác như thế, bỗng URaSiMa nghĩ đến thời gian anh ở dưới đại dương đã khá lâu. Chắc trời tối rồi, hay có lẽ đã đến sáng hôm sau rồi cũng nên, và chắc cha mẹ anh rất lo lắng khi thấy anh không về. Nghĩ thế, anh bỗng cảm thấy nhớ nhà, nhớ làng nước quê hương, anh thấy đã đến lúc phải ra về.

Công chúa nhận thấy URaSiMa đang lơ đãng, tâm trí để tận đâu đâu, nàng bèn hỏi tại sao anh có vẻ không vui, khi nghe nói anh muốn về nhà, nàng buồn bã ra mặt, cặp mắt xinh đẹp ướt đẫm nước mắt, nàng nói:

- Thật tiếc, em cứ hy vọng anh thấy thích ở lại nhà em, thích ở xứ em mãi mãi. Ở đây mọi người đều tốt với anh và dành cho anh nhiều vinh dự kia mà. Anh hãy suy nghĩ lại cho kỹ đi. Có lẽ bây giờ anh không còn thích thú gì khi lên lại trên mặt đất đâu.

URaSiMa nghe nàng nói, anh bàng hoàng kinh ngạc. Anh rất ân hận vì đã làm cho công chúa buồn, nhưng lòng anh lại rất mong muốn thấy lại cha mẹ, thấy lại làng nước, và gặp lại bạn bè. Anh cảm ơn công chúa đã có lòng tốt mời anh ở lại, xin công chúa đừng vì thế mà giận anh, và trình bày cho nàng hiểu vì anh là người, nên anh cảm thấy phải sống với thế giới loài người mà thôi.

Cuối cùng công chúa đành nói với anh:

-Nếu anh đã quyết chí về lại quê hương thì xin hãy đợi cho một chút, em sẽ tặng anh một món quà lưu niệm.

Nàng nắm tay URaSiMa dẫn anh đi về phía cuối lâu đài, đến một cái phòng chứa đầy kho tàng quý hiếm của đại vương. Anh thấy vô vàn ngọc trai và đá quý, nhưng công chúa không thềm để

ý đến những thứ quý giá ấy, nàng đi đến một góc ở cuối phòng, lấy một cái hộp nhỏ bằng gỗ và đưa cho URaSiMa. Nàng nói:

- Trong cái hộp này là cả một kho tàng quý giá, anh không tìm thấy đâu trên thế gian có một vật quý hiếm như thế này đâu. Em có thể cho anh nhiều ngọc ngà đá quý bao nhiêu cũng được. Nhưng em chỉ muốn cho anh cái gì quý hiếm nhất mà thôi, vật mà khi lên trần gian anh sẽ dùng nó để muốn gì là có nấy, không thiếu cái gì. Anh hãy lấy cái hộp này. Ở bên trong hộp có một viên đá quý, viên đá có giá trị nhiều hơn tất cả các vật báu trên thế gian. Anh chỉ kê miệng vào lỗ hổng này mà nói nhỏ những gì mình muốn, rồi vỗ tay ba lần, thế là những gì anh muốn sẽ hiện ra trước mắt. Nhưng, xin anh hãy nhớ một điều: nếu anh muốn được sống hạnh phúc thì đừng bao giờ mở cái hộp này ra!

URaSiMa cảm ơn công chúa, rồi chia tay từ giã nàng. Ra phòng ngoài, anh tìm lại con rùa. Tất cả khách khứa sắp thành một hàng dài tới tận cửa cung điện. Đến ngưỡng cửa, bà quản gia biến thành con rùa, URaSiMa cầm cái hộp trên tay bước lên ngồi trên lưng rùa.

Nước biển lại rẽ ra hai bên, ánh sáng dần dần hiện ra rõ hơn, rồi cuối cùng họ đến bờ. Đến đây, rùa chia tay anh và nói:

- Xin giã biệt, URaSiMa, hãy thường nhớ đến công chúa của chúng tôi.

Nói xong, rùa biến mất.

URaSiMa nhìn quanh, anh quá đỗi kinh ngạc. Tất cả vừa quen thuộc nhưng cũng vừa rất xa lạ. Anh nhớ cái vịnh cũ và bờ đá cao dốc đứng bên bờ biển. Nhưng ở chỗ có ngôi nhà cha mẹ anh thì chỉ còn cát với cát thôi, và rừng thông trải dài rộng hơn, dày đậm hơn. Không hiểu cơ sự đã ra sao rồi, anh bèn rảo bước vào làng. Con đường dẫn vào làng toàn cỏ dại mọc đầy, như thể đã từ lâu không có người qua lại. Ngôi làng hoàn toàn thay đổi. Nhà cửa

nhiều hơn, to lớn hơn, đẹp hơn. URaSiMa không thấy người nào quen biết. Tất cả những người anh gặp đều xa lạ. Cuối cùng, một người chặn anh lại, hỏi:

- Này anh, anh ở đâu đến và tìm ai?

Khi nghe URaSiMa nói tên mình, người lạ bèn hỏi:

- URaSiMa à? Lạ nhỉ. Tôi nhớ là xưa nay ở làng chúng tôi có ai tên URaSiMa đâu.

Nhiều người tụ đến, họ bao quanh chàng thanh niên bất hạnh này, nhìn anh một cách lạ kỳ và nói nhỏ với nhau:

- Anh chàng xa lạ này thật kỳ quặc, không ai biết anh ta hết mà anh ta thì lại cho mình là người làng này.

Sau cùng, anh quyết định đến gặp nhà sư thông thái ở ngôi chùa nằm phía sau làng.

Nhà sư ngạc nhiên khi thấy có rất nhiều người đến chùa, rồi ngài lắng nghe câu chuyện kỳ lạ của chàng trai trẻ.

- URaSiMa à? URaSiMa à? Tôi không quen biết có ai tên URaSiMa hết, nhưng mà cái tên này hình như tôi có nghe người ta đã nói đến. Để xem nào, để tôi cố nhớ lại xem sao.

Và quả vậy, ông đã nhớ. Ông nói:

- Cái tên này trong chuyện truyền thuyết kể lại đã lâu rồi, tôi từng nghe vị sư trụ trì trước đây ở chùa này kể lại. Ngài là bậc tiền bối của tôi, ngài kể rằng ngày xưa có một chàng đánh cá một hôm trời trong biển lặng chèo thuyền đi đánh cá, rồi đi mãi không bao giờ trở về. Người ta chỉ tìm thấy chiếc thuyền của anh ta neo ngoài vịnh. Nhưng anh chắc không có liên hệ gì với người đánh cá URaSiMa này đâu, vì chuyện này đã xảy ra cách đây ba trăm năm rồi.

Thế là URaSiMa hiểu ra rằng thời gian dưới thủy cung trôi rất chậm so với thời gian trên mặt đất. Anh bèn kể cho những người đi theo anh đến chùa làng nghe câu chuyện đã xảy ra. Anh kể anh

đã đánh bắt được con gái của vua đại vương ra sao, rồi anh thả nàng ra sao. Anh kể anh đã được mời đi thăm thủy cung và khi ra về công chúa đã tặng anh cái hộp thần để làm quà kỷ niệm. Vừa kể đến đây, anh liền nghĩ ngay đến chuyện anh có thể dễ dàng mời tất cả bà con theo anh đến chùa dự một bữa tiệc thịnh soạn, xem như anh chiêu đãi xóm giềng mới, hậu duệ của bạn bè ngày xưa. Anh lật ngược cái hộp lên, nói nhỏ vào cái lỗ dưới đáy hộp:

- Tôi cần một bữa tiệc để chiêu đãi nhà sư khả kính và bạn bè của tôi.

Rồi anh vỗ tay ba lần và lập tức trước mặt mỗi người có một chiếc bàn nhỏ, trên bàn để cái khay đựng đầy thức ăn ngon lành. Những người dự tiệc quá đỗi ngạc nhiên, họ cảm ơn URaSiMa, rồi vừa ăn họ vừa yêu cầu URaSiMa kể cho họ nghe thêm những chuyện ở dưới đại dương. Nhà sư bèn đem giấy bút ra, ông ghi ngay tại chỗ câu chuyện kỳ lạ do anh kể lại.

URaSiMa xây lại nhà ở trên bãi, nơi ngày xưa cha mẹ anh đã sống. Anh nhờ cái hộp xây cho anh một căn nhà nhỏ giống y chang ngôi nhà của cha mẹ anh ngày ấy, nơi cả ba người đã sống cách đây ba trăm năm. Nhưng anh không đi đánh cá nữa, một phần anh sợ bắt phải bạn bè dưới biển, một phần vì không cần thiết nữa. Ngoài ra, URaSiMa cũng không có thì giờ rảnh rỗi đâu mà đi đánh cá, vì xa gần khắp nơi, người ta thường đến để nghe anh kể chuyện về cung điện thủy vương ở dưới đáy biển. URaSiMa giúp đỡ cho nhiều người, giúp những người nghèo khổ đến với anh, cho họ thức ăn, đôi lúc còn cho cả áo quần để mặc nữa.

Chẳng bao lâu sau, câu chuyện của chàng đánh cá đã đến thăm thủy vương cung và cho quà người nghèo đến tai nhà vua. Nhà vua cho chuyện này kỳ lạ quá. Phải chăng anh chàng đánh cá này là tên phù thủy độc ác? Ông ta phái hai vị quan đến làng đánh cá để tìm hiểu thực hư ra sao và để xem phải chăng tên đánh cá này là đồ lừa bịp, phản loạn hay phù thủy.



Hai ông quan ngồi trên kiệu có người gánh, đi suốt ba ngày mới đến căn nhà của anh nằm trên bờ biển. URaSiMa kính cẩn chào họ rồi kể chuyện xảy ra dưới thủy cung.

Hai ông quan lắng nghe, vẻ hoài nghi, họ lắc đầu không tin, rồi cuối cùng một người lên tiếng hỏi:

- Thế cái hộp biết làm ra tiền à?

- Công chúa đã nói chính viên đá trong hộp là đá quý, nó có thể làm ra bất cứ cái gì, cho nên nó cũng làm ra tiền được, - URaSiMa đáp, rồi anh nói vào trong hộp anh muốn có tiền, xong anh vỗ tay ba lần, tức thì trước mặt hai ông quan hiện ra một đồng tiền. Hai người há hốc mồm kinh ngạc, người lớn tuổi nói:

- Trong xứ chúng ta, chỉ có nhà vua mới có quyền làm ra tiền. Anh đã phạm luật, tôi sẽ tịch thu cái hộp này! Chúng tôi phải khám ngay cho biết viên đá dưới đáy biển này là thứ như thế nào hay đây chỉ là trò phù phép mà anh đã thu giấu trong hộp!

URaSiMa hoảng hồn lo sợ, anh van xin ông đừng mở hộp ra, vì công chúa đã dặn không được mở. Nhưng ông quan trả lời:

- Nhà vua đã ra lệnh cho chúng tôi phải khám xét cho thật kỹ. Chính lời nhà vua mới có giá trị đối với chúng tôi, chứ không phải lời của một công chúa cá nào đấy!

Họ cố hết sức để mở cái hộp ra. Khi cái hộp bật ra, một cái hộp thứ hai hiện ra. URaSiMa liền quỳ xuống đất van xin:

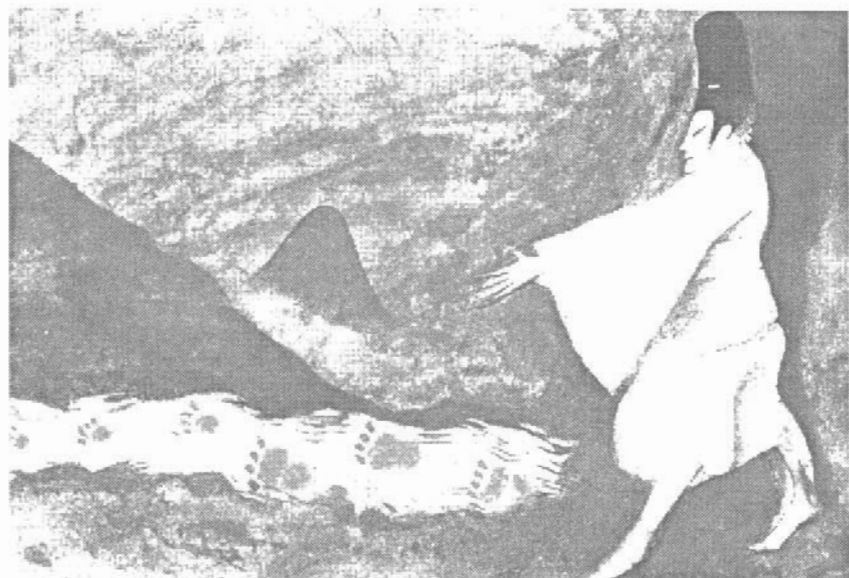
- Xin quý ngài đừng mở! Xin đừng mở!

Nhưng hai ông quan không cần mở, cái nắp cũng tự động bật mở, một luồng sáng xanh phát ra, rồi từ trong hộp bốc lên một đám mây trắng. Lập tức, những đồng tiền bạc cũng biến thành hơi nước, và khi đám mây chạm vào URaSiMa, anh liền biến dạng một cách kỳ lạ: mặt mày đầy dẫy những nếp nhăn, râu tóc bạc phơ, da tay nhăn nheo. Chỉ trong giây lát, anh trở thành một ông già và lảo đảo ra chết.

Hai ông quan hoảng hồn họ nhảy sang một bên và để cái hộp rơi xuống. Cát từ trong hộp tuôn ra, chảy mãi chảy hoài cho đến khi cả cái hộp, thi thể URaSiMa, ngôi nhà, bờ bể, vách núi đá cheo leo, rừng thông và hai ông quan bị lấp vùi hết dưới cát mới thôi.

Chuyện phiêu lưu của người đàn chiến

N gày xưa, trong một thành phố nọ, có rất nhiều người sinh sống, giàu có nghèo có, thợ lành nghề có, thương gia ngay thẳng có, nhưng cũng có nhiều người lười biếng, vô can vô cội như trong bất kỳ thành phố nào khác. Mặc dù có sự khác biệt nhau thật đấy, nhưng cư dân trong thành phố, những người lo làm ăn đầu tắt mặt tối, chứ không phải những kẻ vô công rồi nghề, đều nhất trí với nhau rằng quanh thành phố đang có nhiều chuyện đáng ngờ xảy ra.



Chuyện một thương gia đi ra một làng vùng ven, rồi chẳng bao giờ trở về không còn là chuyện hiếm nữa. Lần nọ có người trở về, mắt tròn xoe vì sợ hãi, mặt mày tái mét, chân tay run lẩy bẩy, và đáng ra ông ta đi chơi ngắm cảnh hay đi dự lễ ở ba mươi ba ngôi đền của vị nữ phúc thần Canh nông (Cannon) theo dự kiến, thì ông ta lại ở miết trong nhà, đến nỗi xóm giềng không sao hỏi được điều gì ngoài việc ông lác đầu từ chối. Chắc người này đã gặp chuyện gì kinh khủng lắm, cho nên không ai có thể làm cho ông hé môi.

Buổi tối, khi bà con xóm giềng tụ tập tại các phòng trà để hút ống vố, thì những chuyện đoán già đoán non lại nổ như bắp rang. Người ta nói hình như có một bọn cướp hoành hành tại các vùng ngoại ô, vì người ta nghe nói như thế, nhưng rồi chẳng có ma nào mất mát cái gì hết; luôn luôn chỉ có chuyện kỳ lạ khủng khiếp. Và những người đã chứng kiến tận mắt chuyện kỳ lạ, thì lại không thể làm chứng cho chuyện này, vì họ chẳng bao giờ trở về.

Vào thời ấy, có một người thợ đan chiếu trẻ sống ở thành phố. Anh ta có tay nghề cao, hơn nữa lại rất thông minh, sáng ý. Anh đi khắp nơi để sửa chữa chiếu trải nền nhà. Nhưng anh thích đan chiếu mới theo kích thước. Khi có người giàu lên muốn khoa trương nhà mới, họ đều mời anh thợ trẻ có tay nghề cao này. Không ai có ngón tay khéo léo như anh và cũng không ai mang đến gia đình người ta sự vui vẻ như anh. Anh biết tất cả những ca khúc mới, biết nhiều chuyện hấp dẫn. Và phải nghe anh đóng tuồng mới thấy thích! Anh có biệt tài bắt chước rất giống các nghệ sĩ sân khấu, những nghệ sĩ được nhiều khán giả mến chuộng. Chẳng mấy chốc mà anh chàng thợ dệt chiếu được mọi người say sưa thích thú, mời anh đến làm suốt ngày. Không những anh chỉ nổi tiếng ở khu phố của mình hay trong thành phố thôi đâu, mà ở những làng mạc xa xôi, người ta cũng thường mời anh đến làm.

Thế là anh trở thành người can đảm hiếm hoi, vì đã dám đi ra khỏi dãy tường thành kiên cố của thành phố. Anh thường phải băng qua đồng ruộng, mồm hát vang những bài hát vui tươi. Thế

mà chẳng bao giờ có chuyện gì xảy ra cho anh hết; có lẽ vì anh luôn mồm hát to hay cũng có lẽ chưa bao giờ anh có ý sợ sệt.

Thỉnh thoảng anh tự nhủ: “ Chắc bà con lối xóm đã tưởng tượng ra đủ điều để có chuyện mà kể quanh mâm rượu đầy thối. Hay có lẽ họ không muốn đi xa về các làng mạc xa xôi hẻo lánh. Còn ta, vì thường ra khỏi thành phố, nên ta chưa bao giờ gặp ma”.

Một hôm, có người ở làng xa mời anh đến. Người ta nói với anh:

- Công việc này chắc phải kéo dài đến hai ngày mới xong.

- Nhưng mới quá xế trưa thì anh đã xong việc, cho nên anh quay về nhà. Bầu trời không một gợn mây, ánh nắng chiếu chói chang. Trời nóng như thiêu như đốt, khiến cho chim chóc cũng ngừng hót; chỉ có anh thợ trẻ cứ vui vẻ tiến bước, sung sướng vì được lợi nửa ngày.

Anh tự nhủ: “Ít ra thì mình cũng phải đi xem hát mới được, đã lâu rồi mình chưa đặt chân đến đấy. Và biết đâu mình còn dư thì giờ để đấu láo với xóm giềng quanh mâm rượu cũng nên”.

Anh suy nghĩ liên miên, đến nỗi không nhận thấy mây đen kéo đầy trời, rồi thành linh trời tối thui tối mò. Trời tối đến độ anh không nhìn thấy bàn tay để trước mặt nữa.

Anh lại tự nhủ: “Trời nóng bức như thế này thì cũng chẳng có gì ngạc nhiên khi thấy chuyển mưa. Mưa giống thối. Miễn là mình về đến thành phố trước khi trời mưa là được”. – Anh mò mẫm đi trong bầu trời tối thui. Nhưng, sao thế này nhỉ! Đáng lý trước mắt anh là con đường quen thuộc, thì nay bỗng nhiên là một cánh rừng. Bầu trời càng trở nên tối thêm, tất cả đều im lặng hoàn toàn và chung quanh cảnh vật trông có vẻ nặng nề một cách kỳ lạ.

“Mình lạc đường ư? Thật lạ lùng quá!”. Anh chàng dật chiếu hoang mang. Anh đi theo con đường này một lát, rồi lại đi theo con đường khác, nhưng không thể nào tìm đường ra được. Bỗng nhiên, anh chợt thấy như xa xa có ánh đèn.

- Phải đến chỗ có ánh đèn kia hỏi thì mới biết mình đang ở đâu, anh tự bảo rồi rảo bước nhanh thêm. Một lát sau, anh đến một cái chùa nhỏ. Mặc dù anh nghe có tiếng người nho nhỏ ở bên trong chùa, nhưng không ai trả lời anh cả. Anh bèn đẩy cửa. Ở giữa chùa, một nữ sư già đầu trọc đang ngồi trước cái bàn thấp, trên bàn có quyển kinh đang mở ra. Khi anh thọt dẹt chiếu đi vào, hình như bà sư già không nghe, vì bà không quay lui. Anh đợi một lát, ho hức hức, vẻ khó chịu.

- Tôi xin lỗi đã làm phiền bà. Tôi đi ra phố thì gặp phải giông bão. Trời tối quá nên tôi bị lạc đường. Xin bà cho phép tôi ngồi đây để đợi hết mưa.

Bà sư già gạt đầu ra vẻ bằng lòng; anh thọt tháo dép và cái túi xách trên tay ra rồi đến ngồi trên một góc chiếu. Không khí quá yên lặng khiến anh vẫn không trút được sự căng thẳng đang đè nặng trong lòng. Anh cảm thấy có chuyện gì lạ lùng đáng sợ đang rình rập mình.

Bà sư lẩm bẩm tụng kinh. Chàng thanh niên nhìn quanh như muốn nói chuyện để phá tan sự lo lắng đang ngự trị trong lòng mình; nhưng bà sư vẫn mãi miết say mê với cuốn kinh. Cho nên, ngồi một lát, anh lấy ống vố, nhồi thuốc, hút.

“ Dù sao thì có việc mà làm cũng đỡ buồn”, anh nghĩ, rồi không chú ý, anh để một dúm tàn thuốc rơi xuống chiếu.

Bà sư có vẻ tức giận, ngẩng đầu lên.

- Xin lỗi bà, - chàng dẹt chiếu xin lỗi, vừa đưa tay hốt hết tàn thuốc lên. - Tôi sơ ý làm dơ chiếu. Vì giông bão to quá nên tôi không chú ý. Xin bà đừng sợ, tôi không làm bẩn chiếu nữa đâu.

Anh lại ngồi yên không động dậy, chốc chốc mới cẩn thận hít ống vố một hơi. Anh hút hết thuốc trong ống vố mà không rơi một dúm tàn nào nữa, và trời vẫn tối thui tối mò. Anh bèn đưa mắt nhìn quanh, rồi nhìn vào chiếc chiếu, anh thấy nó bị sờn một chỗ.

“ Sấn đang ở đây, mình sẽ sửa lại chiếu cho bà sư này, làm thế ít ra cũng tỏ được lòng biết ơn của mình”. Anh nghĩ.

Anh mở túi xách lấy ra một nắm chỉ, vuốt cho thẳng. Ngay khi ấy, bà sư thôi đọc kinh, đưa mắt dữ dằn nhìn anh.

- Không có gì đâu, xin bà cứ tụng niệm tiếp, - anh kính cẩn nói.
- Tôi không thích cánh ngỗng không nhàn rỗi, và trong lúc chờ đợi cho hết mưa bão tôi muốn chữa lại chiếc chiếu này.

Bà sư lại nhìn anh với ánh mắt dữ tợn, nhưng không nói gì mà vẫn tiếp tục tụng niệm nho nhỏ. Chàng thợ dệt lại tiếp tục công việc. Anh cầm mấy cọng chiếu bị tua lòi lên. Bỗng nhiên cả ngôi chùa rung động và bà sư la lên một cách đau đớn:

- Ôi, khủng khiếp quá!

- Bà đừng sợ hãi như thế, - chàng thanh niên trấn an. – Vì bão tố cả thôi; cơn bão này có vẻ dữ dội khủng khiếp quá. Nhưng xin bà đừng sợ, chẳng có gì phải lo âu cả, ngôi chùa này chịu đựng bão tố lớn gấp mấy như thế này cũng dư sức. Bà đừng sợ!

Khi bà sư đã bình tĩnh trở lại, anh thợ dệt nhìn túm sợi chiếu rách trên tay. Bỗng anh hoảng sợ, và nhớ lại những chuyện người ta đồn đãi trong thành phố. Trên tay anh là một nắm lông dài màu xám có lốm đốm trắng.

“ Mình không khoái chuyện này tí nào cả!” Anh tự nhủ – Đây là lông chồn hương. Tại sao lông chồn lại nằm trên chiếu này?

Anh vội lấy trong túi xách ra một cái kim khâu da thật dài, anh lấy đà rồi đâm mạnh qua chiếc chiếu, cái kim xuyên qua chiếc chiếu và anh nghe có tiếng kêu thất thanh vang lên trong không khí. Ngôi chùa và bà sư biến mất, người thợ thấy mình đang ngồi trên một bờ ruộng, hai chân để trần và trên tay cầm cây kim. Mặt trời chiếu sáng, bầu trời không một gợn mây. Ngạc nhiên, anh thợ đưa mắt nhìn quanh. Ngay chỗ có ngôi chùa, anh chỉ thấy một vũng máu, từ đó có một vết máu dài. Theo vết máu lần đi, anh đến



trước một cái hang thật sâu. Trước cửa hang, một con chồn hương thật lớn đang nằm chết.

- Thì ra ma quỷ đã làm nên những trò ảo ảnh này, - anh thợ tự nhủ. - Những gì người ta nói đâu phải lời đồn! - Chuyện xảy ra đúng lời họ nói đấy chứ, may không thì tí nữa mình đã lâm nguy rồi.

Kể từ hôm đó, các vùng ngoại ô thành phố lại được yên ổn, dân chúng có thể đi làm mà không lo sợ gì. Trước kia họ bị bó buộc phải ở trong nhà bao nhiêu, thì bây giờ họ lại càng hay ra ngoài bấy nhiêu. Cho nên, không có một thành phố nào mà dân cư chỉ quanh quẩn trong nhà ít hơn cư dân trong thành phố của chúng tôi.

Lấy oán trả ơn

MôRôXuKê (Morosouké) đang trên đường đi đến một vùng xa xôi của nước Nhật. Anh ta còn trẻ, cha mẹ mất hết, tứ cố vô thân, bạn bè cũng không, cho nên không có ai dìu dắt anh ở nơi kinh kỳ, hay giúp anh xây dựng một cơ ngơi để sinh sống. Anh đã học nghề thầy thuốc với các danh y, cho nên tay nghề cũng vững vàng, lại thêm có lòng thương người, nhờ thế mà anh có nhiều khách chỉ trong một thời gian rất ngắn. Thế nhưng, sống trong một thành phố rộng lớn mà đơn thân độc mã thì cũng chẳng làm nên sự nghiệp gì vẻ vang. Sống trong một xã hội xô bồ, giàu và nghèo, kẻ thông thái và người ti tiện, thầy thuốc giỏi và lang băm, thì chỉ những ai có tiền và quyền thế mới ngóc đầu lên được để tìm cho mình một con đường tiến thân. Mà MôRôXuKê thì lại không có tiền mà cũng chẳng có chỗ dựa, cho nên anh phải quyết định đi đến thành phố khác để lập nghiệp, ở nơi chưa có thầy thuốc, vì chỉ có ở đó, anh mới dễ dàng thi thố nghề nghiệp của mình.

Trời đang tiết xuân. Nhưng dòng sông từ núi cao đổ xuống ào ào, cuộn cuộn, gầm thét sủi bọt trắng xóa. Bỗng một cơn bão lớn ập xuống dâng nước cao thành những ngọn sóng khổng lồ như những ngôi nhà, nhấn chìm tất cả những gì trên đường nó chảy qua. Trong giây phút nguy nan, MôRôXuKê bám được vào một cánh cửa gỗ vừa bị cơn bão đánh bật ra khỏi nhà và dòng nước đang cuộn cuộn lôi nó đi. Deo vào cánh cửa, người thầy thuốc trẻ thả mình trôi theo dòng nước, đưa mắt nhìn những vật trôi quanh mình.

Bỗng anh nghe có tiếng kêu cứu rất khẩn thiết: “Cứu, cứu! Tôi bị chết chìm! Cứu tôi với, tôi sắp bị chết chìm rồi!”. Gần cánh cửa anh nín, có một người đàn ông đang cố hết sức chống chọi với dòng nước xoáy sắp chìm anh ta xuống. Không nghĩ đến chuyện mình có thể bị nước cuốn đi, MôRôXuKê liền nắm lấy người sắp chìm, kéo anh ta đến bên cạnh mình. Người đàn ông vừa được thoát nạn liền cảm ơn ân nhân rồi rít:

- Ôi, ân nhân, tôi biết ơn ông suốt đời, từ rày về sau, tôi sẽ làm tôi tớ cho ông. Xin ông hãy xem tôi như kẻ tôi tớ trung thành của mình. Tôi sẽ theo ông đến bất cứ nơi đâu và sẽ nhớ mãi sự can đảm và lòng nhân lành của ông cho đến chết. Tôi chỉ là một người thợ đóng thùng nghèo khổ, nhưng hai bàn tay tôi từ rày về sau chỉ dùng để làm việc cho ông, chỉ để phục vụ ông thôi.

Miệng luôn luôn cảm ơn không ngớt, anh ta ôm cứng tấm cửa, sợ sệt, nhìn nước xoáy tròn cuộn chảy. Người thầy thuốc rất tế nhị, anh làm ngơ trước lời cảm ơn không ngớt của người thợ đóng thùng, anh chỉ để tâm đến việc thay đổi hướng đi của chiếc thuyền tình cờ này. Chiếc thuyền hình như đang trôi trên một cánh rừng, vì lác đác đây đó nhô lên những đọt cây trên mặt nước, và bỗng anh thấy trong dòng nước xoáy, một con cáo đang ra sức vùng vẫy. Người thầy thuốc không một chút ngần ngại. Ông nghiêng người thật xa hầu như muốn rơi ra khỏi cái bè để với tay đến con cáo.

Người đóng thùng hoảng hốt la lên:

- Trời ơi, ông làm cái gì thế? Ông hãy thả con cáo ra đi; cánh cửa sẽ lật nhào và cả hai sẽ chìm xuống nước mất. Hy sinh hai mạng người để cứu một con cáo thì quả là vô nghĩa!

Người thầy thuốc không để ý đến những lời của anh ta, anh cứ kéo con cáo ra khỏi vùng nước xoáy. Thế là cả ba ở trên một cánh cửa thật khó bề chỡ cho nổi. Nhưng may thay là cánh cửa có vẻ được đóng rất chắc chắn, nếu không thì có lẽ nó không chịu nổi sức nặng của ba mạng và sẽ chìm mất.

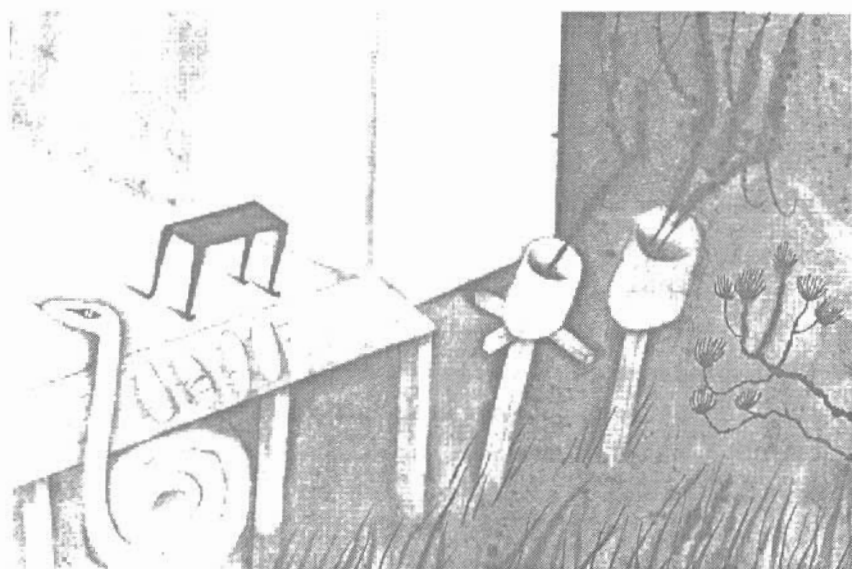
Nước tiếp tục dâng cao và chẳng mấy chốc người ta chỉ thấy toàn là nước mênh mông vàng khè. Bỗng, gần bên chiếc bè có những vũng nước xoáy. Một con rắn khổng lồ quay cuồng trong nước và sắp bị nhận chìm. Lại một lần nữa, người thầy thuốc không dấn do suy nghĩ, anh ta vớt con rắn lên bè, mặc cho người thợ đóng thùng cầu nhau than van, tiên đoán rằng thế nào họ cũng chết cả lũ vì con rắn.

Người thầy thuốc cương quyết đáp:

- Nếu chúng ta có chỗ cho ba mạng, thì ta cũng có một chỗ cho con rắn này chứ! Con rắn cũng là một sinh vật, và tôi không thể không giúp nó được.

Nước đã ngập mấp mé cánh cửa, nhưng nó vẫn không chìm và nói gì đi nữa thì con rắn cũng có chỗ trên tấm ván.

Đoàn sinh vật kỳ lạ ngồi chen nhau trên tấm ván cứu hộ, mặc cho dòng nước cuốn đi. Cơn bão tứ tứ dịu xuống và nước bắt đầu hạ



thấp. Cuối cùng, cánh cửa mang người thầy thuốc, người thợ đóng thùng, con cáo và con rắn mắc cạn trên đường băng qua cánh đồng. Họ ngồi đợi một hồi nữa cho nước rút hết mới lên đường đi đến thành phố gần đấy nhất. Con rắn và con cáo đi theo người cứu mạng chúng một đoạn ngắn, rồi chia tay, chúng bày tỏ lòng biết ơn sâu xa:

- Chúng tôi sẽ không bao giờ quên công lao ông đã cứu sống chúng tôi; nếu có dịp, chúng tôi sẽ đền đáp công lao ấy.

Trên đường vào thành phố, người thợ đóng thùng cũng cam đoan với người thầy thuốc là anh ta sẽ theo làm công suốt đời để tỏ lòng biết ơn.

Họ nghỉ qua đêm tại nhà một người giàu có, và được biết quanh vùng này không có một thầy thuốc nào cả.

- Vậy thì tôi sẽ ở lại đây, trong thành phố này, tôi sẽ chữa bệnh cho dân chúng – Người thầy thuốc quyết định – Đi đâu cho xa nữa chứ?

Người chủ giàu có đề nghị anh ở lại nhà của ông ta:

- Nhà tôi rộng rãi mà lại ít người, còn thừa rất nhiều chỗ. Anh cứ ở đây. Khi nào kiếm đủ tiền, anh hãy trả cho tôi. Còn nếu không muốn nợ nần phiền phức, thì cứ chăm nom sức khỏe cho gia đình tôi để trừ nợ là được.

MôRôXuKê nhận lời đề nghị của chủ nhà. Anh làm bảng hiệu treo lên cho cả thành phố biết bắt đầu từ ngày nào thầy thuốc MôRôXuKê mở phòng mạch tại nhà ông HátSiÊMông (Hatchiemon). Bệnh nhân khắp thành phố đều đổ xô đến khám. MôRôXuKê là người rất dễ mến, anh chịu khó lắng nghe những lời than vãn của mọi người. Ngoài ra, vì anh có tay nghề cao – dù sao đi nữa thì anh cũng xuất thân ở trường của các lương y tài giỏi – Cho nên tiếng tăm của anh không mấy chốc mà vang khắp các vùng quanh đấy, bệnh nhân từ các làng xa xôi đều đến xin khám bệnh.

MôRôXuKê trở nên giàu có, trả tiền cho chủ nhà, xây cất một ngôi nhà thật lớn tại trung tâm thành phố và sống hạnh phúc, chuyên chú hoàn toàn vào nghề nghiệp.

Người thợ đóng thùng cũng đi theo MôRôXuKê vào lập nghiệp trong thành phố. MôRôXuKê không muốn nhận sự đền ơn của anh ta, và nói rằng anh ta không cần phải phục vụ mà hãy làm nghề để sinh sống. Rồi vận may cũng đến với anh ta. Chẳng bao lâu sau, anh ta có xưởng thợ riêng và xây được một ngôi nhà khang trang tận kỳ ở ngoại ô. Nhưng trái ngược với MôRôXuKê, anh ta không thoả mãn cuộc sống. Lòng ganh tỵ cứ luôn dày vò, khiến anh ta không được vui. Thành công của người đã cứu mạng mình không để cho anh ta yên ổn, và gã thường hằn học nói:

- Cả hai chúng tôi đến đây không một đồng xu dính túi, thế mà bây giờ quý vị thử nhìn xem, gã thấy thuốc đến đâu rồi. Có lẽ hẳn ta có quá nhiều tiền bạc không biết làm gì cho hết. Đó là chưa kể đến ngôi nhà lớn, đẹp, ở ngay giữa trung tâm thành phố đấy.

Lòng ganh ghét lớn dần lên, đến độ nó làm tiêu tan hết lòng biết ơn. Tên thợ đóng thùng mất ăn mất ngủ, bỏ bê công việc, rồi một hôm, không chịu được nữa, hẳn đến tìm quan thị trưởng thành phố.

Hắn nói với thị trưởng:

- Thưa quan, xin quan tha lỗi, nếu tôi đã quấy rầy làm phiền ngài; nhưng tôi đến đây để báo cho ngài biết là ngài cần phải lưu tâm đến gã thầy thuốc MôRôXuKê. Hẳn ta là người rất nguy hiểm, đã gây hại không những cho bệnh nhân mà cả cho thành phố nữa. Hẳn ta chữa bệnh chỉ nhờ vào phép phù thủy mà thôi, và thưa quan, hẳn ta đã dùng tà thuật để chữa bệnh. Không biết ngài có thấy kỳ lạ không về trận lụt lớn vừa qua, một trận lụt đã cướp đi không biết bao nhiêu sinh mạng, thế mà có một cánh cửa của một ngôi đền trôi đến bên hẳn ta thật đúng lúc. Rồi tiền bạc hẳn ta có

nữa, có lẽ cũng đã đến với hắn ta bằng nguồn đen tối, mờ ám. Không có phép phù thủy, thì chắc có lẽ không bao giờ hắn ta lại thu được nhiều tiền bạc nhanh như thế.

Quan nghe thế liền khiếp sợ, vì ngài muốn tránh xa tà thuật và phép phù thủy. Nếu có chuyện gì không hay xảy ra cho thành phố, thì nhà vua sẽ không trừng trị bất kỳ một ông thầy thuốc nào mà chỉ trừng trị quan cai trị thôi. Cho nên ông ra lệnh cho cảnh sát đến nhà người thầy thuốc, bắt anh bỏ tù. Người thầy thuốc khiếu nại mấy cũng vô ích, không ai nghe anh hết, ngoài ra, người ta cũng không nói là anh bị bắt vì tội gì.

Tin người thầy thuốc danh tiếng đáng yêu bị bắt loan ra rất nhanh, nhưng phải mất đến mấy tuần tin ấy mới đến tai con cáo. Khi hay tin chẳng lành xảy đến cho người cứu sống mình, cáo ta tìm con rắn để hỏi ý kiến.

- Người cứu sống chúng ta đã gặp đại họa, - cáo nói. - Chúng ta phải giúp ông ấy thôi.

Chúng suy nghĩ thật lâu, cuối cùng mới tìm ra được biện pháp. Con rắn lằn la đến gần người để nghe ngóng tin tức về MôRôXuKê, và tại sao người ta bỏ tù anh. Khi đã hiểu được nguyên do rồi, chúng mới tìm kế được.

Sự bí mật của con người khó mà giữ kín được, cho nên con rắn biết hết mọi chuyện, rắn biết người thầy thuốc phải ngồi tù là vì bị ghép tội làm phù thủy.

Khi hai con vật biết được tên kẻ đã làm mất danh dự của người thầy thuốc, chúng bèn nói với nhau:

- Lòng biết ơn của hắn mới đẹp làm sao! Nhưng làm sao chúng ta đến gần ông quan thị trưởng của thành phố được? Hơn nữa ai lại muốn thương lượng với rắn và cáo chứ?

Chúng bàn với nhau thật lâu, đưa ý kiến rồi bác bỏ, mãi chúng mới tìm ra biện pháp.

Buổi tối, rắn đến nhà ông thị trưởng, rồi nằm trốn dưới hành lang bằng gỗ dẫn vào vườn, nơi mà tất cả người trong nhà thường để dép. Rắn đợi ở đấy, nằm cuộn tròn lại từ chiều tối. Cuối cùng, đến giờ quan thị trưởng có thói quen đi dạo trong vườn. Ngài đi ra hành lang, vừa đưa bàn chân chỉ mang một chiếc vớ mỏng để tìm dép thì rắn tiến tới, thóp vào ống chân ông ta rồi bò đi thật nhanh.

Quan thị trưởng hét lên một tiếng, rồi nằm vật xuống nền nhà. Ống chân sưng vù, cả người lên cơn sốt trầm trọng. Nghe tiếng kêu, gia nhân chạy đến. Họ mang ông lên giường, đắp vải ướt lên, nhưng vô ích. Cái chân vẫn cứ sưng phồng lên, quan la hét vì đau đớn suốt ngày đêm.

Trong lúc ấy thì cáo làm gì? Khi hội ý với rắn để tìm cách tiếp xúc được với người, cáo nhớ ra bà cô già của mình có viên ngọc thần. Viên ngọc này cho phép người ta biến hóa thành bất cứ thứ gì mình muốn.

Trong khi rắn bò ra phố gần ông thị trưởng, thì cáo chạy nhanh về nhà cô. Cáo phải làm thật nhanh để đến thành phố trước khi quan thị trưởng ra lệnh cho mời các danh y và mời các nhà sư thông thái ở các thành phố gần đấy. Nó chạy mất hai ngày đêm. Sáng ngày thứ ba, khi có được viên ngọc rồi, nó đến thành phố. Đến đây, nó biến thành một nhà sư thuyết giáo già, đi du ngoạn trước nhà ông thị trưởng.

Người nhà quan thị trưởng nghe tin có một nhà thuyết giáo đến thành phố, liền vội vã đi mời vị uyên bác vào khám cho bệnh nhân.

Nhà sư thuyết giáo nhìn cái chân sưng húp với vẻ nghiêm nghị rồi nói: hình phạt giáng vào ông, vì ông đã ra một quyết định bất công. Không, không được, tôi chắc không giúp anh được rồi!

Quan thị trưởng hỏi nhà thuyết giáo bây giờ có cách gì để giúp ông ta. Ông ta nói nếu cái chân được chữa lành, ông ta sẽ hủy ngay quyết định bất công đó.

- Tôi không biết cách gì hết, nhưng trong nhà lao có một người duy nhất có thể giúp ông được thôi. – Ông ta chỉ nói thế, rồi bỏ đi.

Thế là quan thị trưởng nhớ ra ông ta đã cầm tù thầy thuốc MôRôXuKê. Có lẽ nhà sư thông thái ám chỉ đến người thầy thuốc này khi nói đến quyết định bất công. Lập tức, ông ta cho cảnh sát đến nhà tù đem người thầy thuốc đến.

MôRôXuKê hoảng sợ khi thỉnh linh thấy cửa ngục mở và cảnh sát ập vào nói với ông:

- Ra mau, đừng chậm trễ!

Trong đầu của MôRôXuKê chỉ có một ý tưởng duy nhất, là họ đến tìm mình để giết.

- Tôi vô tội mà! Tôi không làm gì hại đến ai hết! – Người thầy thuốc la lên, nhưng không ai nghe anh ta hết; người ta xô đẩy anh, dẫn anh đến bên quan thị trưởng.

Đến trước mặt quan, người thầy thuốc tội nghiệp hết sức lo sợ, đầu cúi xuống, van xin:

- Thưa quan thị trưởng xin quan rộng lượng xét lại, tôi không biết mình có tội gì hết.

Nhưng thay vì nghe lời lên án, anh lại nghe giọng quan thị trưởng cầu khẩn van xin:

- MôRôXuKê, tôi đã phạm sai lầm với anh. Xin anh vui lòng giúp cho, tôi không thể nào chịu đựng nổi những cơn đau đớn như thế này nữa.

Người thầy thuốc không để cho quan cầu xin lần hai, anh nhìn cái chân sưng húp, rồi vừa để bàn tay lên gót chân nóng đỏ là vết sưng húp biến mất. Cơn sốt hạ xuống và những cơn đau giảm dần.

Quan thị trưởng hết sức vui mừng; ngài thả người thầy thuốc ra, thưởng cho anh nhiều tiền bạc, và vì đã biết kẻ bày ra tất cả chuyện đau đớn này, ngài ra lệnh bắt tên thợ đóng thùng thay vào chỗ người thầy thuốc trong ngục.

- Chuyện ác thường xuất phát từ người ác, - quan phát biểu như thế; và chúng ta còn nói thêm như thế này nữa: - Làm người thì không nên vô ơn bội nghĩa.

Chuyện phiên lưu của thầy kỳ Tô Ku Bân

Ngày xưa có một thương gia rất giàu, đến nỗi các ông hoàng thế lực nhất trong vương quốc cũng đến mượn tiền của ông ta. Trong nhà ông, cái nhà lớn nhất trong thành phố, ông thương gia trưng bày những đồ quý hiếm nhất và đẹp nhất: các tủ trong nhà đều chất đầy vải vóc lụa là quý giá, dệt rất đẹp, mịn màng đến nỗi sờ vào thấy êm dịu cả tay; tiền vàng đầy tủ không đếm xuể; tóm lại trong nhà ông thương gia này không thiếu gì hết. Trên bàn ăn luôn luôn có những thứ cao lương mỹ vị. Để pha trà, hàng ngày phải dùng đến nước của một nguồn suối trong mát nằm cách nhà ông đến nửa ngày đường.

Lúc nào cũng thấy ông thương gia tốt bụng, vui vẻ, thoải mái. Công việc buôn bán ngày càng phát đạt, đem so với mọi người thì không có ai sung sướng hơn ông. Nhưng cái huy chương nào cũng có mặt trái của nó, cho nên, người thương gia này cũng có nỗi buồn kín đáo. Người con trai duy nhất của ông - Ki Hây Di (Kiheiiji) là một chàng trai xinh đẹp, có tư cách tuyệt vời và được giáo dục hẳn hoi; nhưng, mặc dù muốn gì được nấy và không có bệnh hoạn gì nhưng anh vẫn sống khép kín, không gần bó thân mật với ai hết. Chắc là anh có theo vui chơi với các bạn bè đồng trang lứa, khi thì trong các đấu trường, khi thì trong các hí trường, khi cha anh muốn hay bạn bè nài ép, anh cũng cùng họ đến nhà hàng ăn một bữa cơm ngon hay uống một cốc rượu gạo thơm nồng, thế nhưng

không bao giờ anh cười và khuôn mặt xanh xao của anh luôn biểu lộ cho người ta thấy được một nỗi buồn mênh mông. Các thanh niên thường mời anh, vì anh là một chàng trai được mọi người trong thành phố trọng vọng và luôn luôn chi tiền cho họ; nhưng tựu trung thì khi nào anh hăng hái bình luận về một vấn đề gì đó, họ mới thấy hài lòng, vì khi đó anh không còn buồn rầu.

Người cha rất lo cho tính khí khó chịu của con. – “Khi mình không còn nữa thì nó sẽ làm gì và làm sao điều hành công việc kinh doanh. KiHâyDi không quan tâm gì hết và tính tình trầm mặc của nó sẽ làm mất khách hàng. Cái gì sẽ xảy đến, công việc kinh doanh của ta sẽ ra sao đây?

Người thương gia giàu có thường nghĩ như thế, nhưng ông ta không biết làm sao khơi dậy được niềm vui sống trong lòng con trai. Mỗi khi cha la mắng, KiHâyDi lễ phép lắng nghe, răm rắp làm theo lời cha dạy, nhưng vẫn không vui vẻ hơn tí nào hết.

Trong cùng khu phố với người thương gia này có một thương gia khác. Mặc dù công việc làm ăn của ông này ít phát đạt hơn, nhưng ông ta thật thà, thông minh và được mọi người kính nể. Khi ông còn sức khỏe, gia đình không thiếu gì. Họ sống khiêm nhường nhưng sung sướng, và người con trai duy nhất được giáo dục tốt. Nhưng một hôm, ông ta ngã bệnh, và chỉ một thời gian sau, ông nằm dưới ba tấc đất. Bà vợ không biết gì về chuyện buôn bán, chẳng mấy chốc bà cạn tiền và nuôi không nổi TôKuBây (ToLouBei). Tới khi TôKuBây đến tuổi trưởng thành, anh phải thôi học để kiếm việc làm nuôi bản thân và mẹ già. Khi đi tìm việc, anh đến nhà của người thương gia giàu có nọ. Thấy chàng thanh niên linh lợi, ông ta hài lòng, và vì cũng quen biết gia đình anh, nên ông nhận TôKuBây vào làm việc. TôKuBây làm việc chăm chỉ, cẩn thận và có năng lực đến độ người thương gia giàu giao hết cho anh tất cả sổ sách về kế toán, và sau một thời gian, ông giới thiệu anh với gia đình. Ông lại càng gắn bó mật thiết với anh hơn nữa khi



thấy anh lôi cuốn được con trai ông, và hai chàng chơi với nhau rất thân thiết. Vì thế khi nghe con trai xin cho thầy thư ký mới nghĩ việc ít hôm để cùng anh đi hành hương ở các ngôi chùa danh tiếng tại Ise (Ise), ông bằng lòng liền.

Người cha sung sướng tự nhủ:

“ Thế là cuối cùng con ta đã quan tâm đến thế sự rồi; chắc rồi nó sẽ thay đổi thôi?”

Hai chàng thanh niên, KiHâyDi và TôKuBây cùng nhau lên đường. Đường đi trở nên ngắn, vì TôKuBây biết cách kể nhiều chuyện vui, và thường thấy khuôn mặt của KiHâyDi rạng rỡ tươi cười e lệ; thậm chí thỉnh thoảng anh cũng kể chuyện. Buổi tối – hai người đã đi được một ngày – họ đến một quán trọ có bệ ngoài khang trang đẹp đẽ nằm bên vệ đường, xa khỏi làng một chút.

- Ta ngủ đêm ở đây đi, KiHâyDi đề nghị. – Quán này có vẻ niềm nở với khách đây. Chắc ăn uống ở đây được đấy, sao ta phải vào trong phố làm gì? Tôi mệt quá rồi, không bước nổi nữa.

TôKuBây đồng ý, hai người vào quán. Ông chủ quán, già và béo phệ, tiếp đón họ trước cửa. Thấy áo quần của KiHâyDi đẹp đẽ sang trọng, lão ta tỏ vẻ kính nể:

- Chắc quý ông đang đi ngao du vui chơi phải không ạ? Hay là các ông đi làm ăn ngang qua vùng này? Vô cùng hân hạnh được đón quý khách danh vọng vào nghỉ ở quán chúng tôi. Để chúng tôi chọn các phòng tốt cho quý ông. Chắc quý ông sẽ thích cho mà xem.

Lão nói một hơi, cúi rạp người, rồi dẫn khách vào nhà. Bên trong, bà vợ lão chủ quán tiếp họ còn trịnh trọng hơn cả chồng nữa, rồi bà ta đi trước dẫn hai người vào phòng. Xong bà ta cúi người xin lỗi khách xuống bếp chuẩn bị cơm tối.

TôKuBây nhìn quanh, lấy làm lạ khi thấy trên cửa phòng có ghi hàng chữ như sau:

“ Chưa bao giờ người nghèo được ngủ ở đây”.

Anh lấy cùi tay hích vào người KiHâyDi nói:

- Nhìn xem, ta đang ở trong quán trọ đặc biệt đấy nhé. Chỉ dành riêng cho người giàu thôi đấy!

- Thế thì lần này họ bị bẽ dĩa rồi, - KiHâyDi cười đáp. - Nghèo như cậu mà vẫn được ngủ trong phòng sang trọng đấy thôi.

Sau khi ăn tối xong, đôi bạn chuyện trò vui chơi với nhau một hồi, rồi họ chúc nhau ngủ ngon và ai về phòng nấy. TôKuBây đắp tấm chăn mỏng, nhưng vì quá mệt, nên anh không ngủ được.

Anh trấn trở trên giường mãi, hai mí mắt nặng trĩu, nhưng giấc ngủ vẫn không đến.

“ Có lẽ kẻ nghèo xơ nghèo xác không hợp với cảnh xa hoa sang trọng như thế này, và quả thật hàng chữ trên cánh cửa kia không ngoa”, -TôKuBây tự nhủ.

Cứ trấn trở mãi mà không ngủ, bỗng anh thấy loáng thoáng như có cái gì động đậy trong lò sưởi. Anh bèn nằm im lặng giả vờ đang ngủ, nhưng hai mắt thì mở to chăm chú nhìn thử cái gì đang xảy ra. Gần bên lò sưởi có bóng một người đàn bà nhỏ nhắn đang khom người vội vã làm gì đấy. Một lát sau, TôKuBây nhận ra đó chính là bà chủ quán, bà ta đang đi lui tới bên bếp lò, cúi người xuống như đang làm việc ngoài đồng. Anh lại cố gắng hết sức nhìn cho kỹ, anh thấy người đàn bà trồng lúa trên tro. Anh chỉ đếm đến năm tiếng là mầm lúa mọc lên. Lúa mọc rất nhanh, rồi đơm bông trở hạt. Một lát sau, trên lò sưởi không có gì ngoài những hạt lúa chín và khi lúa trở sang vàng, bà ta gặt rồi lấy đòn gổ đập lúa ra!

Đoạn bà ta nhào nặn một hồi rất cẩn thận và làm thành bánh. Bà ta vừa làm xong bánh thì trời sáng. Khi tiếng gà đầu tiên vừa dứt thì trên lò sưởi chỉ còn lại tro mà thôi.

TôKuBây dụi mắt. Anh nhìn căn phòng, lâm bẫm:

- Chắc mình nằm mơ rồi. Nhưng rõ ràng chuyện đã xảy ra thật mà!

Anh đứng dậy, nhìn kỹ lò sưởi nhưng không thấy có gì đáng chú ý hết. Rồi TôKuBây nhìn vào gương. Trong kiếng hiện ra một gương mặt tái mét vì mất ngủ, gương cặp mắt đỏ ngầu nhìn anh.

“Ta nằm mơ hay không thì cũng thế thôi; điều quan trọng là ở đây đáng ngờ quá”, - anh tự nhủ, rồi chạy sang phòng bên cạnh để báo cho bạn biết mà đề phòng.

- Cậu đừng ăn cái gì sáng nay người ta dọn ra hết, - anh nói với bạn - nhất là đừng ăn bánh bột gạo.

Nói xong, anh kể hết chuyện đã thấy cho bạn nghe.

KiHâyDi chế nhạo anh.

- Làm gì có chuyện kỳ quái thế! Trông lúc trên lò sưởi chỉ trong một đêm, có ai nghe nói đến chuyện như thế này bao giờ đâu. Chỉ có trong ác mộng thôi. Nói tóm lại là do cũng chỉ vì cậu chưa quen ngủ trong những căn phòng sang trọng mà thôi.

TôKuBây bị chạm tự ái. Anh đáp:

- Tôi nói cho cậu biết những gì tôi đã thấy tận mắt. Còn chuyện tin hay không là tùy cậu. Nhưng tôi xin báo trước cho cậu hay là đừng ăn bánh bột gạo!

Nói xong anh quay lại phòng mình.

Một lát sau, KiHâyDi nghe có tiếng gõ nhẹ ngoài cửa. Cửa mở, bà chủ quán bước vào, mang cho khách một cái khay đựng đồ ăn điểm tâm. KiHâyDi cười thầm trong bụng khi nhớ lại bộ mặt buồn bã của TôKuBây vì bị xúc phạm. Đói bụng quá, anh liền lấy cái bánh bột gạo ăn. Ăn xong cái đầu, anh chẳng thấy có chuyện gì hết. “Chắc TôKuBây đã mơ đến chuyện hảo huyền rồi”, anh nghĩ, rồi ăn tiếp cái bánh thứ hai. Nhưng khi vừa ăn cái bánh này xong, thì anh không thấy mình là KiHâyDi nữa mà là một con ngựa đen đang đứng trong phòng. Người đàn bà phục vụ lúc này nở một nụ cười nham nhở, rồi vội dẫn con ngựa xuống chuồng, mặc cho nó chống cự.

Trong lúc đó thì TôKuBây vẫn ngồi trong phòng mình. Anh không đụng đến đĩa bánh mà bà chủ quán đã mang vào, anh đợi KiHâyDi gọi, vì hai người phải ra đi.

Ngồi một hồi thật lâu không nghe gì, KiHâyDi đứng dậy đi sang phòng bạn. Nhưng KiHâyDi đã biến mất, chỉ còn lại cái bàn nhỏ với khay đồ điểm tâm ăn chưa hết. Biết có chuyện không hay đã xảy ra, anh bèn chạy ra khỏi nhà, đúng lúc trông thấy tên đầy tớ dẫn một con ngựa đen xuống chuồng, trên mặt ngựa nước mắt rơi lã chã. TôKuBây bèn nghi ngờ chuyện này.

Quá giận, anh đi tìm người chủ quán:

- Ông đã làm gì bạn tôi? Anh ta ở đâu rồi? – Anh vừa hỏi vừa lay người chủ quán đang lộ vẻ lo sợ.

Lão chủ quán ấp úng đáp:

- Tôi không biết, thưa ngài, tôi không biết

Người đàn bà liền xuất hiện, đến gần anh, miệng cười nham nhở.

- Này anh, sao anh lại đối xử cộc cằn với chồng tôi như thế? Tại sao anh nóng nảy vậy? Tôi vừa mang thức ăn sang cho bạn anh, tôi thấy ông rất phấn khởi kia mà. Chắc bạn của anh đã đi trước rồi và đang đợi anh đâu đó ngoài đường. Còn tiền nong thì anh đừng lo, đã thanh toán rồi. Chắc có lẽ anh muốn biết điều này, phải không?

TôKuBây quá tức tối, anh không biết trả lời sao khi nghe bà ta nói bằng cái giọng nhạo báng như thế. Anh quay về phòng, thu xếp đồ đạc vào túi xách. Nhưng trước khi rời khỏi quán trọ, anh đi đến chuồng ngựa, ngựa trong chuồng thật nhiều, anh tìm con ngựa đen và thấy nó bị buộc vào gần máng ăn, vẻ rất buồn bã.

TôKuBây dịu dàng vuốt ve nó rồi nói:

- Cậu đã thấy chuyện xảy ra vì không chịu nghe tôi chưa. Bây giờ tôi phải lên đường một mình, tìm các bậc cao minh để hỏi cách giải thoát cho cậu đây.

Thế là TôKuBây lên đường một mình. Thật khó khăn cho anh, vì tiền bạc nằm trong túi xách của KiHâyDi, và tất cả hành lý đã rơi vào tay chủ quán nham hiểm rồi. Anh định đi đến các thành phố lớn, vì ở đây dễ kiếm sống hơn. Vả lại, ở các thành phố lớn mới có thể tìm ra được người giỏi, hầu giải thoát cho bạn anh.

Nhưng anh đã đi khắp các chợ búa mà vẫn vô vọng, anh vào các phòng trà, nói chuyện với đủ hạng người rằng anh muốn đi thăm các tu viện danh tiếng để tìm cho được các vị cao tăng. Anh nói chuyện với tất cả những người mà anh nghĩ rằng có thể cho lời khuyên nên đi tìm hỏi ai, cách biến con ngựa đen lại thành người. Anh đi khắp một nửa vương quốc, nhưng chẳng tìm ra ai.

- Minh đã đi khắp các thành phố và các tu viện rồi, nhưng không thành công. Bây giờ chỉ có nước vào núi nữa thôi. Có lẽ ở trong núi mình có thể tìm được một vị thông thái ẩn cư giúp mình được - TôKuBây thầm nói trong lòng.

TôKuBây rời khỏi thành phố, tìm đến những làng xóm hẻo lánh, nhưng cũng vô ích. Từ ngày anh cùng KiHâyDi ra đi rồi ngủ trong quán trọ tính đến nay đã tròn một năm, thế mà TôKuBây vẫn không tìm ra được cách để giải thoát cho bạn. Một hôm, khi đang đi lang thang trên núi cao, anh đến một ngôi làng, dân làng ở đây chỉ anh đến ngôi làng bên cạnh, họ nói ở đấy có một vị tu sĩ thông thái sẽ có cách giúp anh. Mặc dù TôKuBây đã mất hết hy vọng, nhưng anh vẫn không thể bỏ qua bất cứ một cơ hội nào, cho nên anh liền vội vã đi ngay. Dọc đường, anh lạc vào núi mất hai ngày mà không tìm ra đường.

Anh để túi xách trên bờ một thửa ruộng, bên trong còn lại bữa ăn cuối cùng. Anh leo lên một mỏm núi đá để nhìn, hy vọng ở trên cao, anh có thể dễ dàng nhìn thấy đường đi. Quả vậy, lên trên mỏm núi, anh trông thấy một con đường nhỏ. Nhưng trước khi đi theo con đường này, anh muốn ngồi nghỉ một chút và ăn cho lại

sức, vì đã hai ngày nay anh không đụng đến một chút thức ăn nào vì anh nghĩ không biết mình còn phải đi lang thang trên núi bao lâu nữa. Bây giờ đã tìm ra đường rồi, anh có thể bình tĩnh mà ăn cho đỡ đói dã. Nhưng anh quá đói ngạc nhiên khi thấy thức ăn trong túi xách biến mất. Anh nhìn quanh, và thấy cách không xa chỗ để túi, có một cụ già tóc bạc phơ đang chùi miếng bánh cuối cùng trên bộ râu.

Ông già chẳng có vẻ gì là lo sợ khi thấy chàng thanh niên, lão cười thân ái rồi nói:

- Bánh rán của cậu ngon quá. Từ lâu ta chưa được ăn cái bánh nào ngon như thế này. Hy vọng cậu không giận vì ta đã ăn cái bánh trong túi xách mà không đợi khổ chủ đến hỏi xin trước. Cậu biết đấy, ta già rồi mà lại không được ăn từ lâu – ta không làm sao cưỡng lại được cơn thèm khi thấy trong túi xách này có bánh rán quá hấp dẫn.

Nghe nói, TôKuBây nguôi giận:

- Được thôi, vì cụ thấy bánh ngon, thì cứ ăn. Ở đây không xa làng bao nhiêu, có lẽ cháu sẽ tìm ra được thức ăn ở đấy.

- Cậu quả là một chàng trai tốt bụng vì không nổi giận với một ông già kỳ lạ đã ăn phần ăn cuối cùng của mình. Mà này, ta không biết là cậu không còn gì để ăn hết. Nhưng hãy cho ta biết cái gì đã đưa cậu đến núi này. Có lẽ cậu đi tìm cái gì phải không? Cậu nói cho ta hay đi nào.

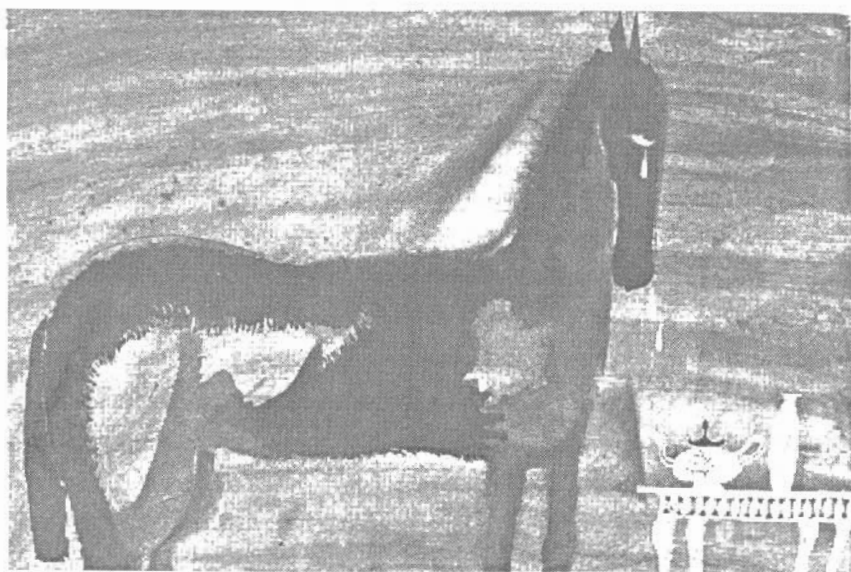
- Rất cảm ơn ông. Làm sao ông giúp cháu được khi cháu đã nhờ không biết bao nhiêu người danh tiếng trong các thành phố lớn và trong các tu viện mà họ đều bó tay, không khuyên được cháu lời nào, -TôKuBây đáp.

- Cậu cứ cho ta biết cái gì đã làm cậu bận tâm. Ta muốn trả ơn cho cậu, bởi cậu đã tốt với ta. Vì, ta cho cậu hay rằng ta không phải là một ông già bình thường, mà là thần núi.

TôKuBây quá mừng rỡ. Người không thể giúp mình được, nhưng thần núi thì lại chuyện khác. Cho nên, anh liền kể chuyện xảy ra với bạn mình, từ một năm nay, bạn anh làm ngựa trong nhà cặp vợ chồng độc ác ở quán trọ.

- Chà chà, - thần núi ngẫm nghĩ- chuyện này cũng khó đây. Ta chỉ cho cậu một cách, nhưng cậu phải kiên nhẫn và hết sức nhẫn nại mới được. Cậu nghe đây nhé: hãy đi về phía đông cho đến khi nào đến một sườn núi xuôi xuôi theo hướng Tây Đông, đến đấy cậu sẽ thấy một cánh đồng rộng trồng cà tím. Khi đã tìm được cánh đồng ấy rồi, cậu phải xem kỹ từng cây. Trong số cà trên đồng, chỉ có một cây có bảy quả cà, cây này là thuốc tiên đấy. Cậu hãy cẩn thận hái hết bảy trái cà này, đem đến cho bạn cậu. Khi anh ta ăn hết bảy trái cà này, ăn sống, ăn từng trái thì bùa phép ma quỷ sẽ biến mất.

Dặn dò xong, ông già biến mất như đã bị nuốt chửng vào lòng đất. TôKuBây kinh ngạc nhìn quanh. Chỉ thấy cái túi xách trống



không, chứng tỏ anh không nằm mơ, nhưng quả thật anh đã nói chuyện với thần núi. Anh nhặt túi xách lên, và quá ngạc nhiên khi anh nghe bên trong có tiếng leng keng. Mở túi ra, anh thấy trong đó có hai đồng tiền vàng.

“Mấy cái bánh rán mà được đền bù một số tiền hậu hĩ như thế này ư! Ít ra thì bây giờ mình không còn lo lắng gì về việc kiếm sống nữa”. TôKuBây sung sướng thầm nghĩ. Anh bèn lên đường, thực hiện chuyến hành trình dài gian khổ.

Đúng là công việc không phải dễ, mặc dù anh đã biết cách để giúp bạn rồi. Trước hết là phải tìm cho ra cây cà sẽ chữa lành cho bạn.

Anh cứ đi miết về phía Đông, anh gặp nhiều cánh đồng trồng cà tím lớn có nhỏ có, nằm trên sườn núi đổ xuôi theo hướng từ Tây sang Đông. Anh quỳ gối xuống đất mà tìm, xem kỹ từng cây, nhưng không có cây nào mang bầy trái hết. TôKuBây không bỏ cuộc. Tìm hết cánh đồng này, anh lại tìm sang cánh đồng khác. Không biết bao nhiêu cánh đồng anh đã tìm được những cây cà bốn trái, thậm chí còn có năm trái nữa. Một lần anh đã mừng hụt. Anh đếm: Một, hai, ba, bốn, năm... anh đứng lên chán nản, chỉ có sáu trái thôi.

Anh mệt phờ người, lưng cúi xuống mãi đến đau cứng. Trước mắt anh, chỉ thấy trồng cà tím, thưa hay rậm, nhưng nối tiếp cánh đồng này đến cánh đồng khác. Anh tiếp tục nhìn từ cây cà này tới cây cà khác, cho đến cuối một cánh đồng, anh gặp một cây cà có nhiều trái, anh đếm:... năm, sáu, bảy!

Một luồng sinh khí chạy khắp người làm anh khỏe lại. Anh bỏ bảy trái cà vào túi xách, rồi quay bước trở về quán trọ ngày trước. Anh đi rất phấn khởi. Rồi bạn anh sẽ hết đau khổ! Anh rất mang ơn vị thần núi, chỉ đổi một bữa cơm đạm bạc mà anh đã có được một phương thuốc quý báu và còn thêm hai đồng tiền vàng nữa.

Hai đồng tiền vàng làm cho anh nảy ra một ý kiến thật hay. Trước khi đến quán trọ, anh vào thành phố gần đấy, với số tiền còn lại, anh mua một cái áo kimono thật đẹp, rồi thuê những thứ chứng diện của con nhà giàu sang trong một chuyến đi chơi xa. Anh diện vào, đi đến quán trọ với phong thái ra vẻ con nhà trâm anh thế phiệt.

Vợ chồng chủ quán thấy khách là một thanh niên ăn mặc sang trọng, bèn bước tới đón anh một cách kính cẩn. TôKuBây nói:

- Tôi đi chơi một chuyến thật xa, từ các ngôi đền ở I-Dơ về. Tôi mệt quá, muốn nghỉ qua đêm ở nhà trọ của quý vị. Tôi muốn một phòng phù hợp với mình.

-Ồ, thưa ngài, ở quán trọ này chỉ có những nhà quý tộc như ngài vào ở thôi. Chúng tôi sẽ chọn cho ngài một phòng rất tốt, chắc ngài sẽ hài lòng.

Họ liền đưa TôKuBây vào nhà, thái độ càng cung kính hơn nữa. Chàng thanh niên này chắc không cần để ý cũng biết ánh mắt của hai vợ chồng trao cho nhau, ngầm nói: "Mời ngon đấy nhé!".

Họ dẫn TôKuBây vào căn phòng anh đã ở cách đây một năm. Rồi họ đi ra, cũng lập lại những động tác cúi người cung kính như hồi nãy, để chuẩn bị cho khách quý tắm mát.

Hai vợ chồng vừa ra khỏi phòng là TôKuBây liền lên xuống chuồng ngựa để tìm người bạn. Anh tìm ra bạn đứng trong một góc, gầy gò và khắp thân mình nổi lên những đường roi tằm máu. Đói và công việc nặng nhọc đã làm cho nó tiêu tụy, thờ ơ, nó đứng trước máng ăn mà không cần quay đầu để nhìn ai đi vào. TôKuBây bèn đến gần bên con ngựa, vuốt ve bờm nó và nói:

- Cậu đừng buồn, mình đã đem thuốc đến để giúp cậu trở lại hình người đây.

Anh mở túi xách, cái túi anh giấu trong tay áo kimono, lấy ra trái cà tím đầu tiên đưa cho ngựa đen ăn.

- Này, cậu phải ăn cái này mới trở lại là người như trước.

Con ngựa ăn trái cà thứ nhất, rồi ăn trái thứ hai và trái thứ ba. Trái thứ tư đã thấy khó nuốt, nhưng đến trái thứ năm, nó từ chối không ăn nữa.

TôKuBây nổi giận:

- Cậu làm gì thế. Bộ cậu muốn làm ngựa mãi sao. Được rồi, tùy cậu đấy nhé. Nếu không ăn, cậu sẽ tiếp tục làm ngựa đấy.

Anh dọa bỏ đi để mặc KiHâyDi ở đây, ngựa mới từ từ ăn hết bảy trái cà tím. Vừa ăn hết miếng cuối cùng thì KiHâyDi hiện ra đứng trước cái máng ngựa ăn. Nhưng trông anh gầy gò xanh xao.

TôKuBây tháo dây cho bạn rồi nói:

- Bây giờ cậu vào lánh trong rừng, tôi còn thanh toán tiền bạc với chủ quán.

TôKuBây quay lại phòng và ra lệnh dọn một bữa ăn tối thịnh soạn. Anh mời chủ quán và vợ đến cùng ăn, để anh mời họ ăn bánh bột gạo quý hiếm mà anh đã mang theo trong chuyến đi hành hương, dĩ nhiên là anh giả vờ thế. Cả hai vợ chồng đến theo lời mời. Trong thời gian đó, TôKuBây nhân lúc hai vợ chồng không chú ý, đổi bánh bột gạo bình thường mà anh đã mua trên phố cho bánh bột gạo do chủ quán mang lại trên khay để cảm ơn lòng tốt của chàng thanh niên.

Cả hai đều ăn ngon lành bánh bột gạo do TôKuBây mời; nhưng vừa ăn đến cái thứ hai thì họ đã biến thành ngựa. Hai con ngựa hí vang, đá hậu, nhưng chẳng làm gì thay đổi được số phận. TôKuBây gọi gia nhân đến, sai họ dẫn hai con ngựa xuống chuồng. Rồi anh đi tìm KiHâyDi ở trong rừng. Đôi bạn ngủ với nhau một đêm ngon lành. Sáng hôm sau, họ bán tài sản của vợ chồng chủ quán và hai con ngựa, thanh toán tiền cho những thứ anh thuê rồi mua những thứ cần thiết cho KiHâyDi và cho anh để hai người về nhà. Không có gì ngăn cản bước chân họ được nữa.

Người thương gia giàu có rất sung sướng khi được ôm con vào lòng. Ông đã trải qua một thời gian dài lo sợ khủng khiếp, và không những ông mà còn cả bà góa, mẹ của TôKuBây nữa, cũng lo sợ ngóng trông ngày về của đôi bạn trẻ. Ông đã phái thám tử đi khắp nơi để tìm kiếm, nhưng những người này không khám phá ra được gì ngoài việc hai chàng đã không đến Idơ, vì không ai thấy họ trong các ngôi chùa ở thành phố này. Người thương gia giàu cứ ngỡ con mình đã có mệnh hệ gì, còn bà góa khốn khổ thì thao thức không ngủ cả ngày lẫn đêm. Bảy giờ cả hai đã trở về bình an vô sự, niềm vui của bậc cha mẹ thật vô bờ. TôKuBây và KiHâyDi kể lại cho mọi người nghe tất cả chuyện đã xảy ra; khi người thương gia giàu có biết được lòng trung thành của TôKuBây, ông chia gia tài ra làm hai phần bằng nhau và cho TôKuBây một nửa.

- Nếu không có cháu thì bây giờ ta không có con; cho nên của cải ta có, phải chia hai cho đồng đều.

Từ lúc ấy, họ sống rất hạnh phúc sung sướng. Nhưng KiHâyDi đã thay đổi hoàn toàn tính tình. Anh ta đã khác xưa, khó mà nhận ra được.

Bây giờ anh ta biết hưởng thụ cuộc đời, sống thoải mái vui vẻ với tài sản giàu có của mình và với bạn bè. Nhưng anh còn biết ý nghĩa của việc lao động cực nhọc, cho nên, cha anh không còn buồn phiền, lo sợ gì cho sự nghiệp của mình sau khi ông qua đời nữa.

Chín vị tu sĩ

Kakiêmông (kakiémon) người gốc Oxaka (osaka), còn trẻ, nhưng khi gia đình sa sút mà lại trở trọi một mình, nên anh quyết định đến thử thời vận ở đất kinh kỳ Êđô (edo) ra sao. Anh ta là một thanh niên có nghị lực, nên vừa nghĩ đến chuyện ấy là thực hiện ngay. Vì vậy, ngày hôm sau, anh lên đường đi Êđô.

Đến đây anh đi suốt mấy ngày quanh chợ và các nhà buôn, cho đến khi tìm được việc làm tại tiệm buôn của một thương gia giàu có. Vì anh thông thạo việc kế toán, biết cách tống khứ đồ cướp bóc ra khỏi nhà, lại luôn luôn nhã nhặn với khách hàng, cho nên chẳng mấy chốc mà anh được lòng tin yêu của nhà thương gia này. Vận may lại mỉm cười với anh.

Một hôm, anh phải đến nhà ông chủ vì có việc khẩn cấp. Anh bỗng thấy có một cô gái đẹp kỳ lạ đang dạo chơi trong vườn giữa các cây đang nở hoa nhưng hoa cũng phải nhạt phai trước sắc đẹp của nàng. Kakiêmông yêu ngẩn ngơ cô gái xa lạ, nhưng tội nghiệp thay cho anh sau khi hỏi ra mới biết đó là cô con gái duy nhất của ông chủ, nhà thương gia giàu có và sẽ không bao giờ ông chủ lại bằng lòng gả con gái cho một kẻ nghèo xơ xác như anh. Kakiêmông âm thầm đau khổ. Anh tránh xa những thú vui trong thành phố, bạn bè mời anh đi chơi sau giờ làm việc, anh cũng chối từ. Trái lại, anh thường tìm cơ để tới nhà ông chủ, thường thường anh lui tới nhà ông chủ nhiều lần trong một ngày, để đem tin đến rồi nhận lệnh đi. Và mỗi lần như thế, anh đợi ở cửa để chờ gặp người đẹp Ôran (orane) đi qua.

Cô gái cũng để ý đến chàng trai, và thấy thích anh ta. Rồi đôi trẻ đi đến chỗ thư từ cho nhau và nghĩ đến chuyện tìm cách làm cho người cha nghiêm khắc chấp nhận mối tình của họ. Cuối cùng Kakiêmông quyết định đến gặp cha của Ôran để xin được kết hôn với nàng.

Nhưng anh đã gặp sự chống đối quyết liệt. Người thương gia khi nghe anh nói đã nổi giận dùm dùm cho anh là kẻ xác xược, ông ta nói thẳng vào mặt anh :

- Ý nghĩ gì lạ thế, một thằng vô lại như cậu sống ngày nào thì biết ngày ấy, mà lại dám cưới con gái ta ư ? Có lẽ cậu không biết nó đã được nhiều nơi danh giá vọng tộc trên đất kinh kỳ này xin cưới hay sao ? Hãy cắt đi khỏi mắt ta, ta không muốn thấy mặt cậu nữa.

Kakiêmông đau đớn ê chề. anh không đáp trả những lời nói chua chát của ông chủ.



Khi cơn giận của người thương gia dịu xuống một chút, ông nói nhẹ nhàng hơn:

- Nhưng chắc cậu cũng hiểu là tôi rất biết trọng dụng người có năng lực, cho nên tôi sẽ bỏ qua những lời nói vô lễ của cậu, cậu có thể ở lại tiếp tục làm việc. Nhưng bây giờ thì hãy biến khỏi mắt tôi.

Ông ta ra lệnh cho anh rút lui .

Phản Ôran, khi biết được quyết định nghiêm khắc của cha, nàng than khóc khôn xiết, không làm sao bình tâm cho được. Nàng càng khóc nhiều hơn nữa khi biết cha cấm không cho nàng gặp Kakiêmông, và bắt hai chị giúp việc canh gác nàng. Còn Kakiêmông được ông phái đi xa làm nhiệm vụ, để cho đôi trẻ không có dịp gặp nhau. Kakiêmông chăm lo công việc và tiết kiệm từng đồng. Nhưng làm theo cách này, anh sẽ không bao giờ trở nên giàu có đủ để ông thương gia chấp nhận anh làm con rể.

Ôran quá buồn lòng nên lâm bệnh nặng. Không một thầy thuốc nào có thể chữa lành bệnh cho nàng được. Càng ngày nàng càng xanh xao gầy gò, chỉ muốn nghe nói đến Kakiêmông thôi. Người thương gia giàu có đã mời đến nhiều danh y, nhưng người nào cũng nhún vai đáp :

- Chúng tôi chịu, đây không phải là thân bệnh mà là tâm bệnh. Nếu cô gái không lành thì bệnh chỉ trở nên trầm trọng mà thôi. Cuối cùng người thương gia đành phải nhân nhượng một ít. Ông ta chỉ còn một cách để chọn lựa mà thôi : hoặc là để mất con gái hoặc là chấp nhận Kakiêmông làm rể.

Ông cho gọi Kakiêmông và nói :

- Anh biết quá rõ là tôi không muốn cho anh làm rể. Nhưng con gái tôi lâm bệnh trầm trọng và chỉ có lấy anh nó mới lành bệnh. Ngặt một nỗi nhà anh nghèo quá nên tôi mới đặt vấn đề với anh. Anh phải tổ chức đám cưới như người ta lấy vợ con gái nhà giàu vậy. Nếu anh không có khả năng, thì ... Ông ta thở dài thườn thượt.

Kakiêmông suy nghĩ thật lâu về những điều mình phải làm, vì chính anh cũng lo sợ cho sự sống của Ôran. Cuối cùng, anh đã nghĩ ra cách. Anh xin phép nghỉ ít hôm mà không nói rõ là mình sẽ đi đâu. Ông chủ chấp nhận, nhưng nói với vẻ hoài nghi:

- Chúng tôi mong rằng anh sẽ có biện pháp khả quan chứ đừng than thân trách phận nữa.

Kakiêmông vội vàng đi Ôxaka. Anh nhớ ở vùng ven thành phố quê hương mình có một lâu đài của hoàng tộc đã bị bỏ hoang. Ngôi nhà này nhiều năm rồi không có ai ở, vì người ta nói rằng nhà có ma. Kakiêmông không sợ ma – mà cho dù có sợ đi nữa, thì quyết tâm lấy Ôran làm vợ, đã xua đuổi tất cả nỗi sợ trong lòng anh. Đến Ôxaka, anh xin phép được gặp nhà vua. Anh nói:

- Tâu bệ hạ, nếu ngài giao tòa lâu đài cho tôi một thời gian, tôi xin hứa với ngài là tôi sẽ làm cho ngôi nhà hết ma.

- Tại sao anh lại cần tòa lâu đài? – nhà vua ngạc nhiên hỏi anh.

Kakiêmông trình bày cho nhà vua biết là anh cần ngôi nhà để làm đám cưới, anh kể cho vua nghe những điều kiện của người thương gia giàu có ở Êđô đã đưa ra. Quyết tâm sắt đá của chàng đã làm cho vua vui thích, nên ngài hứa sẽ cho anh mượn tòa lâu đài trong một thời gian.

- Nhưng có đám cưới đi nữa, thì anh cũng đừng quên ma quỷ đấy nhé! – nhà vua nói thêm rồi cười.

Kakiêmông trở lại Êđô, liền đến gặp ông thương gia giàu có ngay. Anh nói với ông ta:

- Mặc dù con gái ông thuộc gia đình giàu có, nhưng cũng chỉ là tư sản thôi. Nay tôi sẽ làm đám cưới với con gái ông trong một tòa lâu đài của hoàng tộc, ông có bằng lòng không?

- Trong một tòa lâu đài hoàng tộc à? Sao anh vào được lâu đài hoàng tộc? – Người thương gia giàu có kinh ngạc hỏi anh.

- Thì đấy là việc của tôi, điều quan trọng là điều kiện ông đưa ra đã được thực hiện. Ông chỉ việc cho đưa cô dâu đến tòa lâu đài hoàng tộc ở Ôxaka là được. Tôi sẽ đợi con gái ông ở đấy.

- Thằng này rồi sẽ lo liệu được đường đời của nó đây. – Người thương gia tự nhủ. – Chắc hẳn không tồi đâu, và hẳn cũng không thiếu can đảm.

Thế là ông không có gì nữa để cản trở cuộc hôn nhân.

Khi Ôran biết nàng sẽ được lấy Kakiêmông, má nàng lại ửng hồng, và hai ngày sau, nàng đã chạy tung tăng khắp nhà.

Thoạt tiên, đám cưới được tổ chức tưng bừng ở Êđô, rồi rước dâu đến Ôxaka. Khi đến đây là xem như lễ cưới đã chấm dứt, Kakiêmông và Ôran ở lại một mình với nhau trong tòa lâu đài bỏ hoang, cột kèo đã mục và ngoài vườn thì cỏ hoang mọc cao lút đầu người.

Dù đang ở trong một lâu đài, nhưng họ phải làm việc để có cái ăn. Cho nên Kakiêmông đi bán cá. Anh muốn kiếm được nhiều tiền, cho nên phải dậy từ nửa khuya để đến được các nơi xa. Vì vậy mà từ giữa khuya, trong lâu đài chỉ còn một mình Ôran. Nhưng phải thế thôi, vì trong khi Kakiêmông không ngại đường xá gian khổ, gánh gồng nặng trĩu trên vai, để đi buôn bán kiếm sống, thì Ôran phải ở nhà một mình trong lâu đài. Hai người sống hạnh phúc vì số phận đã ghép họ lại với nhau rồi.

Kakiêmông và Ôran sống với nhau trong lâu đài một thời gian mà chẳng xảy ra chuyện gì hết. Kakiêmông chăm lo công việc mua bán đến nỗi quên phứt chuyện lâu đài có ma. Ôran cũng thế, nàng không nghĩ đến chuyện ma quỷ nữa và cũng không sợ sệt gì hết cho đến một tối nọ, khi Kakiêmông vừa đi thì có ba tu sĩ mặc áo dài đen hiện ra trước mặt nàng. Mỗi người cầm trên tay một cây đèn cây ngăn tỏa ánh sáng rực rỡ. Không làm gì ồn ào hết, họ đi băng qua tường để vào lâu đài, rồi đến trước mặt Ôran, họ nhảy múa quanh giường Ôra cho đến sáng, bước chân chậm chạp và cứng ngắc. Rồi, lần lượt cả ba đến gần chiếu Ôran đang nằm, để

một ngón tay lên miệng nàng, dặn phải giữ im lặng. Suốt đêm, không ai thốt ra một lời nào.

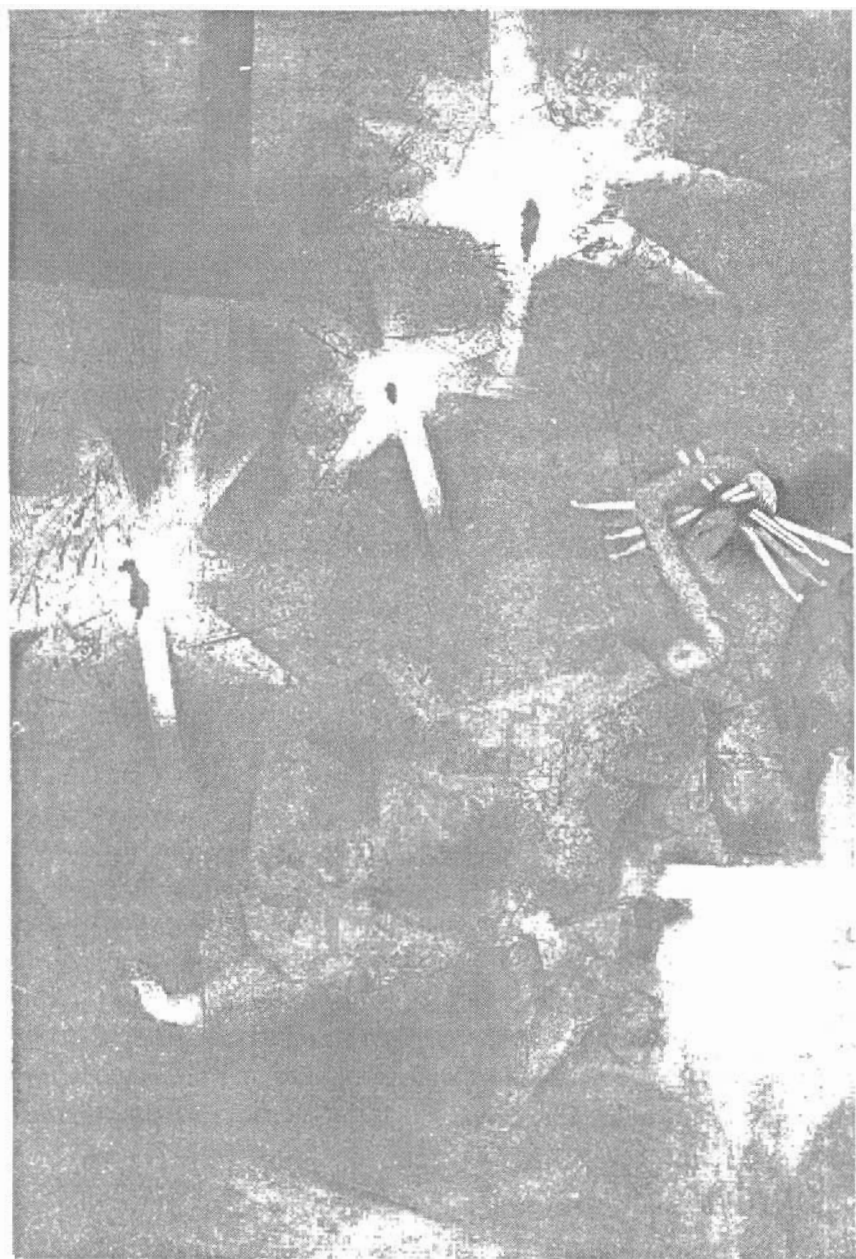
Ôran đã can đảm và im lặng tham dự buổi khiêu vũ của các tu sĩ. Khi họ biến mất, nàng mới thở dài nhẹ nhõm. Nàng nghĩ: “Chắc đây là những bóng ma mà Kakiêmông đã nói với mình trước khi cưới. Rõ ràng là họ không muốn mình nói cho ai nghe chuyện đã xảy ra trong đêm; mà nói ra làm gì, vì Kakiêmông nghe được, chàng chỉ thêm lo, rồi lại không muốn để ta một mình trong tòa lâu đài này nữa. Mà ta còn phải đi chợ để mua đồ ăn đã chứ”.

Khi Kakiêmông trở về, Ôran vẫn chào hỏi chồng vui vẻ, dọn cơm cho anh ăn, và nói chuyện với anh cho đến khi anh lại ra chợ bán cá. Nàng không nói với anh một tiếng về chuyện đã xảy ra đêm qua. Khi Kakiêmông đi rồi, nàng hồi hộp nằm đợi xem các vị tu sĩ có đến nữa không. Suốt đêm nàng không nhắm mắt, nhưng lần này không có gì xảy ra.

Đêm thứ ba, Ôran thấy xa xa có ánh sáng tiến đến gần, rồi xuyên qua tường, chùng vào trong lâu đài. “ Chắc là các vị tu sĩ rồi đây!” Ôran thầm nghĩ, và nàng kinh ngạc khi thấy mình nhẹ nhõm cả người. Vì nếu cứ nằm thao thức suốt đêm để chờ đợi, thì lại càng tệ hại hơn nữa.

Các vị tu sĩ lặng lẽ đến gần, lần này họ mặc áo dài trắng, mỗi người cầm một cây đèn cây trắng lớn. Họ lặng lẽ nhảy múa quanh Ôran, bước chân cứng cỏi. Chỉ có ánh đèn cây mới chiếu ra những hình bóng sinh động mà thôi. Đến lúc bình minh ló dạng, các tu sĩ lại đến bên cạnh Ôran, lần lượt để ngón tay lên miệng nàng như nhắc nhở phải im lặng. Rồi họ lại biến dạng, Ôran không biết họ biến đi đâu. Sau ba đêm không ngủ, nàng quá mệt mới đến độ lăn ra ngủ ngay tức khắc. Cho đến khi nghe tiếng cười của Kakiêmông, nàng mới thức dậy.

- Đã mười hai giờ trưa mà em vẫn còn ngủ à? Đêm qua có chuyện gì xảy ra hả em?



Hoảng sợ, Ôran vùng dậy để lo việc cơm nước.

- Anh thấy vợ anh hư đốn ghê chưa! Trong khi chồng cong lưng dưới gánh cá nặng thì nàng lại ngủ.

Đêm thứ tư lại bình yên. Sau nửa khuya, các tu sĩ không đến như đêm trước, Ôran ngủ say một giấc cho đến sáng. Chỉ sang đêm thứ năm mới xuất hiện lại ánh sáng đèn cây, ánh sáng xuyên tường mà vào. Khi ánh sáng đến gần, Ôran nhận ra ba vị tu sĩ mặc áo màu vàng. Mũ trùm đầu nhọn phủ xuống che hết một nửa khuôn mặt, và trên tay, mỗi người cầm một cây đèn cây dài màu vàng tỏa ánh sáng huyền bí. Các tu sĩ vàng lại nhảy múa quanh giường Ôran suốt đêm, sáng mai họ lại để ngón tay lên miệng nàng dặn phải im lặng.

Ôran thức mắc tự hỏi không biết sang đêm thứ bảy có gì xảy ra không. Kakiêmông vừa mới đi chợ thì nàng đã thấy bốn bề đều có ánh sáng đang hướng về lâu đài. Từ phía nam, ba vị tu sĩ mặc áo đen, cầm đèn cây ngắn màu đen đang đến gần; từ phía Tây, ba vị tu sĩ mặc áo trắng cầm đèn cây trắng lớn, và cuối cùng, từ phía Đông, ba vị tu sĩ mặc áo dài vàng đang uy nghi đến gần, ánh sáng tỏa ra rực rỡ. Họ từ từ đến gần, ánh mắt đều nhìn về phía Ôran, rồi họ nhảy chậm chậm quanh giường của nàng. Ôran tự hỏi không biết đêm nay có gì xảy ra không, vì đêm nay tất cả các tu sĩ đều tập hợp lại hết cả như thế này.

Bỗng tất cả các tu sĩ vàng đều ngưng nhảy, họ dừng lại trước chiếu Ôran đang ngồi, một tu sĩ áo vàng nói bằng giọng trầm ồ ồ:

- Ôran, người thật can đảm. Trong suốt bảy ngày qua, người không nói gì và không sợ ở một mình với chúng tôi. Để thưởng cho người, ta sẽ nói cho người biết chúng tôi là ai. Nghe đây nhé: Đã lâu lắm rồi, có một cuộc chiến tranh ác liệt xảy ra tàn phá khắp đất nước. Lúc ấy, tổ tiên của nhà vua bây giờ, đã chôn giấu kho tàng của họ trong lâu đài này. Nhưng ngài đã chết trong chiến trận, mang theo bí mật xuống mồ. Chúng tôi đã ẩn náu ở đây suốt

mấy thế kỷ rồi, không giúp ích gì cho người và không hưởng được lạc thú vì sức mạnh của mình. Chúng tôi thích trở lại với loài người, nhưng không đủ khả năng. Phải có người đào lên, chúng tôi mới hội nhập được với loài người. Nhưng mãi cho đến bây giờ, tất cả những người khi thấy chúng tôi hiện ra đều chạy trốn hết, không ai can đảm như người hết.

Kể xong, các tu sĩ áo đen đến gần Ôran, dẫn nàng ra vườn, chỉ cho nàng thấy cây anh đào già, và họ biến mất. Rồi những tu sĩ áo trắng chỉ cho nàng ngưỡng cửa lâu đài và lại biến mất. Ba tu sĩ cuối cùng, những tu sĩ áo vàng, dẫn Ôran vào cái hầm hình vòm, chỉ cho nàng rồi cũng biến mất ở đấy.

Sau cái đêm hãi hùng ấy, Ôran cố lấy hết can đảm, ngủ cho đến khi Kakiêmông trở về. Anh lại ghẹo nàng, nói rằng nàng đã bắt đầu quen thói ngủ đến mười hai giờ trưa. Nàng bèn kể cho anh nghe chuyện đã xảy ra ở tòa lâu đài trong suốt bảy đêm vừa qua. Rồi, cả hai đến tìm nhà vua để nói cho ngài biết về chuyện những bóng ma trong lâu đài.

Nhà vua cho đào những nơi đã được các tu sĩ chỉ, ngài tìm ra những kho tàng thật sự, trong vườn nằm dưới gốc cây, là những hũ đầy tiền đồng, dưới ngưỡng cửa là những bao đựng đầy tiền bạc, và trong hầm là những hũ đựng đầy tiền vàng.

Nhà vua rất đổi vui mừng khi tìm ra được kho tàng của tổ tiên để lại mà không hay biết, ngài khen thưởng cho Kakiêmông và Ôran can đảm rất nhiều tiền bạc. Từ đó, ông thương gia giàu có hết lấy làm xấu hổ về chuyện con rể; trái lại, ông sung sướng vì đã gả được con gái cho anh. Ôran thường nhái lại vũ điệu của các tu sĩ cho Kakiêmông xem, rồi hai người cười với nhau, sung sướng.

Lòng biết ơn của con cáo

N gày xưa, trong một làng nọ, có hai vợ chồng già. Ông già làm việc trong một thửa ruộng nhỏ và đi lượm củi khô trong rừng. Khắp các vùng quanh đấy, mọi người đều kính trọng ông vì ông là người chân thật và có lòng nhân ái, thậm chí không làm hại đến một con ruồi. Bà già thì có hơi ưa gây gổ một chút và lắm lời, nhưng lại cần cù và tề gia nội trợ khá gương mẫu. Cả một đời, hai người làm việc đầu tắt mặt tối, nhưng vẫn không bao giờ giàu lên được. Càng ngày họ càng già yếu mà vẫn tay làm hàm nhai.

Thường thường khi về nhà, còng lưng dưới gánh củi, ông lại than thở:

- Bây giờ thì cũng còn được, ta còn sức đi lượm củi khô đem ra chợ bán. Nhưng khi không còn làm được nữa, thì ta sẽ ra sao nhỉ? Ai sẽ chăm sóc chúng ta?

Bà già cũng đồng tình với chồng, bà nhún vai đáp:

- Đúng thế đấy, đời ta sẽ ra sao nhỉ? Cuộc sống thật khốn khó, chúng ta đã làm việc không chút nghỉ ngơi, thế mà không dành dụm được ít tiền bạc để dùng trong lúc già yếu!

Mỗi lần ông già mang củi ra chợ bán, cả hai lại hy vọng lần này sẽ còn dư chút đỉnh, nhưng rồi họ lại tiêu hết, không để dành được đồng nào. Khi thì hết muối, khi khác phải trả món nợ đã vay mượn từ lâu.

Một hôm, ông già đi bán củi ở chợ về, lần này thì ông gặp may, nợ đã trả hết, mà trong lưng lại còn mấy đồng tiền đồng.

- Chắc bà già sẽ mừng lắm! Ông nhủ thầm – số tiền này ta sẽ cho vào hũ. Cuối cùng chúng ta đã bắt đầu để dành được cho tuổi già rồi.

Ông bước đi, trong lòng phấn khởi. Khi gần đến làng, ông thấy dưới lòng sông khô nước, có một tốp con nít nhảy múa reo hò và ông nghe những tiếng kêu than thở. Bọn con nít trong làng vừa bẫy đánh một con cáo, và chúng đang nô đùa bằng cách hành hạ con vật khốn khổ. Đứa thì giật đuôi, đứa thì lấy kim dài đâm, tất cả đều chế nhạo con cáo: “Này cáo già, mày bị vào bẫy rồi. Nghe nói mày khôn ranh lắm kia mà, nào, bây giờ hãy gỡ ngón khôn ranh ra đi coi!”

Ông già thấy thương hại con vật. Hai mắt nó buồn xo, và hơn nữa, nó đã ngất ngư rồi.

- Các cháu không thấy xấu hổ à? – Ông già nhìn bọn trẻ nói – Hành hạ một con vật khốn khổ! Các cháu hãy thả ngay con cáo ấy ra đi!



Nhưng bọn trẻ lại quay qua chế nhạo ông già:

- Ông đừng xía vào chuyện không liên quan đến mình. Chúng tôi bắt được con cáo, nó là của chúng tôi, và muốn làm gì nó thì tùy chúng tôi. Nếu thương hại con cáo thì ông mua nó đi. Chúng tôi sẽ bán cho ông với giá đắt đấy!

Ông già suy nghĩ. Ông thương hại con cáo thật, nhưng không thể làm gì bọn trẻ được. Lại còn đem số tiền vừa dành dụm lần đầu tiên để mua con cáo của chúng ư? Nhưng con cáo cứ rên rỉ than van, thấy tội nghiệp quá. Ông bèn quyết định dứt khoát, ông rút cái ví tiền ra, lấy mấy đồng đưa cho bọn trẻ, ông tự nhủ: “ta vẫn còn làm việc được, vậy ta còn có thể để dành sau”

Bọn trẻ lấy tiền và trong nháy mắt là ông già thấy chỉ còn mình ông với con cáo. Ông tháo con cáo ra khỏi bẫy, nhưng con vật quá yếu không thể nhúc nhích được. Thế là ông già ôm lấy con cáo, mang nó vào sâu trong rừng. Ông thả con cáo ra và nói:

- Này cáo, mày ở trong rừng, đừng bao giờ về làng nữa. Chuyện xảy ra hôm nay là một bài học quý giá cho mày đấy! Làng là thuộc về người, còn rừng mới thuộc về mày.

Con cáo nhìn ông già với ánh mắt biết ơn, rồi chạy ẩn mình trong hang. Ông già về nhà với hai bàn tay không. Bà già cần nhàn ông đã quá xem nhẹ tiền bạc, nhưng cần nhàn một thời gian, rồi bà cũng quên chuyện này.

Một hôm, con cáo bỗng xuất hiện trong sân nhà của hai vợ chồng ông già. Bà già thấy sợ, và bỗng thấy nhớ đến số tiền ông chồng đã tiêu. Bà liền cầu nhàu:

- Vì mày mà chúng tao đã tốn một số tiền, rồi lại còn lo lắng vì ông già về quá trễ, thế chưa đủ sao mà bây giờ mày lại còn đến tận nhà chúng tao? Thôi, cắt đi!

Bà già đi kiếm cây gậy để đuổi con cáo.

Nhưng cáo không đếm xỉa đến những lời la lối của bà già: nó

đợi cho đến khi ông già bước ra sân để xem có chuyện gì, nó mới đến gần ông và nói.

- Thưa ông nội. Ông đã cứu sống tôi, tôi không bao giờ quên ơn ông. Tôi định có dịp sẽ dùng xảo thuật của mình để trả ơn ông. Vết thương của tôi lành đã lâu rồi, cho nên hôm nay tôi đến thăm ông. Hãy cho tôi biết ông cần gì để tôi giúp ông.

Nhưng ông già cầu nhàu:

- Đừng nói như thế mà nhọc công, hãy trở về rừng mau đi để bọn trẻ lại thòp cổ được mây nữa đấy! Lần này thì ta không thể giúp được gì cho mày đâu, vì ta không có một đồng xu dính túi. Thôi, đi đi!

Nhưng con cáo đáp:

- Nếu ông không muốn gì hết, thì tôi xin nói cho ông nghe cái ý mà tôi đã nghĩ ra trong lúc nằm dưỡng sức trong hang. Không xa nơi đây, có một tu viện, ông thầy tu già trong ấy rất thích sưu tập đồ dùng cũ và các bình chứa cũ. Ông ta đã thuê người đi khắp nơi để mua những cái chảo cũ, những ấm nước cũ và những thứ đại loại như thế. Tôi sẽ biến thành một cái ấm nấu nước sôi thật đẹp và ông hãy mang đến bán cho ông ấy. Ông ta sẽ trả cho ông một số tiền khá lớn, và ông khỏi lo tuổi già không nơi nương tựa.

Ông già một mực nói rằng ông không cần, và bảo nó nên về rừng mau lên, nhưng con cáo đã quẩn đuôi quanh chân, cúi đầu xuống, quay quanh ba vòng rồi thay vì là cáo, trước mắt hai vợ chồng già là cái ấm đồng xưa thật đẹp. Nắp ấm có hình một cái đầu cáo, và cái vòi giống như cái mõm cáo kéo dài ra.

Cả ông lẫn bà già đều ngạc nhiên không nói nên lời được. Bà già là người lấy lại bình tĩnh trước, bà cầm lên gõ mấy cái vào thành ấm làm vang lên tiếng kêu của loại đồng nguyên chất.

"Có lẽ ông thầy tu sẽ trả giá cái ấm này đắt lắm đây" - bà nghĩ thế và như thấy tiền bạc đang hiện ra trước mắt mình. Bà liền thuyết phục ông:

- Ông hãy bình tĩnh đến tu viện đi. Con cáo có lý đấy. Mình đã vì nó mà hết nhẫn tiền thì bây giờ nó làm thế này để chúng ta lấy lại tiền thôi chứ chúng ta làm quái gì với cái ấm đẹp thế này. Con cáo nói thật đấy, nó sẽ không biến hóa lại nữa đâu.

Cuối cùng, ông già đành lấy cái ấm, gói vào trong một tờ giấy bóng, nhưng ông vẫn ngần ngừ, nói:

- Tôi không thích làm những việc như thế này. Nhờ ông thầy tu hỏi tôi đào đâu ra mà có cái ấm quý như thế này, thì tôi biết trả lời làm sao. Ai mà không biết nhà ta nghèo ra sao.

Nhưng bà già đã trấn an để ông khỏi sợ. Bà dặn ông cứ việc nói là đã nhặt được cái ấm lâu rồi nhưng để đấy xem có ai đến nhận là của mình không nhưng mãi vẫn không thấy ai đến nhận lại, nên họ quyết định đem bán, vì không biết làm gì với cái ấm đẹp như thế.

Ông già không muốn cãi cọi thôi với vợ, bèn đi đến tu viện nơi ông thầy tu sưu tầm xoong chảo cũ, ấm xưa và các thứ đại loại như thế. Ông đi vào tu viện, mở giấy bóng đưa cái ấm cho ông thầy tu xem.

Vừa cầm cái ấm, thầy tu đã khoái chí reo lên:

- Chưa bao giờ tôi thấy một cái ấm đẹp như thế này, dù tôi có rất nhiều ấm! Đây quả là cái ấm bằng đồng nguyên chất! Thật hiếm khi thấy được một vật như thế này! Ông kiếm được nó ở đâu thế?

Ông già bèn lặp lại những lời bà già đã dặn, và ông thầy tu khen bà già đã có một quyết định hết sức đúng đắn khi đem cái ấm đi bán rồi trả cho ông già bảy đồng tiền vàng.

Ông già sung sướng quay về nhà. Chưa bao giờ ông có nhiều tiền như thế này, thậm chí ông còn chưa thấy đồng tiền vàng ra sao nữa là.

- Đừng lo đến chuyện ngày mai nữa nhé, - ông tự nhủ.

Ông già vừa đi khỏi, thầy tu gọi đệ tử đến, sai đem cái ấm xuống sông để chùi cho sạch.

- Ta muốn xem thứ chế trà trong cái ấm như thế này có mùi vị ra sao!

Các đệ tử lấy cái ấm chạy xuống sông, lấy cát chà mạnh vào cái ấm đến nổi tay họ đỏ rần lên. Nhưng cái ấm thì sao? Nó phát ra tiếng rên nho nhỏ. Họ ngạc nhiên, bèn súc cái ấm và đánh nhẹ cho bóng. Lần này thì họ nghe như cái ấm đang cười và nói: “ha ha ha thộc lét nhột quá!”. Các đệ tử sợ quá, múc nước đầy ấm rồi chạy về, kể lại cho ông thầy tu nghe.

- Cái ấm này kỳ quặc quá. Khi chúng con chà cát thì nghe có tiếng rên, còn khi đánh bóng thì nó lại cười.

- Có gì đâu mà lấy làm lạ, - thầy tu trấn an họ. - Loại ấm quý như thế thường phát ra những âm thanh lạ lùng khi ta lau chùi. Đây là cái ấm quý ta chưa từng thấy đó.

Ông ra lệnh cho đệ tử nhóm than, khi lửa đã đỏ, ông treo ấm nước lên lò.

Nước chưa sôi mà cái ấm đã có điệu bộ rất kỳ lạ. Nó nhảy nhót trên lò lửa, bật lên cao rồi câu nhàu, biến thành con cáo và vùng dấy chạy thật nhanh dù chân cẳng đang bị phỏng.

Ông thầy tu cho gọi ông già đến, bắt phải trả lại tiền. Ông già xin lỗi hết lời, nói với vị tu sĩ là chắc cái ấm bị bùa phép nên mới thế. Ông thầy tu đáp:

- Rõ ràng là thế rồi, nhưng tiền bạc của tôi là tiền thật. Hãy trả lại tiền cho tôi!

Trên đường trở về nhà, ông già câu nhàu trách vợ và con cáo:

- Hậu quả thế đấy. Đi lui đi tới thật vô ích, đã vậy còn mang nhục nữa.

Mấy ngày sau con cáo lại xuất hiện ở nhà ông già. Chân cẳng nó đã lành. Nó xin lỗi đã làm phiền ông già.

- Lửa nóng quá khiến tôi không chịu nổi, - nó nói. - Khi họ xát cát vào người, tôi đã không chịu nổi rồi. Vậy mà họ còn lợc lét tôi

nữa chứ! Đúng, quá là ý kiến này không ổn. Nhưng lúc nghỉ ngơi trong hang, tôi lại nảy ra một ý hay khác. Tôi sẽ biến thành một con ngựa thật đẹp, ông hãy đem ra phố mà bán. Dù đường lên phố có hơi xa nhưng sẽ có nhiều thương gia giàu có muốn mua ngựa tốt để thờ hàng hóa. Chắc chắn ông sẽ kiếm được một số tiền lớn để an dưỡng tuổi già. Và ai có được ngựa tốt như thế cũng không lấy cát mà xát hay dùng lửa để đốt đầu.

Ông già chưa kịp phản đối, thì con cáo đã quẩn đuôi quanh chân, cúi đầu, quay tròn ba vòng – trước mặt ông già liền hiện ra một con ngựa giống. Nó ngẩng đầu lên kiêu hãnh, bờm sáng loáng như vàng, bộ lông mượt mà, và nó nhún nhảy như sẵn sàng phóng đi khi có lệnh.

Sau chuyện đã xảy ra lần trước, ông già không muốn thử thời vận nữa, nhưng bà già lại cương quyết:

- Này ông ơi, con cáo nói đúng đấy, ông hãy dắt con ngựa lên phố mà bán. Thế nào người ta cũng trả cho ông một giá cao để mua con ngựa đẹp như thế này, còn chúng ta, chúng ta làm gì với con ngựa? Hay ông muốn thả con ngựa vào rừng? Còn chúng ta thì làm sao nuôi nó? Tốt hơn hết là đem bán nó đi thôi.

Ông già biết làm gì bây giờ? Bà già chắc không để cho ông yên. Ông mang dép, đóng dây cương vào ngựa rồi dẫn nó lên chợ trên phố. Khi đi trên đường phố, nhiều người quay đầu nhìn con ngựa tuyệt đẹp, người thì khen dáng điệu, kẻ lại khen cái bờm, người thứ ba lại khen bộ lông dày dặn láng mượt.

- Ai mua được con ngựa như thế chắc sẽ tuyệt vời lắm! – Đây là ý kiến của mọi người.

Đến thành phố, ông già liền đi tìm xem chợ nằm ở đâu. Chỉ một lát sau ông đã đến chợ, vừa mới ăn xong một tô cơm, liền có một thương gia giàu có đi qua. Con ngựa làm ông ta thích quá, và sợ người khác mua trước, ông ta bèn trả bốn mươi đồng tiền vàng. Người thương gia nói với ông già:

- Ông đến đúng lúc quá, ngày mai tôi phải驮 hàng ra chợ nên cần một con ngựa thật khỏe. Đừng nghĩ ngợi lôi thôi, không ai trả cao hơn tôi đâu, hết giá rồi đấy!

Ông già bỏ bốn mươi đồng tiền vàng vào túi, sung sướng quay về nhà, nhưng còn con cáo thì sao?

Con ngựa mua xong, tôi tớ người thương gia liền dẫn nó về, ở đây nó được uống nước trong và ăn lúa mạch ngon. Rồi một tên đầy tớ còn đến chải lông cho nó nữa. Con cáo tự khen mình:

- Lần này thì chắc kế hoạch của mình tốt rồi.

Nhưng vào sáng hôm sau, cục diện lại khác đi. Người ta xua hết ngựa ra khỏi chuồng để驮 những bao muối và trà cực nặng.

Ông chủ đứng trên hành lang, ra lệnh cho tôi tớ:

- Hãy chất lên con ngựa mới mua nhiều hàng hơn. Nó khỏe lắm có thể mang nặng gấp đôi những con khác.

Nặng gấp đôi! Chú cáo tội nghiệp chắc sẽ sụm thôi. Nó nguyên chỉ là con vật nhỏ, làm sao mang nổi một trọng lượng nặng như một con ngựa giống? Nhưng đã quyết giúp ông già rồi, cho nên nó nghiêng răng chịu đựng và cố sử dụng tới đa tài ảo thuật mình biết, để giữ sao cho khỏi đổ sụm liền dưới một sức nặng khủng khiếp như thế.

Khi hàng hóa đã chất xong xuôi, đoàn ngựa chở hàng lên đường. Chú cáo cố gắng cất chân bước đi, nhưng nó khập khiễng nặng nề khó nhọc, và vừa ra khỏi thành phố là nó ngã quỵ.

- Quả là con ngựa kỳ lạ. - Những người dẫn đoàn ngựa chở hàng nói. - Nó có vẻ mạnh khỏe, thế mà không chở được cái gì hết. Chúng ta phải làm gì nhỉ? Chắc phải đem nó ra bán ở chợ trưa thôi.

Họ hỏi ý kiến, và vì con ngựa có vẻ như có thể chết thành lình, nên họ dỡ hàng trên lưng nó chất lên các con ngựa khác và bỏ nó lại dọc đường.

Chú cáo ở đấy một hồi thật lâu, một phờ. Khi đã lấy lại một ít sức lực để có thể biến thành cáo, nó bèn đi chậm chậm về phía hang của mình.

Sau một thời gian, con cáo quay lại nhà ông già, cặp vợ chồng già vui sướng đón tiếp nó, vì từ khi bán con ngựa đến nay, họ sống rất thoải mái. Họ hỏi chuyện gì đã xảy đến cho chú cáo, và cáo kể hết những gì đã xảy ra với mình.

- Tôi muốn giúp ông, ông nội à. Vì ông đã cứu sống tôi. Nhưng lần nữa tôi không làm đến nơi đến chốn. Tôi chỉ là một con cáo yếu đuối, không có sức mạnh như ngựa được. Nhưng ông đừng nghĩ một con vật bé nhỏ, yếu đuối như tôi mà không biết nhớ ơn đâu. Lần này xin ông hãy nghe kế hoạch của tôi.

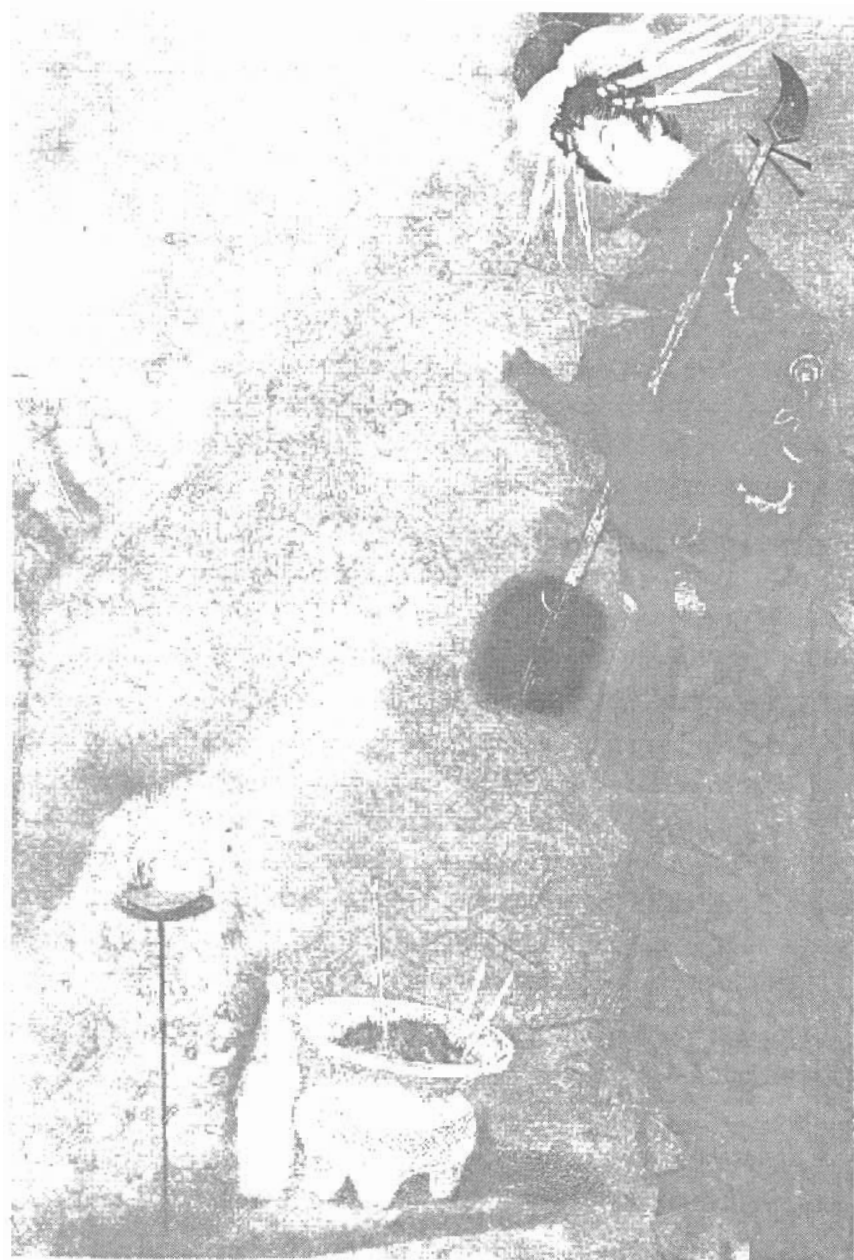
Nó không nói nữa mà lấy đuôi của mình quăn quanh bốn chân, cúi đầu, quay ba vòng: hai vợ chồng già ngạc nhiên thấy hiện ra trước mắt một cô gái thật đẹp, tóc dài, đen, da trắng muốt. Cô gái mỉm cười nhìn họ và tiếp tục nói giọng điệu của cáo:

- Tôi sẽ là cháu nội của ông bà, tôi sẽ chăm sóc để ông bà được sống đầy đủ trong tuổi già. Ông nội này, ông lấy tiền bán ngựa rồi ra phố mua ba cái áo kimono bằng lụa: một cái trắng, một cái màu hoa đào có vẽ quạt và một cái màu tím có trang hoàng hoa cúc trắng. Ông cũng mua một sợi dây lưng rộng bằng gấm, kim kẹp tóc dài và phấn đánh mắt. Tôi sẽ mặc áo kimono chồng lên nhau và đánh phấn, rồi ông dẫn tôi ra phố, giới thiệu đây là cháu nội của mình. Tôi biết hát, biết múa, ông sẽ kiếm được nhiều tiền cho mà xem.

Ông già quá bối rối đến nỗi không nói ra lời. Nhưng bà già thì lại nói năng dễ hơn, bà kéo tay áo của ông và nói:

- Ông đi phố mua các thứ nó yêu cầu đi. Con gái đẹp như thế này phải ăn mặc đẹp và phải đánh phấn. Nhưng phải hỏi người nào rành trước đã, vì ông không biết gì về các thứ này đâu.

Ông già ngần ngừ một chút và nói:



- Cáo thân yêu này, mày đã làm nhiều cho chúng tao rồi, bây giờ mày hãy quay về rừng đi.

Nhưng cuối cùng ông cũng phải chịu thua lời thuyết phục của con cáo và nhất là của bà già. Ông làm theo lời cô gái yêu cầu.

Sau đó một thời gian ngắn, cô ca sĩ và là vũ công xinh đẹp, cháu nội của hai ông bà nhà quê già, đã nổi tiếng khắp nơi. Nhiều người ở xa cũng đến để được nghe cô hát và múa, và những gia đình giàu có nhất rất lấy làm vinh dự khi được cô gái đến trình diễn trong các buổi lễ của họ.

Cuối cùng, con cáo đã tìm ra một cách để bày tỏ lòng biết ơn đối với ông già mà không sợ gặp phải nguy hiểm. Cáo thích sống ở trong thành phố, vì ở đây luôn luôn có nhiều người, và ở đây nó học được những điều mới lạ rất hấp dẫn, đây là điểm khác biệt với cảnh yên tĩnh của núi rừng. Cho nên, con cáo cứ hát và múa để dành từng đồng bạc kiếm được. Nhưng với thời gian, nó bớt thích tiếng ồn và cảnh náo nhiệt xô bồ của thành phố, nó thấy cảnh tĩnh mịch của núi rừng. Nó suy nghĩ vài ngày, từ già bạn bè, gói đồ đạc và tìm chiếc kiệu rồi quay về nhà hai vợ chồng già ở làng.

Cặp vợ chồng vui mừng biết bao khi được cáo tặng quà và thức ăn ngon lành đem từ thành phố về. Và tiền bạc cáo kiếm được nhờ ca múa, đã giúp hai vợ chồng già xóa được những mối lo ngại về tương lai. Nhưng hai người không làm sao yêu cầu cáo ở lại với họ được.

- Cháu xin cảm ơn ông nội, bà nội ạ. Cháu đã sống với nhiều người quá rồi, giờ cháu chỉ muốn tìm lại cảnh yên tĩnh của núi rừng mà thôi.

Con cáo quay lại hang của nó ở trong rừng. Rồi hôm nào muốn sống bên người, nó lại đến thăm ông và bà nội buổi tối. Họ ngồi ngoài vườn nhớ lại đoạn đường đã qua. Khi con cáo chết vì cáo có đời sống ngắn hơn người, hai vợ chồng già xây trong rừng một tượng đài nhỏ để tưởng nhớ con cáo biết ơn và cho đến nay người ta vẫn còn thấy tượng đài này.

Tỳ bà quán

Tại thành phố Xakai (Sakai) có ba người bạn trẻ làm nghề buôn bán tên là Kuêmông (Kouemong), Xaxukê (Sasouké) và Subê (Tsoubé). Họ đồng ý cùng nhau đi lễ đầu xuân ở Xumisôchi (Souíyouchi). Cả ba quyết định đi vào hôm trước để sáng hôm sau kịp tham dự buổi lễ vào lúc mặt trời mọc, nhưng ban ngày trời nóng mà họ đi lại chậm hơn dự kiến. Nhiều lần họ phải dừng lại các phòng trà để giải khát đôi chút. Cho nên mặt trời đã xuống thấp mà ba người bạn vẫn chưa đến được Xumisôchi. Họ lại còn phải băng qua một cánh rừng âm u nữa. Xaxukê thì muốn các bạn đi cho nhanh vì nếu muốn đến thành phố cùng ngày thì họ phải đi ngay khi trời còn sáng.

Kuêmông không muốn đứng dậy, anh đề nghị nên quay lại, vô làng gần nhất nghỉ đêm ở đấy rồi sáng mai lên đường. Xuxakê liền chống đối.

- Nhưng chúng ta muốn tham dự lễ khai mạc kia mà. Thật vậy, thời điểm đẹp nhất của đêm rước lễ là lúc mặt trời mọc. Nào, ta đi thôi, đây là lúc trời mát, đường dễ đi mà.

Nhưng Subê đã lên tiếng ủng hộ Kuêmông:

- Đàng nào thì chúng ta cũng không đến được trước khi trời tối. Còn đi qua rừng trong đêm quả thật không thú vị gì hết. Nếu sáng mai đi sớm chắc chúng ta sẽ đến kịp thôi.

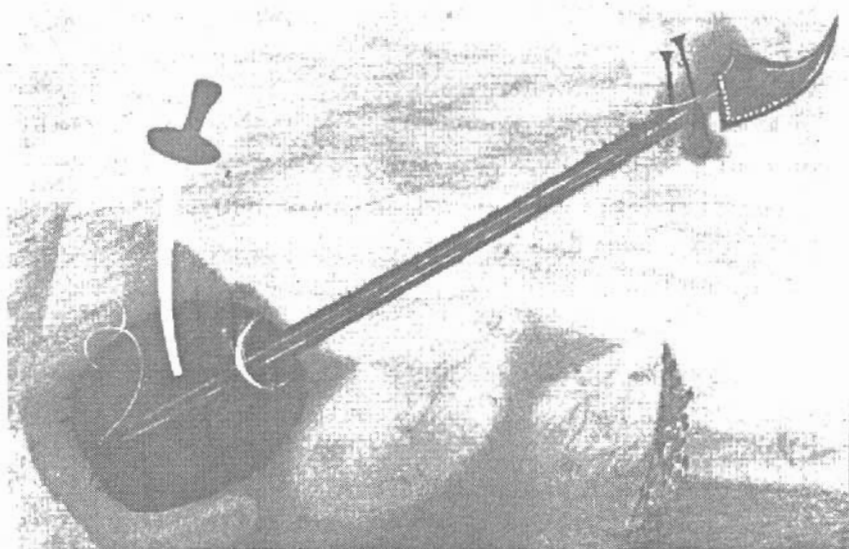
- Các cậu sợ cướp hay sợ ma đấy? Minh không ngờ một cánh rừng nhỏ mà lại làm cho các cậu sợ đến như thế. - Xaxukê đáp, giọng mỉa mai.

- Còn cậu, cậu không sợ sao? Chắc cậu thừa biết cánh rừng này đầy bọn cướp và có lắm chuyện kỳ lạ tại những nơi vắng vẻ rồi mà. - Kuêmông đáp.

- Chắc chắn là mình không sợ. Minh sẽ chứng minh cho các cậu thấy. Nếu các cậu không đi, tớ sẽ đi một mình. Cánh rừng này không lớn lắm, và nếu có sự cố gì xảy ra, tớ sẽ có cách đối phó - Xaxukê nói, và anh đưa tay vỗ nhẹ vào thanh gươm đeo bên hông.

Hai người bạn khuyên mấy cũng không được. Xaxukê nhất quyết làm theo đúng chương trình. Anh ta nhạo báng hai người kia, cho họ là hèn nhát, rồi cuối cùng, anh tức giận chia tay họ.

Kuêmông và Subê quay lại làng. Xaxukê thắt lại dây lưng có đeo thanh kiếm cho chặt, rồi bước vào rừng không hề ngoái đầu lại để xem bạn đã đi chưa.



Quả vậy, chỉ một lát sau, trời bớt nóng, rồi ánh nắng mặt trời không chiếu qua được những tán lá rừng. Trời càng lúc càng tối sầm lại, bỗng một đám mây đen xuất hiện trên bầu trời và một cơn mưa bụi bắt đầu rơi dai dẳng.

- Đây là chuyện mình không ngờ tới – Xaxukê tự nhủ. Anh đi sát vào gốc cây để tránh mưa, và cố tìm một chỗ để núp.

Trong lúc đó, rừng bớt dày và đường đi bằng qua một khoảng trống. Xaxukê muốn dừng lại để núp mưa, nhưng anh chợt thấy phía bên kia khoảng trống có ánh đèn. Cố nhìn cho thật kỹ anh nhận ra có một ngôi nhà.

- Đứng yếu bóng vía là được – Xaxukê tự nhủ – Vào nhà ấy ta có thể trú mưa và hong khô áo quần nữa. Khoảng trống không rộng lắm, nếu ta chạy nhanh chắc không bị ướt sũng đâu.

Anh bèn chạy nhanh dưới trời mưa, băng qua khoảng trống, chạy đến ngôi nhà.

Ngôi nhà không có hàng rào. Cánh cửa trên hành lang lại mở, Xaxukê mạnh dạn bước vào. Anh tháo đôi dép ướt nước mưa ra, bước lên hàng lang đi vào một căn phòng sáng sủa do một ngọn đèn dầu chiếu ra. Căn phòng thật dễ chịu, trên nền nhà có trải chiếu sạch sẽ, cạnh ngọn đèn có để một cái lồng ấp hơi chân bằng sành, trên lồng trang trí những con nhện thật đẹp, và cạnh đó trên một cái khay có hình trang trí, để một bình rượu Xakê và một cái chén nhỏ. Nhưng điều kỳ lạ là căn phòng trống vắng và khắp nhà đều hoàn toàn yên lặng. Anh chỉ nghe tiếng mưa rơi đều đều ngoài đêm tối mà thôi.

Nhưng Xaxukê không ngạc nhiên về khung cảnh yên lặng lạ lùng này, mà chỉ ngạc nhiên tự hỏi tại sao giữa rừng lại có một ngôi nhà đẹp dễ như thế thôi. Muốn được khô ráo anh bèn vắt nước ở cánh tay áo, rồi hơ tay lên lồng ấp nóng ấm.

Rồi Xaxukê thấy lạnh, áo quần ướt sũng dính vào da thịt, nếu

anh không uống cái gì cho ấm, thì chắc anh sẽ bị cảm cúm mất. Anh tự nhủ:

- Ta cứ uống đại một cốc Xakê đi, của ai thì của, nhờ rượu Xakê ta mới chống được cảm cúm.

Nhưng khi vừa đưa tay định lấy cái chén, anh bỗng nghe có tiếng kót két phát ra từ các bậc gỗ ở cái thang gác, cái thang có lẽ dẫn lên tầng trên. Xaxukê nghe tiếng chân đi nhè nhẹ, và tiếng lùa kêu sột soạt ở ngoài cửa phòng, cánh cửa mở ra, một cô gái đi vào, cô ta thật đẹp, khiến cho Xaxukê ngây ngất. Anh vui sướng khi nghĩ rằng nhờ sự can đảm mà mình không những được xem cảnh khai mạc buổi lễ ở Xômisôchi, mà còn được trải qua một buổi tối thoải mái với người đẹp thế này. Cô gái quả hết sức đẹp, khuôn mặt trái xoan xinh xắn, đôi môi hồng, cặp lông mày đều đặn. Mái tóc đen mượt bơi cao lên đầu bằng kim bạc và lược ngà. Chiếc kimono bằng lụa đỏ, hai tay áo phủ xuống tận đất thêu hoa vàng, còn chiếc dây lưng thì bằng ngọc sáng loáng, đủ màu sắc như chiếc cầu vồng. Hai tay trắng muốt mềm mại, nàng cầm chiếc đàn tỳ bà có cổ dài và thùng đàn căng bằng da đen.

Cô gái đi vào, nhẹ nhàng quỳ xuống giữa phòng, để cây đàn một bên rồi kính cẩn cúi chào Xaxukê. Xaxukê đứng dậy cũng cúi người muốn xin lỗi nàng đã đường đột vào nhà mà không xin phép trước.

Nhưng trước khi anh mở miệng thì nàng đã mỉm cười duyên dáng nhìn anh, lắc đầu quấy quấy như muốn ngăn anh đừng nói, rồi đưa cho anh chén rượu Xakê. Bỗng Xaxukê nhận thấy cô gái không mở miệng nói, ngay cả mở miệng chào anh.

- Có lẽ nàng câm – anh tự nhủ, rồi cũng không nói nữa.

Anh cầm cái chén nàng đưa, mỉm cười đáp lại, để cho nàng rót rượu vào chén. Anh còn quá ngạc nhiên là thấy rượu còn nóng và hương vị thơm ngát. Cô gái có vẻ sung sướng khi thấy anh nhận ra rượu ngon, nàng tiếp tục rót cho anh. Nhưng mỗi lần anh muốn tự mình rót rượu, thì nàng lại lắc đầu từ chối.

Cuối cùng anh uống hết rượu trong cái bình bằng sành thật đẹp, và cũng không biết vì rượu hay vì sắc đẹp của nàng đã làm anh say. Cô gái liền ra dấu cho anh ngồi nghỉ ngơi thoải mái, rồi nàng cầm cây đàn và lấy cái móng gảy đàn ở trong thắt lưng ra.

Bên ngoài trời vẫn tiếp tục mưa, áo quần của Xaxukê đã khô. Anh phải đi thôi, nhưng anh cảm thấy người ngây ngậy, như quên hết tất cả mọi chuyện. Anh dựa người vào chiếc cột nhà phủ sơn mài, đưa mắt nhìn cô chủ nhà xinh đẹp, anh tưởng tượng ra thái độ ngạc nhiên của hai người bạn vào sáng mai khi nghe anh kể lại chuyện may mắn kỳ lạ này. Chuyện may mắn mà do hèn nhát nên họ đã không được hưởng.

Cô gái gảy đàn, một điệu nhạc mê ly kỳ lạ cất lên. Xaxukê cảm thấy chưa bao giờ được nghe một giai điệu như thế này. Giai điệu bản nhạc khi thì du dương êm dịu, khi thì dữ dội trầm hùng, khi thì than vãn rên xiết, anh cảm thấy tứ chi cứng đờ, người đê mê. Cô gái vừa đàn, mắt nhìn chăm chăm vào mặt anh, cặp mắt sáng rực như hai hòn than đỏ. Xaxukê có cảm giác như đang bị khúc nhạc mê ly ấy làm cho mình tan biến ra. Và chỉ còn lại trên đời này khúc nhạc ma quái và đôi mắt ấy mà thôi.

Thỉnh thoảng, cô gái gảy mạnh vào dây đàn ở giữa, và mỗi lần như thế là Xaxukê lại có cảm giác rùng rợn kỳ lạ, như có cái gì đó vô hình, cái gì đó trơn lạnh đang quấn quanh cổ mình. Nhưng khi anh đưa tay sờ vào cổ thì cảm giác ấy lại biến mất, như vừa vút đi được cái vật vô hình ấy. Thấy anh làm như thế, cô gái chau mày, nhưng nàng liền mỉm cười với anh và đàn tiếp. Sợi dây đàn ở giữa càng lúc càng run mạnh và Xaxukê lại cảm thấy cái vật vô hình đó siết chặt thêm vào cổ anh. Anh lo sợ nhận ra mình đã sa vào bẫy. Anh thu hết sức lực trong người để tuốt gươm ra tự vệ, chiếc gươm ngắn nhưng rất bén. Cô gái liền tức giận nhìn anh, gảy dây đàn thật mạnh đến nỗi dây đàn đứt mất, rồi nàng đến ôm lấy người của Xaxukê. Anh rút mạnh gươm ra nhưng chậm mất rồi, anh đã

bị trói chặt vào cột nhà còn lưới gươm tuột khỏi tay anh, bay đến cắm sâu vào thùng đàn căng bằng da đen. Bỗng cô gái hết giận dữ, mặt cô trông buồn bã, đau đớn. Cô đứng dậy, cầm cây đàn lên và bước ra khỏi phòng, cũng lặng lẽ như khi đi vào.

Căn nhà lại hoàn toàn im lặng, không khí lạnh ban đêm luồn qua cửa sổ vào nhà, cây đèn dầu sáng lên lần cuối rồi tắt hẳn. Người tù một mình bị nhốt trong căn phòng tối tăm không thấy được đường mà mò. Anh hoảng sợ, tự nhủ:

- Trăm sự cũng tại mình. Bây giờ mình không nhúc nhích ra khỏi đây mà cũng không có kiếm để tự vệ.

May thay, trời sắp nóng, ánh sáng dần dần tràn vào căn phòng. Anh thấy chiếu trái nền nhà đã bị rách nát, nửa thì mục nửa thì lấm đầy bụi. Cánh cửa trên hành lang không phải mở mà bị văng ra khỏi khung, rơi xuống đất. Chỗ để cái lồng ấp bây giờ là một đống tro, còn bình rượu và cái chén bây giờ là hai viên đá, một lớn một nhỏ. Xaxukê nghĩ chắc mình đã nằm mơ, nhưng sợi dây trói anh vào cột quả là sợi dây thật. Và những giọt máu vương vãi trong phòng cho đến cửa còn tươi chứ không phải là máu từ hôm qua. Xaxukê cố tìm hiểu xem sự thế ra sao, nhưng rồi anh ngủ lịm đi.

Lát sau, mặt trời chiếu qua khe hở của các vách hư nát, đồng thời anh nghe có tiếng của Kuêmông vang lên bên ngoài :

- Đây Subê, nhìn cái bảng hiệu có tên kỳ quặc kia kia: Tỳ bà quán. Ai mà lại ngu ngốc mở quán giữa rừng như thế này. Tháo nào mà chủ nhân không kiếm sống được là phải, nên ngôi nhà đã bị tàn phế hết một nửa rồi.

Xaxukê thức dậy khi nghe tiếng của hai bạn, anh gọi to:

- Kuêmông, Subê ơi, vào cứu tôi với.

- Trời ơi, chính là Xaxukê rồi, - Subê la lên – anh ta làm gì ở đây nhỉ, chắc có chuyện gì đó xảy ra cho anh ta rồi?

Hai người bạn đi vào, mở trời cho Xaxukê. Anh kể cho hai bạn nghe chuyện đã xảy ra trong đêm. Rồi anh nói hai bạn đi xem ngôi nhà ra sao vì anh sợ trong cuộc xô xát hồi đêm anh đã vô tình làm cho cô gái bị thương tích trầm trọng. Ba người bạn đi theo vết máu. Họ lên chiếc cầu thang đã hư hỏng, đến tầng gác, và dưới một mạng nhện lớn đã bị rách, họ thấy một con nhện khổng lồ nằm chết, bị lưỡi gươm của Xuxakê đâm trúng.

Sukê mỉm cười chế nhạo, anh nói :

- Cậu thấy chúng tôi có lý chứ. Thường trong rừng có lắm chuyện kì lạ xảy ra, cho nên ai đi trong rừng một mình ban đêm là không khôn ngoan chút nào hết. Ít ra thì vụ này cũng làm cho cậu có thêm kinh nghiệm.

- Nhưng mình không sợ, - Xaxukê kiêu hãnh đáp, rồi dứt kiếm lại vào bao.

Ba người lại nhất trí với nhau, họ lên đường đi đến Xumisôchi, ít ra thì trưa cũng đến và cũng còn có thể tham dự buổi lễ.

Phật của khi

Ngày xưa có hai vợ chồng già nọ, nếu không có lũ chim phá hoại hoa màu thì chắc họ đã sống sung sướng rồi. Ông già rất thích làm việc ngoài đồng, chăm chú nhổ cỏ dại thật sạch, còn bọn chim thì háu ăn, cứ đến ăn hết những đợt non của hoa màu. Không vụ mùa nào ông thu hoạch được như ý cả. Ngay cả ban đêm, ông cũng trằn qua trở lại vì không ngủ được, cứ lo chuyện bầy chim khổng lồ phá phách ruộng của mình và ăn hết sạch hoa màu. Sáng lại, người ông ướt đẫm mồ hôi, mệt phờ.

Một hôm, sau một đêm không ngủ, ông nói với vợ:

- Này bà, chúng ta không thể để tình trạng này tiếp diễn mãi. Bà chuẩn bị cho tôi thức ăn và tìm một ít giẻ rách màu, chắc bà có nhiều đấy. Tôi sẽ mặc hết vào người làm con bù nhìn để đuổi chim.

Bà già đi nấu ít vắt xôi, lục tìm trong tủ lấy giẻ rách ra, và ông già mặc vào. A, thật là một bù nhìn bánh chọe, cái mũ trên đầu mọc nhiều tua len ngũ sắc, còn cái áo khoác dính vào những mảnh vải trắng có, đen có, xanh có, rồi thêm vào hoa lớn hoa nhỏ, một dải vải đã quấn quanh người làm thất lúng. Trang hoàng xong, ông già ra đồng, hươ tay hươ chân làm cho giẻ vải tung bay phất phới quanh người. Ông nhảy múa tung tăng khiến cho không một con chim nào dám đáp xuống ruộng để ăn hoa màu của ông cả.

"Bọn bây là đồ ham ăn, tao sẽ kiên trì cho chúng bay biết tay. Từ rày về sau đừng hòng ăn của tao được một hạt.

Ông già khoái chí nghĩ như thế.

Mặt trời từ từ lên cao, cánh tay hoạt động của ông già càng lúc càng yếu dần, hai chân nhúng nhảy càng lúc càng nặng nề. Cuối cùng ông nói:

- Kết quả khả quan, mình đã đuổi được bầy chim rồi, bây giờ phải ngồi bên bờ ruộng nghỉ một chút cho lại sức đã.

Ông ngồi xuống, hai chân xếp lại, rồi lấy trong bị ra một vát xôi, nhưng vừa ăn xong vát xôi là hai cánh tay ông đã rơi xuống đầu gối, đầu gục xuống ngực. Ông già ngủ.

Ngày hè ấm áp, mặt trời trong sáng, tất cả đều im lặng, chim chóc đều trốn dưới bóng mát hết. Ông già say sưa ngủ.

Bỗng một đàn khỉ trong rừng đi ra, chúng kêu nhau ồn ào. Chúng nhìn quanh ngại ngùng. Rồi bỗng một con kêu to hơn những con khác. Thấy ông già ngồi ngủ bên bờ ruộng, mặc áo quần rách tươm đủ màu sắc, nó liền gọi bầy bạn đến, đi quanh ông già lạ lùng này. Chúng đến gần hơn, sẵn sàng bỏ chạy nếu cái vật kỳ lạ này động dậy. Nhưng ông già ngủ thật say, không biết những chuyện đang xảy ra quanh mình. Vì ông ngồi yên không động dậy, nên bọn khỉ dạn dĩ lên, chúng đến gần ông và một con khỉ lấy cái bị của ông, lôi xôi ra. Chúng ăn hết trong nháy mắt. Rồi một con khỉ lớn tuổi đến gần ông già, nó quan sát thật kỹ, rồi nói với bọn kia.

- Bọn bây biết cái gì động dậy không? Chắc đây là một Phật mới, còn mấy vát xôi là đồ cúng.

- Bác nói đúng rồi, đây chắc chắn là một tượng Phật mới! Chưa bao giờ tôi thấy một tượng phật như thế này! – Một con khỉ khác nói, vừa chạm nhẹ vào cái miếng giẻ ngũ sắc, về mền mọ.

Thế là bọn khỉ không sợ nữa, chúng la hét, kéo những sợi vải và những sợi len màu.

Cuối cùng con khỉ già nói :



- Chúng ta sẽ mang ông Phật đem về để trong chùa chúng ta. Bọn thú khác mà biết chúng ta có một tượng Phật đẹp tuyệt vời như thế này, thế nào cũng ngạc nhiên và ganh tị cho mà xem.

Bọn khỉ đều hoan hô ý kiến ấy. Nhiều con nắm tay nhau để làm thành một cái cồng, rồi những con khác bế ông Phật để lên cồng. Dĩ nhiên là tiếng ồn đã đánh thức ông già dậy. Ông ngạc nhiên khi nghe bọn khỉ nói chuyện với nhau về mình, và bỗng cảm thấy hiếu kỳ. Ông muốn xem thử bọn khỉ sẽ mang mình đi đâu, ông thầm nghĩ:

“Mình cứ yên lặng không tỏ ra hay biết gì hết như thể mình bằng gỗ vậy. Khi ta kể lại chuyện này cho bà già nghe, chắc bà cười bể bụng cho mà xem.”

Bọn khỉ cẩn thận mang ông Phật đi. Đến một bờ sông, chúng tìm chỗ nước cạn để lội qua, vì chúng không muốn để ướt ông Phật lộng lẫy của mình. Cuối cùng chúng tìm ra một chỗ và nhẹ nhàng lội xuống nước. Có một ông Phật đẹp như thế này, chúng khoái quá, bèn cất cao tiếng hát. Chúng hát khác loài người. Chúng ta khó mà nhận ra chúng hát, vì chúng chỉ la bai bai. Mỗi con khỉ hát một cách, nhưng bài hát làm cho chúng thích thú lắm:

Coi chừng, coi chừng bước

Để Phật ta khỏi ướt

Nghe chưa, coi chừng bước

Một con khỉ ra dấu cho cả bầy ngừng hát, nó nói lớn :

- Hãy nâng Phật lên cao. Các cậu có bị ướt đuôi một ít cũng được. Điều quan trọng là để đuôi Phật được khô!

Nhưng vì bận la hét, nó vểnh cao đuôi nó cho khỏi bị ướt.

Ông già phải cố gắng hết sức mới khỏi bật cười. Thật quá khôi hài khi thấy bầy khỉ lo lắng cho ông như vậy.

Cuối cùng chúng cũng qua được sông, lên bờ, chúng la hét vang

trời, rồi mang ông già vào chùa nằm trên núi cao. Nói cho đúng, thì đây không phải là chùa, mà là cái động sâu, bàn thờ là một cái bệ gỗ cũ mà chắc bọn khỉ đã lấy trong một cái chùa bỏ hoang.

Bọn khỉ để ông Phật đẹp để lên. Khi thì chúng chạy lại gần để nhìn, khi thì nhảy ra ngoài cửa động đua nhau la lớn :

- Có một ông Phật đẹp quá trời! Khắp thế giới không ai có một ông Phật như thế này!

Sau đó chúng nói với nhau rằng để ông Phật vui lòng ở với chúng, thì phải có đồ dâng cúng. Lập tức chúng chạy đi khắp nơi tìm quà để dâng lên Phật. Mấy giờ sau, lần lượt bọn khỉ quay về, đem đến để lên bệ thờ những thứ vừa kiếm được. Để đồ cúng xong, chúng quì xuống đất, rồi cất giọng run run, chúng hát:

- Ôi, lạy đức Phật từ bi, xin Phật vui lòng nhận món quà mọn này của một con khỉ khốn khổ.

Con thì để lên bệ một nắm hồ đào ngon, con khác một rễ cây ngọt; một con khỉ lại đem đến một đồng tiền vàng, có lẽ nó đã ăn cắp của một thương gia hay khách hành hương lơ đãng nào đó, có con lại đem đến cái quạt gậy hay cái mảnh chai màu; tóm lại chúng đem đến cúng Phật tất cả những gì chúng cho là quý báu. Hàng đồ cúng sắp dài và chồng chất mãi lên bệ. Vì ngồi yên một chỗ, nên ông già đau như cả người, nhưng ông không dám động dậy vì biết đâu sẽ có chuyện không hay xảy ra. Ông kiên nhẫn ráng đợi xem chuyện sẽ kết thúc ra sao. Bọn khỉ ở lại trong động thêm một lát, rồi thôi không quan tâm đến ông Phật mới nữa, chúng tản mát trong rừng để kiếm thứ giải trí mới. Khi ông già không còn nghe tiếng kêu của chúng nữa, ông liền tụt xuống khỏi bệ, người tê cứng. Ông nhủ thầm :

- Một tý nữa chắc mình biến thành tượng gỗ mất.

Ông thu hết quà cúng đem về dùng và cả đồng tiền vàng nữa. Suốt đời chưa bao giờ ông có đồng tiền như thế này. Ông vội vã

bước nhanh ra khỏi động vì không muốn gặp lại bọn khỉ nữa. Về đến phố, ông đổi đồng tiền vàng, mua cho hai vợ chồng mỗi người một bộ kimônô mùa hè và một bộ mùa đông, còn mua thêm một hộp kẹo bánh ngon thật lớn nữa.

Một bữa tiệc thật sự! Khi ông kể lại cho bà vợ nghe bọn khỉ mang ông qua sông ra sao và chúng sợ làm ướt ông như thế nào, bà đã cười ngất muốn chết được. Rồi ông già cứ nhắc lại hoài bài hát của bọn khỉ và miêu tả cảnh chúng quý trước ông Phật từ bi như thế nào.

Tiếng cười giòn tan của họ vang sang cả nhà hàng xóm, vợ chồng nhà này đâm ra ganh tị. Bà vợ bước sang cửa và hỏi :

- Chỉ có hai ông bà thôi sao?

- Mời vào, - hai vợ chồng già mời bà hàng xóm vào. Họ mời bà ta ăn bánh kẹo mua từ trên phố về. Bà hàng xóm ganh tị đến tái mặt, nhưng mụ ta giả vờ cười thân thiện rồi hỏi :

- Hai người ăn tiệc gì mà vui thế ?

Ông già kể cho bà ta nghe chuyện phiêu lưu của mình và chỉ cho bà ta thấy mấy bộ kimônô mới.

Nghe xong bà hàng xóm vội cáo từ về nhà. Bà ngóng chồng về. Khi ông ta về, vừa tháo dép là bà nói ngay:

- Mình hãy nghe tôi nói đây. Sáng mai, mình hãy cải trang làm chú bù nhìn và ra ngoài đồng. Ông hàng xóm nhà mình đã may mắn. Mình , tôi tin chắc mình sẽ đem về nhiều hơn ông ta nữa.

Bà ta cứ nhắc đi nhắc lại cho chồng nghe câu chuyện mãi. Rồi bà lấy tấm vải còn tốt dành may kimônô đem xé vụn ra để ngày mai cải trang cho chồng làm bù nhìn. Làm xong, bà hỏi chồng :

- Bây giờ mình ra đồng đợi khỉ đi.

Người hàng xóm ra đi, nhưng ông ta không ra giữa ruộng hươu tay múa chân để đuổi chim như ông già làm, mà ngồi ngay xuống

bờ ruộng hai chân xếp lại, hai tay đặt lên đầu gối, đầu cúi xuống như đang đắm mình vào suy tư. Ông ta đợi khi đến. Ông phải đợi thật lâu, và khi gần muốn ngủ thì bỗng ông nghe tiếng khi kêu, rồi chúng đang chạy ra khỏi rừng.

- Kia kia, kia kia, Phật chúng ta kia kia. Hôm nay, ông ấy không mặc đẹp bằng hôm qua, nhưng không sao, chúng ta cứ mang ông về chùa.

Lại một lần nữa, chúng làm căng và để ông hàng xóm lên và cẩn thận mang đi. Phải nói cho đúng là ông già hàng xóm này không thấy thoải mái mà cảm thấy khó chịu khi nghe bọn khi la hét. Nhưng ông cố chịu khó để có được những thứ giàu có.

Đến bờ sông, bọn khi lại tìm một khúc sông cạn có thể lội qua, và chúng lại hát :

Coi chừng, coi chừng bước

Để phật ta khỏi ướt

Nghe chưa, coi chừng bước



“Chúng ta hết thế là hát đấy nhĩ”, - người hàng xóm nhủ thầm rồi cố hết sức giữ mình khỏi bật cười. Nhưng khi ra đến giữa sông, bọn khỉ la lên :

- Các cậu có bị ướt đuôi một tí cũng được. Điều quan trọng là phải để đuôi phật được khô!

Ông già không thể nín cười được nữa, bèn phá ra cười.

Bọn khỉ liền la lên :

- Không phải Phật, mà là người, một kẻ mạo danh. - Chúng quá tức giận ném lão hàng xóm xuống nước rồi vừa la hét vừa chạy biến vào rừng.

Dòng nước cuốn ông ta đi, ông tưởng chừng như mình sắp đến giờ tán mạng. Nhưng thật may, cuối cùng ông níu được một cành dương là đã trên mặt nước và trèo lên bờ. Ông bị ướt như chuột lột, những mảnh vải ướt mềm chảy dài xuống, quăn quanh hai chân khiến ông không đi được. Ăn mất kỳ dị như thế này, ông ta sẽ làm trò cười cho làng nước thôi. Ông bèn trốn vô bụi cây, đợi đến đêm mới về nhà. Khi đã nhìn thấy làng ông nhủ thầm :

- Miễn sao đừng gặp ông hàng xóm là được, gặp ông ta nhục chết!

Ông bèn chạy nhanh về nhà.

Bà vợ ở nhà đứng chờ chồng bên hàng rào thật lâu. Khi thấy chồng về bà mừng rỡ tự nhủ :

- Chắc ông ấy có nhiều của hơn lão hàng xóm kia, có thế ông ấy mới vội vàng chạy về để báo cho mình biết đấy. Chúng ta sẽ có tiền mua khôi thứ. - Trước khi chồng về đến nhà, bà ta đã cởi hết áo quần cũ trên người ra, ném vào lửa cùng với quần áo cũ của chồng.

- Ta không muốn thấy những thứ áo quần cũ này nữa. Chúng ta sẽ mua áo quần mới hết cho đẹp.

Đúng rồi, mua áo quần đẹp hết. Nếu đôi vợ chồng nhà hàng xóm không thương tình cho áo quần cũ của họ, thì chắc hai vợ chồng này phải ở truồng mà đi thôi.

Bán mộng

Dukítsi (Youkitchi) và Môxukê (Mosouké) là đôi bạn thân. Dukítsi là chàng trai vui vẻ, phóng túng, còn Môxukê thì trái lại, anh nghiêm trang và khá thận trọng. Mặc dù tính tình khác nhau, nhưng trong hai người nếu người nào bận công việc mua bán phải đi xa – quả vậy, họ đều là thương gia- thì người kia trông ngóng mãi cho đến khi bạn về mới thôi.

Một hôm, hai người cùng đi với nhau. Trời ban ngày nóng nực, cho nên khi đến bìa rừng, họ sung sướng được nằm dài dưới bóng thông mát mẻ. Chỉ nằm một lát là Dukítsi ngủ say liền.

Môxukê nhìn bạn ngủ, anh thở dài trầm nghĩ :

“Anh ta ngủ khỏe thật, ngủ ngoài trời ngon lành cũng như ngủ ở trong nhà. Mình không thể như anh ta được, mình sợ bị mất trộm. Tuy vậy, ngủ một chút cũng hay. Nhưng khổ nỗi mình không ngủ ngoài trời được”.

Trong khi Môxukê nghĩ ngợi như thế, anh bỗng thấy một con ong vò vẽ từ lỗ mũi bên trái của bạn bò ra. Anh ngạc nhiên nhìn con ong. Nó bay lên tận cây thông nằm chơ vơ trên ngọn núi đá, quay quanh ba vòng cây thông rồi bay xuống, chui vào lỗ mũi bên phải của bạn, chưa bao giờ Muxôkê thấy chuyện lạ như thế này.

Bỗng Dukítsi thức dậy, anh ngồi lên, cười nói :

- Môxukê , mình vừa nằm mơ một giấc mơ kì diệu. Để mình kể cho cậu nghe. Mình nằm mơ thấy một cây thông mọc trên đỉnh một ngọn núi đá thật cao, ừ, giống như cây thông cậu thấy kia kìa; một con ong vò vẽ bay quanh ba vòng thân cây vừa vo ve nói: “Người hãy đào chỗ này đi; người phải đào chỗ này lên”. – Và mình đào thật, mình tìm thấy một cái bình lớn đựng đầy tiền vàng. Cả đời mình chưa bao giờ thấy nhiều tiền bạc như thế, ngoại trừ nằm mơ.

- Đúng, đúng là một giấc mơ lạ lùng,- Môxukê đáp- nếu là cậu, mình sẽ đào quanh chỗ cây thông kia kìa.

- Nhưng tại sao phải làm thế chứ, mình không nhọc xác như thế khi trời nóng nực như thế này vì một giấc mộng vu vơ. Tốt hơn là chúng ta nên lên đường để đến thành phố cho đúng giờ.

Nhưng Môxukê không chịu nghe. Anh vẫn nói tiếp.

- Một giấc mộng như thế này có ý nghĩa lắm chứ. Nếu cậu không muốn thì để mình đào thử. Mình muốn đề nghị với cậu như thế này: cậu bán giấc mộng của cậu cho mình.

Dukítsi cười ngặt ngèo rồi đáp :

- Kinh doanh khá đấy. Còn mình, mình không bao giờ bán mộng. Cậu đề nghị cho mình cái gì ?

- Cậu đã nói có một đồng tiền vàng. Mình không biết chính xác; mình là bạn cậu, mình không muốn gây thiệt hại cho cậu. Cậu cứ nói ước chừng giấc mộng ấy có bao nhiêu.

Sau một hồi thảo luận ngắn, hai người đi đến chỗ thỏa thuận nhau về số tiền. Môxukê mua lại giấc mộng của bạn hết ba trăm đồng bạc lớn.

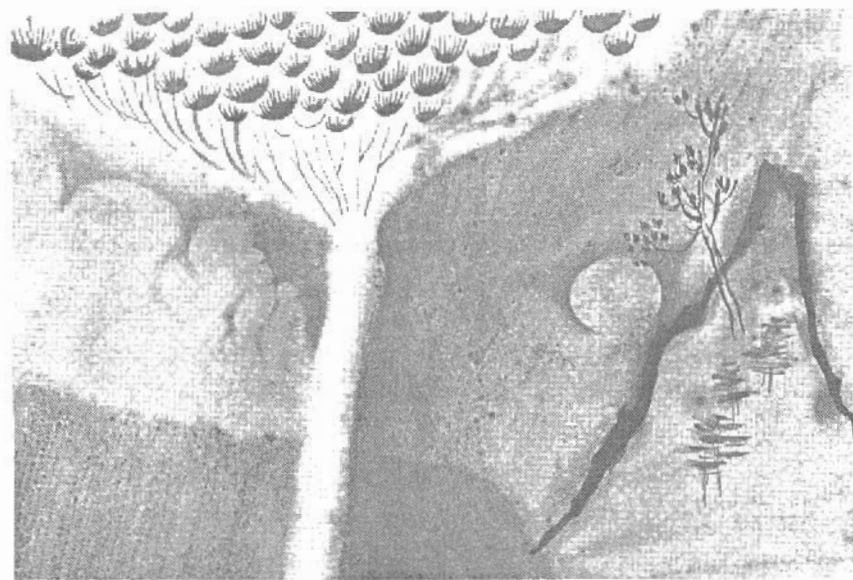
- Chưa bao giờ mình buôn bán một việc như thế này. Dem một số tiền lớn để mua một giấc mộng vu vơ, - Dukítsi cười nói.

- Mà thôi, bây giờ ta mau lên, đi cho rồi để lại chậm trễ công việc mua bán.

Đôi bạn nói chuyện rất to, vì họ tưởng chỉ có hai người với nhau thôi. Họ không ngờ đã có gã keo kiệt Katsiêmông nghe được câu chuyện của họ. Gã cũng trên đường đi ra thành phố và đang nằm nghỉ ở bìa rừng. Gã ngủ, nhưng giọng của hai chàng thương gia đã đánh thức gã dậy. Bây giờ gã cười nham nhở :

- Thật là những con người chân thật. Mua một giấc mộng. May thay là họ nói chuyện to tiếng. Bây giờ thì ta biết kho tàng nằm ở đâu và ta sẽ có kho tàng mà không mất gì hết.

Katsiêmông không ra chợ nữa, gã vội leo lên ngọn núi đá. Rồi gã đào quanh gốc cây thông cho đến khi tìm thấy một vật cứng mới thôi. Gã cẩn thận đào tiếp và cuối cùng lấy một hũ có bụng phình lớn chứa đầy tiền vàng. Katsiêmông đập bể cái hũ, rồi lấy tiền vàng bỏ hết vào cái túi xách gã luôn luôn mang theo bên người. Đến thành phố, gã dùng tiền bạc này mua một quán trọ và trở nên người giàu có. Nhưng số vàng này không mang lại hạnh phúc cho gã. Sau một thời gian, gã mất không những số vàng gã



đã tìm được thôi, mà mất tất cả vốn liếng gã có trước đó nữa, chẳng bao lâu sau gã đi ăn mày.

Ở thành phố, khi Môxukê làm xong công việc mua bán, anh chia tay Dukítsi để quay về nơi đã mua mộng. Khi anh thấy đất quanh cây thông bị đào lên và có những mảnh vỡ của cái hũ nằm quanh đấy, anh vô cùng thất vọng.

- Đã có kẻ nào ra tay đào lấy kho tàng rồi, - anh buồn bã nhủ thầm. Anh nhìn những mảnh vỡ. Bỗng anh ngồi sụp xuống, vì anh trông thấy trên một mảnh vỡ có một hàng chữ : “thứ nhất trong bảy”

- Thứ nhất trong bảy nghĩa là còn sáu bình nữa ở dưới đất, - anh tự nhủ, rồi hăng hái ra sức đào. Và quả đúng thế, anh lần lượt tìm ra sáu cái bình nữa dưới đất, mỗi cái đựng đầy tiền vàng.

Môxukê cho xây ở thành phố một phòng trọ thật lớn lấy tên là “bình phình bụng”. Anh sống hạnh phúc ở đây cho đến ngày cuối đời.

Dukítsi thường đến thăm anh, và thường chào bạn đại để bằng câu:

- Sao Môxukê, cậu khỏe chứ? Mình đến để xem giấc mộng của mình ra sao rồi.

Và đôi bạn vỗ vai nhau cười lớn. Mỗi lần như vậy, Môxukê tiếp bạn rượu xakê ngon nhất đựng trong cái bình phình bụng to nhất.

Chim sếu trắng

Ngày xưa có một đôi vợ chồng già chỉ có một cậu con trai độc nhất tên là Kôtarô (kotaro). Kôtarô lo cày xới mảnh ruộng nhỏ của gia đình, và khi hết việc đồng áng anh lại vào rừng kiếm củi để mang ra chợ bán. Công việc này chẳng đem lại lợi lộc bao nhiêu, nhưng gia đình quá nghèo, có đồng nào hay đồng nấy. Kôtarô là một thanh niên vừa cần cù lại vừa hiếu thảo. Thế nhưng, cha mẹ lại thường hay la mắng anh, la mắng là vì anh có lòng nhân ái. Mỗi khi đi bán củi ở chợ về, anh thường lấy bột tiền bán củi để cho một người ăn mày mà anh gặp trên đường đi. Nhưng điều làm cho anh khác biệt với bố mình là khi theo cha đi săn để kiếm thêm thức ăn hong cải thiện bữa ăn gia đình, gặp được một con thú săn, là anh ném một viên đá, hay la một tiếng, để báo cho con mồi biết nó đang lâm nguy để chạy hoặc bay đi.

Hai vợ chồng già thường nói với nhau:

- Phải công bằng mà nói con mình rất cần cù, nhưng nó không có trí. Cả đời nó chỉ biết loanh quanh ngoài thửa ruộng rồi vào rừng, đồ mồ hôi mới sống nổi, vì nó không có ý chí vươn lên với đời – Không trách hai vợ chồng nói thế về con.

Một hôm, Kôtarô ở chợ về, anh băng qua rừng để về nhà. Đang sung sướng rảo bước trên đường, lắng nghe tiếng chim hót, bỗng anh nghe có tiếng xột xoạt là là. Nhìn về hướng có tiếng kêu để xem cái gì, anh liền thấy một con chim sếu trắng mắc kẹt trong

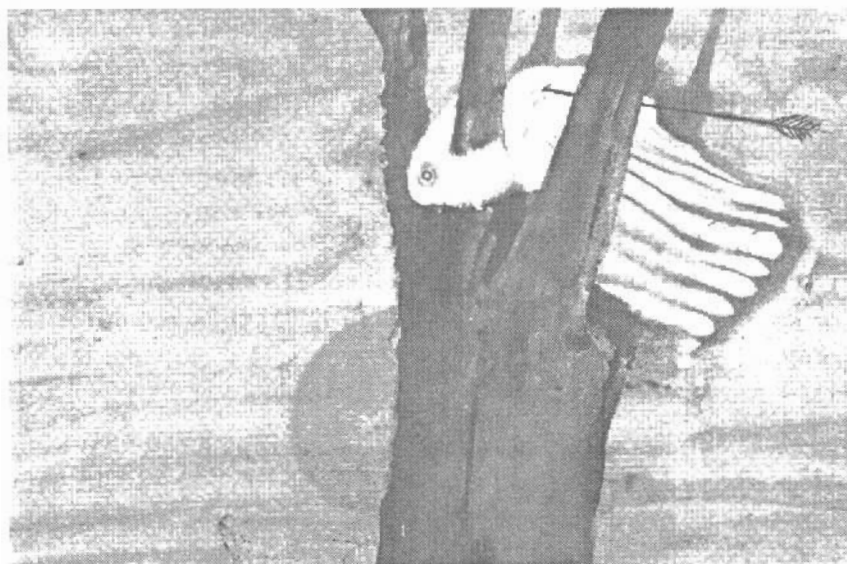
đám cành cây đang vùng vẫy thoát ra. Nó đã yếu sức, vì vùng vẫy để cố thoát ra nhưng không được, hai cánh như đã muốn cất lên không nổi nữa rồi. Lập tức anh trèo nhanh lên cây. Con chim mở to hai mắt lo sợ nhìn anh. Kôtarô cẩn thận gỡ con chim ra khỏi cành cây, nó đã bị thương nặng, mũi tên xuyên qua cánh của nó.

- Tội nghiệp con chim bé nhỏ, - Kôtarô nói, vừa vuốt ve bộ lông của nó- chắc mày sợ quá chứ. Có lẽ một tay thợ săn nào đó đã bắn trúng mày và mày rơi vào đám cành lá này nên bị vướng không thoát ra được chứ gì. Nhưng đừng lo, vết thương không nặng lắm, mày sẽ khỏi thôi.- Anh nhẹ tay lôi mũi tên ra, lau sạch vết thương. Rồi anh mang con sếu đến một nơi kín đáo trong rừng sâu.

Anh khuyên con chim trước khi về nhà:

- Vài hôm nữa là mày lấy lại sức thôi.

Trong thời gian này, không có việc gì ở ngoài đồng để làm hết, cho nên sáng nào anh cũng vào rừng đến chiều tối mới về nhà. Ngày nọ khi anh đã đi khỏi nhà, có một cô gái đẹp đến gặp cha mẹ



anh. Cô ta mang trên vai một cái xách lớn, trông vào người ta biết ngay là từ xa đến. Cô gái tựa người vào hàng rào, hỏi cha mẹ anh có ông Kôtarô ở nhà không, giọng cô dịu dàng trong trẻo. Bà mẹ bước ra, rất ngạc nhiên khi thấy một cô gái quá xinh đẹp đến hỏi gặp con mình

- Mời cháu vào. Con tôi không có nhà, nó vào rừng rồi, tối mới về. Nếu muốn gặp nó, xin mời cô vào nhà đợi.

Cô gái từ chối không vào trong nhà mà chỉ đứng đợi anh ở ngoài cửa. Hai vợ chồng già chốc chốc lại đến trước mặt cô, ngạc nhiên nhìn cô, cố bắt chuyện để hỏi cô cần gì đến con họ. Nhưng cô gái chỉ cười lễ phép và trả lời cô muốn đợi ông Kôtarô.

Hoàng hôn xuống thì Kôtarô về nhà, mang trên lưng một bó củi lớn. Cô gái đứng dậy, cúi người thật thấp chào anh, rồi bằng một giọng dịu dàng êm ái, cô hỏi:

Ông có phải là ông Kôtarô không?

- Vâng, chính tôi đây, Kôtarô đáp, anh rất ngạc nhiên, hỏi cô gái cần gì đến anh.

Cô gái cười hiền từ rồi đáp:

- Em đã đợi anh từ sáng sớm.

- Mời cô vào nhà, chắc cô mệt quá rồi, Kôtarô nói, anh rất bối rối vì được người đẹp đến thăm một cách bất ngờ như thế này. Anh mời cô gái vào nhà, rồi mời cô cùng ăn bữa cơm đạm bạc với gia đình.

Lần này cô gái không chối từ, cô tháo dép, theo anh vào nhà rồi cùng ngồi vào bàn ăn với gia đình anh.

Ăn xong cô lại nhìn Kôtarô, cười với anh, rồi e thẹn cụp mắt nhìn xuống, hỏi anh có muốn lấy cô làm vợ không?

Kôtarô quá đỗi kinh ngạc, anh lặng thinh nhìn cô. Một cô gái đẹp thế này mà lại muốn làm vợ một anh chàng nông dân kiêm đồn củi nghèo khó ư. Cha mẹ anh cũng ngạc nhiên không kém, họ

nói rằng con họ không có đủ tiền để cưới một người vợ đẹp như thế này. Họ nói gia đình quá nghèo và Katarô chưa nghĩ đến chuyện lập gia đình.

Cô gái đáp:

- Muốn có hạnh phúc, không cần phải giàu có, mà chỉ cần có lòng tốt. Kôtarô là người có lòng tốt, cháu xin cam đoan với hai cụ là hai cụ sẽ không ân hận vì nhận cháu làm con dâu. Cháu sẽ cố sức làm việc và hy vọng cuộc sống của bốn người sẽ dễ chịu cho mà xem.

Bà mẹ thường cho rằng vợ không cần phải đẹp mà chỉ cần chăm chỉ làm việc, cho nên khi nghe cô gái nói thế, bà rất mừng vì sẽ có người giúp đỡ. Cho nên sau đó bà không hề chống đối nữa.

Còn Katarô thì rất vui sướng. Nào ngờ có ngày anh cưới được một người vợ đẹp như thế này. Thế nhưng anh vẫn chưa biết tên cô.

Cô gái đáp :

- Cứ gọi em là: Kômatôchi Thanh Đạm.

Cô lấy từ túi xách ra một ít tiền, đưa cho Katarô ra phố mua kẹo bánh, rượu xakê và ít đồ nhắm để về tổ chức tiệc cưới. Bữa ăn rất ngon, chưa bao giờ hai vợ chồng được ăn một bữa ngon như thế, họ không ngớt lời khen ngợi cô dâu.

Sau đám cưới, Kôtarô lại tiếp tục vào rừng đốn củi, nhưng xong việc anh liền về nhà. Suốt ngày trong khi làm việc, anh cứ trông ngóng giây phút về nhà để được gặp lại vợ. Bà mẹ cũng hài lòng. Thanh Đạm làm tròn công việc rất nhanh, hề bà mẹ cần báo công việc gì phải làm, là cô làm xong ngay. Cho nên bốn người sống trong cảnh hạnh phúc sung sướng. Niềm hạnh phúc của họ càng lớn hơn nữa khi Thanh Đạm sinh được một đứa con trai.

Một buổi tối, khi Tôkatô đang nghỉ ngơi sau một ngày lao động cực nhọc, Thanh Đạm nói với anh:

- Anh làm việc đầu tắt mặt tối mà chúng ta cũng chẳng có gì dư giả. Nếu bây giờ chúng ta tìm cách mua bán thì anh sẽ đỡ bớt cảnh

lao động vất vả suốt ngày ngoài đồng và trong rừng. Em rất thạo nghề dệt vải, em sẽ dệt vải để anh đi bán thử ra sao?

Rồi nàng lấy trong túi xách một ít tiền đưa cho anh ra phố mua một số thứ cần thiết để đem về cho nàng dệt.

Ngày hôm sau khi anh đi mua sắm đồ dệt về, nàng nói với anh: cho thiếp lập một bàn dệt trên vựa nhà. Rồi nàng dặn trong lúc nàng dệt, mọi người không được quấy rầy, nàng lại còn nói thêm công việc này phải làm lâu mới xong.

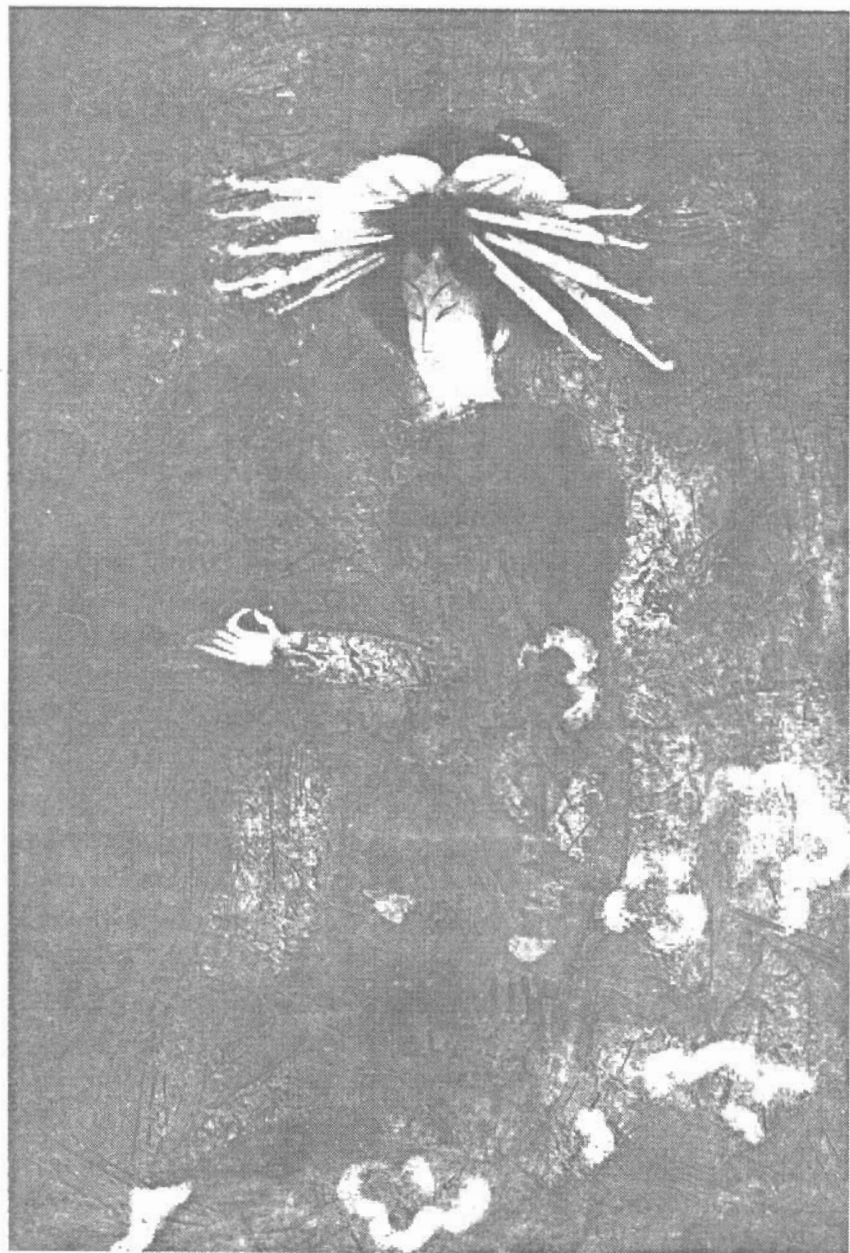
Kể từ ngày hôm ấy, cứ sáng sớm là Thanh Đạm lên vựa trên gác để làm việc, và đến chiều tối mới xuống dưới nhà. Càng ngày nàng càng xanh xao, gầy gò, có bữa đi lảo đảo vì quá mệt. Nhiều lần, Katarô bảo vợ dẹp bỏ công việc nặng nhọc ấy đi, anh bảo rằng anh không cần giàu. Nhưng nàng chỉ một mực lắc đầu.

Công việc kéo dài mất ba năm trời mới xong, một hôm nàng từ trên gác đi xuống, hai tay mang theo một tấm vải thật dài, vải đẹp đến nỗi hai vợ chồng già và Kôtarô chưa bao giờ thấy được như thế. Tấm vải sáng loáng lấp lánh đủ màu sắc tươi đẹp: nó nhẹ như lông chim, nhưng lại ấm áp hơn lụa là gấm vóc dày dặn. Quả thật đây là một tấm vải độc nhất vô nhị.

Nhưng Thanh Đạm mệt phờ người không đứng nổi trên hai chân. Nàng quá yếu đến nỗi phải nằm trên giường. Bằng một giọng thều thào, nàng nhờ Katarô mang đến cái túi xách mà nàng đã mang theo từ ngày mới đến, cái túi xách nằm yên ở một chỗ từ nhiều năm nay. Nàng mở cái túi xách lấy ra mấy đồng tiền vàng.

- Anh hãy mang xấp vải đi thật xa, xa đến khi nào anh tiêu hết hai đồng tiền vàng này thì hãy bán, nhưng khi chưa tiêu hết tiền thì không bán, nếu anh làm đúng như lời em dặn, anh sẽ bán được rất nhiều tiền.

Kôtarô xếp vải bỏ vào xách rồi dặt tiền vào thắt lưng và ra đi. Anh rất buồn khi phải xa vợ, người vợ vừa mới khỏi một căn bệnh dài ngày.



Kôtarô đi ngày này qua ngày nọ mãi mà không tiêu hết một đồng tiền vàng. Đó là anh không tiêu pha dè sẻn đấy. Rồi anh đến một phố thị thật xa, đến chợ, anh gặp một người hỏi anh mang cái gì. Katarô lấy xấp vải ra đưa cho ông ta xem. Người thương gia nhìn thấy xấp vải, ước thử trong tay xem nặng nhẹ ra sao, rồi vừa vuốt ve tấm vải vừa tha thít khen :

- Xấp vải đẹp làm sao! Ấm mà nhẹ làm sao! Láng lẩy biết bao! Chưa bao giờ tôi thấy một xấp vải như thế này. Anh kiếm đâu ra xấp vải đẹp như thế này?

- Vợ tôi dệt đấy, - Katarô hãnh diện đáp.

- Bán cho tôi đi. Tôi sẽ mua với giá một ngàn đồng tiền vàng.

Khi Katarô nghe người thương gia trả một giá như thế, liền biết Thanh Đạm đã dệt một tấm vải đáng giá cả một gia tài. Nhưng đồng thời anh lại nhớ đến lời vợ dặn là không bán xấp vải khi chưa xài hết hai đồng tiền vàng. Cho nên anh xin lỗi nhà buôn, nói rằng anh không bán và tiếp tục lên đường.

Một thời gian sau, anh đến một phố thị khác. Anh đi thẳng ra chợ, vừa lôi xấp vải trong xách ra, xấp vải lông lách rục rờ khiến nhiều người đổ xô chạy đến xem. Một thương gia giàu nhất đề nghị mua xấp vải bốn ngàn đồng tiền vàng, nhưng Kôtarô nhớ lời vợ dặn, và vì anh còn trong túi nguyên cả một đồng tiền vàng, mà đồng thứ nhất anh tiêu cũng chưa hết, nên anh không bán và tiếp tục lên đường.

Vùng anh đến tiếp theo ít người, nên anh đi tiếp đến một thành phố khác. Ở đây dân chúng đông đúc và người ta tụ đến xem xấp vải nhiều hơn trước nữa, có một thương gia giàu có đã trả anh tám ngàn đồng tiền vàng. Nhưng một lần nữa Katarô không bán vì trong lưng anh còn nguyên một đồng tiền vàng.

Khắp nơi, người ta đều nói đến xấp vải quý báu lộng lẫy của anh, cho nên khi anh đến thành phố tiếp theo, gia nhân của một

thương gia giàu có đã ra đứng nơi cửa đợi anh để dẫn anh đến gặp chủ nhà của họ.

Khi người thương gia này thấy cuộn vải, nhẹ hơn lông mà ấm hơn cả lụa dày, sáng loáng và lấp lánh, đủ màu sắc, ông ta biết đây là vải quý giá vô cùng. Ông bèn trả giá mười ngàn đồng tiền vàng.

Nhưng Katarô trả lời không bán, mặc dù mười ngàn đồng tiền vàng là cả một gia tài lớn mà anh chưa bao giờ dám mơ tới.

- Bán cho tôi đi, - người thương gia cố nài nỉ, - nếu anh chê mười ngàn đồng là ít, tôi trả cho anh hai chục đấy.

Hai chục ngàn đồng tiền vàng. Tim của Katarô như muốn ngưng đập. Giá này chắc làm cho Thanh Đạm hài lòng, ngay cả khi anh tiêu chưa hết đồng tiền vàng. Anh bèn bán xấp vải.

Người thương gia giàu có trả cho anh hai chục ngàn đồng vàng. Số tiền quá nhiều phải làm cho Katarô chật vật lăm mới khiêng nổi.

Rất hài lòng anh quay về nhà, đi khó khăn mệt nhọc, vì mang cả một số tiền hai mươi ngàn đồng vàng trên vai chứ không như xách túi vải nhẹ nhàng.

Cuối cùng anh cũng về đến nhà, Thanh Đạm đã bình phục trong thời gian chồng đi xa, nàng vui mừng đón anh về.

Khi nàng hỏi anh đã bán xấp vải được bao nhiêu tiền, Kôtarô hãnh diện chỉ rương tiền cho nàng :

- Hai mươi ngàn đồng tiền vàng trong này. Không thiếu một đồng, anh đã đếm cẩn thận rồi.

Cha mẹ anh mừng rỡ cả người. Hai mươi ngàn đồng tiền vàng, với họ đây là một sự giàu có ngoài sức tưởng tượng. Họ bảo Kôtarô mở rương ra xem.

Nhưng Thanh Đạm có vẻ hơi thất vọng, nàng nói:

- Sao anh không đợi tiêu cho hết hai đồng tiền vàng rồi hãy

Kôtarô đi ngày này qua ngày nọ mãi mà không tiêu hết một đồng tiền vàng. Đó là anh không tiêu pha dè sẻn đấy. Rồi anh đến một phố thị thật xa, đến chợ, anh gặp một người hỏi anh mang cái gì. Katarô lấy xấp vải ra đưa cho ông ta xem. Người thương gia nhìn thấy xấp vải, ước thử trong tay xem nặng nhẹ ra sao, rồi vừa vuốt ve tấm vải vừa tha thít khen :

- Xấp vải đẹp làm sao! Ấm mà nhẹ làm sao! Láng lẩy biết bao! Chưa bao giờ tôi thấy một xấp vải như thế này. Anh kiếm đâu ra xấp vải đẹp như thế này?

- Vợ tôi dệt đấy, - Katarô hãnh diện đáp.

- Bán cho tôi đi. Tôi sẽ mua với giá một ngàn đồng tiền vàng.

Khi Katarô nghe người thương gia trả một giá như thế, liền biết Thanh Đạm đã dệt một tấm vải đáng giá cả một gia tài. Nhưng đồng thời anh lại nhớ đến lời vợ dặn là không bán xấp vải khi chưa xài hết hai đồng tiền vàng. Cho nên anh xin lỗi nhà buôn, nói rằng anh không bán và tiếp tục lên đường.

Một thời gian sau, anh đến một phố thị khác. Anh đi thẳng ra chợ, vừa lôi xấp vải trong xách ra, xấp vải lông lánh rực rỡ khiến nhiều người đổ xô chạy đến xem. Một thương gia giàu nhất đề nghị mua xấp vải bốn ngàn đồng tiền vàng, nhưng Kôtarô nhớ lời vợ dặn, và vì anh còn trong túi nguyên cả một đồng tiền vàng, mà đồng thứ nhất anh tiêu cũng chưa hết, nên anh không bán và tiếp tục lên đường.

Vùng anh đến tiếp theo ít người, nên anh đi tiếp đến một thành phố khác. Ở đây dân chúng đông đúc và người ta tụ đến xem xấp vải nhiều hơn trước nữa, có một thương gia giàu có đã trả anh tám ngàn đồng tiền vàng. Nhưng một lần nữa Katarô không bán vì trong lưng anh còn nguyên một đồng tiền vàng.

Khắp nơi, người ta đều nói đến xấp vải quý báu lộng lẫy của anh, cho nên khi anh đến thành phố tiếp theo, gia nhân của một

bán? Nếu anh không hấp tấp thì đã có thể bán được ba mươi ngàn đồng, như thế này là chúng ta mất đi mười ngàn đồng tiền vàng rồi đấy.

Nhưng chỉ một lát nàng khoát tay:

- Thôi thế cũng được, cũng khá nhiều tiền rồi.

Nói xong, Thanh Đạm chuẩn bị một bữa tiệc để ăn mừng ngày trở về của chồng.

Gia đình xây một ngôi nhà lớn, Kotarô trở thành một thương gia giàu có, nhưng vẫn luôn là người nhân ái và rộng lượng.

Họ có thể sống hạnh phúc như thế suốt đời nếu như mẹ của Kotarô không quên được cảnh đã thấy cả một ruộng tiền. Ngày nào bà cũng nói với nàng câu: “con phải dặt thêm một xấp vải như thế nữa, có một xấp nữa chúng ta sẽ giàu hơn, và lần này ta cũng cất tiền trong ruộng như thế, vì con đã có đầy đủ rồi. Cứ giữ số tiền ấy, và có lẽ một ngày nào đấy con sẽ dùng đến. Nếu con là một người vợ hiền và biết lo cho tương lai của con cái, thì con nên dặt một xấp nữa...”

Ngày nào bà cũng đề nghị như thế.

Thanh Đạm phân trần với cha mẹ chồng bao nhiêu cũng không được. Nàng nói rằng gia đình đã có đủ tiền rồi, công việc buôn bán của Katarô tiến hành tốt đẹp rồi, cho nên không có gì phải lo sợ cho tương lai hết. Nhưng cứ mỗi lần nghe xong bà lại nói:

- Nói như thế chỉ là nguy biện. Tóm lại, may là đồ lười biếng... theo tao thì dặt thêm cho gia đình một tấm vải nữa.

Cuối cùng Thanh Đạm, không cãi lại lời mẹ chồng nữa, nàng lên vợ, đóng cửa một mình ngôi dặt. Khi Katarô biết vợ dặt thêm một xấp vải nữa, anh tìm cách can ngăn vợ. Anh nhắc nàng lần trước vì dặt mà đã đuối sức, và anh nói rằng gia đình sống như vậy là giàu có đủ rồi.

Nhưng Thanh Đạm chỉ cười rồi đáp chồng :

- Ba năm trôi qua nhanh thôi. Em xin anh đừng quấy rầy công việc của em.

Kể từ hôm ấy, cứ mỗi buổi sáng là nàng lại lên gác để dệt vải, dệt miết cho đến chiều tối mới xuống, mới mấy ngày đầu mà trông nàng mệt mỗi bơ phờ. Hai má mất vẻ hồng hào, người gầy tóp lại, phải thu bớt thất lưng vào.

Bà mẹ chồng tự hỏi :

- Không biết nó dệt ra sao nhỉ. Mình đoán nó gầy đi vì bức tức mà thôi. Nhìn chung thì có ai dệt vải mà giữ bí mật như thế này bao giờ đâu?

Một buổi sáng, đợi tất cả mọi người ai vào việc nấy rồi, bà mới rón rén lên chỗ Thanh Đạm dệt. Bà ta quì xuống chỗ cánh cửa và hé mở cánh cửa một chút. Bà thấy trước bàn dệt thật lớn, một con Sếu trắng đang đứng dệt, nó dùng mỏ để mổ lông trong cánh ra. Người nó vấy đầy máu và lông nơi cánh đã mất đi.

Bỗng con Sếu nhìn ra cửa, thấy bà già đang nhìn qua khe, nó liền thét lên một tiếng, rồi cất cánh bay ra cửa sổ đang mở rộng.

Kôtarô cũng nghe tiếng thét ấy, anh liền chạy nhanh lên vừa, mặt mày tái mét vì lo sợ. Bà mẹ kể lại cho anh nghe những gì vừa thấy. Kôtarô bèn vội vàng chạy ra vườn, nhìn khắp các cây. Anh thấy trên một cây có con Sếu trắng. Hai cánh nó bị rách nát hết, nên không thể bay xa được. Con chim phải đậu tại đấy và sắp chết vì kiệt sức. Kôtarô khóc nức nở, anh leo lên cây ôm con chim vào lòng vuốt ve nó. Trong giây phút lâm chung, Sếu thì thào nói với anh :

- Kôtarô, anh có nhớ con sếu trắng mà anh đã cứu mạng không? Em đến ở với anh để đền đáp công ơn anh đã cứu em. Bây giờ thì em sắp chết rồi. Anh hãy cố chăm sóc con.

Kôtarô quá đau buồn, anh chôn con Sếu trong vườn. Anh đổi tên họ mình là Kôtarô Thanh Đạm. Ngày nào anh cũng dẫn con ra vườn. Hai cha con đến đứng thật lâu trước mộ, khóc cho nàng Thanh Đạm.

Năm con ma

Đêm đã buông xuống mà chàng kỵ sĩ cũng không biết mình sẽ ngủ đâu, chàng là võ sĩ Dôsinari (yoshinari). Một mình trước trời nước bao la, chàng đi qua một cánh đồng cỏ, đưa mắt nhìn bốn phía với hy vọng tìm ra một ngôi làng hay một nơi nào để ngủ qua đêm. Nếu không có hộ dạng kiêu kỳ và hai thanh gươm bên thắt lưng, thì không ai nghĩ rằng chàng là một kỵ sĩ. Áo quần cũ kỹ rách nát, tóc tai rối bù, mặt mày hốc hác chứng tỏ đã lâu chàng không được ăn uống gì. Chàng đã bị mất việc từ khi chủ chàng thất bại trong cuộc đấu tranh dành quyền lực, và buộc lòng phải sa thải nhân viên. Dôsinari chỉ còn cách đi khắp nơi tìm một công việc khác để làm, cũng như các đồng nghiệp của chàng vậy. Nhưng chàng cứ gặp rủi ro mãi. Chàng đã hết lương thực và tiền bạc từ lâu, chỉ còn lại hai thanh gươm.

Vừa đi vừa nhìn khắp nơi, và cuối cùng chàng nhìn thấy từ xa có nhà cửa. Sung sướng vì nghĩ đêm nay khỏi ngủ giữa trời, nên anh vội vàng đi tới, đến làng thì trời đã tối và dân làng chuẩn bị đi ngủ. Dôsinari đi từ nhà này sang nhà khác, nhưng không ai muốn cho anh nghỉ lại. Người ta đóng cửa lại trước mặt anh, thậm chí có nơi còn không mở cửa nữa. Phái chăng họ sợ anh?

Có một nơi mở cửa sổ và người ta nói với anh:

- Sau làng có một ngôi đền nhỏ, anh có thể ra đấy mà ngủ qua đêm, - nói xong người này đóng cửa lại liền.

Dosinari hết sức ngạc nhiên với thái độ của dân làng; nhưng rồi, anh nghĩ chắc quan lại ra lệnh cấm các kỵ sĩ đi lang thang ở trọ, anh liền đi ra phía đền. Quan trọng là có một mái nhà để qua đêm là được.

Đi nửa đường, anh gặp một ông già từ trong rừng đi ra, trên lưng vác một bó củi nặng. Ông già kính cẩn chào anh và nói:

- Chàng kỵ sĩ cao quý ơ! Anh có ý định đến ngủ ở cái đền làng phải không?

- Tôi không có cách nào khác, ông lão à. Dân làng hình như đều sợ tôi, không ai cho tôi ngủ trọ, nhưng ít ra có một người khuyên tôi đến cái đền đằng trước mà ngủ.

- Anh không nên đến đấy, chàng kỵ sĩ cao quý à, - ông già đáp.- Tôi biết rất rõ lý do vì sao người ta khuyên anh đến đây. Ngôi đền đã bị bỏ hoang lâu ngày và trong đền có ma. Ban đêm ở đấy thường xảy ra chuyện rất kỳ lạ khiến không ai ở đấy được trọn đêm. Có lẽ dân làng hy vọng nhờ anh xua đuổi ma quỷ đi cho họ đấy. Nhưng anh đừng đến đấy. Nếu anh không chê túp lều hèn mọn của tôi, thì tôi mời anh đến ngủ với tôi.

Thoạt tiên, Dôxinari tức giận dân làng vì muốn chơi khăm mình; nhưng sau đó, anh thay đổi ý kiến và nói với ông già:

- Thưa cụ, tôi xin cảm ơn lòng tốt của cụ; nhưng đây chính là lý do khiến tôi đến đây, nếu không, người ta lại cho là tôi sợ. Mà một võ sĩ thì không sợ bất cứ thứ gì trên đời hết.

- Chàng kỵ sĩ cao quý ơ, anh cứ làm điều gì mà anh cho là tốt. Tôi chỉ báo cho anh biết vậy thôi. Bây giờ tôi chúc anh may mắn trong cuộc chiến này!- Nói xong, ông lão đi nhanh về nhà.

Con đường đi đến ngôi đền từ lâu không có người qua lại. Đi một lát, Dôsinari thấy ngôi đền hư nát lờ mờ hiện ra trong bóng tối. Trên mái nhà hồng một lỗ thật lớn, còn tường thì rạn nứt gãy đổ đến nỗi mèo cũng có thể chui qua chỗ nứt một cách dễ

dàng. Khi Dôsanari bước lên hành lang, anh thấy lan can cũ kỹ chỉ còn một đoạn ngắn, còn nền ván kê kót kết dưới chân rất nguy hiểm. Sau cánh cửa lớn, một tấm màn nhện rất lớn giăng ngang như tấm màn dày. Ngôi đền hoàn toàn trống trơn ngoài mạng nhện giăng khắp nơi, vài chiếc chiếu cũ và một cái rương đầy bụi bặm.

Dôsinari chuẩn bị cho mình chỗ nằm ở trước mặt đền. Anh ngồi xuống, để hai thanh gươm ở gần tay với, mặc dù anh không tin mình sẽ dùng gươm để chống lại ma. Xong anh đợi những chuyện sắp xảy ra. Trong lúc đó trời đã hoàn toàn tối. Nhưng chỉ một lúc sau trăng lên, ánh trăng rơi vào lỗ hổng trên mái nhà và những vết nứt trên tường chiếu sáng vào trong đền. Chốc chốc anh lại nghe tiếng cột nứt phát ra, nhưng sau đó lại im lặng. Dôsinari định không ngủ để khỏi ngạc nhiên khi có sự cố xảy ra, nhưng vì đi xa mệt mỏi lại phải nhin đối nên việc anh ngủ là chuyện không ngạc nhiên gì.

Đến khuya anh bỗng thức giấc vì tiếng gõ cửa ở phía bắc ngôi đền, đồng thời anh nghe một giọng nói ồ ồ thật lớn:

- Có ai bên trong không?

Dôsinari vội chạy lấy gươm, anh nghĩ không biết có nên trả lời hay không; nhưng trước khi anh quyết định thì phòng bên cạnh có ánh sáng bật lên, sau bức sáo trúc thưa rồi có người trả lời:

- Có kẻ dài thòng lép kẹp đây, kẻ đã bị tù tội. Hôm nay có tôi ở nhà tôi sẵn sàng tiếp khách. Ai đấy?

Anh nghe bên ngoài có tiếng đáp lại:

- Tôi là kẻ sáng lnh lạnh, lưng còng người bị mất tích trong bụi rậm đây. Tôi đến thăm bạn. Tôi vào được không?

- Mời vào, rất sung sướng được đón bạn, - chủ nhà đáp, nhưng anh không nghe có tiếng chân bước và tiếng động. Một lát sau đèn phòng bên cạnh tắt và tất cả lại yên lặng như trước.



Dôsinari nghĩ là mình đang mơ; nhưng thình lình anh lại nghe có tiếng gõ cửa, lần này là ở trước mặt phía nam của ngôi đền. Tiếng gọi nghe nho nhỏ giọng mũi:

- Có ai bên trong không?

Cũng như lần trước, đèn lại thấp lên ở phòng bên cạnh, rồi có giọng người nói:

- Có kẻ dài thông lép kẹp đây, kẻ đã bị tù tội. Hôm nay có tôi ở nhà, tôi sẵn sàng tiếp khách. Ai đấy?

Vị khách trả lời :

- Tôi là kẻ gầy gầy hết răng đây, người đã bị treo cổ trên cành cây. Tôi đến thăm anh đây. Tôi vào được không?

- Xin mời vào, rất hân hạnh đón anh, - chủ nhà đáp.

Ánh đèn tắt và tất cả lại yên lặng. Bây giờ thì Dôsinari tin chắc là mình không mơ, anh đợi những biến cố khác xảy ra tiếp theo.

Anh không đợi lâu, có người gõ cửa trước mặt ngôi đền, giọng nói trầm đục hỏi:

- Có ai không?

Khi đèn được thấp lên và người gầy hét dài thông hỏi, người khách mới nói:

- Tôi là kẻ trần truồng, thở hổn hển, kẻ chỉ được chôn một nửa. Tôi đến thăm anh đây, tôi có vào được không?

Có tiếng mời vào, nhưng Dôsinari không biết khách có vào không vì tất cả đều im lặng.

Trước khi ánh đèn tắt đi, anh lại nghe có tiếng gõ cửa, lần này là cửa nằm phía tây, người khách mới đến nói :

- Đây là kẻ phình bụng, kẻ háu ăn vô độ, người bị chết đuối dưới hồ. Tôi đến thăm anh đây, tôi có vào được không?

Sau khi khách vào rồi, đèn không tắt nữa; trái lại ngọn đèn lại còn sáng tỏ hơn trước. Chủ nhà hình như không còn đợi ai nữa. Dôsinari lại chờ đợi, rất hồi hộp nhưng cũng rất can đảm, anh đợi để biết đám người kỳ lạ này làm gì.

Trong một thời gian khá lâu không xảy ra chuyện gì hết, anh chỉ nghe bên cạnh tiếng thì thảo và tiếng cười rúc rích cũng như tiếng chén bát va nhau, hoàn toàn giống như cảnh người ta mời khách đến nhà ăn cơm, vừa ăn vừa nói chuyện vui vậy.

Nhưng rồi có người cất cao tiếng nói; cứ xét theo giọng nói thì đây chắc chắn là giọng của chủ nhà, tất cả những kẻ khác đều im lặng, hình như họ đang lắng nghe.

- Hôm nay tôi có một chuyện đáng ngạc nhiên báo cho các anh hay. Ở phòng bên cạnh đây ngay phía trước đền, có kỵ sĩ Dôxinari ngủ, anh ta không biết chuyện gì đang đợi anh ta. Nhưng tôi thì biết. Chúng ta sẽ...- khổ thay là những lời nói tiếp theo nhỏ quá khiến cho chàng kỵ sĩ không nghe được gì hết, tiếp theo đó anh nghe tiếng cười và những tiếng tán thưởng:

- Phải, làm thế đi ! Tôi hài lòng quá!- Và: Ta sẽ vui đấy!

Dôsinari toát mồ hôi lạnh, một kỵ sĩ ít can đảm hơn chắc chắn đã chạy trốn rồi, nhưng Dôxinari lại không mất tinh thần. Vừa nghe những con ma đến gần, anh đứng lên, xắn hai tay áo, chạng hai chân ra, tay cầm gươm, anh đợi giờ tấn công.

Ngay khi ấy anh nghe có tiếng rít đinh tai nhức óc vang lên và một đường sáng đỏ bay vào trước đền. Đường sáng đỏ bay là là trên mặt đất, quay tròn rồi bay theo hình vòng cung, càng lúc càng đến gần Dôsinari rồi bay quanh người anh. Dôsinari bỏ những nhát gươm vào ánh sáng đỏ ấy, nhưng đường sáng lại phá ra cười thích chí và cứ tiếp tục nhảy nhót.

Dôsinari nghĩ phương pháp để trấn áp một kẻ thù phản trắc là lòng can đảm; cho nên anh lấy giọng nghiêm nghị la lớn:

- Dừng lại !

Và quả vậy, vạch đó thôi không nhảy nhót nữa, nó nhấp nháy, ngân ngừ rồi bỗng nó nhảy thật nhanh, cất giọng nói, nho nhỏ:

- Anh hãy nói tôi là ai, nếu không tôi siết cổ anh chết.

Dôsinari không cần suy nghĩ lâu, anh đáp:

- Người là ai? Rõ ràng người là đồ dài thông lếp kẹp chứ ai,-
Vạch sáng không nhảy nhót nữa, anh bèn nói tiếp: - người là kẻ vô
cớ bị cầm tù.

Anh vừa nói xong, vạch đỏ rung rung rồi biến mất.

Vừa sau đó, anh nghe tiếng rầm rầm vang lên rất khủng khiếp
như có một đàn ngựa đang chạy vào tiền điện và có vật gì dài,
trắng, lóng lẩy bắt đầu nhảy nhót quanh Dôsinari; và mỗi lần cái
vạch đó đến gần, anh nghe như tiếng sủa ăng ăng, cuối cùng cái
vật dài trắng ấy dừng trước mặt kỵ sĩ và nói:

- Hãy nói ta là ai, nếu không ta xé xác mày ra trăm mảnh.

Dôsinari đáp nhanh:

- Người là kẻ trần truồng, thơ hồn hển.- Rồi anh nói tiếp rất
nhanh: - Người là kẻ chỉ được chôn một nửa. - Lập tức, ánh sáng
thuôn dài nhảy lên không trung lần cuối và biến mất.

Dôsinari cố nhớ lại xem ai đã đến thăm lão dài thông lếp kẹp
nữa, nhưng chưa kịp nhớ lại thì đã nghe những tiếng trầm trầm
như tiếng chuông vang lên và trước tiền điện hiện ra một luồng
sáng tròn xanh. Ánh sáng vừa quay vừa lớn dần cho đến khi nó
choán hết tiền điện. Dôsinari phải đứng nép sát vào mép vạch để
khỏi vướng vào đám ánh sáng quay tít ấy. Rồi đột nhiên ánh sáng
ngừng lại và kêu lên:

- Hãy nói ta là ai nếu không ta sẽ ăn tươi nuốt sống người.

Bỗng nhiên Dôsinari nhận ra được hiện tượng kỳ lạ này, anh
đáp:

- Người là kẻ phình bụng háu ăn vô độ, kẻ bị chết đuối dưới hồ. Thế là khối sáng xanh biến mất.

Trước khi chàng kỵ sĩ có thì giờ thở cho lại sức thì bỗng có một vật thể gì lạ chạy trên mặt đất rồi tốc lửa ra, cái vật ấy nhào thẳng vào Dôsinari, anh bèn nhanh chân nhảy tránh sang một bên. Vật kỳ lạ dừng lại rồi rít lên nói, giọng mũi khó nghe:

- Hãy nói ta là ai nếu không ta nghiền xác ngươi ra!

“A ha !- Dosinari tự nhủ- ngươi không cần được đâu!”

· Anh bèn đáp nhanh:

- Người là kẻ gây gò, gây răng, kẻ bị treo cổ trên một cành cây.
- Con ma nghe xong liền biến mất như ba con ma trước đó.

Dôsinari nghĩ còn một con ma nữa, nhưng anh đã cố hết sức nhưng không nhớ được tên nó, trong lúc anh đang moi óc cố nhớ, bỗng anh nghe thấy tiếng đập cánh như cả một bầy chim trong phòng. Rồi anh thấy trong khoảng trống có cái gì trong suốt, long lanh nhiều màu sắc. Vật ấy đến gần, cuối cùng dừng lại trên không ngay trước mặt Dôsinari và cất giọng ồ ồ nói:

- Hãy nói ta là ai, nếu không ta sẽ thọc léc ngươi cho đến chết đấy!

“ May thay cho ta ngươi là con ma cuối cùng. - anh nghĩ - Vì ta quá mệt với cái trò dạ vũ này rồi.” Anh nói:

- Được rồi, ngươi là kẻ đến đầu tiên, hà...

Bỗng có cái gì đó thọc léc vào mũi anh và anh nhảy người lên, cũng may là khi ấy anh nhớ ra tên kẻ đầu tiên:

- Người là kẻ sáng long lanh, còng lưng, kẻ bị mất tích trong đám bụi. Đấy, bây giờ thì biến đi, ta đã chán các ngươi lắm rồi!- anh la lớn lên như thế, và quả đúng, cái vật trong suốt biến mất, tất cả đều im lặng trở lại.

Nhưng ở phòng bên cạnh, ánh đèn vẫn còn sáng, Dôsinari không biết những con ma còn bên đó hay không, anh không dám ngủ.

May thay là trời sắp sáng, tiếng gà đã bắt đầu gáy trong làng gần đấy, ánh đèn liền tắt, những vị khách rầu rĩ kia chắc đã đi hết rồi.

Chỉ còn lại một mình, Dôsinari không đứng nổi nữa, anh nằm xuống và ngủ liền. Khi anh thức dậy bụng đói cồn cào, mặt trời đã chiếu qua các đường nứt trên vách. Dôsinari bèn đi xem khắp đền, ngôi đền trống vắng, ngoại trừ mạng nhện, những tấm chiếu cũ và cái rương đầy bụi.

Dôsinari mang kiếm lại vào thắt lưng, ra đứng ngoài hành lang. Anh nhìn ra xa thấy một số dân làng tụ tập lại, đứng yên lặng đưa mắt nhìn về phía anh. Nhớ lại cảnh tiếp đón lạnh nhạt của họ hôm qua, anh bèn chấp tay lên miệng làm loa và la lớn.

- Các người đã xua tôi đến với ma. Nhưng các người thấy chưa, không có gì xảy đến với tôi hết. Trái lại, tôi đã sống với ma rất vui, các người có biết các con ma trong đền này là ai không? Nghe tôi nói đây! Ở đây có kẻ dài thông, gầy lép kẹp đã bị cầm tù một cách vô tội. Hắn tiếp khách gồm có: một kẻ sáng lóng lánh, còm, kẻ này bị mất tích trong đám bụi rậm, một kẻ bụng phệ, háu ăn vô độ bị chết đuối trong hồ; một kẻ nửa trần truồng thở hổn hển, kẻ này chỉ được chôn một nửa; rồi kẻ thứ năm, kẻ này gầy ốm sùn rần, bị treo cổ trên cành cây. Đây là năm người bạn rất thân, ban ngày không gặp nhau được, ban đêm mới đến tụ tập trong đền. Nếu chúng ta tìm ra năm kẻ ấy, gom chúng lại một chỗ thì chúng hết quậy phá. Thôi các người đừng đứng ỳ ra đấy mà sợ sệt nữa. Hãy đến giúp tôi đi tìm chúng mau lên. Tôi thấy ở phía tây có cái hồ, chắc ở phía ấy ta sẽ tìm ra tên bụng bự, háu ăn.

- Hắn đây rồi! Dôsinari nói.- Quý vị nhìn đây, cái hũ phình bụng, háu ăn vô độ là vì không có đấy. Lấy nó ra khỏi nước đi, rồi để đấy ta đi tìm cái khác.

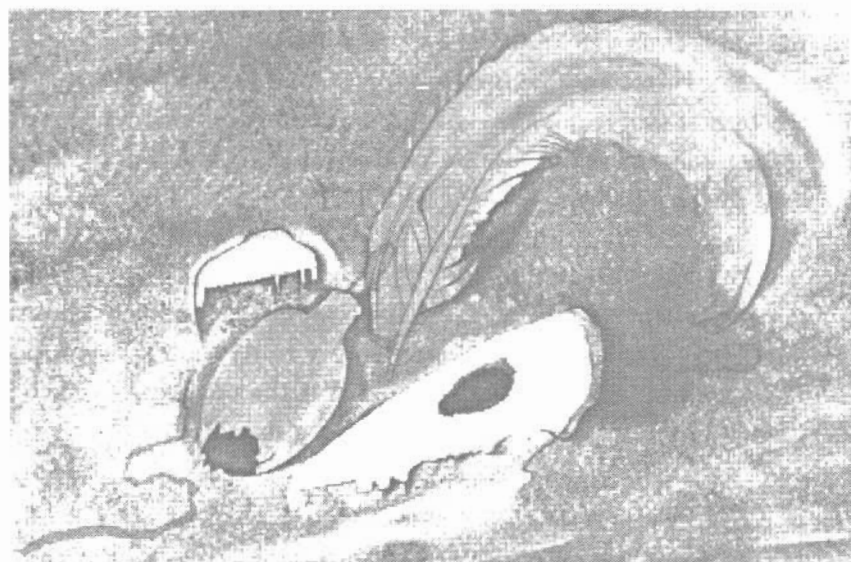
Khi cái hũ đã được lôi lên khỏi mặt nước, Dôsinari chỉ tay về hướng bắc anh nói:

- Tôi thấy bụi cây rậm rồi, chúng ta sẽ tìm thấy vật sáng lóng lánh, cong cong ở đây!

Tất cả dân làng đi theo Dôsinari đến tìm trong bụi một hồi lâu, cuối cùng, chàng kỵ sĩ tìm thấy một vật sáng lóng lánh, anh cúi xuống lượm lên một cái lông đuôi gà thật đẹp.

- Tôi tìm ra rồi !- Anh vui vẻ reo lên- Nó sáng lóng lánh nhiều màu, lại cong cong, chắc chủ nó đã để mất nó, nếu không thì chắc nó không có mặt ở đây. Bây giờ ta đến phía nam, ở đây chắc chắn phải có kẻ mạnh khảnh, sún răng.

Ở phía nam ngôi đền chỉ có một cái cây thôi, nên họ phải tìm kiếm khắp tứ phía. Một hồi lâu họ vẫn không tìm thấy gì cả; nhưng cuối cùng một cô bé thấy trên cành cây cao một cái lược gãy răng.



-Tốt rồi, bé ơi! Chính nó đấy.- Dôsinari khen em bé gái. – Cái lược quá mảnh và gãy hết răng. Hãy lấy xuống, rồi ta đến phía đông, hòn đá kia có vẻ giống bia mộ quá. Chắc ở đây ta có thể tìm ra kẻ trăn truong, thờ hỗn hển, kẻ chỉ được chôn một nửa thôi.

Họ ném đá cho cái lược gãy răng trên cây rớt xuống. Sau đó họ đến phía viên đá. Ở đây họ không mất công tìm lâu. Sau viên đá một tí người ta thấy thò ra trên mặt đất xương sọ một con ngựa đã bị sương gió thời gian bào trắng.

- Chính nó đây rồi! Nó là kẻ trăn truong cũng đúng thôi. Nó lại còn răng để ngoạm nữa chứ, quả đúng nó chỉ được chôn một nửa thôi, hãy lấy cái sọ đem về đền. Chúng ta phải tìm cho ra chủ nhà, kẻ dài thông, lép kẹp đã vô cớ bị cầm tù.

Họ đi đến đền và lục tìm các góc ngách trong đền. Nhưng khắp đền đều trống trơn.

“Có phải cái rương này không? - Dôsinari tự hỏi- Cái rương khóa kín rồi, không thể mở được, vả lại nó cũng đâu có dài thông và lép kẹp. Nhưng chắc nó là nhà tù đây. Chắc cái vật dài thông, lép kẹp bị nhốt trong này”

Anh lấy cây dao cố dùng hết sức để cạy nắp rương ra, cuối cùng nó cũng bật ra, Dôsinari thấy trong rương có cả một dây hộc. Trong hộc cuối cùng, ở dưới đáy có một sợi dây đã bị sờn rách.

Dôsinari lấy sợi dây ra, anh nói:

- Nó đây rồi! Đây là kẻ bị cầm tù một cách vô cớ, vì nó không làm gì cả trong cái rương để ngời viết này, nó lại còn lép kẹp nữa, thật ra nó chẳng dài thông gì, chẳng dài mà cũng chẳng lớn, mà thôi, ta cứ cho nó khoe khoang một chút cũng được. Cả năm đều được qui về một chỗ rồi đây. Bà con hãy chôn chúng lại để cho chúng khỏi phá phách làm mọi người phải lo sợ nữa.

Dân làng nghe theo lời khuyên của Dôsinari. Họ chôn cái hũ không đáy sâu nhất, rồi đến cái lông đuôi gà trống bị thất lạc, cái

lược gãy răng, cái sọ ngựa và sợi dây bị sờn rách - vị chủ nhà. Mọi người cảm ơn Dôsinari đã bỏ công giải thoát họ khỏi những cơn ma ám ảnh ngôi đền, và xin lỗi về thái độ thiếu lịch sự của họ tối hôm qua.

Và kể từ hôm ấy, không biết bạn có tin hay không, không một ai trong làng lo sợ về ngôi đền nữa vì không còn kẻ sáng lonh lonh còm còm; không kẻ bụng phệ háu ăn; không còn kẻ trần truồng thở hổn hển; không còn kẻ gầy gò sún răng nữa. Ngay cả tên lòng thông lép kẹp cũng không.

Lông mi của chó sói

N gày xưa trong một ngôi làng nọ có một người thợ rèn giàu có, ông ta sống với cô con gái độc nhất, tên là Akiko (Akikô). Vợ của ông thợ rèn chết sau khi sinh con và người chồng lấy vợ hai, vì ông cần có người trông nom nhà cửa. Nhưng khốn thay ông lấy phải người vợ hai không ra gì. Người dì ghẻ này keo kiệt mà lại còn độc ác, không có gì làm cho bà vừa lòng cả, và nhất là bà lại hay ganh ghét Akiko vì nàng luôn luôn tươi cười, mặc dù nàng đã chịu đựng bà dì ghẻ hết mực. Cô gái càng lớn thì bà ta càng bắt cô làm nhiều công việc nặng nhọc, càng ngày bà ta càng đổ hết công việc nhà lên đầu cô. Bà dì ghẻ chỉ có việc ra lệnh, rồi ngồi chơi, nhàn rỗi, thế mà tối lại bà ta còn nói với chồng là Akiko lười biếng không chịu làm việc. Khi nghe thế ông chồng lại la mắng Akiko đến nỗi nàng phải khóc. Nhưng sáng mai, nàng lại vui vẻ và chăm lo làm việc lại. Nàng làm việc rất nhanh nhẹn, và gia nhân không ai nghe nàng than vãn một tiếng. Akikô đối xử rất dễ thương với mọi người vì cô biết thế nào là sự bất công, vì chính cô đã trải qua kinh nghiệm này rồi, cô lại còn rất tốt bụng với các nhà sư khất thực và những người ăn xin mà cô gặp trên đường làng: không ai vào vào nhà cô mà khi đi ra không có gì trong tay, thỉnh thoảng cô lại còn dúi vào tay những người học việc một đồng tiền, số tiền cô lo việc nội trợ còn dư. Mọi người thương mến Akikô. Khi tiếng hát vui vẻ của cô cất lên trong nhà, là mọi người cảm thấy hưng phấn và họ làm công việc nhanh tay hơn, thế là công việc làm ăn của ông thợ rèn cũng thêm phát đạt.

Thế nhưng, thái độ của cô gái làm cho bà mẹ ghẻ không vui lòng. Không có tội nào là bà ta không phàn nàn rằng: "Nó nói chuyện với bất kỳ ai, không ra vẻ con gái một gia đình gia giáo, nó sẽ làm cho ông mất hết khách hàng đấy!"

Hay là bà ta nói: "Nếu cứ tiếp tục làm ăn như thế này, chúng ta sẽ đi đến chỗ sạt nghiệp mất thôi. Nếu em mà không để mất canh chừng là nó sẽ đem hết tất cả những gì nó có cho người ta hết thôi, tiêu pha tiền thì nó biết cách tiêu lắm, nhưng còn làm ra tiền thì nó không lo lắng gì hết. Nếu cứ tiếp tục như thế này thì có ngày chúng ta sẽ đi đến chỗ ăn mày thôi. Khi ấy thì ông sẽ thấy lòng tốt của con gái ông dẫn chúng ta đến đâu."

Ngày nào bà ta cũng vu khống Akikô như thế, mãi cuối cùng người cha cũng tin. Ông ta làm việc cực nhọc mới có tiền, nên ông không muốn phung phí tiền bạc. Không bao giờ Akikô biện bạch trước những lời vu khống của bà đi ghẻ hết, cô chỉ buồn bã cúi đầu rồi lau nước mắt. Nhưng sáng hôm sau cả nhà lại nghe tiếng hát của cô vang lên.



Người cha nghe cô hát hò như thế ông nhủ thầm:

- Khuyên bảo dặn dò mấy nó cũng không xem ra gì. - Và với thời gian, lòng ông trở nên đành thép với con. Cho tới lúc ngày cuối năm đến, trước thềm năm mới bà đi ghe khóc lóc than phiền rằng Akikô định mang điều bất hạnh đến cho gia đình, bà ta nói rằng Akikô làm bánh cổ truyền cúng tết mà không làm bằng gạo nếp ngon lại làm bằng nếp gạo dự trữ lâu ngày còn lại, như thế là xúc phạm đến thần tài, người cha tức giận đuổi Akikô ra khỏi nhà.

Akikô buồn bã đi khắp làng. Khắp nơi người ta chuẩn bị đón năm mới, không ai để ý đến gia đình ông thợ rèn vốn lúc nào cũng vui vẻ. Akikô thẳng đường sang làng kế bên. Cô lạnh và đói. Ước gì cô tìm được nhà nào để vào giúp việc kiếm miếng ăn và chỗ ở qua đêm, nhưng nơi nào người ta cũng lạnh lùng đóng cửa lại, không cho cô vào.

Akikô quá yếu, không đi được nữa cô bèn gõ cửa một quán trọ gọi một tách trà nóng.

- Thưa ông chủ quán tôi không có tiền, nhưng tôi xin để cái áo độn bông này để cầm nợ, xin ông cho tôi cái gì nóng để ăn cho ấm.

- Dễ dàng thế, - chủ quán đáp. - Bất kỳ ai đến cũng làm như thế được à? Tôi cho cô ăn rồi sau đó chẳng ai cho tôi cái gì để lấy cái áo của cô hết. Không được, cô đưa áo đây để tôi sai người đi bán cho, rồi sau đó hãy hay.

Akikô cởi chiếc áo khoác ra và ở trước nhà ngồi đợi, trên người chỉ mặc cái áo kimono mỏng manh. Chủ quán sai người đi bán áo còn Akikô ngồi đợi anh ta đem tiền về, người run cầm cập vì lạnh.

Cô ngồi đấy thật lâu, khổ sở vì đói, lạnh.

“Khi anh ta đem tiền về, mình sẽ ăn cái gì cho ấm, chắc cũng còn chút tiền để lên đường. Có lẽ mình sẽ tìm được người nào đó có lòng từ tâm cho mình công việc để làm và cho mình chỗ trú chân”, nàng tự nhủ thầm như thế. “Chắc mình bị gian khổ như thế này

cũng không lâu đâu; thế nào cha mình cũng biết lỗi và gọi mình về, vì trên đời này không thể có một chuyện bất công như thế.”

Akikô đợi thật lâu, khách đi vào rồi đi ra, người giúp việc và gia công ra vào tấp nập, nhưng không ai để ý cô gái ngồi trên ngưỡng cửa hết. Cuối cùng không chịu nổi đói và lạnh, Akikô rút rề gọi chủ quán. Chủ quán liền nạt cô một trận:

- Dừng quấy rầy tao chứ, đồ khố rách áo ôm! Đang còn nhỏ mà đã lang thang ngoài đường! Hãy đi khỏi đây ngay, mày làm tao mất khách hết!

Giọng run run, Akikô nhắc lại chuyện cái áo khoác mà mình đã đưa cho gã bán.

- Đây là cái áo khoác còn tốt, nó sẽ đem lại cho ông nhiều tiền hơn một bữa cơm cá và một tách trà ông dọn cho tôi mà.

- Ha ha, nó còn dám nói là đã đưa cho tôi cái áo khoác nữa chứ, - chủ quán nói lớn rồi cười khinh bỉ, một cái áo khoác đẹp đáng giá cả một gia tài! Ha ha, sao mày không nói với tao là mày đã gởi cho tao một cái ví đầy tiền luôn? Không nói bây giờ mày muốn lấy lại luôn? Quý vị có bao giờ nghe ai ăn nói hỗn xược thế này không. Tôi mà đi bán áo khoác cho một con ăn mày! Nếu mày có một cái áo khoác đẹp, thì bây giờ mày thích ở nhà chứ đâu chạy lang thang như thế này!

Chủ quán la to đến nỗi khách trong quán chạy ra để nhạo báng cô gái tội nghiệp.

Akikô khóc, cô đói và lạnh khủng khiếp, nhưng không có gì nhục nhã hơn khi nghe những lời quát mắng bất công bỉ ổi như thế này.

- Này cho mày cái này đây, - chủ quán nói rồi ném cho cô một miếng bánh cứng và một cái bị rách tươm.- Để cho mày thấy tao nhân từ như thế nào và nhân ngày tết tao không muốn ai vào quán mà khi ra không có một cái gì, ngay cả một con ăn mày xấc láo như mày, bây giờ thì cút đi không tao thả chó ra đấy.

Akikô mang cái bị rách lên vai, mặt đỏ như vì xấu hổ, cô chạy đi trước những tràng cười chế nhạo của thực khách. Cô chỉ còn có một ý nghĩ duy nhất trong đầu là bỏ đi! Cô chỉ dừng lại khi đến bìa rừng. Tuyết bắt đầu rơi, Akikô không biết mình đang ở đâu và sẽ đi đâu. Quá thất vọng cô tự nhủ:

- Thế giới này không dành cho ta cái gì tốt đẹp cả. Nếu mình phải chết đói chết lạnh đâu đó trên đường để làm đầu đề cho mọi người chế giễu, thì ta thà kết liễu đời mình cho rồi. Mình sẽ vào rừng để cho chó sói ăn thịt thôi.

Cô muốn thực hiện ngay ý định rừng rợn này nên liền rời đường mòn và đi vào trong đêm tối của rừng già.

- Trong núi có rất nhiều chó sói, và mùa đông chúng thường đói meo. Chắc chúng sẽ nhai xác ta trong nháy mắt, làm ta hết đau khổ liền. Cô vừa đi vừa tự nhủ.

Lòng giao động trước những ý nghĩ ấy, cô đi ra một khoảng trống nhỏ giữa rừng, ngồi xuống một viên đá để đợi chó sói đến. Đêm tối dần, tuyết càng lúc càng rơi nhiều, rừng im lặng, không một ngọn lá lung lay.

- Có lẽ đây không phải là chỗ chó sói đến,- Akikô tự nhủ vì cô không thấy bóng dáng chó sói đâu hết. - Mình chưa bao giờ vào rừng nên không biết chỗ nào có chó sói, mình phải đi tìm chúng thôi.

Cô đứng lên, tiếp tục đi. Cô vạch một con đường đi băng qua đám bụi cây rậm rạp, đi theo những con đường vắng vẻ cheo leo, vừa đi vừa gọi : “Sói ơi, hãy mau đến mà ăn tao, tao không muốn sống nữa”.

Cô đi bất định như thế thật lâu, bỗng cô nghe có tiếng cành cây gãy rắc rắc trong bụi rậm bên đường. Bụi cây mở ra, một con sói khổng lồ màu tím, hai mắt to đỏ lử nháy ra giữa đường, nó rạp mình tới như để lấy đà để nhảy tới, nhe hai hàm răng sắc nhọn ra nhìn chằm chằm vào Akikô.

Cô dừng lại ngay, đứng lặng im. Bảy giờ cô mới thấy những cái rắng sắc nhọn, cảm thấy hơi thở nóng hổi của con sói, cô hoảng sợ, nhưng cô cũng nhớ đến những nỗi nhục nhã mà con người gây ra cho mình, nhớ đến cảnh bất công mà cô đã chịu đựng, nghĩ đến cảnh đói khát đang rình rập mình, cô bèn quyết định đứng yên như thế.

Cô nhìn con chó sói, hoảng sợ, nhưng lấy hết can đảm nói với nó:

- Mày hãy ăn tao đi! Mọi người đối xử với tao chẳng tốt đẹp gì đâu.

Con sói nằm rạp mình xuống thêm nữa, nheo hai mắt nhìn chòng chọc vào Akikô. Bỗng nó ngồi xuống trên hai chân sau và bằng giọng hiền hòa nói với cô, thật hoàn toàn bất ngờ:

- Không, tôi không ăn cô đâu. Tôi không ăn thịt người, ít ra là những người chân thật. Mà cô quả là một người chân thật, nỗi bất hạnh của cô là do cô không có khả năng nhận ra những người chân chính. Cô quá tin người. Nhưng, để tôi giúp cô.

Nói xong, nó khéo léo nhổ hai sợi lông mi của mình rồi đưa cho Akikô và nói:

- Khi cô muốn biết người đứng trước mặt mình ra sao, cô để hai sợi lông mi này trước mắt và nhìn cho kỹ. Lập tức cô sẽ biết ai là người đáng tin cậy, cô chỉ tin những người nào không thay đổi hình dạng sau khi cô nhìn thật kỹ qua hai sợi lông mi này. Chính với con người ấy cô mới tìm được hạnh phúc, còn những người khác thì cô đừng tin tưởng, cho dù họ có làm bộ mặt dễ thương với cô đi nữa!

Akikô ngạc nhiên, cô cảm ơn con sói rồi quay trở về, vì quá ngạc nhiên nên cô quên cả đói lạnh, chẳng bao lâu sau cô ra khỏi rừng và đi vào một phố nhỏ.

Akikô đứng ở một ngã tư đường; chung quanh cô rất đông người. Nhiều người mang giỏ hay bồ túi trên lưng, người thì dẫn ngựa ra chợ, kẻ khác lại mang thực phẩm đi về nhà, có rất nhiều bà trang điểm đẹp đẽ và cũng có rất nhiều ông mặt mày trang nghiêm cao quý. Tất cả đều có vẻ hân hoan thật thà. Làm sao cô không tin vào



những người đàn ông này cho được? Akikô liền muốn thực hiện lời khuyên của con sói xem sao, cô bèn để hai sợi lông mi của con sói ra trước mắt để nhìn người qua lại. Cô ngạc nhiên biết bao khi thấy những người dân thành phố trông chân thật, cao quý đều biến dạng! Người đàn bà giàu có, cao quý, mặc toàn tơ lụa đang đi giữa đám gia nhân và một bà dạy trẻ tay dắt một bé gái; trên chiếc áo kimono bằng lụa của người đàn bà giàu có lòi lên chiếc đầu của một con gà trống mổ tứ tung như đang đói lắm, đầu của bà dạy trẻ thì biến thành cái đầu cá, còn gia nhân thì toàn là đầu chuột và đầu gà mái. Xa hơn tí nữa một ông công chức đi với đoàn tùy tùng, trên cái cổ cứng của bộ kimono mặc vào các dịp lễ, thò ra cái đầu heo, đầu heo có vẻ kiêu hãnh lắm. Trên một con đường bên cạnh, một thương gia đang đi đến gần ngã tư, ông ta mang một cái đầu cáo, cặp mắt tí hí của ông nhìn quanh, ánh mắt mưu mô xảo quyệt. Akikô nhìn quanh thật kỹ, đầu đầu cô cũng thấy những cái đầu thú vật gắn trên thân thể mặc áo quần cũ vá chằng vá đụp. Cô không thấy nơi nào có mặt người hết!

Akikô cảm thấy buồn bã quá, thì ra cả thế giới loài người đều như thế này ư? Chẳng lẽ khắp thành phố không có được một người chân chính hay sao?

Sắp hết hy vọng thì bỗng cô thấy một anh chàng bán than, áo quần nghèo nàn mang trên lưng một bó than thật lớn. Anh đi chậm rãi về phía ngã tư, nhìn anh thì biết anh đã đi một đoạn đường xa đến. Ngần ngại Akikô đưa sợi lông mi sói lên lần nữa. Lần này thì cô sắp thấy một con thú gì thay cho một mặt người đáng tin cậy đây? Cô chăm chú nhìn nhưng chàng bán than không thay đổi. Cô quay qua quay lại sợi lông mi, nhìn thật kỹ, chàng bán than vẫn giữ cái đầu người xinh đẹp trên mình.

Akikô sung sướng; nhưng làm sao đến gần người lạ được? Anh ta sẽ nghĩ gì về cô? Cô quyết định bí mật đi theo, thế nào cô cũng biết được chỗ ở của anh ta và trên đường đi có lẽ cô sẽ nghĩ ra cách gì để làm quen với anh.

Đến chợ, chàng bán than đổi than lấy trà, gạo và muối. Rồi không nghĩ chân, anh quay bước về phía núi. Akikô đi theo anh một đoạn khá dài, cô không để mất bóng anh, chàng bán than đi nhanh khiến cô đi theo rất vất vả. Họ đi đến gần ruộng lúa rồi đi đến một con đường mòn dẫn vào rừng. Đến đây, chàng bán than mất dạng. Anh ta trẻ, khỏe mạnh, còn Akikô yếu vì đói khát và vì cô đã đi quá nhiều rồi. Nhưng may thay cô thấy từ xa xa có khói bay lên, có lẽ đấy là chỗ anh đốt củi để lấy than. Cô theo hướng cột khói mà đi tới, rồi sau một hồi, cô thấy giữa khoảng trống trong rừng, bên cạnh đồng than là một túp lều nhỏ.

Akikô đi thẳng tới, cô nhìn vào trong nhà. Không có ai hết, nhưng trên đồng lửa, cô thấy một cái ấm nước. Anh chàng bán than chắc không đi đâu xa. Akikô thấy mệt mỏi, cô ngồi xuống bên ngưỡng cửa để đợi anh ta. Một lát sau, chàng bán than từ trong rừng đi ra, anh dừng lại một lát trước mặt cô gái rồi nói:

- Này ma, cô theo tôi đến tận đây ư? Cô hãy đi đi, nhà tôi không có gì đâu.

Akikô đứng lên, kính cẩn chào chàng bán than, cô quả quyết với anh cô không phải là ma, mà là người thật sự, cuối cùng anh chàng bán than tin cô.

- Tôi thấy cô theo tôi từ ngoài phố. Vì vậy nên tôi đã đi nhanh lên, thế mà cô cũng theo tôi đến đây được. Tôi nghĩ chắc cô là ma, vì một cô gái không bao giờ quen thói đi một mình trong rừng như thế. Cũng vì thế mà tôi không ở trong nhà, và tôi nghĩ rằng nếu ma đến đây không thấy tôi chắc nó sẽ đi thôi. Nhưng cô hãy cho tôi biết cô làm gì trong rừng như thế này? Cô có vẻ không phải là gái lang thang. Theo tôi thì ít ra cô cũng đã được sống trong cảnh sung túc, mới gần đây thôi chứ không lâu.

Akikô kể cho anh nghe chuyện bà dì ghẻ ác độc và chuyện bất công của cha, chuyện cha cô đã đuổi cô ra khỏi nhà vào đêm giao thừa. Cô cũng kể cho anh nghe chuyện cô muốn cho chó sói ăn

thịt. Cuối cùng, cô hỏi anh chàng bán than có muốn cho cô ở lại với anh không.

- Tôi biết nấu nướng và tôi sẽ chăm lo việc nội trợ cho anh. Tôi chắc anh sẽ hài lòng về tôi .

- Tôi thì chắc chắn sẽ hài lòng rồi, nhưng không biết cô có bằng lòng ở nhà tôi không. Tôi chỉ là một tên bán than tầm thường, phải lao động vất vả mới đủ nuôi thân. Nhà tôi không như ở các nhà giàu có đâu.

Akikô không cần sống xa hoa. Cô sung sướng khi tìm được mái nhà để nương thân, cho nên ước ao duy nhất của cô là được ở lại nhà chàng bán than. Trước khi bước vào trong túp lều, cô nhìn xuống hai bàn chân mình, hai bàn chân dơ bẩn vì đi xa. Không, cô không thể vào nhà với hai bàn chân như thế này, cô hỏi anh chỗ rửa chân ở đâu.

-Phía sau lò đốt than, ở bên kia rừng, có con suối đấy. – Anh bán than nói.

Con suối chất đầy gỗ. Akikô cúi xuống rửa, cô thấy nước lóng lánh như có ánh mặt trời chiếu xuống .

- Nhưng trời tối rồi thì làm gì có ánh mặt trời chiếu xuống đây nhỉ?

Akikô tự hỏi và cúi nhìn gần hơn. Ở dưới đáy suối có nhiều đá và những hòn đá này đã chiếu sáng lên mặt nước. Akikô lấy lên một viên đá và xem thật kĩ. Rồi cô rửa chân, mặc dù cô thấy xấu hổ khi nhúng tay chân vào trong nước suối vàng này. Sau đó, cô cúi người uống nước chảy từ trong núi đá ra trên một ống tre .

- Chắc anh chàng đốt than đến lấy nước ở đây để nấu ăn chứ gì, - cô tự nhủ. Bỗng cô không uống, vẻ ngạc nhiên. Đây không phải là nước chảy trên ống tre, mà là rượu xa kê ngon nhất. Akikô lấy một viên đá vàng, chạy nhanh về lều. Cô hỏi chàng đốt than:

- Anh có biết đây là đá gì không?

- Thì là đá bình thường chứ đá gì. Trong suối và quanh đấy có nhiều lắm. Đá rất đẹp, cô cứ xem nó óng ánh thì thấy. Ngay khi đã khô, chúng cũng óng ánh như thế, - chàng đốt than bình tĩnh nói. - Cô hãy nhìn xem kia, tôi có trang hoàng ở lò sưởi đấy, và nếu cô muốn, tôi có thể lát trên đường ra suối cho cô đi nếu có đủ.

- Không phải đá thường đâu mà là vàng nguyên chất đấy, - Akikô nói cho anh biết. - Ở phố người ta sẽ đổi cho anh bất cứ thứ gì anh muốn, và anh khỏi cần làm việc cực nhọc mà vẫn sống thanh thoi.

- Người ta có thể đổi gạo cho tôi để lấy đá này à? Chắc cô mệt quá quần trí rồi. Họ đổi than thì có, đúng vậy với than thì người ta sẽ đổi cái gì tôi cần, nhưng với điều kiện là tôi có nhiều. Chàng đốt than vẫn bình tĩnh nói tiếp.

- Thế anh biết nước chảy trên ống tre từ nguồn ra là nước gì không?

- Mà có chuyện gì xảy ra cho cô thế? - Chàng bán than cầu nhàu. - Chỉ là nước tinh khiết thôi, tôi đã uống nước này nhiều năm mà chẳng có gì xảy ra hết.

Akikô không nín được cười, cô vui vẻ trở lại:

- Nước tinh khiết! Anh không biết đây là rượu xa kê hảo hạng, loại tôi chưa bao giờ được uống ư?

Rồi cô giải thích cho chàng bán than biết anh đang ở giữa một kho tàng quý báu như thế nào.

- Ngày mai chúng ta sẽ đem vàng ra phố đổi lấy tiền bạc. Rồi ta gọi thợ đến, chúng ta sẽ xây một quán trọ gần suối xa-kê này. Anh sẽ kinh ngạc vô cùng trước việc làm ăn của chúng ta.

Chàng đốt than không tin tưởng gì hết, nhưng thấy Akikô hết buồn và hết mệt, nên anh không muốn làm cho cô bất bình. Ngày mai, họ đem vàng ra phố. Rồi sau một thời gian quán trọ “Lò Than Tắt” mọc lên giữa rừng.

Chẳng bao lâu, nhờ có rượu xa-kê ngon và bà chủ quán dễ thương mà quán trở nên nổi tiếng khắp các vùng quanh đây. Rồi xa gần khắp nơi, các thương gia và các võ sĩ đều rất thích đến nghỉ ngơi ở quán trọ. Có lần, quan đầu tỉnh cũng đến ở lại để uống rượu ngon chảy từ núi đá ra; rượu làm cho ngài thích thú vô cùng; kể từ đó, ngài cho đem rượu vào dinh để uống, và ngài không còn uống rượu xa-kê nào khác nữa.

Khu rừng trống giờ đây trở nên náo nhiệt, sau những khách danh tiếng là những khách bình thường ào đến, rồi cuối cùng những kẻ lang thang, những nhà sư, ăn mày nam nữ, nhưng bà chủ quán lúc nào cũng tươi cười với mọi người.

Nhưng trong thời gian này, có chuyện gì lạ xảy ra ở làng cũ của Akikô không?

Khi người cha đã đuổi đứa con gái đi rồi bà đi ghê rất hài lòng. Thế nhưng, từ đấy về sau bà ta phải một mình lo công việc nhà, cho nên sau một thời gian ngắn bà ta lại bất bình và gắt gỏng như trước. Tình trạng này kéo dài cho đến khi lương tâm bà cắn rứt đến chết. Người cha cũng không hơn bà đi ghê. Tất cả đều như bị ma ám. Những lỗi lầm của ông trước đây bị làng trên xã dưới nhắc đến, khiến cho công việc làm ăn của ông lụn bại. Ông muốn rèn cái riu tốt thì nó lại thành xấu. Ông có la mắng hay đuổi những người học việc cũng vô ích. Xưởng thợ ngày càng xuống dốc, rồi cuối cùng, ông không còn cách nào hơn là đi ăn mày. Thế là lời bà đi ghê tiên đoán trở thành sự thật, nhưng lại theo một lý do khác.

Một hôm người thợ rèn già cùng những người ăn mày khác đến quán trọ “Lò Than Tắt”. Ông không nhớ con gái nhưng ông ngạc nhiên ở chỗ thay vì người ta chửi mắng bọn ăn mày khi cho ăn, thì ở đây người ta lại cho ăn súp thật béo, hơn nữa còn cho thêm một chén rượu xa-kê hảo hạng. Lòng thương người đối với giới ăn mày ở đây làm cho ông càng nhớ đến con gái dễ thương và có lòng nhân ái y như bà chủ quán trọ này. Chính lúc đó ông mới thấy cái

từ “dễ thương” có ý nghĩa với một người đàn ông nghèo nàn mệt nhọc và đang gặp cảnh khốn cùng như thế nào, và ông hối hận vì đã hành động một cách thiếu suy nghĩ.

- Akikô khốn khổ của tôi ơi, nó đã ra sao rồi? Có phải nó cũng đi lang thang khắp nơi ăn xin khốn khổ như ta, hay là nó đã chết rồi không biết? Ông già thở dài, nước mắt chảy ròng ròng xuống má.

Akikô phục vụ khách không xa những người ăn mày, nhưng vì tình cảm sâu đậm đã đưa cô đến chỗ những người nghèo khổ rách rưới này. Nhất là người ăn mày già mà cô thấy quen quen - cuối cùng cô cũng nhận ra cha mình. Cô ngần ngại một hồi lâu không dám đến nhận ông, vì cô cứ nghĩ đến những nỗi khổ trước đây của mình, nghĩ đến nhữnh lời ác độc mà cha đã nói khi đuổi cô ra khỏi nhà. Nhưng, khi thấy nước mắt hối hận của ông già rơi xuống vì nhớ con, cô lại quên hết lỗi lầm của cha, và cô đến gần ông, nói:

- Cha, cha đừng khóc nữa. Con là Akikô của cha đây.

Akikô, con gái của ta, ông thợ rèn khóc nức nở. - Con thấy trời đã trừng phạt cha vì tội bất công với con ra sao rồi!

Akikô gọi chồng ra, rồi cả ba đều khóc, kể chuyện cho nhau nghe.

Ông già thợ rèn ở lại sống với con gái và con rể, họ sống hạnh phúc sung sướng. Và sau này, ông già thường kể cho các cháu nghe chuyện của ba mẹ chúng và quán trọ “Lò Than Tắt”.

Ông già làm cây nở hoa

 dưới chân ngọn núi nọ, có một con sông nhỏ uốn khúc chảy qua. Tại đây có hai gia đình sống cạnh nhau đã lâu đời lắm rồi. Một gia đình ở thượng nguồn và một gia đình ở hạ nguồn, do đó, người ta gọi họ là gia đình ở trên và gia đình ở dưới. Họ không còn trẻ nữa, và hai bà vợ cũng đã già khụ rồi. Điều khác biệt duy nhất ở hai gia đình này là tính tình: gia đình ở trên thì ác độc, đố kỵ, còn gia đình ở dưới thì dễ thương và sẵn sàng chia sẻ đến hạt gạo cuối cùng để giúp đỡ bất cứ ai.

Một hôm, hai nhà đều đi bủa lưới bắt cá ở dưới sông. Hôm sau, từ lúc trời chưa sáng người ở trên đã nôn nóng đi xem lưới có cá không. Ông quá thất vọng vì trong lưới chỉ có cành và rễ cây do dòng nước đẩy vào mà thôi. Vì bản tính đố kỵ, nên lão xem thử người hàng xóm có gặp cảnh rủi ro như mình không. Nhưng khi nhìn vào lưới của người ở dưới, lão ta tái mặt vì ghen ghét, trong lưới của ông này có rất nhiều cá. Lão ở trên giận dữ, thả hết cá ra rồi bó vào lưới một khúc gỗ lão ta lấy ở nhà đem đến.

Khi mặt trời mọc, người ở dưới đi xem lưới. Khi thấy trong lưới có một vật lạ, ông ta cũng không tỏ ra thất vọng chút nào mà trái lại còn hài lòng và tự nhủ:

- Ít ra thì hôm nay ta khỏi phải vào rừng để kiếm củi. Ông ta lấy khúc gỗ ra và đem phơi khô dưới nắng.

Khi khúc gỗ khô. Ông già đem rìu ra bửa. Ông thấy khúc gỗ là một cái rễ dương rất cứng và có hình dạng kỳ lạ. Ông tự nhủ:

- Trong lúc còn khỏe, ta phải bửa khúc củi này cho rồi, vì bửa một cái rễ dương như thế này không phải là chuyện dễ.

Ông để cái rễ trên mặt đất, rồi ngấm nhìn xem phải bửa như thế nào mới được. Rồi ông bửa thử một nhát, lạ lùng thay, cái rìu vừa chạm vào, rễ cây liền vỡ ra làm hai, và điều kỳ lạ hơn nữa là ở chỗ vỡ, một con chó con trắng dễ thương bước ra. Ông già không tin vào mắt mình, nhưng quả thực đây là một con chó còn sống, và nó đang sủa nho nhỏ mừng rỡ với ông.

Ông già gọi vợ ra để chỉ cho vợ thấy điều huyền diệu này.

Bà vợ cũng ngạc nhiên vô cùng, và ông chồng nói:

- Cái rễ cây này đã sinh ra một con chó con. Chúng ta phải làm gì bây giờ?



- Con chó đẹp quá, - bà già đáp – chúng ta nuôi nó đi. Mình không có con thì nuôi con chó này vậy.

Bà ẵm con chó vào lòng đem vào nhà và nấu cháo nếp cho nó ăn. Chó con sống ở nhà hai vợ chồng già không thiếu gì hết. Hai người cho nó ăn thức ăn thừa, cho nên sau một thời gian ngắn, nó lớn như thổi, thành một con chó lớn có bộ lông màu trắng và cặp mắt thông minh.

Một buổi sáng khi ông già sắp sửa ra đồng thì bỗng con chó đến đứng trước mặt ông, rồi nói bằng giọng người:

- Ông nội, ông nội ơi, hôm nay ông đừng ra đồng nữa. Ông buộc cái giỏ lên lưng cháu, rồi lấy cái cuốc để chúng ta vào rừng đi.

Ông già rất ngạc nhiên, bèn gọi vợ, ra nói:

- Bà nghe không, con chó biết nói! Nó bảo tôi đi với nó vào rừng.

Bà già đáp:

- Ủ, nếu ông và nó muốn vào rừng thì để tôi bới cơm theo cho mà ăn. - Nói xong, bà vào bếp, gói mấy vắt cơm cho ông. Ông già buộc cái giỏ trên lưng con chó, vác theo cây cuốc và lấy thức ăn, rồi cùng con chó lên đường.

Một lát sau, con chó dừng lại và nói với ông:

- Ông nội ơi, ông nội, ông để cuốc và thức ăn vào giỏ để cháu mang cho.

- Mày thật dễ thương, chó à, mày muốn giúp tao thì tốt, nhưng mày mang thế nặng lắm.

- Không nặng đâu, ông nội. Cháu lớn rồi, và ông đã nuôi cháu quá đầy đủ, nên cháu khỏe lắm. Cứ để cháu mang cuốc và thức ăn cho.

Ông già làm theo lời nó, để cuốc và thức ăn vào giỏ rồi tiếp tục đi.

Đến bìa rừng, cả hai dừng lại. Ông già mở cái bị, lấy thức ăn chia làm hai phần bằng nhau, đưa cho chó một phần. Sau khi ăn uống xong, cả hai nghỉ ngơi một chút rồi lại lên đường.

Con chó dẫn ông đi theo những con đường nhỏ, và leo lên cao mãi. Khi lên đến lưng chừng núi, ông già quá mệt nên đi càng lúc càng chậm lại. Con chó liền dừng lại và nói:

- Ông nội, ngồi lên lưng cháu, để cháu cõng ông đi.

- Thôi, chó ơi. Ta nặng lắm, mày sẽ gãy lưng đấy, - ông già đáp.

- Không sao đâu, ông ơi. Cháu đã thành con chó lớn, khỏe mạnh vững vàng lắm. Ông cho cháu ăn uống đầy đủ, nên cháu rất khỏe. Ông cứ ngồi cho yên trên lưng cháu chỉ một lát nữa là đến thôi.

Ông già quả thật đã quá mệt, ông liền ngồi lên lưng chó. Ông nín cái gió thật chắc để cho nó cõng đi, con chó đi nhẹ nhàng như cõng cái lông.

Một lát sau, cả hai lên đến một khoảng trống trên đỉnh núi. Con chó nhìn quanh, rồi chạy từ gốc cây này đến gốc cây khác, ngửi, đánh hơi ở dưới đất và dừng lại dưới gốc một cây thích lớn, nó nói với ông già:

- Ông nội ơi, ông nội, ông lấy cuốc đào chỗ này đi! Ông già lấy cuốc đào chỗ con chó chỉ. Chẳng mấy chốc, cái cuốc chạm phải vật gì cứng. Ông già đào tiếp một cách cẩn thận, bới đất ra, ông thấy một cái hũ lớn đựng đầy tiền vàng.

Lạ lùng biết bao! Ông già vuốt ve con chó, lòng biết ơn nó vô cùng, vì từ nay cho đến chết, ông không phải chịu cảnh nghèo khổ nữa. Rồi, ông để cái hũ vàng vào giỏ, tọng thêm cái cuốc vào đấy nữa, ông hôn hờ cùng con chó đi về nhà. Bà già cũng vui mừng vô cùng. Bà cảm ơn con chó rồi nhanh nhẹn chuẩn bị một bữa ăn ngon cho ông già và con chó ăn kéo dài sau một ngày quá cực nhọc.

Trong lúc đó, ông già để tiền vàng lên chiếu để đếm .

Ông đếm, đếm mãi, chưa được nửa đồng tiền thì bà hàng xóm đến xin lửa để đem về nhóm bếp. Nhìn thấy đồng tiền vàng, bà ta tròn xoe mắt ngạc nhiên, thèm khát, bà liền hỏi hai ông bà già làm sao có được nhiều vàng như thế.



Ông già kể chuyện thật cho bà ta nghe: nhờ con chó giúp đỡ mà họ có cả kho vàng này. Ông vừa kể xong, bà ta liền chạy về nhà báo tin cho chồng.

- Họ may mắn quá, - bà ta thở dài than thở - Ông hãy đến mượn con chó của họ một hôm để nhờ nó chỉ cho một kho vàng như thế.

- Ý kiến thật hay! - người chồng đáp. Thế là sáng hôm sau, lão ta đến nhà ông già hàng xóm mượn chó, ông ta sẵn sàng cho mượn chó một ngày.

Vừa mang chó về nhà, lão già liền nói với vợ:

- Mau lên, làm cho tôi ít vắt cơm, tôi vào rừng ngay. Lão đi tìm cái giỏ, một sợi dây và một cái cuốc. Một lát sau, con chó chặn lão ta lại và nói

- Ông nội ơi, hôm nay đừng ra đồng, ông hãy buộc lên lưng tôi một cái giỏ, rồi vác cuốc theo tôi vào rừng .

- Tại sao mày biết tao mượn mày ?- Lão hàng xóm nói lớn -
Đương nhiên là chúng ta vào rừng .

Lão buộc giỏ lên lưng con chó, để cuốc vào giỏ, để thức ăn, rồi không đợi mời, lão tót lên lưng con chó và nói lớn :

- Thôi, chạy đi, kéo mất thì giờ .

Con chó đi theo đường hôm qua. Nhưng con đường đối với người hàng xóm ở trên có vẻ dài quá, cho nên để giết thì giờ, lão ăn hết vắt cơm này rồi đến vắt cơm khác. Lão không cho con chó vắt nào hết, thế mà lão không ngừng thúc con chó đi nhanh lên. Đi đến bìa rừng , con chó dừng lại như nó đã dừng vào hôm trước. Lão hàng xóm bước xuống, nhìn quanh và nồn nóng hổi chó lão phải đào ở đâu. Nhưng con chó cứ lặng thinh. Người hàng xóm ở trên bèn đi từ gốc cây này đến gốc cây khác, lão hỏi :

- Đâu, nói cho tao biết phải đào ở đâu, ở đây hay ở đó, hay ở đằng kia?

Đến khi ấy chó mới đáp:

- Ờ, ở đằng kia.

Người hàng xóm ở phía trên liền lấy cuốc, cuốc như điên. Và quả đúng là sau một hồi lâu, cuốc lão va phải cái gì cứng. Nhưng lão chỉ moi lên được cái bình đất bể đựng đầy rác rưởi.

Người hàng xóm ở trên liền nổi giận, lão nói:

- Con vật khốn nạn, mày dám lừa tao hả! Được rồi để tao cho mày một bài học vì dám trêu chọc người ta! – Nói xong, lão ném cái cuốc vào con chó khiến nó chết ngay tức khắc. Rồi lão về nhà như không có chuyện gì xảy ra.

Hôm sau, người hàng xóm ở dưới muốn lấy lại con chó, lão ở trên bèn nói:

- Con vật ghê tởm ấy nằm ở bìa rừng. Nó lừa tôi, tôi giết chết nó rồi. Người hàng xóm ở dưới khóc nức nở, lão vào bìa rừng đem xác con chó về nhà, chôn bên bờ sông, rồi trồng một cây dương lên mộ nó.

Từ ngày ấy, hai vợ chồng người hàng xóm ở dưới ngày nào cũng đến thăm mộ chó, than khóc vì đã mất một con chó có nghĩa. Và họ rất ngạc nhiên khi thấy cây dương đâm chồi mọc rễ và lớn rất nhanh, chỉ vào năm sau trên mộ chó đã có một cây dương to lớn uy nghi.

Vào một hôm mùa hè nóng nực, ông già đến ngồi dưới gốc cây dương, ông thường ngồi như thế, để ngắm nước chảy dưới sông và tưởng nhớ đến con chó trắng. Ông lắng nghe tiếng gió rì rào trong đám lá dương, đầu gục xuống ngực, thiu thiu ngủ, ông không ngủ lâu, nhưng ông đã mơ một giấc mơ. Trong giấc mơ, ông thấy con chó hiện ra và nói với ông:

- Ông nội ơi, ông nội, ông hãy làm theo lời cháu nói nghe. Ông lấy cửa ra cửa cây dương đi, rồi tìm khúc nào tốt, ông làm một cái cối mà giã gạo!

Nói xong, con chó biến mất và ông già tỉnh giấc. Ông chạy về nhà kể cho bà vợ nghe:

- Tôi vừa nằm mơ một giấc mơ thật kỳ lạ. Trong giấc mơ tôi thấy con chó hiện ra, nó bảo tôi cửa cây dương rồi tìm khúc gỗ nào tốt mà làm cái cối để giã gạo.

- Con chó đã muốn thế, thì ông cứ việc làm đi, - bà già khuyên.
- Làm thế ít ra ta cũng có được vật gì để làm kỷ niệm.

Ông già nghe lời vợ, hạ cây dương xuống. Cửa một khúc gỗ thật lớn và làm một cái cối thật đẹp. Khi làm xong, ông đem vào nhà bếp. Bà già bỏ vào cối một ít lúa vừa thu hoạch năm này và lấy chày để giã cho tróc vỏ lúa ra. Nhưng chuyện gì đã xảy ra. Mới giã một chày, lúa trong cối tăng gấp hai, đến chày thứ hai, số lúa lại tăng lên gấp bốn, chày thứ ba, tăng gấp tám và cứ mỗi chày là lúa lại tăng, tăng đầy cối, tràn ra đầy cả nhà bếp. Hai vợ chồng quá đôi vui mừng, vì họ đã có gạo ăn suốt mùa đông rồi.

Khi hai vợ chồng đang đổ lúa vào bao, thì bà hàng xóm ở phía trên đến để xin than đở về nhóm lửa. Quá kinh ngạc khi thấy nhiều lúa như thế, bà ta liền hỏi hai ông bà hàng xóm thu hoạch lúa ở đâu mà nhiều thế.

Hai vợ chồng thực tình kể ra cái cối thần kỳ do ông già làm ra, chuyện con chó muốn thế, muốn ông lấy cây dương trên mộ nó mà làm cối. Vừa nghe kể xong, bà ta quên mất mục đích xin lửa của mình, và không cần lửa than nữa, bà ta nhanh chân chạy về nhà báo cho chồng biết về chuyện cái cối thần kỳ này.

- Chúng ta cũng cần dự trữ một lượng lúa như thế để dành cho mùa đông. Nay ông, ngày mai ông xuống mượn cái cối ấy, chúng ta sẽ giã để tăng thêm lúa cho nhiều, sao cho đầy vừa là được, - bà già kể cho chồng xong rồi nói thế.

Ngày mai, ông chồng đi xuống nhà ông hàng xóm ở phía dưới để mượn cối. Người chủ cối bằng lòng liền, vì ông không có tính dố kỵ, ích kỷ. Ông hàng xóm phía trên đem cái cối về để trước cửa. Rồi

bà vợ bỏ vào một dúm lúa rồi giã. Nhưng bà ta giã một chày, cối lúa giã xuống còn một nửa; giã hai chày, số lúa còn một phần tư, và giã chày thứ ba, lúa còn lại một phần tám; và nếu bà hàng xóm này không dừng lại thì chắc lúa trong cối không còn lại hạt nào hết.

Ngày hôm sau, người hàng xóm đến lấy lại cái cối, nhưng người kia trả lời:

- Cái cối ấy ba lớp lấm, nó lừa tôi, ăn cắp lúa của tôi. Để trừng trị nó tôi đã chẻ ra và đốt rồi.

- Uống quá – ông ở dưới thối lên,- cái cối là vật kỷ niệm của con chó. Bác có còn giữ lại tro đó không? Tôi muốn hốt về để làm kỷ niệm

- Bác muốn hốt bao nhiêu thì hốt, -ông ở trên nói. – Tôi chẳng rảnh việc để đem đi đổ.

Ông ở dưới trải áo khoác ra, hốt tro vào đấy, chỉ hốt vừa đủ gói trong cái áo và cẩn thận đem về nhà. Khi ông ra ngoài vườn thì bỗng một cơn gió nổi lên, thổi tung số tro ít ỏi ấy. Tro bay khắp vườn, rơi xuống các lá cây trong vườn. Lập tức cây cối trong vườn đều nở hoa hết, mặc dù mới trước đó một chút thôi, cây nào cây nấy đều trụi hết lá vì trời đang tiết thu.

Ông hàng xóm phía dưới quá kinh ngạc, ông gọi vợ ra xem:

- Này bà ơi, mau ra xem, nhờ số tro của cái cối mà tôi đã làm cho cây nở hoa hết.

Bà già cảm ơn chồng và con chó rồi nói:

- Phái để cho nhà vua thấy cảnh đẹp rực rỡ này mới được, ông cũng biết ngài rất thích ngắm cảnh hoa đào nở, chắc nhà vua sẽ thích lắm.

Ông già tán thành ý kiến này ngay. Ông đổ hết số tro còn lại vào một túi vải rồi mang đến vườn thượng uyển. Ông leo lên cây, ngồi đấy để đợi nhà vua đến. Ông ngồi một lát liền có tiếng chân

ngựa đi tới và có tiếng người cười nói vui vẻ, nhà vua cùng đoàn tùy tùng đi tới. Khi đoàn người cưỡi ngựa đến gần cây ông già ngồi, nhà vua thấy ông, ngài bèn hỏi ông làm gì trên cây.

Ông già nghiêng người kính cẩn chào rồi đáp:

- Tôi là ông già làm cho cây nở hoa. Thưa bệ hạ, nếu bệ hạ muốn tôi xin làm cho vườn thượng uyển thành một bể hoa.

- Nhà ngươi làm cho cây nở hoa vào mùa thu à? – Vua ngạc nhiên hỏi. - Vậy ngươi hãy làm cho ta xem đi, ta rất muốn xem hoa nở.

Ông già liền mở cái túi ra, bốc một nắm tro và ném lên không trung. Lập tức cái cây nơi ông đang ngồi liền nở hoa.

- À, - nhà vua thốt lên, ngạc nhiên và sung sướng, quay qua khen ông già hết lời. Ông già ném thêm tro khắp tứ phía, và chỉ trong giây lát, cả khu vườn đều rực hoa.

- Thật là phép kỳ diệu, - nhà vua khen. - Khanh đã làm ta rất vui, để thưởng cho khanh đã làm vườn thượng uyển của ta đẹp như thế này, ta ban cho khanh chiếc long bào.

Nhà vua rất hài lòng, bèn sai người hầu vào cung điện tìm lấy chiếc áo lụa rất đẹp của ngài để ban cho ông già. Rồi ngài nhìn quanh khu vườn một lần nữa, chào ông già rất thân mật rồi tiếp tục đi.

Ông già liền mặc chiếc áo đẹp vào và ông không thể nào nhận ra mình nữa. Vải may áo quá đẹp! Ông nghĩ: “Chắc cái này có thể may thêm cho bà già một cái kimono nữa được đấy!” Ông bèn chạy nhanh về nhà đưa quà cho vợ xem.

Về trước nhà, ông gặp bà hàng xóm ở trên, lại một lần nữa, xuống xin lửa than để nhóm lò. Thấy người hàng xóm mặc long bào về nhà, bà ta hỏi ông kiếm áo ở đâu ra. Ông hàng xóm ở dưới kể chuyện làm cho cây trong vườn thượng uyển nở hoa nhờ tro của chiếc cối, nên được vua khen thưởng cho ông.

Bà hàng xóm ở trên quá kinh ngạc và vì quá tham lam, nên bà quên phứt chuyện xin lửa, chạy vội về nhà kể cho ông chồng nghe chuyện lạ lùng này.

Rồi bà nói với chồng.

- Chúng ta còn nhiều tro của cái cối đấy, ông hãy lấy một ít, đem đến vườn của công chúa, rải lên cây, nếu ông làm cho vườn của công chúa nở hoa, chắc thế nào công chúa cũng thưởng cho ông cái áo còn đẹp hơn thế nữa.

Ông hàng xóm phía trên tọng tro vào đầy túi xách rồi đi đến vườn của công chúa. Đến nơi, lão leo lên một cây đào cao nhất và ngồi đợi cho đến khi công chúa ra vườn. Lão không đợi lâu, chỉ một lát sau, công chúa từ trong cung ra vườn, theo nàng có nhiều cung nữ và các thái giám. Ra đến vườn, công chúa thấy ông già, hỏi ông làm gì ở đây.

Lão hàng xóm ở trên liền bỏ tay vào túi xách và nói:

- Tôi là ông già biết làm cho cây nở hoa. Tôi đến làm ra hoa để được thưởng áo đẹp!

Nói xong, lão lấy tro ném quanh người. Nhưng đào vẫn trụi lá như trước, và họa vô đơn chí, một ít tro lại bay vào mắt công chúa. Công chúa thét lên vì đau đớn và khiếp hãi, các thái giám hét vào mặt ông già:

- Ai cho phép người làm thế, người đã hại công chúa rồi!

Họ trói ông già lại bỏ vào tù, và vì từ lúc ấy cho đến nay, công chúa vẫn chưa bình phục, nên lão già vẫn phải ngồi trong tù.

Cái chuông mạ bạc

N gày xưa có một nhà sư già hiền từ trụ trì trong một ngôi chùa ở một thành phố nhỏ gần biển. Nhà sư thích nhất là được ngồi trên hành lang để ngắm sóng biển. Và để khỏi cảm thấy cô đơn, ông đã treo trên mái nhà một cái chuông nhỏ mạ bạc, cái chuông này được móc vào một bức tường bằng giấy, trên đó có viết một bài thơ tuyệt tác. Khi gió thổi vào bức tường lung lay, làm cho cái chuông phát ra tiếng kêu rất êm tai, mà gió ở đây thì không thiếu, gió biển luôn luôn thổi vào. Nhà sư già ngồi trên hành lang, ngắm biển, tai nghe tiếng chuông trong trẻo, êm ái, mỉm cười khoan khoái.

Cũng trong thành phố này có một ông được sĩ tên là Môhây (Mohei). Từ lâu, ông ta gặp nhiều chuyện xui xẻo. Bất cứ công việc gì ông ta đụng đến cũng đều thất bại, nên ông ta rất buồn, buồn đến độ không muốn làm gì hết. Quá buồn bực, một hôm ông lên đường đi thăm nhà sư già để xin lời khuyên. Khi thấy vị sư già ngồi thoải mái trên hành lang và đang nghe tiếng chuông êm ái, bỗng ông ta thức tỉnh, và nghĩ rằng nếu mình được ngồi trên hành lang và nghe tiếng chuông như thế này, thì chắc sẽ vui sướng vô cùng. Ông nghĩ một lát, rồi xin nhà sư cho mượn cái chuông một hôm thôi.

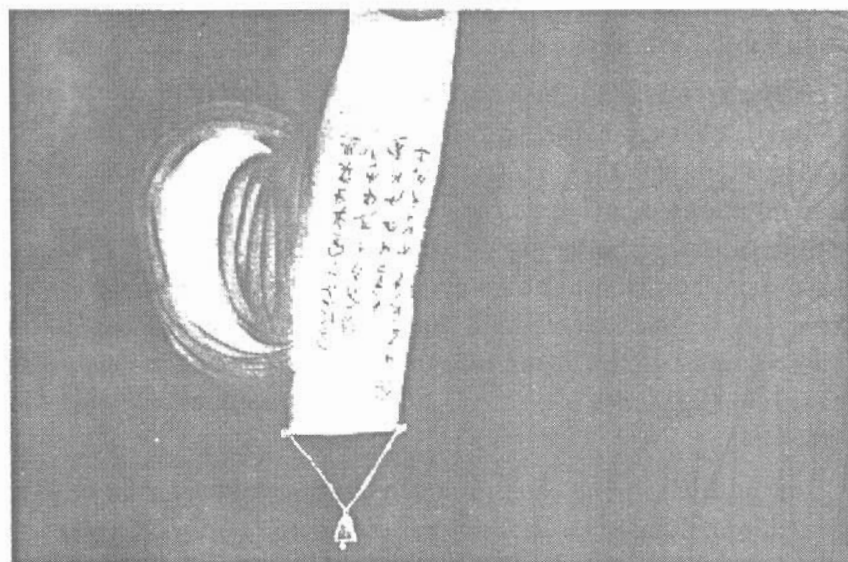
- Sao tôi lại không cho anh mượn cơ chứ, - nhà sư hiền từ đáp. Nhưng anh đừng quên là sáng mai mang trả cho tôi, vì không có cái chuông này, tôi buồn lắm.

Môhây kính cẩn cảm ơn nhà sư, hứa sẽ đem trả cái chuông dùng vào ngày mai. Rồi ông về nhà, móc cái chuông lên hành lang. Cái chuông thánh thót kêu làm cho lòng ông nhẹ nhàng, tâm hồn ông lâng lâng, cuộc đời đối với ông đã trở nên quá đẹp đến nỗi ông múa may nhảy nhót.

Hôm sau trời mới tờ mờ sáng là nhà sư đã cảm thấy buồn rồi. Ngài cứ ra ngoài đường để trông ngóng ông được sĩ đem cái chuông tới. Nhưng Môhây không đến. Một giờ trôi qua, hai giờ cũng không thấy, rồi đến trưa ông được sĩ cũng không đến, nhà sư bèn gọi chú tiểu Tarô (taro) đến, ra lệnh:

- Con hãy chạy nhanh ra phố đến nhà được sĩ Môhây. Ông ấy đã mượn cái chuông nhỏ của ta và đáng ra phải trả lại hồi sáng nay. Con nhắc cho ông ta nhớ lời đã hứa. Nói với ông ấy rằng ta đang đợi sốt cả ruột lên đây.

Tarô chạy đến nhà được sĩ Môhây, nhưng khi vừa đến vườn nhà ông được sĩ, bỗng chú tiểu dừng lại, kinh ngạc vô cùng. Chú nghe



tiếng chuông thánh thót vang lên và ông được sĩ đang nhảy múa trong vườn, phất hai ống tay áo và tà áo bay quanh người. Tarô không biết nói sao với ông được sĩ, rồi bỗng nhiên, chú cũng vui vẻ trong lòng đến nỗi chú cũng nhảy múa cùng với ông ta.

Một giờ trôi qua, rồi hai giờ... nhà sư vẫn chẳng thấy ông được sĩ đem chuông trả và chú tiểu Tarô cũng không thấy về. Nhà sư già lắc đầu bức tức, và ngài lại càng buồn bã thêm, cho nên ngài gọi người đệ tử thứ hai, chú tiểu Dirô (Djiro). Ngài ra lệnh:

- Con hãy chạy nhanh đến nhà được sĩ Môhây, nói với ông ta hãy đem cái chuông mạ bạc đến trả cho ta. Và nếu trên đường đi con có gặp Tarô thì hãy nói với hắn rằng không làm tròn nhiệm vụ do sư phụ giao phó là một điều quá nhục nhã.

Dirô ra sức chạy thật nhanh. Khi vào vườn nhà ông được sĩ, chú nghe tiếng chuông thánh thót, và chú quá kinh ngạc khi thấy ông được sĩ cùng Tarô nhảy múa trong vườn. Trước khi Dirô kịp có thời giờ để rầy la Tarô không làm tròn nhiệm vụ thì bỗng chú cũng bị vũ điệu lôi cuốn và đến lượt mình, chú quên hết thế sự.

Một giờ trôi qua, rồi hai giờ. Mặt trời đã xế bóng, nhưng nhà sư già vẫn không thấy người được sĩ đến, cũng không thấy ai trong số hai đệ tử xuất hiện hết. Nhà sư già không biết lý do gì lại xảy ra một chuyện như thế này. Bỗng, ngài thấy buồn bã hơn bao giờ hết. Cuối cùng, nhà sư chịu hết nổi, ngài mang dép vào và thân hành đến nhà ông được sĩ.

Chưa vào đến vườn, nhà sư đã nghe tiếng chuông thân yêu thánh thót kêu và nghe có tiếng người cười vui vẻ. Khi đi vào, ngài thấy ông được sĩ và hai đệ tử của ngài đang nắm tay nhau. Họ nhảy sang phải rồi nhảy sang trái, mặt mày rạng rỡ tươi cười.

Nhà sư lắc đầu, không làm sao giải thích được hiện tượng kỳ quái như thế này. Nhưng tâm trạng này của ngài không kéo dài lâu. Bỗng nỗi buồn trong lòng ngài đột nhiên tan biến, hai chân

ngài bắt đầu nhúc nhích di động một mình, rồi nhà sư cười với ông được sĩ, ngài đưa một tay cho Tarô, tay kia cho Dirô nắm rồi cả bốn người cùng nhảy múa với nhau.

Sau đó sẽ ra sao? Sau đó à, nếu muốn biết thì bạn phải phái một người đến vườn ông được sĩ mới được. Nhưng chắc chắn người này cũng sẽ không trở về. Vì anh ta nghe tiếng chuông vui tai và thấy bốn người nhảy múa trong vườn, thì chắc chắn anh ta sẽ quên hết và nhập vào nhóm người này liền. Rồi chúng ta lại phải phái người thứ hai, rồi thì thứ ba, và lại thêm người thứ tư..

Cuối cùng, chúng ta chỉ còn một cách là phải thân hành đến đó, và rồi đến phiên mình, chúng ta cũng sẽ nhảy múa với họ thôi. Mà làm thế thì không được rồi; không thể nào mọi người đều nhảy múa hết. Cho nên chúng ta đừng có phái ai đến nhà được sĩ nữa, và bây giờ, khôn ngoan hơn hết là ta nên đi ngủ thôi.

Mục lục

1. <i>Chuyện con lửng và con cáo thách đố nhau</i>	5
2. <i>Những cuộn kinh linh ứng</i>	15
3. <i>Ba triệu, ba trăm ba mươi ba ngàn, ba trăm ba mươi ba quả sồi</i>	26
4. <i>Vị thần của dân nghèo</i>	36
5. <i>Thiên đàng của mèo</i>	42
6. <i>Anh hãy lấy tôi đi</i>	57
7. <i>Cây dẻ trả ơn</i>	64
8. <i>Quý dạ xoa</i>	72
9. <i>Mèo cái và nhà sư</i>	82
10. <i>Có trung gian giới cũng chẳng lợi quái gì</i>	93
11. <i>Chàng đánh cá URaSiMa</i>	99
12. <i>Chuyện phiêu lưu của người đan chiếu</i>	112
13. <i>Lấy oán trả ơn</i>	119
14. <i>Chuyện phiêu lưu của thầy ký ToKuBây</i>	128
15. <i>Chín vị tu sĩ</i>	142
16. <i>Lòng biết ơn của con cáo</i>	151
17. <i>Tỳ bà quán</i>	162
18. <i>Phật của khi</i>	169
19. <i>Bán mộng</i>	177
20. <i>Chim sếu trắng</i>	181
21. <i>Năm con ma</i>	191
22. <i>Lông mi của chó sói</i>	203
23. <i>Ông già làm cây nở hoa</i>	216
24. <i>Cái chuông mạ bạc</i>	227

TRUYỆN CỔ NHẬT BẢN

NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Chịu trách nhiệm xuất bản: ĐINH QUANG NHÃ
Biên tập: NGUYỄN HÒA BẮC
Sửa bản in: PHƯƠNG LINH
Bìa: NGUYỄN VIỆT HẢI

In 1.000 cuốn, khổ 14,5 x 20,5 cm. Tại Xí nghiệp in FAHASA.
Giấy chấp nhận đăng ký kế hoạch xuất bản 43/233 XB-QLXB ký
ngày 7.3.2002. In xong nộp lưu chiểu tháng 4.2002.

ĐÓN ĐỌC:

TUYỂN TẬP TRUYỆN CỔ THẾ GIỚI

- 1- Truyện cổ Andersen
- 2- Thần thoại Hy Lạp
- 3- Truyện cổ Đông Phương
- 4- Truyện cổ Trung Hoa
- 5- 1001 đêm
- 6- Truyện cổ Grim
- 7- Truyện cổ Pharaông

